

TỰ TRUYỆN



Quãng Đời Sau Lưng

**TRẦN ĐỨC PHỔ**

★ ★ ★ ★ 2022 ★ ★ ★ ★



# TIỂU SỬ TÁC GIẢ

**Trần Đức Phổ**

Tên thật Trần Văn Thư

Dùng bút danh Trần Bảo Kim Thư khi đăng thơ Đường Luật, và Vũ Thế Sương thời trẻ.

Sinh ngày 20 tháng 9, tại xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ) tỉnh Quảng Ngãi.

Định cư ở thành phố London, Ontario, Canada. Tốt nghiệp ngành Electronics Engineering trường Fanshawe College.

## **Tác phẩm đã xuất bản:**

◆ Thơ tự in, phát hành hạn chế:

- Áo Lụa Tình Quê, 2021
- Lạc Nẻo Đường Trần, 2021
- Chim Lồng, 2021
- Những Đóa Hoa Thơ (dịch thơ của nhiều tác giả)

◆ Thơ ebooks:

- Áo Lụa Tình Quê (Trên trang Quán Văn)
- Những Đóa Hoa Thơ (Trên trang T.Vấn & Bạn Hữu)

◆ Thơ in chung:

- Thơ Việt Đầu Thế Kỷ 21, Nhân Ảnh, 2018
- Tình Nghĩa Mẹ Cha, Nhân Ảnh, 2021
- Tình Thơ Mùa Thu, Nhân Ảnh, 2021
- Tình Thơ Mùa Xuân, Nhân Ảnh, 2022

**Quãng đời sau lưng**

Tác giả: Trần Đức Phổ

Bìa: Nguyễn Bảo

Trình bày: Thiên Kim

Nhà xuất bản: Tranducpho, Canada

**ISBN: 978-1-7775968-6-6**

Copyright © 2022 by Trần Đức Phổ

TỰ TRUYỆN



Quãng Đời Sau Lưng

**TRẦN ĐỨC PHỔ**

★ ★ ★ ★ 2022 ★ ★ ★ ★

Tranducpho  
2022



# MỤC LỤC

Tiểu sử tác giả.....	3
Lời mở đầu.....	9
Chương 1.....	13
Vết sẹo chiến tranh.....	13
Chương 2.....	22
Vùng trời Nha Trang.....	22
Chương 3.....	31
Tìm lại quê hương.....	31
Chương 4.....	41
Tuổi thơ sôi động.....	41
Chương 5.....	53
Thao thiết quê nhà.....	53
Chương 6.....	59
Mưu sinh nơi quê nghèo.....	59
Chương 7.....	66
Chuyện làng tôi.....	66
Chương 8.....	72
Sách và thư tình.....	72
Chương 9.....	81
Ngày bé học văn.....	81
Chương 10.....	88
Sông Thoa.....	88
Chương 11.....	95
Ba tháng quân trường.....	95

Chương 12.....	103
Đất Gành Ráng.....	103
Chương 13.....	113
Đào ngũ.....	113
Chương 14.....	123
Trên đèo An Khê.....	123
Chương 15.....	131
Về đồng bằng.....	131
Chương 16.....	140
Trở lại Nha Trang .....	140
Chương 17.....	146
Mối tình đầu.....	146
Chương 18.....	153
Đêm trên sông Sài Gòn .....	153
Chương 19.....	162
Vượt biên .....	162
Chương 20.....	169
Bến bờ tự do.....	169
Chương 21.....	176
Galang I.....	176
Chương 22.....	183
Galang II .....	183
Chương 23.....	191
Lên đường định cư.....	191
Thay lời bạt.....	202

# LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi con người trên thế gian này đều không thể tự chọn cho mình một nơi sinh ra. Nhưng bất cứ ai cũng có thể chọn cho mình một nơi để sống và để mưu cầu hạnh phúc. Quê hương không nhất thiết phải là nơi chôn nhau cắt rốn. Quê hương còn là nơi sẵn lòng bao dung cho chúng ta an cư lạc nghiệp. Không phải ngẫu nhiên mà cái thời đi vượt biên người ta thường dùng mật ngữ “*về quê*” để ám chỉ những chuyến vượt biên. Từ *quê* ở đây dĩ nhiên để ám thị cho một quê hương mới. Cho dù là vậy, nhưng với tất cả những ai vì bất cứ lý do gì phải rời bỏ cố hương cũng đều đau đáu muốn về thăm. Dường như có một sợi dây vô hình thiêng liêng cột chặt lòng người ra đi và mảnh đất quê nhà. Con người là loài động vật ưa thích quần cư, định cư. Chúng ta di cư cũng chỉ vì một nguyên nhân chính, đó là nhằm mục đích để bảo tồn và phát triển nòi giống. Nơi nào đất lành nơi đó chim đậu, điều này không cần bàn cãi, Dĩ nhiên cây có cội, nước có nguồn. Con người một khi đã được sống yên ổn

rồi sẽ không bao giờ quên nguồn gốc, quê hương xứ sở của mình. Càng lớn tuổi thì nỗi niềm nhớ cố hương, hoài niệm thời thơ ấu càng mãnh liệt. *Chim Việt đậu cành nam, ngựa Hồ hí gió bắc.* Điều đó có lẽ là gen di truyền truyền từ đời này sang đời khác trong loài sinh vật thiên di. Ai xa quê mà không một lần muốn trở về cố quận? Có người chỉ đi giang hồ vật mà “*nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà*” huống chi tôi là một kẻ lưu lạc nửa vòng trái đất trong suốt mười năm ròng. Từ ngày bước chân rời khỏi mái nhà để đi làm nghĩa vụ quân sự, tôi càng đi càng xa quê mẹ. Mái nhà xưa nay chỉ còn trong ký ức. Mỗi lần nghe câu hát “*Đến bao giờ trở về Việt Nam, thăm đồng lúa vàng, thăm con đò chiều hoang. Đường mòn quanh co ôm chân hàng tre thăm, nghe gió chiều nhẹ đưa,*” tôi đều rung rung nước mắt.

May mắn thay, rồi một ngày sau mười năm, tôi cũng có dịp quay trở về chôn cũ. Làng xóm vẫn như xưa. Nhưng mẹ tôi bây giờ đã già yếu. Bàn bè tàn nát bốn phương. Biết bao nhiêu hồi ức vui buồn trào dâng trong lòng tôi. Lúc ấy, tôi chỉ ghi vội vàng cảm xúc của mình bằng dăm bài thơ ngẫu hứng, nhưng trong bụng dự định sau này sẽ viết về những kỷ niệm của quãng đời đã qua. Tháng tám năm nay (2022) vì muốn có một món quà đặc biệt cho sinh nhật lần thứ 59 (tức 60 tuổi Việt) của mình nên tôi viết thiên hồi ký này.

Cuộc đời tôi không có gì phi thường. Lúc nhỏ, vốn là một đứa trẻ con nhà nghèo, sớm mồ côi cha. Một mình mẹ tần tảo nuôi nấng. Lớn lên sống trong cảnh loạn lạc của chiến tranh, và sự nghèo đói của chế độ cộng sản. Việc học hành dở dang, chẳng đâu vào đâu. Ra hải ngoại bắt đầu lại từ đầu thì gặp trở ngại về ngôn ngữ, và tuổi tác cũng đã khá lớn. Thành tựu không được mấy khả quan như lòng mong muốn. Những điều tôi mơ ước có cái làm được, có cái không. Nhưng tôi

không bỏ cuộc, cố gắng vươn lên bằng niềm đam mê và nghị lực của mình. Từ nhỏ tôi đã mong muốn trở thành nhà thơ nhà văn. Trong suốt quãng đời, tôi không ngừng thực hiện mộng ước đó. Có lúc tưởng đã lụi tàn, đã bỏ cuộc nhưng rồi tôi lại tiếp tục. Trong tôi ngọn lửa đam mê thơ phú chưa bao giờ tắt hẳn. Với niềm khát khao và yêu mến văn chương, tôi đã cố thực hiện và hoàn thành cuốn tự truyện này. Mục đích nhằm thỏa mãn sở nguyện hơn là tìm chút hư danh trên thi văn đàn. Con đường thơ phú của tôi có dịp sẽ hầu chuyện cùng quý bạn trong một tác phẩm khác. Ở hồi ký này, tôi chỉ kể sơ lược một vài chỗ có liên quan đến sáng tác trong quãng đời trai trẻ. Nội dung cuốn sách ghi lại chặng đường gian truân, và những kỷ niệm vui buồn từ khi tám bé cho đến tuổi thành niên mà người viết đã trải nghiệm. Đồng thời cống hiến cho độc giả một vài mẫu chuyện về cảnh vật, đời sống ở quê tôi cũng như trại tị nạn Galang. Bạn đọc sẽ tìm thấy trong tập sách này dòng đời nghiệt ngã đã đưa một con người luôn luôn tha thiết với quê hương xứ sở, từng bước xa rời đất nước mình như thế nào. Lòng người khó dò nông sâu ra sao. Cũng như thảm họa chiến tranh và nghèo đói làm tổn thương những người vô tội đến mức nào.

Hình thức thiên hồi ký được viết theo chương đoạn. Toàn bộ cuốn sách chia ra làm hai mươi ba chương. Câu chuyện khởi đi từ buổi học đầu tiên của một cậu bé nơi một vùng tạm cư trong thời kỳ chiến tranh. Kết thúc là cảnh chàng thanh niên lên một chiếc ca-nô rời hòn đảo tị nạn. Mốc thời gian kéo dài mười sáu năm (1970-1986). Chuyện kể không theo thứ tự thời gian.

Tự truyện là một thể loại dễ viết nhưng rất khó hấp dẫn người đọc. Bởi lẽ nó phải căn cứ vào sự thật, vào những gì trải nghiệm của tác giả, chứ không phải mặc sức hư cấu cho thật lồi cuốn như truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. Nó lại càng khó thu hút

độc giả hơn nếu như ‘*nhân vật chính*’ không có một địa vị hoặc một vai trò quan trọng trong xã hội. Một người bình thường như tôi mà viết hồi ký là chuyện quá ư ngốc nghếch. Dẫu biết là vậy, nhưng ai mà chẳng yêu Cái Tôi! Thế nên, tôi xăm mình cho ra mắt cuốn sách này. Trước hết là để lưu lại chút *dấu tích* của *quãng đời sau lưng*, kể nữa làm món quà tinh thần tự mừng sinh nhật mình năm nay lên tuổi lão làng.

Loài chim đại bàng bay trên mây xanh có thể ngắm nhìn được núi cao, biển rộng. Nhưng chim chích, chim sâu sinh sống ở những lùm bụi có thể nhìn thấy giọt sương long lanh trên lá, hoặc chú kiến cần mẫn xây tổ. Mỗi loài có một môi trường riêng để tồn tại, để khám phá, và để mơ ước khác nhau. Chưa hẳn loài nào là quý hiếm hơn loài nào. Cái quan trọng nhất không do người khác đánh giá mà do chính mình thật sự sống cuộc đời như thế nào. Thành công cũng được mà thất bại cũng xong miễn sao chúng ta có tinh thần cầu thị và một tấm lòng biết tri ân cuộc đời.

Mỗi cuộc đời con người là một cuốn sách. Nếu bạn đã cầm trên tay cuốn sách này thì xin mời hãy thông thả lật từng trang để tôi được tâm tình, chia sẻ nỗi niềm cùng bạn.

August 20, 2022

Trần Đức Phổ

# CHƯƠNG 1

## Vết sẹo chiến tranh



Tôi không có cái may mắn như nhà văn Thanh Tịnh. Dĩ nhiên, nhiều người khác cũng đã có một ngày đầu tiên đến trường dễ thương và ngọt ngào như ông nhà văn đã diễn tả trong cuốn Quê Mẹ. Nói ra ít ai dám tin, nhưng ngày đầu tiên vào lớp Võ Lòng là một ngày kinh hãi nhất suốt quãng đời thơ bé của tôi. Câu chuyện nho nhỏ tôi sắp kể ra đây là do sự cố chiến tranh gây ra, chứ không phải lỗi lầm của ai.

Bài văn vẫn tôi phải học thuộc lòng ngay từ buổi học đầu tiên chính là bài “*Trâu Ơi Ta Bảo Trâu Đây.*” Với tôi, đây là một bài ca dao khó quên. Khó quên không phải vì tôi là con nhà nông nên yêu quý con trâu, cái cày mà do buổi học đã để lại vết tích hằn sâu trong đời.

oOo

Năm tôi lên bảy, mẹ cùng một bà láng giềng, mỗi người dẫn theo cậu con trai cùng đến lớp của một ông thầy già xin cho con vào học. Ngôi trường là căn nhà mái tôn nóng hầm hập trên bãi cát trông hơi xa làng chài nơi tôi đang ở. Đón tiếp chúng tôi là ông thầy giáo già. Mái tóc đã ngả màu sương, phía sau ót có cái búi to tướng. Đôi mắt với những tia nhìn sáng quắc, lạnh băng sau mục kính. Ông mặc chiếc áo dài màu trắng, cái quần dài đến mắt cá chân cũng cùng màu trắng toát. Dáng người ốm và cao, lưng hơi rù, nhưng trông ông có vẻ nhanh nhẹn và nghiêm trang.

Sau khi nói chuyện với thầy xong, hai bà mẹ ra về. Còn lại hai đứa nhỏ bơ vơ, ngơ ngác, khép nép rướn người dõ theo phía sau lưng mẹ. Ông thầy già tháo đôi mắt kiếng xuống nhìn chăm chăm hai đứa một lần nữa, rồi ra hiệu bảo vào lớp. Lớp học gồm hai dãy bàn ghế kê song song trên nền cát trắng phau. Bọn tôi được xếp cho ngồi bàn thứ ba, dãy ghế phía trái từ ngoài cửa bước vào.

Tôi không nhớ bài giảng đầu tiên là gì, chỉ nhớ cuối buổi thầy bảo cả lớp đọc bài “Trâu ơi!” được chép rất chân phương ngay ngắn trên tấm bảng bằng gỗ sơn đen. Sau khi học trò đã đọc đôi ba lần, thầy bắt đầu xóa mỗi câu một chữ, và cứ thế cho đọc đến lúc cả lớp thuộc lòng. Trên cái bảng đen be bé bấy giờ chỉ còn cái đầu đề và những chữ đầu câu, cùng với những vệt phấn loang lổ, ngoằn ngoèo tạo ra bởi miếng giẻ lau. Lúc này mới đến hồi gay cấn. Thầy bắt đầu chia ra cho mỗi dãy bàn đọc riêng, theo nhịp gõ thước lóc cóc vào tấm bảng đen.

Phía dãy bàn bên phải đọc trước. Họ đọc vanh vách. Những tiếng trẻ thơ có lấy sức gào lên sang sảng mỗi lần thầy gõ nhịp rồi dần dần hạ thấp xuống vì đuối hơi, nghe cũng vui vui, ngộ ngộ. Họ đọc xong, thầy giáo gật gù, vừa khoát tay vừa bảo các bạn ấy có thể ra về. Đứa nào đứa nấy chỉ chờ có thể hớn hờ quơ lấy mấy cuốn vở trên bàn, rồi lao phóc ra cửa.

Đến lượt chúng tôi. Thầy giáo vừa gõ nhịp xong, mọi người cũng cố hết sức gào lên:

*Trâu ơi ta bảo trâu này:*

*Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.*

*Cày cày giữ nghiệp nông gia,*

Đến đây thì cả bọn ú ớ... rồi nín bặt. Thầy giáo gõ bồm bộp liên hồi, không theo nhịp điệu thông thả như lúc nãy. Âm thanh chát chúa phát ra từ cái bảng gõ càng làm cả đám hoang mang. Mỗi lần thầy gõ như vậy tôi lại giật thót cả mình, ngoan ngoãn ngồi khoanh tay lặng im. Đôi mắt mở to trừng trừng nhìn vào tấm bảng chờ mong những con chữ hiện ra. Thầy đi đi lại lại trước lớp một lát rồi cho chúng tôi tiếp tục đọc. Hễ đến đoạn nào ngập ngừng, loạc choạc, thầy nhắc cho nội người. Sau hai lần như thế, thầy gõ thước làm nhịp để chúng tôi tự đọc. Nhưng âm thanh vang lên rời rạc, yếu ớt!

Bấy giờ ông thầy già mặt mũi đỏ gay. Cầm cây thước dứ dứ trước mặt lũ chúng tôi, giọng ông rít lên :

- Lũ dốt! Chúng mày nghe đây! Đứa nào không đọc thuộc bài thì ở lại, đọc đến chừng nào thuộc mới được về! ... Nào, bắt đầu từ bàn thứ nhất. Đứng lên!

Những đứa khác sau một hồi vật lộn khó khăn với trí nhớ cũng đã thuộc lòng nên ra về hết, chỉ còn lại hai đứa học trò mới là chúng tôi ngồi lại nơi bàn. Ngoài cửa sổ, trời bắt đầu tối dần. Tôi và đứa bạn đứng ngồi nhấp nhồm, hai mắt đỏ hoe, cứ chốc chốc lại nhìn ra cửa lớp mong được thấy bóng mẹ xuất hiện. Càng hoảng loạn, cả hai càng không nhớ được câu nào. Ông thầy già nét mặt hầm hầm, hét gõ kiếng ra lau lại đập thước xuống bàn. Đến lúc này bọn tôi không còn kiếm chế được nữa khóc rống lên, mặc cho thầy giáo la hét. Không làm gì được chúng tôi ông lắc đầu, bước ra cửa bỏ về. Trước khi đi, không quên đóng cánh cửa tôn, và vặn khóa phía ngoài, nhốt

bọn tôi trong lớp. Hia đứa điếng cả hồn, phát run, miệng kêu gào không ngớt, Mỗi đứa một chân đập liên tục vào cánh cửa kêu rầm rầm, nhưng vẫn không ai đến mở. Khóc chán, đập cửa chán bọn tôi ngồi bệt xuống nền cát vừa lấy tay áo quyết nước mắt, vừa không ngừng thút thít.

Trời tối hẳn. Vừa đói, vừa khát, không còn hy vọng có ai đi ngang qua để cầu cứu, cả hai ngồi im chờ mong ông thầy quay trở lại. Không biết là chúng tôi ngồi như pho tượng được bao lâu, Trong bụng cứ phập phồng lo lắng đêm nay phải ngủ lại nơi chôn khủng khiếp này. Trong lúc bối rối chẳng còn biết làm cách gì để thoát thân, may sao cánh cửa bật mở! Ông giáo và cả hai bà mẹ xuất hiện cùng một lúc ngay phía bên ngoài. Chúng tôi vội vàng đứng bật dậy, chạy ra ôm chầm lấy mẹ khóc rống lên. Xóm chài đã lên đèn.

Chiều hôm sau, dù mẹ có dụ dỗ, la hét đến khản cả cổ chúng tôi cũng nhất quyết không đến lớp nữa. Hai bà đành chịu thua, tìm ngôi trường khác.

Sau này mới vỡ lẽ ra, lớp của ông thầy già là lớp Một, chứ không phải lớp Võ Lòng. Thấy tụi tôi đã bảy tuổi nên thầy cứ tưởng đã học xong i tờ bèn cho vào lớp Một. Thầy đâu biết chúng tôi mới lần đầu tiên đến trường.

Từ mùa hè năm 1971 đến giữa năm 1972 gia đình tôi xảy ra nhiều biến cố. Trước tiên là cha tôi mất. Chị Hai bị thương suýt chết. Chiến sự lan tràn, cả nhà phải di tản. Sự việc đau lòng trở thành vết sẹo nhức buốt lâu lành trong tâm khảm tôi là sự ra đi vĩnh viễn của người cha kính yêu.

Cha tôi đáng người tầm thước, cơ bắp săn chắc như dây thừng. Nước da màu đồng hun, dãi dầu nắng gió. Từ thuở còn rất trẻ cha đã bắt đầu làm nghề đánh cá, theo nghiệp của gia đình. Ông bà nội sinh được bảy người con. Bác Hai lớn nhất mất khi còn bé. Rồi đến cô Ba. Cha tôi xếp thứ Bốn (theo cách

gọi của người miền tôi), nhưng là con trai trưởng trong nhà nên bỏ học sớm để phụ giúp gia đình nuôi đàn em dại.

Khi lớn lên, lập gia đình ra ở riêng cha cũng không được chia của cải gì nhiều, chỉ là một mảnh vườn nhỏ, và một chiếc ghe con con. Với nghị lực và sự cần cù, chịu khó nên đến năm ông mất sản nghiệp của gia đình đã khá hơn. Cha tôi lúc đó làm chủ một chiếc tàu đánh cá chạy bằng máy dầu hẳn hoi chứ không phải là ghe bầu chạy buồm như thời ông tôi. Cùng với chiếc tàu là ba đầu lưới đánh cá. Mỗi loại hai mươi tấm. Trong đó gồm có lưới chuồn; lưới ba; và lưới cảng. Cha là một thủy thủ và là một thuyền trưởng dày dặn kinh nghiệm biển khơi.

Kỷ niệm sâu sắc nhất mà tôi còn nhớ về cha là Người đã tập bơi cho hai anh em. Gia đình tôi sinh sống ở Sa Huỳnh, nơi đây có cửa biển tốt, và lại được quân đội Việt Nam Cộng Hòa bảo vệ nghiêm ngặt, nên ít bị du kích cộng sản quấy phá.

Một buổi chiều mùa hè, cha dẫn hai anh em ra biển cho ngồi vào cái thúng (mùng) chai lớn, do cha bơi chèo ra chiếc tàu đang thả neo ngoài xa. Mặt biển rộng mênh mông, nước trong xanh, nhìn thấy cả những con cá chai, con cúm nùm bò nơi đáy cát. Gió nhẹ nhưng biển cũng gợn lên những con sóng nhấp nhô. Ánh nắng buổi chiều màu mật ong rót xuống chiếc dầm bơi loang loáng nước cứ lấp la lấp lánh như những đồng tiền vàng. Trong bờ, một bầy trẻ con đang tắm, cạnh chúng vài người lớn vừa trông chừng vừa cào nghêu, cào ốc.

Khi đến cạnh chiếc tàu, Cha lấy dây thừng trong mùng cột vào thành tàu. Xong, ông lần lượt ôm hai anh em thả ùm xuống biển. Tôi chưa kịp kêu lên thì đã chìm xuống nước. Hoảng hồn thất kinh, tôi đưa tay quấy chân đạp tứ tung cố gắng ngoi lên đớp lấy không khí. Một ngọn sóng nâng tôi lên, rồi hạ tôi xuống làm tôi uống một ngụm nước mặn chát, sặc sụa. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi nuốt vào bụng một ngụm nước

biển. Thất thanh, tôi kêu lên “cha... cha...” Ông vẫn bơi gần đấy nhưng không đưa tay cho tôi vịn, mà bảo tôi nằm soãi người ra dùng tay chân khoát nước cho mạnh. Tôi cố gắng tạo tư thế nằm ngang người trên mặt nước nhưng không được, cứ quẫy đạp tứ tung. Càng đạp đôi chân càng nặng nề và càng chìm dần. Lúc sắp chìm hẳn người tôi được nâng lên. Tôi ngược mặt lên hóp lầy hóp để vài ngụm không khí. Qua cơn hoảng loạn, mới biết bàn tay của cha đang đặt dưới bụng tôi, nâng lên, nên tôi mới thoát chết. Thằng em đang điu vai bên kia của ông. Nó nằm dài trên mặt biển. Một tay quào quào vào trong nước, đôi chân không ngừng đạp mạnh ra phía sau. Cha vẫn với tư thế bơi đứng như vậy tập cho anh em tôi một đoạn xa. Sau đó cùng nhau lên tàu ngồi phơi nắng.

Cha là người ít nói và rất hiền lành, chưa bao giờ Người đánh đập anh em tôi roi nào. Tính hiền lành, thật thà của ông đã nổi tiếng cả một vùng. Chưa bao giờ ông cãi vã sinh sự với đồng nghiệp hay bạn bè lối xóm. Có lẽ cũng vì thế mà các chị gái tôi đều dễ lấy chồng và đều sống hạnh phúc dù không giàu có gì. Con gái nhờ đức cha mà. Ông không bao giờ uống rượu nhưng nghiện thuốc lá rất nặng. Mỗi ngày hút hết hai mươi điều Ròng xanh. Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ được về cha.

Năm 1971 Cha mất vì loạt đạn ngớ ngẩn của một anh lính hay dân vệ gì đó bắn lúc còn đang ngái ngủ sau khi đổi ca gác. Tôi nghe bạn của cha kể lại với mẹ như vậy:

Lúc ấy vào khoảng ba giờ sáng, Cha tôi xách chiếc đèn măng xông cùng năm người bạn chài lên cảng cá Sa Huỳnh để đi biển. Tàu đậu ở bên cảng bán cá chiều hôm trước. Đạo đó Sa Huỳnh chiến sự rất căng thẳng, cộng quân thường đánh phá. Người dân đi đêm phải mang đèn thật sáng để lính canh dễ dàng nhận biết. Đoàn người của cha làm đúng theo quy định. Thế nhưng tên lính gác vừa mới thay ca trên chòi canh bên cảng nhìn thấy ánh đèn và bóng người di chuyển lại tưởng là

cộng quân xâm nhập nên bắn xối xả một loạt súng liên thanh vào nhóm người vô tội. Ngay loạt đạn đầu cha tôi đã bị đạn xuyên qua yết hầu, mất ngay tại chỗ. Một người bạn khác của ông bị bắn gãy chân trái. Đến nhà thương, bác sĩ phải cưa chân bỏ thì mới bảo toàn được tính mạng. Sau loạt đạn đó tên lính bắn tiếp loạt đạn thứ hai, những người còn lại tháo chạy ra biển, trằm mình dưới nước mới thoát nạn kiếp.

Lúc nghe tin dữ cả nhà bàng hoàng, chết điếng. Mẹ tôi bỏ cả ăn uống, thức trắng bên quan tài cha tôi suốt mấy ngày đêm. Sau đó dù một thân một mình đường sá khó đi, bà vẫn nhất quyết đem thi thể cha tôi về chôn cất tử tế ở quê nhà. Các chị lớn còn ở cả trong Sài Gòn mãi đến tháng sau mới hay tin mà về chịu tang.

Sa Huỳnh. Những ngày đầu mùa hè năm 1972, tình hình chiến sự càng lúc càng nghiêm trọng. Đêm đêm đại bác của quân Việt cộng bắn phá đều đều vào vùng Quốc gia. Nhiều quả rơi vào khu dân cư. Các gia đình lo kiên cố lại hầm trú ẩn trong nhà, xung quanh và trên nóc hầm chất chồng những bao cát hoặc bất cứ thứ vật liệu gì có thể che chắn được mảnh pháo. Đã có nhiều người bị thương vong vì những quả đạn của Liên-xô, Trung cộng. Chị Hai bị một mảnh pháo ghim vào sau lưng, chỗ bả vai, Máu chảy giàn giụa. Mẹ tôi hồi hả đưa chị đến nhà thương. Sau khi được băng bó và chụp quang tuyến X, biết mảnh đạn không chạm đến phổi bác sĩ cho về nhà ngay ngày hôm sau.

Lo lắng tình hình có thể khốc liệt, tồi tệ hơn nữa, mẹ vội vàng thu xếp cho mấy chị cùng đi với tôi vào Nha Trang nương nhờ gia đình ông chú. Mẹ với em trai tôi tạm thời ở lại, đợi bán căn nhà và những vật dụng linh tinh khác rồi vào sau. Đường bộ không thể đi được, mấy chị em chỉ còn cách đi bằng đường biển. Nhưng tuyến đường này cũng nguy hiểm thập phần.

Buổi chiều hôm đó, mỗi người chúng tôi mang theo một túi quần áo, lặn lẽ xuống bãi biển Châu Me để lên thúng chai ra chiếc tàu đang đậu ngoài khơi. Mẹ và em trai tôi đi theo đưa tiễn. Giữa thời buổi loạn ly, cuộc chia tay nào cũng tiềm ẩn sự bất an bà khó lường.

Khi cả gia đình đến nơi tập trung đã quá nửa buổi chiều. Bãi biển đông nghịt người. Hầu hết là đàn bà và con nít. Tiếng gọi nhau, tiếng kêu la hỗn loạn. Ngoài khơi xa, thấp thoáng hai ba chiếc tàu đang thả neo, trông chúng bé nhỏ như những cái mo cau bồng bênh trên mặt nước. Sóng biển khá lớn vì trời bắt đầu ra giông. Đám người di tản chờ một lát lâu mới có mấy cái thúng từ ngoài biển bơi vào. Nhiều người xuống thúng và bắt đầu rời bãi. Ngay lúc đó một vài tiếng súng tiểu liên nổ râm rân. Những lần đạn lửa đỏ lòe bay vèo vèo trên mặt biển. Mọi người nhón nháo. Có tiếng quát tháo, tiếng khóc thét của trẻ con. Những chiếc thúng hối hả chèo nhanh ra khơi, chồm lên hụp xuống trước những con sóng dữ tung bọt trắng xóa. Tiếng súng không ngừng nổ đom đóp.

Chị em tôi đi chuyến thúng gần chót. Lúc này bầu trời đầy mây đen. Gió thổi mạnh, sóng đập vào bờ âm ào, càng lúc càng lớn hơn. Những lần đạn chẳng biết của phía nào không ngừng bay vèo vèo trên mặt biển xám xịt. Ông anh rể tôi ra sức chèo kịch liệt. Cái thúng chai bé xíu phải chèo đến năm con người vừa lớn vừa nhỏ nên muốn chìm. Nước mấp mé vành thúng. Trời đổ mưa. Mấy bà chị, người niệm Phật, người niệm Quán thế âm Bồ tát mà giọng run run. Miệng niệm tay không ngừng tác nước cho cái thúng đỡ khảm.

Tôi đưa mắt nhìn vào bờ, mỗi khi có con sóng trôi lên thoáng thấy hai cái bóng của mẹ và em tôi đang đứng trong bờ nhìn ra, đưa tay vẫy vẫy. Chiếc thúng trôi lên hụp xuống mấy lần nữa thì không còn nhìn thấy gì. Trời tối sầm, mưa như trút nước. Nước mưa lẫn nước mắt chảy ướt đầm mấy khuôn mặt chị em tôi.

Cái thúng mỏng manh cuối cùng an toàn cập vào chiếc tàu đón khách, không có một vết đạn nào găm vào vành. Anh rề giúp tôi leo lên tàu. Lúc này, tiếng súng cũng đã im lặng. Bầu trời đêm tối mịt, và trận mưa giông giống như một bức màn đen kỳ bí bao bọc, che giấu cho con tàu. Tôi tin rằng hôm đó thoát được kiếp nạn là nhờ sự linh thiêng phù hộ của cha tôi.

Lênh đênh trên biển không biết bao nhiêu ngày đêm, tôi say sóng ói mửa tới mặt xanh mặt vàng, không ăn gì được, chỉ uống mỗi nước lạnh cầm hơi. Người đuối sức, mệt lả, ngủ li bì. Khi chị tôi đánh thức, tôi tỉnh dậy tàu đã thả neo nơi Cầu Xóm Bóng, Nha Trang. Lúc đó là vào ban đêm. Những ngọn đèn trên cầu bật sáng choang. Tôi ngược mắt nhìn và reo lên:

- Ô, chị ơi... coi mấy ông sao kia, to và gần quá!

Chị tôi bật cười khanh khách:

- Khờ quá! Bóng đèn đấy!

Tôi cãi:

- Đèn làm gì mà sáng thế?

- Đèn điện đó em!

Sau khi tạm tá túc ở nhà chú thím tôi được nửa tháng vẫn không nghe tin tức gì của mẹ và em trai tôi, chị Hai sốt ruột định trở về Sa Huỳnh đưa họ vào. Chị tính sáng hôm sau sẽ lên đường thì ngay chiều hôm đó mẹ và em tôi vào đến nơi. Cả gia đình lại được đoàn tụ, ai cũng vui mừng khôn xiết, dẫu rằng nhà cửa đã tiêu tan, cuộc sống đang trong cảnh ăn nhờ ở đậu.

# CHƯƠNG 2

## Vùng trời Nha Trang



Vào đến Nha Trang việc đầu tiên mẹ tôi đã làm là tìm mua một căn nhà để ở. Có an cư thì mới lạc nghiệp. Bà qua lại Núi Sạn, xóm Cồn Giữa, xóm Bóng, xóm Cù Lao... nhiều lần. Cuối cùng, bà quyết định mua ngôi nhà sàn mái tôn vách ván tại xóm Cồn Giữa thuộc phường Xương Huân.

Sau khi dọn về nhà mới, mấy chị lo tìm việc làm. Mẹ sắm đôi quang gánh mua bán rau quả. Hàng ngày, bà dậy từ ba bốn giờ sáng đi đến tận chợ bán sỉ trên Thành (Thành Diên Khánh cũ) mua sỉ rồi đem về bán lẻ ở chợ gần nhà. Anh em tôi chưa đi học vì còn chờ nhà trường khai giảng năm học mới. Chúng tôi bỏ học đã gần một năm qua, do trường ở Sa Huỳnh đóng cửa, thầy giáo di tản.

Mỗi ngày không có gì làm, tôi la cà, rong chơi với bọn nhóc mới quen nơi vùng đất lạ. Gần chỗ tôi ở có một khoảng

đất trống, bên mé sông. Mùa đông mưa lũ nước ngập trắng băng, nhưng mùa hè khô cạn, bãi cát hiện ra, là chỗ để bọn trẻ con đá banh, chơi đùa, chia phe đánh lộn. Trong đám bạn tứ xứ, có thằng Xê, cao hơn tôi nửa cái đầu, thân hình mập ú, chơi rất thân với tôi. Một hôm chỉ có hai đứa, nó bỗng dung hỏi tôi:

- Ê này, mày có biết bác Hồ là ai không?

Tôi không để ý gì đến câu hỏi, và cũng chẳng thèm nhìn nó, đáp cộc lốc:

- Không!

Nó cười, chửi tôi:

- Mày ngu bỏ mẹ! Bác Hồ mà cũng không biết!

Lần này, tôi hơi tò mò:

- Sao? Bác nào thế? Mày biết ông ta à?

Thằng kia bĩu môi:

- Ủ, biết... nhưng chẳng thèm nói với mày!

- Mày xạo ke! Không biết thì nói không biết đi! Đừng làm bộ ta đây!

Bị tôi chọc tức, nó ghé vào tai tôi nói nhỏ:

- Tao biết đấy! Bác Hồ là chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông là người rất cao lớn, tài giỏi, có râu dài... Nhưng tao nói ra sợ cảnh sát nghe, nó bắt tao... Chỉ nói cho mình mày nghe thôi. Cấm mày nói tùm lum! - Nó nói một thôi dài, nét mặt vô cùng nghiêm nghị, không cười gờn như lúc bình thường.

Thằng này lớn hơn tôi chỉ một vài tuổi, nhưng đã sống trong vùng “giải phóng” nên khôn ngoan, và biết nhiều chuyện về *cách mạng*. Nó từng nói với tôi đã tham gia vào đội thiếu niên nhi đồng gì đó. Nó mò côi cả cha lẫn mẹ, được bà nội đưa từ ngoài quê vào sống chung với ông cậu, anh trai mẹ nó.

Những điều nó nói thật là mới lạ đối với tôi. Lần đầu tiên tôi được nghe đến hai tiếng Bác Hồ. Vậy là cái tật xấu muốn biết chuyện này chuyện kia của tôi không kiềm chế được.

- Ông bác... Hồ... của mày bây giờ ở đâu?

Nó suýt suýt bảo tôi:

- Mày nói nhỏ nhỏ thôi! – Nhìn dáo dác xung quanh, rồi nó tiếp:

- Ở Hà Nội.

- Vậy Hà Nội ở đâu?

- Ở Liên-xô!

Đến đây thì tôi đành chịu thua, vì Hà Nội và Liên-xô là cái quái gì, tôi chưa từng nghe ai nhắc đến bao giờ. Tôi khâm phục thằng Xê này ghê lắm! Nó thấy tôi nhìn nó với ánh mắt đầy “ngưỡng mộ” thì mặt mày vênh vênh, hớn hờ, cười vui.

Thành phố Nha Trang ngày nay, năm 1972 vẫn còn là một thị xã. Dĩ nhiên dân cư không đông đúc như bây giờ. Dân tình hiền hòa, chân chất. Đời sống yên lành và thanh bình khác xa với vùng xôi đậu Sa Huỳnh. Nha Trang có con đường đẹp nhất, đó là đường Duy Tân (nay là Trần Phú), chạy dài từ hữu ngạn cửa sông Cái đến Chụt, Cầu Đá. Ngày đó trên đoạn đường từ Viện Pasteur tới hành cung của vua Bảo Đại có nhiều cây cối và bãi cỏ. Những chiều hoàng hôn mùa hè, bọn trẻ con chúng tôi thường hay lang thang trên khúc đường này để tìm bắt những con dế than, dế lửa về nuôi, rồi cho chúng đá nhau.

Khi màn đêm buông xuống, những chú dế vô tư thi nhau cất tiếng gáy, đâu có ngờ đó là tín hiệu để nói rằng ‘*lay ông tôi ở bụi này*’ với mọi người. Chúng tôi chia nhau *tuần hành* men theo bìa cỏ xanh hai bên đường, hễ nghe tiếng gáy nơi đâu thì lao tới đó. Nghe động, các chú dế giật mình nhảy phốc lên, nhưng bị chói mắt bởi ánh đèn đường, ngay lập tức đáp xuống chưa kịp hoàn hồn, nằm im như chết. Thế là bọn tôi nhào đến chụp lấy, bỏ vào bao ny lông, mang về nuôi. Sau đó tụ họp lại, cho các chú dế tranh tài cao thấp.

Ngoài việc lùng bắt dế, chiều chiều tôi còn theo thằng Xê, đến khu chợ chòm hỏm gần bến xe Lam, lượn quanh các đồng rác bỏ phế lâu ngày để nhổ những cây cà, cây ớt con con mọc hoang dã đem về trồng. Đây là một công việc thích nhất đối với tôi lúc đó. Cứ mỗi lần đưa nào tìm được một cây ớt hoặc một cây cà mập mạp, khỏe mạnh, lá xanh như ngọc thì

vui mừng reo lên. Bọn tôi cẩn thận lấy cái que xới đất xung quanh, rồi mới búng cả rễ và đất gói vào mảnh giấy báo mang về. Không có chậu, tôi tìm cái lon sữa bột em bé thật to, đục lỗ dưới đáy rồi trồng cái cây vào. Ngày nào cũng vậy, cứ sáng sớm ngủ dậy là tôi chạy ra hiên nhà để xem thử mấy cái cây lớn lên được bao nhiêu. Mỗi lần có chiếc lá mới nhú ra là thêm một niềm vui nho nhỏ. Sung sướng nhất khi cái cây mình trồng bắt đầu ra hoa, kết trái. Ngắm nghía những chùm bông ốt, bông cà nhỏ xíu, cái trắng muốt, cái tím tím lòng tôi lâng lâng khó tả. Chẳng bao lâu sau, những trái ốt, trái cà non tượng hình, niềm vui đơn sơ của tuổi nhỏ cùng với hoa quả kia lớn dần lên mỗi ngày. Nhìn những mầm xanh tự tay mình tự trồng trong lòng dạt dào khoan khoái dễ chịu. Niềm vui nào cũng quá ngắn ngủi. Ba tháng hè qua nhanh. Chúng tôi tạm ngừng những ngày tháng lêu lổng để trở về chuẩn bị cho mùa học mới.

Từ đường Phan Đình Phùng đi về hướng sông Cái, băng qua cây cầu Ván, (thường được gọi là Cầu Xanh), bắc ngang con rạch chạy dọc theo đường Nguyễn Bình Khiêm, là khu vực Cồn Giữa. Tuy rằng thuộc thị xã Nha Trang nhưng nơi đây chỉ là một khu dân cư tự phát, chưa hề được quy hoạch. Nhà cửa cất tạm bợ, đa phần là nhà sàn, mái tôn, vách ván ép. Lác đác mới thấy có một căn nhà xây gạch khang trang. Khi mới tới nhìn thấy những căn nhà sàn tôi cũng hơi lạ lùng. Về sau mới biết công dụng của chúng. Cồn Giữa vốn là một khu đất trũng ven cửa sông Cái nên năm nào cũng bị ngập lụt. Nhà sàn là cách chống lụt hữu hiệu, ít tốn kém nhất.

Ngay đầu Cầu Xanh có con đường đất chạy về phía biển khá rộng rãi. Đó là đường chính của xóm Cồn Giữa. Trường Tiểu học tư thục Đức Hòa,, hàng quán, chợ, phòng mạch bác sĩ... đều nằm trên trục đường này. Còn lại là những

con hẻm nhỏ, ngang dọc, ngoằn ngoèo, len lỏi trong những khu nhà chật chội của những người dân nghèo tứ xứ đến định cư.

Tại ngã ba trường Đức Hòa, men theo lối rẽ đi ra hướng bờ sông Cái, lội qua một lạch nước cạn có lót vài tấm gi sắt, cứ tiếp tục đi thêm độ hơn trăm mét nữa, sẽ đến bến đò ông La. Con đò này chạy bằng máy ép, chở người qua lại giữa hai xóm cồn. Đây là lối bộ hành ngắn nhất nối Cồn Giữa với Cồn Cỏ. Tôi vẫn luôn thắc mắc mãi không hiểu tại sao người ta gọi cái cồn bên *mé hữu ngạn*, nơi tôi đang ở là Cồn Giữa? Trong khi đó cái cồn ở *giữa* sông lại gọi là Cồn Cỏ?

Từ bến đò đi men theo bờ sông, băng con lạch cạn thứ hai là đặt chân lên một doi đất hẹp nằm kẹp giữa sông Cái và khu đầm lầy. Đầu doi đất có cái trụ điện cao thể hình tháp, được làm bằng những thanh sắt bắt chéo nhau. Chân trụ đổ bê tông thành một cái ụ to đùng, vuông vức. Đỉnh trụ hình bánh ú. Chiều chiều bọn trẻ con thường tụ tập ở đây để chơi giỡn, nói dóc, leo trèo lên cái trụ điện. Có lần tôi xem bị mất mạng cũng tại chỗ cái trụ ggieejn này. Hôm đó, sau trận bão to, có một sợi điện cao thế bị đứt. Nhà đèn chưa kịp nối lại. Dây điện nằm vắt ngang trên mặt đất như con rắn lớn bằng ngón chân cái của đàn ông. Bên trong lớp nhựa đen nhánh thò ra lõi đồng vàng khè. Buổi trưa đi học về nhìn thấy, tôi cất sách vở rồi cầm lấy lưới cửa nhỏ, loại dùng để cửa sắt, chạy ra chỗ sợi dây điện. Tôi ngồi xuống cửa một khúc, định bụng rút lấy cái lõi đồng đem bán nhôm nhựa mua cà-rem ăn. Đang lui cui, hý hửng cửa đứt lớp vỏ cao su bọc ngoài thì giống như có ai đó đập mạnh vào

sau vai tôi. Người tôi giật bắn lên, rung bần bật. Hoảng quá tôi tưởng là bị ma quỷ đập vào người để trừng phạt vì tội cưa trộm dây điện. Bỏ cả cưa, tôi chạy một mạch về nhà, trón luôn vào phòng ngủ, đóng cửa lại. Sau này mới biết luồng điện cao thế trong sợi dây chưa ngắt hết, tôi lại dùng cưa sắt chạm vào nên bị giật. Hú hồn! Gắn trụ điện là cây keo tây khá lớn, tới mùa trái chín đỏ rực, nhưng cành lá gai góc nên ít ai trèo hái. Kế tiếp cây keo già là một dãy nhà sàn, trong đó có ngôi nhà mới mua của gia đình tôi.

Căn nhà đầu tiên của dãy, chủ là ai tôi không quen biết. Căn thứ hai của chú Đạo, một ngư dân còn trẻ nhưng đầu đã hói, có một vợ và hai đứa con. Đứa con gái lớn học chung lớp với tôi. Kế vách là nhà tôi. Căn thứ tư của bác Liêm già, góa vợ, làm thợ cắt tóc dạo. Nhà bác có ba cô con gái chưa chồng, cậu con trai út tên Sơn đang học lớp Đệ Thất. Cuối dãy, một ngôi nhà khá đồ sộ nằm hơi chéch về phía cái đầm cạn là nhà của cậu thằng Xê, chủ tàu đánh cá. Nhà đó có ba anh em, và một bà mẹ già. Người anh lớn nhất đã lập gia đình, nhưng không có con, hai cậu em còn độc thân. Tôi ít trông thấy họ vì họ thường vào Kiên Giang, Rạch Giá để làm biển, mỗi năm chỉ về vài lần. Ở nhà còn mỗi hai người đàn bà, và thằng Xê.

Nhà tôi có hai cái cầu thang để lên xuống sàn. Một ở phía trước hướng ra bờ sông Cái, cái còn lại ở phía sau hướng ra khu đầm cạn. Ngay chân cầu thang có lối dẫn đến nhà cậu thằng Xê. Căn nhà chúng tôi ở rất nhỏ, chỉ có hai phòng ngủ, một phòng khách, bếp và phòng ăn chung, không có nhà vệ sinh. Căn nào cũng giống như nhau, ngoại trừ nhà thằng Xê có nhiều phòng ngủ hơn. Lúc cần thiết mọi người sử dụng mấy cái *toilet* công cộng ngay chỗ cột điện, do năm nhà cùng góp tiền

làm, xả uest thẳng xuống con sông Cái, giống như kiều nhà vệ sinh ở miền Tây.

Tuy cuộc sống mới có hơi chật vật và lạ lẫm mọi điều nhưng đêm đêm được ngủ thẳng giấc, không bị tiếng ca-nông làm giạt mình hoảng sợ nên mặt mày ai nấy cũng rạng rỡ, tươi vui. Tôi càng vui hơn khi được học trong một ngôi trường mái ngói tường vôi, và còn quen biết một số bạn mới. Ngoài thằng Xê, và con gái chú Đạo học cùng lớp, tôi chơi thân với thằng Đua nhà ở cạnh con hẻm, chỗ cái lạch có lót mấy tấm gi sắt. Chuyện tôi làm quen với thằng này cũng tựa tựa như chuyện “anh hùng võ hiệp, không đánh không quen nhau.”

Số là một hôm tan học tôi và thằng Đua cãi cộ điều gì đó, tôi không còn nhớ nữa. Mấy đứa quý sứ lại đổ thêm dầu vào lửa. Thế là hai thằng nhóc láo vào đánh nhau tụi bụi. Thằng Đua to khỏe nhưng lùn hơn tôi. Mỗi đứa có một lợi thế riêng. Kẻ tám lạng người nửa cân, cuối cùng cả hai lỗ mũi đều ấ trầu, cái đầu nổi u. Nhưng chỉ mấy hôm sau lại làm huề xí xóa chuyện đã qua và kết bạn thân.

Một đứa bạn khác là thằng Tèo lai da đen. Nó nhỏ hơn tôi ba bốn tuổi, không đi học, nhưng nhà ở chung xóm. Nó thường hay la cà, leo trèo chỗ cái trụ điện cao thế. Tôi làm bạn vì thấy tính tình nó vui vẻ. Đầu tóc nó xoắn tít, cái miệng rộng hoác, cười lộ cả hai hàm răng sún bên trong cặp môi dày. Nó mê phim Lý Tiểu Long lắm. Hễ coi phim xong về nhà cứ bắt chước múa tay, đá chân, trông cứ như chú khỉ. Không cần bảo, nó cũng thường múa *quyền* cho tôi xem. Mỗi lần nhìn nó đánh võ tôi cứ ôm bụng cười ngất.

Dù học ở trường Đức Hòa chỉ có một năm nhưng đến bây giờ tôi vẫn chưa quên ngôi trường này. Trường gồm hai

dây nhà ngói, tường gạch, phết vôi vàng, hình chữ L. Một dây quay lưng về phía con hẻm, dây kia hướng mặt ra đường Cồn Giữa. Hai dây ôm gọn lấy cái sân rộng, lát gạch. Trong sân có cây cột cờ cao. Mỗi sáng thứ Hai chúng tôi đều xếp hàng chào cờ trước khi vào lớp. Cổng trường gắn một tấm biển sơn xanh. Hai chữ Đức Hòa màu đỏ to đùng, bên trên có ghi hàng chữ màu vàng nhỏ hơn: “Trường Tiểu Học Tư Thục.”

Tôi học lớp Hai, do cô Lâm phụ trách. Cô có dáng người đậm nhưng cao ráo, nổi tiếng nghiêm khắc nhất trường. Đứa nào không thuộc bài hoặc không làm bài tập cô bắt nằm dài trên ghế đánh từ năm đến mười thước gỗ. Bọn học trò lớp lớn đồn rằng mấy năm trước cô đánh một đứa rướm máu cả mông. Bọn nhóc tôi đứa nào cũng sợ cô. Quả nhiên suốt cả năm học tôi thấy có nhiều đứa bị đòn, nhưng không đến nổi chảy máu mông. Tôi là đứa trẻ sợ roi nên luôn chăm chỉ học hành. Vì thế đã không bị ăn đòn mà thỉnh thoảng được ghi tên lên bảng danh dự, lúc bằng mảnh giấy màu xanh, lúc màu vàng.

Ba năm sống ở Nha Trang, tôi có đi xem xi-nê vài lần ở các rạp Tân Tân, Tân Tiến với các anh chị. Lần khác, vào khoảng đầu năm 1975, tôi và thằng Xê đang xem phim ở rạp Tân Thanh thì bỗng dưng có ai đó hô to: “Bom!” Thế là cả rạp đứng lên, ùn ùn bỏ chạy. Nhiều người bị mất cả dép guốc. Khi ra đến ngoài đường tôi mới biết mình cũng bị mất một chiếc dép. Thằng Xê nhìn tôi đi dép một chân cười hô hô.

Trước ngày Nha Trang bị *giải phóng* thị xã vô cùng hỗn loạn. Những toán hôi của tủa ra mọi ngã đường. Chúng vào các cửa hiệu buôn, tiệm thuốc tây, các nhà kho... đập phá lấy đồ. Thỉnh thoảng có tiếng súng trường nổ râm rân. Nhưng là súng của bọn hôi của chứ không phải đánh nhau.

Hôm Việt cộng tiến vào thị xã, thằng Xê rủ tôi đi coi xe tăng. Nó dẫn tôi lên đường Quốc lộ 1A đoạn bên này cầu Hà

Ra, gần chỗ Ty Thông Tin. Lúc đi trên đường Phan Bội Châu, tôi thấy tám anh ông Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nằm chình ình trên mặt đường, cúi xuống định nhặt lên. Thằng Xê đánh mạnh vào tay tôi, nó nói to:

- Mày lượm làm gì? Coi chừng bị bắt đó!

Nó nói bị *bắt* hay bị *bắn*, tôi không nghe rõ nhưng cũng thôi không nhặt nữa. Tiếp tục đi theo nó đến ngã ba Ty Thông Tin. Nơi đó có một đàn đông đang tụ tập, đa phần là phụ nữ và những đứa trẻ choai choai. Lác đác thấy có một vài ông mặc áo sơ mi, quần tây, chân mang giày da đen đứng xen lẫn vào. Một đoàn xe tăng có nòng pháo dài ngoằn ngụy trang bằng vài chùm lá chạy qua. Trên nóc mỗi thùng xe có một vài bộ đội đang ngồi vắt vẻo, đưa tay vẫy vẫy. Dân chúng hai bên đường nhao nhao vẫy tay reo hò. Thằng Xê nắm tay tôi chạy ra một chiếc xe tăng, đưa tay bắt với một anh bộ đội. Nó vui mừng cười toe toét khi được người lính chìa tay bắt lấy. Năm đó, nó đã cao lớn rồi nên mới chìa tay bắt được, còn tôi thấp bé không thể làm như nó.

Xem chừng một lúc lâu, thấy chán, tôi giật áo nó rủ về. Nó hất tay, bảo tôi về trước. Tôi bỏ về một mình do không muốn mẹ ở nhà lo lắng vì mình vắng mặt quá lâu trong thời buổi loạn lạc. Lúc tôi đi ngang qua trụ sở phường Xương Huân nhìn vào trong thấy có treo một lá cờ nửa đỏ nửa xanh, chính giữa là ngôi sao vàng. Ngay cửa ra vào có hai người lính bông súng gác. Lòng tôi trống rỗng, chẳng vui mà cũng chẳng buồn.

Chiều hôm đó có hai chiếc máy bay phản lực lướt qua vòm trời Nha Trang. Một tiếng nổ to vang lên, một cột khói và lửa bốc cao bên phía bắc cầu Xóm Bóng. Hàng loạt tiếng súng phòng không phát hỏa đi đùng. Bầu trời có những cụm mây nhỏ màu trắng bung ra như những bông hoa màu tuyết đang nở.

# CHƯƠNG 3

## Tìm lại quê hương



**S**au cái ngày cầu Xóm Bóng bị ném bom, mẹ tôi vội vàng tìm tàu để đưa chị em tôi về quê. Chị Hai bàn với mẹ:

- Không biết ở quê đã ổn chưa?

Mẹ tôi đáp:

- Họ đã vào tới đây, chắc ngoài đó đã yên ổn rồi. Nhưng không biết ở đây có được yên không. Dù sao hòa bình rồi, về quê hương, ban đêm thả cái nong xuống đất nằm ngủ cũng vui hơn. Vả lại mả mồ của cha con mấy năm nay không ai thăm viếng, không biết cỏ có mọc lu lấp không?

Thế là ngay chiều hôm sau, mấy chị em tôi lại làm cuộc hải trình ngược lại cách đó ba năm. Lần này chỉ có chị Hai, chị

Bây và tôi. Các chị khác người có gia đình, người bận công việc phải ở lại. Em trai tôi, và thằng cháu, con chị Hai cũng ở lại chờ về sau với mẹ. Tối hôm đó chúng tôi tạm biệt mẹ và xuống chiếc tàu đang đậu ngay trên dòng sông Cái để về quê. Tàu nhỏ neo, chỉ có chị em tôi và mấy người thủy thủ, không có hành khách nào khác Tạm biệt Nha Trang, miền đất hạnh phúc. Tạm biệt!

Lần này, tôi cũng say sóng li bì như lần trước. Chủ tàu không đưa chúng tôi về cửa Mỹ Á mà ghé vào Sa Huỳnh. Họ cho lên bờ ở một bãi ngang. Lúc đặt chân lên bãi cát tôi còn thấy chệnh choáng. Bước đi liêu xiêu. Mặt đất trời lên sụp xuống. Đầu óc mơ hồ như người say rượu.

Sa Huỳnh, mảnh đất của rất nhiều kỷ niệm đau thương, Cha tôi đã ra đi mãi mãi từ nơi đây. Nơi mẹ tôi khóc đến ngất lịm khi nghe được hung tin. Nơi tôi lần đầu tiên cảm nhận được thế nào là một đứa trẻ mồ côi cha. Nơi chị tôi đã đổ những giọt máu đào của tuổi thanh xuân.

Chúng tôi ở tạm tại một gia đình người quen vài hôm. Sau một ngày nghỉ ngơi, khi thấy trong người đã hoàn toàn tỉnh táo tôi đi vòng quanh xóm để xem thử có thứ gì nơi đây quen thuộc với mình không. Tất cả đều xa lạ. Trước kia, gia đình tôi sống ở xã Phổ Châu, nay về trú ngụ ở Phổ Thạnh cho nên cũng không nhìn được cảnh xưa lối cũ bây giờ thay đổi như thế nào.

Tôi đang lò dò thả bộ men theo con đường cát trắng trong xóm, bỗng nghe tiếng ê a đọc bài. Tôi bồi hồi nhớ lại ngày đầu tiên đi học. Thế là tôi cầm cổ chạy nhanh về phía đó. Đến nơi thì ra là một lớp học. Tôi đứng bên cửa sổ nhìn vào. Cô giáo còn trẻ măng đang gõ thước lên bảng cho khoảng mười mấy đứa học trò nom còn bé hơn tôi đọc theo. Ký ức xưa hiện về. Không biết sao tôi cảm thấy vừa hồi hộp vừa thích thú.

Hình ảnh ông giáo già có cái búi tóc và bộ áo dài trắng hiện ra trước mặt. Tiếng đọc bài đứt đoạn của cả lớp. Nỗi sợ kinh hoàng khi cánh cửa tôn bị khóa trái. Bóng dáng mẹ tôi hiện ra phía ngoài khung cửa lúc tôi đang vô cùng tuyệt vọng như một bà tiên diêu hiên! Bàn thần đứng im ngoài cửa sổ nhìn vào một lúc, rồi tôi lặng lẽ bỏ đi.

oOo

Chiếc ca-nô không thể cập sát bờ vì mực nước quá cạn. Thuyền thủ chỉ còn cách thả thúng đưa chúng tôi vào. Đang giữa buổi trưa trời đang nắng gắt. Ngọn gió Nồm thổi hây hây cũng không làm dịu được cái nắng nóng mùa hạ của miền nhiệt đới. Từng con sóng lăn tăn sui bọt trắng xóa trườn mình liềm vào bãi cát. Nước biển mát lạnh chạm vào chân làm tôi tỉnh hẳn người sau bốn, năm tiếng đồng hồ mệt lử vì bị sóng nhồi. Nắm chặt tay dẫn chúng tôi lội nước bị bơm đi vào bờ, chị Hai vừa cười, vừa nói giọng đầy phấn chấn:

- Rồi, Chúng ta đã về tới quê nhà!

Chị Hai không xắn ống quần lên mà cứ lội băng băng qua con lạch sát bờ. Bước chân hối hả. Cả người chị toát lên sự mạnh mẽ và hăng hái của một người chỉ huy. Hình như chị đã trở thành con người khác hẳn, như vừa gặp được người thân sau nhiều năm xa cách. Đúng rồi! Nơi đây chính là mảnh đất quê cha! Nơi chị em tôi đã được sinh ra. Nơi cha tôi đã chôn cuống nhau của chúng tôi vào lòng đất. Trên mảnh đất này có giọt máu từ cuống rún của tôi. Thế nhưng sao lòng tôi không chút mảy may rung động? Bãi cát dưới chân tôi vô cùng xa lạ. Trong tâm trí non nớt của tôi, cái xã Phổ Quang chưa bao giờ tồn tại. Cái ngày gia đình tôi bỏ quê di cư vào Sa Huỳnh tôi còn bé lắm, bé đến nỗi chẳng có một ký ức nào còn lại. Với tôi, quê hương là mảnh đất Sa Huỳnh kia! Còn không, Nha Trang cũng được! Những nơi đó tôi đã có vô vàn kỷ niệm. Nơi tôi đã sống những tháng ngày khó quên bên cạnh người thân và bạn bè. Nơi đã khắc vào tâm trí thơ ngây của tôi những hình ảnh thân yêu như ngôi nhà sàn có cái cầu thang, gánh hàng rong của mẹ... Mái trường ngói đỏ của tôi. Còn nơi đây không hề có

bất cứ hình ảnh gì thân thuộc. Tất cả đều mới mẻ, tất cả đều xa lạ. Nó cũng như là một vùng đất khách nào đó đang chờ tôi khám phá. Lòng tôi chỉ có nỗi háo hức vui thú của một đứa bé sắp được thỏa mãn trí tò mò nơi chốn mới đến chứ không như chị Hai được trở về mái nhà xưa.

Chị em tôi tạm thời cư ngụ ở nhà chú thím Bảy. Nhà chú ấy ở ngoài rẫy, gần đồng biển.

Hằng ngày, ăn sáng xong chúng tôi kẻ xách liềm, người cầm rựa vào trong khu vườn của ông nội để dọn dẹp. Trong xóm vườn tược bị bỏ hoang rất nhiều. Con đường chính của xóm chạy ngang trước vườn nhà ông tôi chỉ là một cái trướng nhỏ hẹp. Cỏ tranh, cỏ chỉ cao đến ngực. Cây cối rậm rạp, um tùm. Mỗi lần vào vườn chị Hai luôn dẫn tôi coi chừng dẫm phải rần lục. Loài rần có sắc xanh như màu lá, nhỏ bằng ngón tay nhưng rất độc.

Đến vườn. Hai chị mỗi người làm một việc. Người cắt cỏ, kẻ chặt cây cành. Tôi nhặt nhanh những nhánh cây khô gom thành một đống để làm củi. Trong vườn có cây đào lộn hột to cao, nhưng không có hoa hay trái gì. Chị Hai bảo cây đó do chính tay ông nội tôi trồng. Cạnh cây đào là một gốc khế cũng to không kém, nhưng thân cây đã bị gãy đổ, nằm dưới lớp đất và cỏ, bên cạnh là ụ mồi to tướng. Thân cây đã mục nát nhưng lạ lùng thay, phần gốc còn lại mọc lên mấy tược khế to bằng bắp tay người lớn, suôn đuột và bụi bặm. Tán lá xanh biêng biếc cao hơn đầu tôi. Chúng quây quần lại với nhau tạo thành một lùm to. Tôi đếm cả thấy được năm cây. Theo lời chị Hai đây là cây khế ngọt, trái rất lớn, hiếm có ở xóm. Những cây khế làng này đa phần là khế chua. Duy mỗi cây khế nhà tôi cho trái ngọt. Nghe nói ông nội lúc trồng đã đổ gần cả tạ vôi xuống dưới gốc nên trái mới to, nước nhiều, và vị ngọt thanh. Chị Hai phát cỏ xung quanh nhưng không động gì đến ổ mồi và mấy cây khế. Sát góc hàng rào sau vườn có lùm duối lớn, cành lá xanh dày, rờ vào ram ráp cả tay. Tôi đi vòng quanh khu đất và khám phá thêm một cây thị ở bên bờ rào phía tây. Dưới

gốc, cạnh bên có cái gò đất cao, cỏ cú (cỏ gấu), cỏ tranh mọc xanh um. Chị Hai cho biết gò đất là dấu tích của cái hầm tránh pháo. Cửa miệng hầm bị lấp, cỏ tranh bị bít. Trong vườn có nhiều thứ cây ăn quả như xoài, ổi ma, chay, trám núi... nhưng không thứ nào có trái. Chỉ vài cây ổi sẽ là ra được mấy quả nhỏ cần cỗi, nhẵn nheo. Tre và bụi lười hùm mọc dày ken theo chu vi khu vườn, làm thành một thứ hàng rào tự nhiên kiên cố.

Mỗi ngày hai buổi chị em chúng tôi vào vườn để dọn dẹp. Sau nửa tháng, quang cảnh đã thoảng đãng hẳn lên. Chị Hai bắt đầu chặt những cây tre già chất đống để chuẩn bị làm nhà. Chặt tre đối với đàn ông con trai đã không phải là chuyện dễ, huống hồ chị đàn bà, Người ta có câu *“nhất đốn tre nhì ve gái”* để chỉ sự khó khăn này. Ve cho được gái đâu phải là chuyện đùa! Các đảng mày râu anh nào cũng biết rõ điều này. Nhưng ve gái vẫn đúng thứ nhì thôi! Đốn tre mới là khó. Muốn chặt được một cây tre để sử dụng, trước hết phải lựa xem cây tre cho đủ tuổi. Tre quá già hoặc quá non đều không dùng làm gì được. Vì quá già gỗ tre sẽ bị khô, thiếu độ dẻo dai. Còn quá non rất mềm yếu, không đủ cứng cáp. Tre vừa đủ tuổi cũng dễ nhận biết đối với người có kinh nghiệm. Thân cây chỉ hơi bóng loáng, và dưới gốc có vài chỗ màu sắc chuyển từ xanh sang hơi vàng rắng chiều. Cành lá chưa bạc màu, tuy không còn xanh mướt, nhưng không bạc thếp hoặc lốm đốm trắng. Những cây tre này thường có vô số cây tre non bao bọc xung quanh, gai sắc nhọn, cành lá chằng chịt, nên rất khó chặt. Nhưng với những phụ nữ lớn lên từ làng quê như chị tôi thì việc đó chỉ như ăn một bát cháo nóng.

Gần một tháng sau khi chúng tôi trở về, một buổi trưa có một tay xã đội phó du kích thân hình cao lớn, vai u thịt bắp, trông rất bặm trợn. Trên vai hắn mang khẩu AK47 bóng xấp, tay xách chiếc đài radio hiệu National, đi từ đồng biển vô, ghé nhà chú tôi nghỉ ngơi uống nước. Đang ngồi nghe đài nơi cái bàn giữa nhà, bỗng hắn bật đứng lên reo to, mừng rỡ:

- *Sè Gòn* giải phóng rồi! *Sè Gòn* giải phóng rồi bà con ơi! Hấn cầm lấy cái đài đặt lên vai, một tay giữ chặt lấy để nghe cho rõ, rồi chạy ra sân,

Tôi buộc miệng hỏi:

- Giải phóng gì?

Hấn quay mặt lại, trợn mắt nhìn tôi như muốn ăn tươi nuốt sống, quát:

- Tao đập mày chết bây giờ! – Quát xong, hấn tiếp tục lóng tai chăm chú lắng nghe radio.

Không phải tôi hỏi khích bác gì hấn. Tôi chưa đủ tầm cỡ hiểu biết để nói khích như thế. Tôi chỉ buộc miệng hỏi vì hấn nói từ *Sè Gòn* làm tôi nghe lạ lùng, không hiểu đó là nơi nào. Một lát sau tay xã đội phó thông báo cho chú tôi biết:

- Dương Văn Minh đã đầu hàng! ... Hô...hô... hô... – Mỗi lần gào lên một tiếng “*hồ*” như thế hấn lại nhảy căng lên, hai chân búng ra phía sau như một con ếch khổng lồ.

Hơn một tháng rưỡi sau khi chúng tôi rời Nha Trang, mẹ tôi cũng dẫn em trai và thằng cháu về đến quê. Bà cho chớ theo tàu bốn tám tôn, một số cây gỗ, cái đi-văng và những vật dụng linh tinh khác. Ngôi nhà sàn để lại cho anh chị tôi ở.

Lúc này, khu vườn đã được dọn dẹp tinh tươm. Một đồng tre mới đốn chặt ngay ngắn dưới gốc đào. Cái ngõ ra vào được phát rộng, giấy sạch cỏ. Mẹ tôi dùng mấy tấm tôn và tre gỗ dựng một căn lều ở tạm. Ban đêm hun trâu và củi đốt khói để đuổi muỗi. Do nhà cửa thừa thớt, cây cối rậm rạp nên muỗi rất nhiều. May mà mẹ đã chu đáo mang mấy cái mùng tuyền xanh từ Nha Trang về nên cũng không có gì đáng ngại.

Đã có chỗ để che mưa tránh nắng, một buổi sáng mẹ bảo chị em tôi thay đồ mới chỉnh tề để đi viếng mộ cha tôi. Từ ngày về cho đến nay chúng tôi không biết mộ cha ở đâu nên chẳng thể làm tròn trách nhiệm của người con hiếu thảo. Lúc chôn cất cha chỉ có mỗi mẹ tôi, các chị lớn đều ở trong Sài Gòn. Chị Bảy và tôi thì còn quá nhỏ không cùng đi với mẹ trong bữa an táng cha được. Các chú tôi cũng không ai biết.

Ngày cha tôi mất chú Bảy đang ở tù tại Côn Đảo, còn chú Sáu ở Nha Trang đang đi biển nên cũng không về được.

Mặt trời vừa mọc, mẹ đã thúc giục mọi người ra khỏi lều. Chúng tôi đi qua một cái trảng cát rộng, có nhiều gò mả, đến cuối con dốc thì tới nơi an nghỉ của cha tôi.

Ngôi mộ là một gò đất cát hơi trệt. Vô số bụi cỏ chân tượng mọc bốn chung quanh nên gió mưa cũng không làm cho xói mòn nhiều. Chỉ đôi chỗ bị khuyết lõm cạn trông như những ổ gà. Chính giữa mộ cỏ một chùm cỏ dại xanh um. Vị trí ngôi mộ không xa con đường cái tơ ích là mấy. Mộ yên vị theo hướng đông bắc - tây nam. Phía đầu mộ được vun cao, lưng tạo hình yên ngựa. Cuối mộ có ba ụ đất nhỏ sắp xếp theo hình bán nguyệt. Nhìn ngôi mộ ai cũng thấu hiểu rằng mẹ tôi thương yêu cha tôi biết chừng nào! Giữa thời buổi tên bay đạn lạc mà mẹ đã lo cho cha tôi một nơi yên nghỉ đúng quy cách, chỉnh tề chứ không hề tạm bợ, sơ sài.

Chúng tôi đi xung quanh, nhổ những bụi cỏ dại và vốc cát bồi đắp vào những chỗ khuyết ổ gà. Mẹ tôi quỳ bên chân mộ. Bà lấy tay bang đất cho bằng phẳng, rồi đặt mấy cái đĩa lên. Lần lượt lấy trong cái giỏ nhựa mang theo một nải chuối và mấy xấp tiền vàng mã bà đặt trên mấy cái đĩa. Chị Hai thắp một bó nhang cắm bên nải chuối. Chúng tôi quỳ cả xuống phía sau lưng mẹ, và chắp tay trước ngực. Bà bắt đầu khấn vái làm thầm trong miệng, rồi đập đầu cúi lạy. Chị em tôi làm theo. Mẹ vái lạy ba lần như thế, lúc an vị trở lại nước mắt bà đã rung rung. Mấy chị em tôi cũng sụt sùi khóc theo. Mẹ bảo chị Hai đốt xấp giấy vàng mã. Lúc lửa vừa tắt, một làn gió nhẹ cuốn mờ tàn tro bốc lên cao, rồi tan loãng vào không gian buổi sớm. Chúng tôi nhìn theo, có cùng cảm nghĩ rằng cha tôi trên trời linh thiêng đã thấu hiểu được nỗi niềm thương nhớ kính yêu mà chúng tôi đã dành cho Người.

Mẹ lau nước mắt, bảo chị em tôi đứng lên, vái ba vái nữa tạm biệt cha, rồi mới ra về. Mặt trời vừa lên đến ngọn tre đầu làng. Những tia nắng vàng ươm lung linh trên con đường cát trắng. Trước mặt tôi bóng mẹ ngã dài cao lớn nhưng gần gũi và thân yêu.

Mẹ tôi là một mẫu người phụ nữ chịu thương chịu khó, suốt cuộc đời khổ nhọc thờ chồng nuôi con. Cha tôi mất sớm, khi đó mẹ chỉ mới 44 tuổi. Bà đã ở vậy nuôi nấng 5 đứa con (chị Hai và chị Ba đã có chồng), và một đứa cháu ngoại. Đứa nhỏ nhất 5 tuổi, đứa lớn nhất 17 tuổi cho đến lúc chúng tôi trưởng thành.

Cũng như nhiều cô gái thôn quê Việt Nam hồi đầu thế kỷ trước, mẹ lấy chồng rất sớm, từ năm 17 tuổi. Nhà ông bà ngoại nghèo, chỉ có được vài sào đất thổ cần cỗi, trồng khoai mì, khoai lang, chứ không có ruộng. Ông ngoại và mấy cậu tôi làm nghề mảnh sơn. Năm nào biên giả bị mất mùa. Thời tiết hạn hán thì bị đói kém. Từ lúc còn nhỏ, mẹ đã phải theo bà ngoại trồng khoai thuê, gặt lúa mướn, để phụ giúp gia đình. Tuy cuộc sống vất vả, dãi nắng dầm sương nhưng mẹ tôi cũng khá xinh đẹp. Dáng người bà nhỏ nhắn, cao dong dỏng, nước da trắng, mái tóc hơi dợn sóng. Cho dù năm nay mẹ đã 95 tuổi nhưng bà vẫn đi đứng thẳng boong, lưng không cong, chân không run. Tâm trí vẫn còn minh mẫn.

Theo lời mẹ kể lại thì ông bà nội tôi khá khó tính nên bà làm dâu cũng không mấy vui vẻ. Cha tôi thứ Tư. Bác Hai (theo cách gọi ở quê tôi là lớn nhất, không có bác Cả) mất khi còn bé. Cô Ba là con gái, nên cha tôi thành trai trưởng trong họ tộc.

Cô Ba tôi đã đi lấy chồng. Cha là người con lớn nhất nhà nên phải đảm đương trọng trách gánh vác gia đình. Dưới cha tôi còn bốn người em trai. Ông tính rất gia trưởng. Mẹ tôi làm dâu phải đảm đương công việc gia đình nhà chồng. Bà luôn thức khuya dậy sớm, để lo chợ búa cơm nước, giặt giũ cho mọi người. Bà nội tuy tính tình hiền lành, không chửi bới mẹ tôi, nhưng mỗi lần hai mẹ con có gì xích mích lại mếc với ông nội. Ông là người nóng tính hề nghe bà vợ nói con dâu thế này thế kia thì gọi mẹ tôi đến mắng cho một trận. Mẹ tôi chỉ còn biết chịu trận chứ nào dám cãi! Tội thân nên mẹ luôn khóc một mình trong thầm lặng.

Ông bà nội rất mực cưng chiều cô Ba vì chỉ có một người con gái. Được thể cô cũng hiếp đáp mẹ tôi. Mỗi lần cha tôi đánh lưới được nhiều cá nhiều mực, ông bà lại sai mẹ gánh đến nhà biếu cô muối mắm, để dành ăn quan năm. Có lần cô tôi về thăm nhà khi quay lại bên chồng, ông bà sai mẹ tôi gánh theo một gánh nông sản cho cô. Vì bận bịu con nhỏ mẹ chưa đi được cô la rầy mẹ nặng lời. Bực mình mẹ tôi cãi lại. Cô tức tối đi méc chuyện với ông nội. Lúc đó ông đang uống rượu ngà ngà nghe mẹ tôi hỗn hào với cô Ba liền xách gậy đánh mẹ tôi. Mẹ bỏ chạy quanh vườn. Ông tôi già yếu không đuổi kịp quãng gậy, ngồi thở hổn hển. Sau đó mẹ xin lỗi ông, ông cũng bỏ qua.

Ông nội rất kỳ vọng cha sớm sinh được một cậu con trai để nối dõi tông đường. Oái ăm thay, mẹ tôi sinh một lúc cả 6 cô con gái (một chị đã mất lúc chưa đầy tháng). Ông bà nội rất buồn, cứ chì chiết cha mẹ tôi vô phúc tuyệt hậu. Cha tuy không hắt hủi mẹ, nhưng cũng không mấy vui. Để chấm dứt tình trạng sinh con gái mãi, ông nội đã đặt tên cho bà chị thứ bảy một cái tên không mấy đẹp là Thôi. Có nghĩa là đừng đẻ con gái nữa! Mà quả thật, không hiểu sao điều mong ước ấy lại linh nghiệm. Sau đó, mẹ đã sinh ra tôi, một cậu con trai. Mẹ kể lại, lúc bà chuyển bụng đẻ thì cha đang ở ngoài biển. Được tin sinh con trai, cha hối hả chạy về để quạt than, đun nước cho mẹ hơ (xông). Công việc mà từ trước đến nay cha chưa hề làm khi mẹ sinh các người chị. Ông nội vui mừng khôn xiết tả. Hôm ấy, uống cả nửa lít rượu đế, rồi ông cười nói: “Ta có cháu đích tôn rồi!” Ông mất, khi tôi vừa tròn một tuổi.

Những năm 1967-1972, ở quê tôi chiến tranh vô cùng ác liệt. Đạn bom cày xới từng tấc đất. Xe tăng san phẳng cả xóm làng, Dân chúng bỏ xứ sơ tán khắp mọi nơi. Gia đình tôi di cư vào Sa Huỳnh. Tại đây cha tôi mất. Mẹ tôi không nỡ để cha nơi ‘đất khách, quê người’ nên đích thân bà đưa cha về mai táng ở làng tôi. Đoạn đường từ Sa Huỳnh ra Đức Phổ chỉ dài độ 25km mà xe lam đi hơn nửa ngày trời vì bị bằm nát như tương bởi những quả mìn của Việt cộng.

Sau khi cha yên nghỉ, mẹ đưa chị em tôi vào Nha Trang sinh sống. Trước khi đi bà đã bán tất cả sản nghiệp ghe thuyền, lưới chài của cha để lại. Vào Nha Trang bà lặn lội tìm kiếm chỗ ở, lo giấy tờ để hợp thức hóa cho chúng tôi được đi học. Hàng ngày, bà dậy từ lúc ba giờ sáng để đến chợ đầu mối mua hàng về bán lại các chợ nhỏ. Mỗi ngày hai buổi chợ không ngày nào nghỉ. Lúc bấy giờ chỉ có tôi và thằng em trai là còn chơi rông chứ các chị đều phải nghỉ học đi làm. Sau vài năm, cuộc sống đã dần dần ổn định, đi vào nề nếp. Nhưng đâu có ai ngờ biến cố lại xảy ra một lần nữa. Đầu tháng Tư năm 1975, Cộng quân tiến chiếm Nha Trang. Lần này thì mẹ quyết định không chạy đi đâu mà quay trở về làng xưa. Thế là tôi cùng hai chị gái lên ghe về quê. Hơn tháng sau mẹ tôi cũng về nốt. Trong những năm tháng ly hương về quê luôn là tâm nguyện của mẹ tôi.

Bây giờ thì những đứa con mà mẹ một đời vất vả nuôi lớn đã thành gia lập thất. Cuộc sống của mẹ đã được thư nhàn. Các chị tôi đều muốn tổ chức Lễ Đại Thọ 90 tuổi cho Mẹ nhưng bà cương quyết không cho, sợ con cháu tốn kém. Mẹ vốn thích sống giản dị, suốt cuộc đời không hề phô trương, rườm rà. Mẹ chỉ mong mỗi một điều duy nhất là con cháu sống hạnh phúc, hòa thuận. Với chị em tôi (có người đã có chắt) mẹ luôn luôn là Người Mẹ đáng kính nhất trần gian.

# CHƯƠNG 4

## Tuổi thơ sôi động



**M**ùa hè đầu tiên sống nơi miền thôn dã tôi đã tìm thấy nhiều thứ lý thú. Ngoài cái việc đi hái chùm chu, chùm chay, chọc phá tổ ong, tôi còn biết lội ruộng bắt cá lia thia, và trèo cây để bắt chim con hoặc lấy trứng.

Thằng Long con chú tôi từ nhỏ lớn lên ở nơi đây nên nó rành mọi đường ngang lối dọc. Nó hay dẫn tôi len lỏi trong các vườn hoang hoặc rừng dương ven biển để lùng tìm ổ chim. Nó giải thích cặn kẽ cho tôi biết thói quen làm tổ của mỗi loài chim. Nó nói rằng cũng như con người xây nhà, mỗi giống chim đều có những cách làm ổ khác nhau, và những nơi chôn khác nhau. Ví như loài chim quành quạch, chim đội mũ hay

làm ổ trên các cây ổi, cây nhãn thâm thấp trong vườn. Ổ của chúng chỉ to bằng cái chén ăn cơm nhưng đan dày và kín. Giống chim gáy lại ưa làm ổ nơi rừng dương ven biển xa làng mạc.. Chim cu gáy có hai loại. Một loại lông cánh màu nâu, đầu xám, cổ nhiều vòng cườm, gù rất hay gọi là cu cườm. Loại thứ hai lông cánh màu hung hung đỏ, đầu xám, cổ không có vòng cườm mà chỉ có nửa vạch lông đen sau gáy. Tiếng hót ngắn và không du dương như cu cườm. Đó chính là cu lửa hay còn gọi là chim ngói. Tổ chim cu lớn hơn tổ chim quành quạch. Nhưng lại sơ sài hơn. Tổ của nó thường được bện bằng những cọng lá dương (phi lao) hình kim, không dày và cũng không kín kẽ. Trong các kiểu tổ chim, tôi có ấn tượng và yêu thích nhất là tổ đồng độc. Một loại chim có thói quen làm tổ ở những ngọn tre ngoài đồng hoặc ven xóm làng. Tổ được bện bằng rom rất dày và có chiều sâu dài cả gang tay, trông như hình một cái túi vải miệng rộng, đáy thắt. Dù treo lơ lửng trên cao, đong đưa trước gió nhưng hiếm khi bị rơi.

Những ngày còn ở tạm nhà chú thím Bảy, cứ mỗi buổi trưa thẳng Long lại rủ tôi trốn ngủ đi lùng tìm ổ chim. Ngày đó, dân cư còn thưa thớt, chim chóc thì nhiều, thế nên ngày nào cũng có trứng mang về. Nhưng chim con hiếm hơn. Vì hề gặp những con chim mới nở, có bắt về cũng không nuôi sống được. Muốn nuôi chim non phải lựa những chú đã đập bao tử, đã ra lông cánh nhưng chưa thể bay được đem về chăm sóc mới có cơ hội sống sót. Không ai khuyên dạy nhưng chúng tôi không nở bắt những chú chim non mà chẳng đảm bảo được sự sống cho chúng.

Lấy trứng chim chán, hai đứa lại rủ nhau lội ruộng bắt cá lia thia. Một loại cá đồng có sắc xanh đen, đuôi và vây đỏ hồng, trông rất đẹp. Chúng là loại ca hiếu chiến và hung hãn, chỉ cần bỏ hai con đực vào chung một cái chai là chúng phùng mang, xòe vây, cong mình uy hiếp nhau liền. Dù đối phương kháng cự hoặc bỏ chạy con kia cũng lao tới tận công ngay lập tức. Loài cá này thường sinh sống bên cạnh bờ cỏ trong các rạch nước tù đọng, hoặc bờ ao, bờ đầm. Muốn bắt chúng chỉ

cần dụng cụ là một cái vợt hay một cái rổ tre. Cứ tà tà men theo bờ ruộng nhìn thấy nơi nào có đám bọ như bọ xà phòng thì nhẹ nhàng thả cái vợt xuống cho sâu ròi rê lại đám bọ và nâng lên. Thế nào cũng có một con hoặc cả cặp lia thia lọt vào vợt. Điều cần chú ý là phải tìm đám bọ còn mới. Bọ mới có màu trắng hơi đục đục, còn bọ cũ thì ngả sang màu vàng ố, chứng tỏ cá đã bỏ ổ. Chúng tôi chỉ lấy cá đục về nuôi cho chúng đá nhau còn cá mái thả đi.

Một bữa sau khi bắt cá xong, thằng Long dẫn tôi ghé chơi nhà bác thôn trưởng ở cuối xóm. Cũng không biết là chơi hay trình diện. Bác này khoảng chừng ba mấy bốn mươi tuổi. Tay trái bị cụt gần đến vai. Trong nhà còn có hai người phụ nữ, và hai đứa nhỏ, một trai một gái. Bà cụ già lưng còng gần sát đất. Miệng nhai trầu bồm bồm.

Chúng tôi ngồi ngoài hiên, trước cửa một căn nhà tranh mái chái ba gian, vách đất nhỏ bé, cất theo kiểu nhà miền Trung. Bác ấy hỏi về những ngày gia đình tôi sinh sống ở Nha Trang. Tôi thật thà kể hết mọi chuyện tôi biết. Thằng Long ngồi kể bên nãy giờ lắng tai nghe bỗng bật cười, lên tiếng:

- Bác coi! Anh Tám thật thà ghê! Kiểu này ảnh mà làm liên lạc, tội *ngụy* nó bắt được, chắc sẽ khai hết!

Bác trưởng thôn nháy mắt với nó, như bảo biết rồi. Bị chê là bụng để ngoài da trước mặt người lạ tôi tự ái, bực mình nhưng cũng im lặng. Chuyện vẫn một hồi, hai đứa từ biệt ra về.

Đọc đường, tôi hỏi thằng Long tại sao không nên ăn nói thật thà. Nó không đáp mà hỏi lại tôi:

- Anh có biết là em đã từng bị tội lính *ngụy* nó chôn sống không?

Tôi trở mắt ngạc nhiên nhìn nó, ngỡ rằng mình nghe nhầm nên hỏi lại:

- Chôn sống? ... Sao "*anh*" còn sống đến bây giờ? – Tuy nó là em họ tôi nhưng lại lớn tuổi và cao hơn cả cái đầu nên tôi ngại gọi nó bằng em.

Nó nghe tôi hỏi vậy, cười hềnh hếch. Đôi mắt nhắm tít lại, hai vai rung rung liên hồi. Cái thằng có kiểu cười rất khác người. Cười dứt nó nói:

- Anh khờ quá! Nó chỉ chôn đến cổ thôi!

- À! ...

Không đợi tôi hỏi gì tiếp, nó kể:

“Hôm đó, lính nguy đi càn. Lùa cả xóm ra đông biển để hỏi hầm bí mật, nơi cán bộ, du kích trốn. Không ai khai gì. Hỏi gì mọi người cũng đều nói không biết nên tụi nó tức giận bắt đám đàn bà con gái cởi truồng, đứng xếp một hàng dài bên mép sóng. Còn tụi em thì bọn chúng đào một cái hố bắt nhảy xuống và lấp đất đến cổ.”

- Đàn ông, thanh niên thì sao?

- Họ chạy trốn từ trước hết cả rồi!

- Rồi sao nữa?

- Bọn lính lùng sục cả ngày mỗi mệt mà không có kết quả gì. Đến xế chiều sợ bị tập kích, chúng rút về chi khu. Chờ chúng đi hết mọi người đào cát, cứu tụi em lên.

Tôi bán tin bán nghi về câu chuyện nó kể, nhưng không hỏi gì thêm. Nó cũng lặng im lầm lũi đi về nhà. Chuyện phụ nữ bị bắt cởi truồng, hơi khó kiểm chứng vì ngoài thằng Long tôi không còn nghe ai nhắc đến. Việc hỏi một phụ nữ về chuyện như thế thật thiếu tế nhị nên cũng không ai làm, Và có lẽ họ cũng không dám nói thật, nếu có. Nhưng còn chuyện mấy đứa trẻ choai choai ở xã Phổ Xuân bị chôn sống trong một trận càn thì tôi cũng có nghe nhiều người kể. Hình như đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam cũng nói đến. Khi đi học, trong một bài đọc thêm ở cuốn Tập đọc lớp Hai, tôi cũng có đọc được chuyện này. Hôm bị nạn với thằng Long còn có thêm ba đứa trẻ khác nữa. Năm 1976 tôi gặp một thằng trong bọn chúng. Thằng này được đưa ra Bắc, cán bộ ngoài đó dùng nó làm vật chứng sống dẫn đi khắp nơi tuyên truyền về tội ác Thiệu-Kỳ. Biết nó từ Bắc về tôi tò mò hỏi thăm thiên đường miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa như thế nào. Nó chỉ cười cười mà không nói gì. Năm 1979, vào Nha Trang đi biển rồi nó vượt biên luôn. Hiện nay

đang sống bên Mỹ. Đã bảo lãnh cả gia đình đưa em sang đoàn tụ năm 2009.

Tôi kể lại chuyện trên không nhằm mục đích xuyên tạc, tố cáo, chỉ trích gì ai hoặc bất cứ nhóm người nào mà chỉ là nhắc lại một câu chuyện buồn của quá khứ chiến tranh đã xảy ra trên quê hương tôi. Nó như một vết sẹo nhỏ in dấu ấn một thời khói lửa, đầy rẫy những câu chuyện kinh hoàng trên quê hương tôi. Nó cũng là một phần ít ỏi hiểu biết về cuộc chiến tranh Việt Nam của tôi trong những ngày thơ ấu.

oOo

Quê tôi nằm sát bờ Biển Đông. Từ nhà ra đến bãi biển khoảng chừng 500 mét. Có những hôm biển động mạnh, nằm ở nhà nghe tiếng sóng ngã ì ầm, rõ mồn mồn. Trong không khí hít thở luôn cảm giác được vị mặn của muối.

Thú vị nhất là vào những đêm mùa hè. Ở miền Trung, đêm mùa hạ, rất nóng nực, khó ngủ. Bọn trẻ chúng tôi thường chờ trời sụp tối là rủ nhau cuộn chiếu cũ đem ra trải trên bãi cát để nằm ngắm trăng, sao. Những đêm rằm, mười sáu mà nhìn trăng đúng lúc vừa nhô lên khỏi đường chân trời thì thật là tuyệt. Mặt trăng to, tròn vành vạnh vàng ối như một quả hồng chín khổng lồ từ từ trời lên khỏi mặt nước đen ngòm mênh mông. Những tia sáng đầu tiên trải một vệt dài trên mặt biển lấp lánh, lung linh. Những đám mây hồng như những đóa mẫu đơn không lồ dần dần chuyển sang màu trắng sữa. Khi vàng trăng lên cao mọi người xúm lại tổ chức những trò chơi như kéo co, rượt bắt, bỏ khăn... Cuộc vui kéo dài mãi đến khuya. Đứa nào cũng thấm mệt mới giải tán đi ngủ.

Những đêm có trăng đã vui, mà không trăng lại càng lý thú hơn. Chờ lúc trời vừa tối, các anh chị lớn tuổi thường tổ chức

“chạy còng”. Đó là cách gọi trò rượt đuổi để bắt những chú dã tràng bên mép sóng. Chạy còng có hai cách.

Cách thứ nhất là dùng một cái đèn măng-xông thấp sáng rực. Một người lớn cầm đèn đi trước, bọn nhóc chúng tôi đi phía sau, chia ra hai bên tả, hữu như dàn quân đánh lộn. Những chú còng gió to dùng chằng quấn ngày đêm se cát lấp biển, đột nhiên nhìn thấy đất trời sáng lóa, liền ngừng chân đứng lại giương đôi mắt ngờ ngạc lên nhìn. Chỉ đợi có thể, bọn trẻ theo sau chạy ào lên, dùng những bàn tay nhỏ bé vồ lấy chúng. Nhiều con thoát được cố tìm đường tháo chạy về phía biển. Ngay lập tức vài đứa nhanh nhẹn lao theo túm lấy. Nhiều lúc vì quá hăng say bị vấp té, hoặc sóng đánh ướt mèm. Tuy vậy hề bắt được chú còng là coi như lập được công trạng rồi, nên vui mừng ra mặt. Còng bắt được vội vàng bỏ vào thùng thiếc có nắp đậy do một bạn xách theo sau. Đội hình không ngừng di chuyển theo bờ dài của bờ biển.

Cách thứ hai là dùng một mảnh lưới cước mềm, mắt lưới nhỏ, quê tôi gọi là *lưới bén*, người miền Tây dùng để đánh bắt cá sông, làm dụng cụ vây bắt. Tấm lưới giăng ngang, kéo dài từ mép sóng lên phía trên bãi khoảng 2 đến 3 mét. Mỗi đầu do một người cầm mí lưới (đầu phao), còn đáy lưới (đầu chì) thì thả sát mặt đất. Hai người một trên một dưới cùng kéo tấm lưới chạy về phía trước, đội hình chênh chếch nhau. Phía mép nước chạy trước vài bước để *đón lỏng*. Khi bị kinh động những con còng tháo chạy về phía biển là sa ngay vào lưới. Hễ chạy được một đoạn thì dừng lại, ụp đầu phao của tấm lưới xuống đất. Bật đèn pin lên soi bắt những con còng đã dính vào lưới, gỡ chúng ra bỏ vào cái thùng thiếc. Cứ như thế quy trình lại tiếp tục bắt đầu lại từ đầu. Có hôm ‘trúng mánh’ có thể bắt được cả một thùng thiếc to.

Cuối buổi chạy còng xong, mọi người quây quần lại đốt một đồng lửa thật lớn để nướng hoặc rang số còng chiên lợi phẩm. Những con còng mập mạp vừa béo vừa thơm, ăn nóng bên bếp lửa giữa khung cảnh vắng lặng mênh mông chỉ có ánh sáng sao trời mờ mờ như thời tiền sử, cảm giác cũng thật kỳ thú. Tuổi thơ của tôi là như vậy, ngập tràn niềm vui và những kỷ niệm gắn bó bên miền thùy dương sóng xanh cát trắng.

Cuộc sống của những đứa trẻ miền bãi ngang thuở trước vốn vô cùng gần gũi với mẹ thiên nhiên. Đứa trẻ nào cũng đen nhẻm. Da thịt, tóc tai thấm mùi biển mặn. Đứa nào trông cũng khỏe mạnh, rắn rỏi.

oOo

*Kỳ không là ông kỳ đà, kỳ đà là cha tắc kè, tắc kè là mẹ kỳ không."*

Cái câu đồng dao ‘quái dị’ này lũ trẻ con chuyên ‘*đi săn kỳ không*’ chúng tôi thường hay đọc. Mặc dù chẳng hiểu ý nghĩa nội dung, nhưng những con vật được nhắc tên, đặc biệt là con không (con dông), không đứa nào là không biết.

Có lẽ chúng tôi không *dĩ dôi* về tài học tập hay tài hoàn thành xuất sắc *kế hoạch nhỏ* như một số bạn cùng trang lứa ở những miền thôn dã khác; nhưng còn ‘*vui thú điền viên*’ thì chẳng thua ai. Ngoài những trò chơi ngu như lũng bắt tổ chim, chọc phá tổ ong, bọn tôi thường rủ nhau bắt ếch, chạy còng, đào không... Nghĩa là toàn những công việc ‘đổ mồ hôi, sôi nước mắt’. Ban ngày bọn chúng tôi lang thang dưới nắng gắt, đêm thì dầm sương lạnh, bận rộn với những thứ trò chơi (hay việc làm?) mà bọn trẻ thị thành chắc hẳn không có mấy đứa biết được chứ nói gì đến thích.

Hàng năm, qua Tết âm lịch, tiết trời miền Trung bắt đầu ấm áp dần lên. Đó cũng là lúc lũ chúng tôi mong chóng tới kỳ nghỉ hè. Mấy cái thú vui như tắm biển, tắm sông, thả diều, đá

dế, chọi gà... thì không đũa nào chề chán. Lễ tổng kết năm học vừa xong cũng là lúc ‘chữ trả cho thầy’ để được thả ga với những trò chơi miền quê.

Bẫy nhông là thứ một thời khó quên. Con *nhông cát* thoạt nhìn cũng hơi giống con rắn mối, nhưng thân hình dẹt hơn, đuôi dài hơn. Chúng thường đào hang sống trong những cánh rừng phi lao dọc theo bờ biển hoặc trên những trảng cát hoang vắng. Chỉ cần một nơi khô cạn mà có vài bụi gai lưỡì hùm, gai kim đàn... là chúng có thể sinh trưởng được. Suốt mùa đông, kỳ nhông trốn dưới lòng đất, tự ăn đuôi mình để sinh tồn. Mùa xuân đến, chúng mới đào đất chui lên. Khoảng tháng 4, tháng 5 con nào con nấy đã mập mạp. Đó cũng là lúc bọn trẻ con chúng tôi được nghỉ hè; và cũng là lúc khởi đầu cho mùa *săn* kỳ nhông.

Kỳ nhông có thể thay đổi màu da cho phù hợp với cảnh vật xung quanh. Chúng chạy rất nhanh, chuyển hướng rất linh hoạt lại rất cảnh giác. Vì thế rượt bắt chúng là điều không thể. Muốn tóm được một con nhông phải truy tầm đến tận *sào huyết* của nó. Hang của chúng thường nằm cạnh các lùm bụi hoặc các gò mả hoang.

Ai muốn bắt kỳ nhông bằng cách đào hang phải đi từ lúc nửa buổi chiều. Khi đó mặt trời còn nắng gắt, nhông trốn vào hang tránh nóng. Phải tinh mắt và biết phân biệt hang mới hang cũ thì mới có thu hoạch. Cần tìm những cái hang có dấu đất và dấu chân mới, tránh những hang cũ đã bị phế bỏ. Kỳ nhông chui trốn rất sâu trong lòng đất, nên cần phải có cái que dài thọc vào hang để đo tầm mà đào. Nhiều con khôn ngoan kiến tạo hang theo hình chữ z nhiều ngõ ngách rất khó lần. Có khi đào sâu cả mét rồi bị mất dấu, đành bỏ cuộc là chuyện thường.

Cách đơn giản, ít nhọc sức hơn là gài bẫy để bắt kỳ nhông. Chẳng biết từ đời nào, và do ai sáng tạo ra, ở quê tôi có

phổ biến một loại vũ khí bẫy kỳ nhông vô cùng hữu hiệu. Người ta dùng cái ống nhựa, hoặc khúc tre ngọn rỗng ruột, to bằng cái ống giang thổi lửa. Đem cưa nó ra từng đoạn ngắn chừng 6 - 7 cm. Lại dùng một mảnh tre cật, già, có sức đàn hồi mạnh và dẻo dai, dài chừng bốn tấc, chuốt mỏng. Một đầu thanh tre kẹp vào ống nhựa; đầu kia buộc vào sợi dây nhợ đã có gắn sẵn một lưỡi gà (cái lẫy cò) cũng bằng tre. Trên cái ống nhựa, phía đối diện với thanh tre, ta đục một lỗ nhỏ luôn sợi dây nhợ qua và thắt một cái vòng thòng lọng ở cuối sợi dây. Đặt cái vòng cước nằm sát vào bề mặt trong của ống nhựa. Gắn cái lưỡi gà vào mép ống để giữ thòng lọng ở yên vị trí. Lúc này thanh tre cong như một cánh cung. Khi con nhông chui từ hang ra, liền thò đầu vào thòng lọng, rồi chạm vào lưỡi gà khiến cánh cung bật lên. Thế là con vật bị siết vào cổ, treo lơ lửng khỏi mặt đất, hết cách thoát thân.

Chiều chiều chúng tôi thường lang thang nơi các trảng vắng, hoặc rừng phi lao để đặt những cái bẫy như thế. Qua một đêm, đến 10 giờ sáng hôm sau mới trở lại chỗ cũ thu gom số bẫy kia. Những con nhông xấu số được buộc thành một xâu chiến lợi phẩm mang về.

Thịt nhông rất thơm ngon, có thể làm được nhiều món để nhậu như xào sả ớt, cuộn với lá lốt chiên như thịt bò, hoặc nấu cháo... ăn rất bổ dưỡng. Còn món bằm sả ớt, cuộn với lá ổi non nướng trên than hồng, nếu ai đã từng ăn một lần chắc chắn sẽ muốn ăn lại lần thứ hai.

Mùa hè, cũng là mùa sôi động nhất của bọn trẻ nhà quê. Ngoài những cái bẫy nhông, chúng tôi còn tạo ra những cái bẫy *vô tiền khoáng hậu* khác để bắt những chú chim tí hon. Muốn làm loại bẫy này phải đi lượm củi, vỏ, và xơ mít về nạo lấy mù quệt lên bề mặt một tấm ván nhỏ. Lợp mù cây phải đủ dày và dẻo để chân chim dính vào không thể nhúc nhích. Xong

xuôi, bỏ vào chính giữa *cái bẫy* mấy hạt lúa, mẩu khoai hoặc gạo trắng. Sau đó, tìm một góc vườn ít người qua lại idặt “bẫy” lên trên nền đất. Mấy chú chim sâu, chóc quạch (quảnh quạch), đội mũ (chào mào)... trông thấy thóc sà xuống ăn. Thế là chân chúng dính ngay vào mũ mít như bị dán keo *Krazy Glue*, không thể nào cất cánh bay lên được. Bọn tôi chỉ việc chạy ngay tới túm lấy, bỏ vào lồng là xong.

oOo

### *Chùm chu (dủ dẻ), chùm chày*

*Ngày xưa sao ghét, ngày rày sao thương?*

Đó là câu đồng dao mà có lẽ đứa trẻ nào ở quê tôi cũng thuộc.

Chùm chu là một loại cây bụi, mọc hoang dã ở những nơi đất khô, cằn cỗi hoang vu hoặc nơi bờ rào, bờ giậu trong xóm làng. Bụi chùm chu cao chừng 70cm đến 1,2m, tàn lá xum xuê, rậm rạp, có màu xanh lục rất đậm. Cây bắt đầu ra hoa vào độ khoảng tháng Giêng âm lịch. Hoa chùm chu màu vàng nhạt. có nhiều cánh nhỏ, hơi dày, khi nở đều, tròn xoe như cái bông vụ, trông thật đẹp. Đặc biệt hoa có mùi thơm ngào ngạt rất dễ chịu. Lúc nhỏ bọn trẻ nhà quê chúng tôi thường đi men theo những bờ rào để hái hoa ngửi mùi thơm hoặc dùng nó làm bông vụ búng thi coi ai làm cho cái hoa của mình quay lâu hơn.

Quả chùm chu kết thành chùm, to nhỏ không đều, khi chín căng mọng và vàng ươm. Quả có mùi thơm nhẹ dễ chịu lại ngọt thanh nên ai cũng thích ăn. Khi ăn phải lột vỏ bỏ hạt, chỉ thưởng thức lớp cơm trắng ngà, mềm, ứa nước bên trong. Ăn cả vỏ cũng được nhưng hơi nhám và có vị chát. Chùm chu là loại cây hoang dã ra trái hầu như quanh năm nhưng không nhiều nên không có ai hái bán.

Vào khoảng từ giữa cho đến cuối hạ là mùa chùm chu chín rộ ở quê tôi. Muốn ăn bọn trẻ con chúng tôi phải rủ nhau đi hái. Vì bụi chùm chu mọc ở những nơi hoang vắng như bãi tha ma, cấm (nơi có nhiều cây cối rậm rạp) hoặc đồi dốc nên bọn tôi không dám đi hái một mình mà phải rủ dăm ba đứa

cùng đi. Chúng tôi mang theo mỗi đứa một cái cầu (loại rô nhỏ) lang thang lùng sục trong bờ rào tìm từng chùm quả đủ để chín vàng để hái. Nhiều hôm phải đi xa làng cả vài ki-lô-mét. Mỗi lần phát hiện được những chùm quả to, da căng vàng mừng còn hơn người ta bây giờ trúng số độc đắc. Có nhiều khi vội vàng sơ ý, ham hái quả mà có đứa bị rắn lục cắn, nguy hiểm vô cùng.

Bên cạnh những quả chùm chu vàng ruộm còn có những quả chùm chày đỏ mọng trông bắt mắt, thật ngon. Chùm chày cũng là giống cây bụi thấp mọc hoang dã như chùm chu. Trái cũng chín vào mùa hè nên cũng là thứ bọn trẻ chúng tôi ưa tìm hái. Trái chùm chày giống như trái đậu đũa nhưng nhỏ và ngắn hơn, kết thành chùm. Lúc còn non có màu xanh lục, khi chín đỏ sẫm, mỗi quả như một que chuỗi hạt cườm trông rất đẹp. Chùm chày cũng có vị ngọt thanh nhưng không thơm. Ruột com của chùm chày mỏng nên không được yêu chuộng bằng chùm chu.

Ngoài chùm chu và chùm chày bọn trẻ con đứa nào cũng thích hái cho vào miệng những trái ổi sẽ thơm phức tròn tròn như trái mù u. Cái thứ quả xanh xanh, lúc chín lại ngả sang màu hơi trắng trắng này vừa giòn vừa ngọt, ai mà chả thích? Mùa hè là thời gian để ổi chín. Quê tôi những loại ổi to như ổi xá lị thì hiếm chứ còn loại ổi sẽ trái nhỏ, mọc hoang dại khắp nơi. Vườn nhà tôi có những hai ba cây. Tới mùa trái chín thơm nức mũi. Nhiều hôm lâu ngày không ra vườn, trái rụng đầy gốc. Có quả chim khoét một nửa rồi bỏ, phô cái ruột đỏ tươi trông thật bắt mắt.

Muốn ăn ổi đừng để nó chín mềm nhũn mất ngon. Chỉ cần hơi ươn ươn, chua chua là hái được. Chăm nguyên quả ổi mới hái từ trên cây xuống, lau sơ qua lớp bụi, rồi cắn vào lớp vỏ bóng mượt, giòn tan. Một mùi thơm nhẹ nhẹ xông lên mũi. Đồng thời vị giòn ngọt chua chua thấm dần vào đầu lưỡi mới tuyệt vời làm sao. Không nên dùng dao để xẻ ổi, mà cứ cắn

ngập rãng vào lớp vỏ để thưởng thức ngay cái hương vị của thứ trái cây hoang dã này thấm vào kẽ răng.

Thỉnh thoảng lũ trẻ lối xóm tinh nghịch rủ nhau đi hái trộm những trái ổi sể vườn nhà tôi để ăn vặt, phá phách cho vui. *Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò* mà. Mẹ tôi không đuổi đánh mà còn khuyên bọn chúng leo trèo cẩn thận, đừng để té gãy tay gãy chân. Bọn trẻ con nhà quê chúng tôi không có nhiều bánh kẹo để ăn như bọn trẻ bây giờ. Thế nên những loại trái cây hoang dại như chùm chu, chùm chày, và ổi sể... là những món ăn tuyệt vời nhất mà chúng tôi có thể tự tìm hái được. Những thứ quả ngọt của đồng quê ấy, và những chiều lang thang là những kỷ niệm của một thời thơ ấu sẽ mãi mãi không bao giờ quên.

# CHƯƠNG 5

## Thao thiết quê nhà



Ông ngoại tôi sáng sáng thường ngồi bên nồi khoai luộc bốc khói nghi ngút hay ngâm nga cái câu tôi đã nghe đi nghe lại đến thuộc lòng:

*“Võng giá nghênh ngang,  
không bằng khoai làng với nước chè (trà)”*

Tôi thắc mắc hỏi ông:

- Võng giá là gì hở ông?

Ông tôi không trả lời chỉ vuốt râu cười.

Là một miền đất pha cát, có màu sắc và thành cấu tạo giống với đất đỏ bazan nên quê tôi thích hợp cho việc trồng mía, đậu phộng, khoai mì, và khoai lang...

Không phải nói phét chứ chẳng xứ nào khoai lang ngon bằng quê tôi. Đúng như câu ca dao:

*"Trăng rằm đã tỏ lại tròn*

*Khoai lang đất động đã ngon lại bùi"*

Chỉ cần ngắm nhìn hình dạng những củ khoai lang mới đào lên đã thấy ngon rồi. Củ không to lắm, thường chỉ dài chừng một gang tay và tròn trĩnh như những chú chuột chù. Màu da hồng sẫm. Vỏ mỏng, trơn láng, không bám nhiều bùn đất. Khi nấu chín có mùi thơm tỏa ra diu diu, thoang thoang. Lớp vỏ dễ bóc. Ruột khoai trắng ngần, ít sùng hà, bùi và bở, hơi ngọt, ăn không ngán. Lúc nấu cần bỏ thêm chút muối cho vị thêm đậm đà.

Mùa trồng khoai bắt đầu từ cuối tháng bảy âm lịch, khi chiều chiều tó những cơn mưa giông. Nhưng trước đó cả mấy tháng, mọi người đã lo chuẩn bị phân, giồng. Khoảng tháng hai, tháng ba người ta đã mua dây lang về giâm (rom mầm) trong vườn cho tiện tưới nước. Phân bón thì cắt các loại lá cây xanh hoặc lấy rom rạ trộn lẫn với phân bò, phân heo ủ thành đồng để sẵn.

Cuối mùa hạ, khi vừa có những trận mưa giông lớn cũng là lúc mọi người đổ xô ra rẫy để trồng khoai. Trước tiên dùng cuốc kẻ những đường thẳng và dài theo về ngang hoặc bề dọc của đám đất muốn trồng làm chuẩn mực. Kế tiếp dùng phân xanh đã ủ rải lên các đường thẳng đó. Đàn ông con trai vun vòng; đàn bà con gái chỉ việc cắm những khúc dây lang cắt ra từ vườn giâm xuống vòng đất.

Sau khi trồng khoảng chừng bốn đến năm tháng là có thể bắt đầu đào khoai về nấu. Qua Tết Nguyên Đán cũng là thời kỳ lá khoai tàn úa, cần phải thu hoạch gấp. Chiều chiều, cả xóm kéo nhau ra rẫy, vỡ vòng đào khoai. Tiếng gọi nhau, tiếng cười nói í ới. Những gánh củ lang tươi nặng trĩu, làm oằn vai các cô thiếu nữ nối nhau trên đường làng. Nhà nào khoai cũng chất thành đụn, thành đồng to trong sân.

Đêm đến mọi nhà chong đèn xắt khoai thành từng lát, để rồi sáng hôm sau lại gánh ra đông biển (dãi cát dài dọc theo bờ biển, xa mép nước) mà phơi phóng. Có nhiều người muốn cho thuận tiện, đỡ tốn công sức họ làm chòi ở luôn ngoài rẫy để chứa và xắt khoai tại chỗ.

Khoai lát phơi khô, cất trong lẫm trong vại hoặc bõ đựng lúa để dành ăn cả năm. Thịnh thoảng nếu cần tiền mặt có thể đem vài thúng ra chợ bán. Món khoai lang khô nấu với đường, đậu phộng và dừa nạo cũng là một món ăn khoái khẩu. Ngoài ra, khoai lang tươi còn được dùng làm mứt, nấu chè, tráng bánh, và chà bông trộn đường cũng rất ngon và bõ.

Quê tôi không trù phú như những nơi khác, nhưng người dân chưa bao giờ phải chết đói cho dù là những năm tháng khắc nghiệt trong thời kỳ bao cấp hay năm Dậu 1945. Được như vậy cũng là nhờ những vòng khoai lang xanh mướt kia.

Hằng năm, mùa mưa bắt đầu từ khoảng cuối tháng tám đến hết tháng mười một âm lịch. Những tháng ấy cũng là mùa biển động. Thuyền bè được kéo cao lên bờ, xa mép nước, lún sâu vào đông cát trắng, nằm nghỉ ngơi suốt ba bốn tháng liền. Để rồi vào nửa tháng chạp chúng lại trườn mình ra biển đón chào một mùa đánh bắt cá mới, với những tấm lưới đã được tân trang kỹ lưỡng, tinh tươm.

Suốt những tháng mùa đông, bầu trời luôn âm u, xám xịt. Từng đợt gió mùa đông bắc thổi se sắt, cái lạnh như dao cứa vào da thịt, rét buốt. Nhiều cơn mưa áp thấp như trút nước dai dẳng dầm ba hôm cũng chưa ngừng.

Quê tôi là một làng ven biển nhưng lại có cả rẫy lẫn ruộng. Dù vừa làm nông vừa làm biển nhiều gia đình vẫn nghèo. Một phần do ruộng chua phèn sản lượng thấp. Ghe thuyền nhỏ không ra khơi đánh bắt được. Một phần khác do làm ăn tập thể kiểu hợp tác xã, lương nông dân tính bằng công

điêm, giá trị thập. Lương thực dự trữ của người dân chẳng là bao nhiêu. Bởi vậy những ngày cuối năm mưa bão đói kém thường xuyên xảy ra.

Nhà tôi mỗi ngày mỗi người chỉ ăn được một chén cơm vào buổi tối. Các bữa còn lại thay bằng khoai và rau luộc. Món ăn chỉ có mỗi cá mắm kho rim. Thường thì những ngày mưa lụt, trường huyện đóng cửa nên bọn chúng tôi có nhiều việc để làm phụ giúp gia đình.

Để cải thiện bữa ăn bọn trẻ nhóc chúng tôi t hay xục xạo đi tìm các loại nấm mọc trong lùm bụi, hoặc trong các đồng rơm rạ về nấu canh. Lớn lên một chút nhiều đứa đi đào còng rầy hoặc đi giăng câu đồng bắt cá, bắt chim.

Hầu như bất cứ một đứa trẻ trai choai choai nào ở quê tôi cũng đều biết làm nghề giăng câu. Cho dù việc này cũng khá vất vả và nguy hiểm. Nhưng cứ hễ mưa xuống, khi nước lũ tràn về thì rủ nhau đi thả câu. Vì lúc ấy những con cá trắm cỏ, cá rô phi... từ thượng nguồn sông Vệ, sông Ba Liên theo con nước đục ngầu đổ về miền hạ lưu sông Thoá nhiều vô kể. Có một lần tôi và thằng em con nhà chú đi câu. Tôi trượt chân sém chút bị nước cuốn phăng, may mà bơi được vào một gò đất giữa đồng.

Nếu không đi câu, cũng có thể đi lượm củi rêu ven biển. Mỗi lần sau trận lụt lớn, cây cành từ miền thượng lưu trôi ra biển, bị sóng đánh vào bãi. Chúng tôi chịu khó đi nhặt về hong khô để dành đun bếp. Những năm ấy, người đi vượt biển khá đông nên đôi khi có cả xác chết tấp vào bờ. Cứ mỗi lần thấy cảnh người gặp nạn như thế, đồng bào xóm tôi lại chôn cất tử tế. Cũng có cúng bái hương hoa tiễn đưa linh hồn người xấu số.

Những năm bao cấp, tôi còn bé không thể đi biển được chỉ có thể làm ruộng và làm rẫy. Nhà tôi có vài mẫu đất thổ của ông bà để lại, nhưng không có một tác ruộng nào. Gia đình thuộc thành phần bản nông nên được vận động vào Hợp tác xã đầu tiên. Đọc những cuốn sách viết về nông thôn miền Bắc làm hợp tác xã với những cánh đồng lúa năm tấn, tôi ngưỡng mộ và

ham muốn lắm. Ước ao rằng quê tôi cũng làm hợp tác để tôi có cơm ăn cho thỏa thích. Nghe nói địa phương thành lập hợp tác xã nông nghiệp, tôi mừng lắm, cố gắng thuyết phục mẹ ghi danh. Tôi nói với mẹ:

- Ngoài Bắc người ta làm hợp tác xã năm nào cũng bội thu. Tất cả những chi phí sản xuất nhà nước đều lo, mình chỉ cần đi làm công rồi cuối mùa thu hoạch gánh lúa về thôi.

Mẹ tôi nghi ngờ:

- Dễ ăn như thế sao trong ta nhiều người không chịu vào?

- Chắc là họ có nhiều ruộng quá. Vào hợp tác sẽ bị mất sạch nên họ chống đối thôi!

- Nhưng sao mẹ thấy mấy gia đình tập kết từ ngoài Bắc trở về đây còn nghèo hơn nhà mình?

- Có lẽ do họ ở thành phố, gốc công nhân vô sản mà mẹ! Hơn nữa nhà mình vào hợp tác xã được nhận vài chục mét vuông ruộng phần trăm cũng tốt mà!

Bị tôi làm thuyết khách mẹ đồng ý. Hôm đi ghi tên về mẹ đưa cho tôi tờ giấy về không vui:

- Con đọc đi! Sao họ bắt mình phải xin xỏ?

Tôi cầm tờ giấy đánh máy thấy ghi phía dưới câu khẩu hiệu bắt buộc cho tất cả mọi đơn từ, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độc lập tự do hạnh phúc là dòng chữ: Đơn Xin Vào Hợp Tác Xã Nông Nghiệp. Tôi cũng ghét hai chữ “đơn xin” nhưng vội an ủi mẹ:

- Họ máy móc làm theo thủ tục thôi mẹ ơi! Đề đơn xin coi như mình tự nguyện tham gia cũng hay hay mà!

Mẹ tôi không nói gì thêm.

Ngày đầu tiên đi làm hợp tác là một buổi sáng mùa hè. Đúng sáu giờ sáng, trong xóm vang lên tiếng keng... keng... keng... của những mảnh kim loại đập vào nhau. Người ta dùng cái búa to gõ vào một quả đạn pháo 175 ly rỗng ruột làm hiệu lệnh kêu gọi mọi người tập trung về ngôi trường tiểu học trước khi xuất phát. Hôm đó có chừng hai chục người cả nam và nữ. Mỗi người đều vác trên vai một cái cuốc. Anh đội trưởng đội sản xuất dẫn tất cả ra cánh đồng trống, trụi trơ gốc rạ. Anh ta chỉ một đám ruộng vừa mới đốt rơm, bề mặt còn loang lổ

những vùng tàn tro đen sì, bảo mọi người xuống đẩy dần thành hàng ngang để cuốc đất. Xóm tôi phân đông các gia đình đều làm biển nên không nuôi trâu bò cày. Thịnh thoảng những đội sản xuất khác có dư thợ cày mới được điều sang phụ giúp.

Mùa vụ đầu tiên ai nấy đều hăng hái làm việc vì cái hứng khởi được làm ăn trong một mô hình sản xuất mới *vĩ đại* theo chủ trương của cách mạng: *Làm ăn tập thể*. Cuối vụ đó một ngày công vất vả 10 điểm được chia cho 1.2kg thóc. Nhưng dần dà cán bộ làm việc quan liêu. Chủ nhiệm không bước chân ra ruộng, giao toàn bộ việc đồng áng cho các đội trưởng sản xuất. Ban quản trị ngồi mát ăn bát vàng, cấu kết với thủ kho, kế toán biển thủ ngân sách, phân bón, thóc giống, và tham ô nông sản... khiến người dân bất mãn, bỏ đi làm chuyện khác. Thời hợp tác xã nông nghiệp quê tôi không có cánh đồng lúa vàng trĩu hạt. Không có hình ảnh *anh chủ nhiệm* được ngợi ca với “bao tiếng thân thương, lời cảm mến” như trong bài thơ của Hoàng Trung Thông. Cánh đồng làng chỉ có những thửa ruộng khô nứt nẻ. Những thân lúa gầy ốm, tong teo. Màu xanh của cỏ năng, cỏ lát bao trùm, lấn át cả màu xanh của lúa. Mỗi vụ mùa thu hoạch một ngày công chỉ được vền vện 5 lạng lúa phơi một nắng có khi là lúa tươi! Không những thế, đội nào gặp phải tay thủ kho tham ô còn bị trộn cát vào trong lúa cho nặng cân, để ăn chặn số thóc dư nữa! May là quê tôi còn có những vòng khoai lang, khoai mì. Những chiếc ghe mảnh sơn sẫm chiều hăng hái vượt sóng. Nếu không, dân làng đã chết đói hoặc tha phương cầu thực khắp mọi nơi rồi!

Sự vật cùng tác biến. Nhờ phong trào đổi mới cải tổ, Hợp tác xã thay đổi cách làm ăn tập thể bằng “giao khoán sản phẩm.” Nông dân nhận ruộng về canh tác, đóng tô thuế cho hợp tác xã và nhà nước. Sự thay đổi này chẳng có gì mới mẻ cả chỉ là quay trở lại cảnh tá điền lãnh ruộng cày thuê như thời phong kiến thực dân mà thôi. Cách làm đo đã đem lại hiệu quả. Nông dân được chăm bón trên chính thửa ruộng nhà mình làm chủ, nên khác hẳn kiểu “cha chung.” Năng suất tăng vọt. Đồng ruộng lại nghe sóng lúa rì rào.

# CHƯƠNG 6

## Muru sinh nơi quê nghèo



**Đ**ức Phổ là một huyện phía Nam của Tỉnh Quảng Ngãi, được bao bọc bởi nhiều con sông, và có chiều dài bờ biển khoảng 40 km. Có hai cửa biển Sa Huỳnh và Mỹ Á cùng nhiều ao, đầm nên món ngon về thủy hải sản không hiếm. Các món ăn chính từ nguồn cá, tôm, cua, sò, ốc... rất phong phú. Đặc biệt ở Quảng Ngãi có một loại hến nhỏ, con lớn nhất cũng chỉ to bằng móng tay, người dân địa phương gọi là con *dăn dất*. Chúng sinh sống dưới đáy cát vùng hạ lưu của các con sông như: Trà Khúc, sông Vệ, sông Thoa....

Muốn bắt được con dấn dất cũng không phải là một việc đơn giản. Dấn dất sinh sống ở vùng nước lợ, vùi sâu dưới đất cát gần cửa sông nên để bắt được chúng, người dân phải đợi con nước ròng, và cần có dụng cụ đặc biệt. Đó là một cây sào tre dài độ 2m5, đầu gốc chẻ tách làm đôi và căng ngang bằng một lưới thép mỏng có độ dài khoảng 30-40cm và rộng chừng 3-4 cm. Một tấm lưới thật dày chỉ đủ để lọt cát và những hòn sỏi nhỏ, mắc vào lưới thép và hai thanh tre chẻ đôi của cây sào, làm thành một cái bọc như cái vợt.

Hễ nước sông ròng vào lúc nào (có khi nửa đêm có khi gần sang) thì đi cào lúc đó. Người đi cào dấn dất lội ra giữa sông thả cái vợt lưới xuống nước, thân sào tì vào vai, kéo đi giật lùi. Cứ đi một đoạn lại nhấc cái vợt lên cho cát, sỏi rơi ra chỉ để lại những con dấn dất xinh xinh be bé còn nằm lại trong vợt. Khi vợt đã căng đầy, người ta đổ chúng vào một cái thau đang được cột dây thả trôi bên cạnh hoặc vào cái bao tải mang theo bên người. Nghề cào dấn dất thật là vất vả. Ngày nào cũng phải ngâm mình dưới sông.

Những thúng dấn dất đem về ngâm qua nước lạnh một đêm để chúng nhả hết chất bùn, cát mịn trong ruột ra. Sau đó, người ta đem trứng (luộc) qua nước sôi, đãi vỏ, chỉ để lại cái ruột đem bán ở chợ.

Ruột dấn dất mua về, phi hành mỡ cho thật thơm đổ vào xào, nêm nếm cho vừa ăn, cho thêm một ít hành ngò, rau húng quế và dăm lát ớt đỏ là đã có một món ăn vừa rẻ tiền, vừa ngon. Dùng miếng bánh tráng còn đang nóng xúc vào đĩa dấn dất đang bốc hơi thơm nức mùi đưa vào miệng mà thưởng thức thì không còn gì khoái khẩu hơn. Miếng bánh tráng giòn rụm đi kèm với cái dai dai rắn chắc của thịt dấn dất. Cộng với cái béo, cái cay cái ngọt hòa quyện vào nhau thành một kết hợp hoàn

hảo. Hương vị từ từ thấm dần vào vị giác tạo nên một sự thích thú khó tả. Nếu ăn món này mà có thêm một ly rượu đế thì trên cả tuyệt vời!

Tôi thường nghe người ta hay đọc một câu về mà không biết nó có từ lúc nào:

*Ai ăn bánh ít lá tra*

*Lấy chông Quảng Ngãi bám cây chà mảnh sơn!*

Bánh ít lá tra? Tôi chưa từng ăn. Tôi đã ăn bánh ít lá gai, bánh ít trần. Còn bánh ít lá tra chỉ nghe người ta nói đến trong câu về chứ chưa từng thấy ngoài chợ. Nhưng *cây chà mảnh sơn* thì tôi quá rành rẽ. Bởi thuở nhỏ vào những dịp nghỉ hè, tôi đã *nhảy* theo những chiếc thuyền mảnh để làm thủy thủ tập sự. Xã tôi ở nằm dọc theo bờ Biển Đông, từ đầu này đến đầu kia của xã dài hơn chục cây số.

Ngoài vài mươi con tàu chạy bằng dầu có chỗ đậu ở của Mỹ Á, dọc theo bờ là bến bãi của những chiếc thuyền và những cái mùng nan. Loại phương tiện này nhiều vô kể, lớn nhỏ đủ kích cỡ. Người dân quê tôi không gọi là thuyền mà gọi là *ghe*. Chiếc ghe bé nhất dài chừng 3-4 mét, bề ngang chừng 1.8 mét; còn ghe lớn nhất cũng chỉ dài và rộng gấp đôi. Ghe được đan lát bằng tre cật già, đủ độ bền và dẻo dai để chịu sóng gió. Khi đan xong còn phải trát ba lần phân bò bên ngoài và trong cho kín các khe hở. Sau đó chờ cho khô lại phết thêm hai lớp *dầu rái* chống thấm nước. Những chiếc ghe lớn theo phong tục ở quê tôi khi làm xong đều phải điếm nhãn. Măt ghe được vẽ ở đầu mũi. Mỗi bên một con, kiểu măt phượng, đầu tròn đuôi dài và nhọn. Lòng măt sơn hai màu đen trắng. Vành măt đôi khi viền đen hoặc xanh đậm. Bên mỗi be thuyền có một hàng ba cái cọc quay chèo, phía trái thêm cọc chèo lái. Các cọc chèo được xếp theo hàng dọc so le nhau. Chính giữa ghe là cột

buồm, chỉ khi nào đi lưới ngoài khơi mới cần căng buồm lên. Ghe ở làng chài tôi không thả neo ngoài biển, không về cửa đàu mà được dùng đòn khiêng xoay vắn lên bãi cát trong bờ sau mỗi buổi ra khơi. Tờ mờ sáng hôm sau lại khiêng xuống nước. Có lẽ vì là bãi ngang nên sóng gió bất ngờ, ghe neo ngoài khơi không người trông coi dễ bị sóng đánh chìm hoặc vỡ. Còn về cửa Mỹ Á thì đi lại bất tiện.

Vì sóng với sóng gió, tai ương không thể lường trước được nên ngư dân ở đây rất kiêng cử. Có khi những điều kiêng cử ấy quá phi lý đã trở thành mê tín dị đoan nhưng không ai dám bất tuân. Ví như lúc sắp khởi hành không ai được đi ngang qua trước mũi ghe, hoặc bước ngang qua cây chèo lái. Không được đem trái thị có mùi thơm của cô Tấm ra biển. Không được nói “*chạy tuốt*” mà phải nói “*chạy tấp*” v.v... Tất cả những điều kể trên đều bị cho là xúi quẩy. Kẻ nào lỡ vi phạm tuy không bị đánh đòn nhưng sẽ bị mắng là “*Đồ ở núi!*” Đó là một câu chửi rất nặng nề ở quê tôi. Có ý nghĩa như thứ dân mọi rợ chẳng biết gì.

Tuy là mặt biển rộng mênh mông, không ranh giới nhưng các vùng nước cách xa bờ vài hải lý đều có chủ quyền sở hữu cả. Dưới mặt nước xanh kia là những rặng san hô ngầm. Thật ra các chủ ghe không sở hữu mặt nước mà là các rặng san hô này. Mỗi một rặng đều có tên gọi hẳn hoi, và được xác định tọa độ bằng cách lấy vị trí của các ngọn núi trong bờ làm chuẩn. Hàng năm các ông *chủ rặng* phải xuống Ủy ban xã đăng ký quyền sử dụng và đóng thuế cho nhà nước rồi mới được khai thác. Để sử dụng các rặng san hô cho có hiệu quả người ta tìm cách *dụ* hải sản quanh vùng về *rặng* của mình. Cách làm cũng đơn giản giống như thả chà ở sông. Nhưng về mặt kỹ thuật hơi khác chút đỉnh. Cụ thể, ngư dân dùng một cây tre đẵn ngà to và dài, xung quanh có buộc bốn sợi dây thừng

cũng rất dài đối xứng nhau. Những sợi dây thừng này được đánh bằng ruột tre chuốc thành sợi nhỏ, đem se lại với cọng cỏ lát khô cho tăng thêm độ bền. Dây thừng được đánh thật săn chắc, cứ mỗi đoạn cách nhau một cánh tay lại cột vào đáy mấy rễ chà là đã phơi khô. Một đầu thừng buộc vào cây tre đàng ngà; đầu còn lại buộc vào cái giỏ cần xé to dùng có lót rơm xung quanh, và dồn cát biển vào trong ruột thật chặt. Tất cả những thứ ấy được chở ra biển và thả xuống rặng để làm “nhà” cho cá ở. Cứ vài ba tháng ngư dân lại phải làm một *căn nhà* mới để bổ sung. Những cái cây tre trụ lá do người tạo, mọc trên biển như thế được gọi là “*cây chà mảnh sơn*”.

Phương thức đánh bắt hải sản cũng có rất nhiều cách. Chẳng hạn như đi câu, thả bóng (một loại lò bắt cá, cua, mực... ở biển có dạng khối vuông, mỗi cạnh chừng 2m), đánh lưới... Nhưng thịnh hành nhất ở quê tôi là *nghe mảnh sơn*. Mỗi chiếc ghe mảnh gồm một ông chủ, luôn luôn là người cầm chèo lái, và sáu người bạn chèo. Cứ tờ mờ sáng là cùng nhau đẩy ghe ra biển. Đánh bắt đến xế trưa quay trở lại bờ. Sản phẩm thu được đem về chia phân ghe và giàn mảnh chiếm một nửa. Phần còn lại chia đều cho *bạn chèo* và chủ ghe.

Thuở thiếu niên tôi cũng đã từng theo ghe mảnh vài lần vì muốn biết cái nghề mảnh sơn nó như thế nào. Khi mặt trời còn chưa ló dạng, phương đông chỉ mới ửng hồng, mọi người đã lục tục quay ghe xuống mép nước. Thủy thủ chia ra hai bên mạn thuyền “gay” chèo vào cọc, sẵn sàng nghe lệnh. Khi có một con sóng ngã vào bờ, chờ đúng lúc làn nước rút ra, chủ thuyền hô “Đẩy!” thì tất cả mọi người cùng khom lưng dồn hết sức đẩy mạnh cho chiếc ghe lao xuống nước. Khi ghe bắt đầu nổi lên khỏi mặt cát cũng là lúc mọi người thót nhanh lên thuyền, cầm vôi lấy cây chèo, chèo thật cật lực. Bình thường sóng êm gió nhẹ chiếc ghe sẽ lướt phẳng phẳng rời bờ. Nhưng

nhiều hôm có gió to, biển động ghe bị sóng đánh xoay ngang, nước biển tràn vào khoang thì vất vả vô cùng. Thủy thủ phải nghiêng ghe đổ nước hoặc dùng gàu tát cạn rồi mới tiếp tục cuộc xuất hành. Bởi thế khi biển hơi có sóng thủy thủ chỉ mặc có mỗi một chiếc quần cộc và để lưng trần. Nếu sóng lớn quá biển động mạnh tạm nghỉ một vài bữa.

Khi đã đến vùng để đánh bắt, hai cái chèo ở khoang giữa được gỡ ra. Giàn mảnh sơn bằng sợi ny lông (thời xưa hơn là sợi gai) được hai người cầm chèo giữa thả xuống nước. Những người khác vẫn tiếp tục chèo vì ghe không thả neo. Giàn lưới từ từ chìm xuống mặt biển xanh. Tấm lưới mảnh xòe ra trông giống như một cái đũa lớn, miệng rộng đuôi túm lại để chứa cá tôm. Miệng lưới có cột ba hòn đá tảng vuông vức kích thước chừng một gang tay mỗi cạnh, cách quãng nhau để cho mau chìm. Ba sợi dây ny lông lo bằng ngón tay cái cột ở ba hòn đá được giữ lại nơi be thuyền, để lát sau kéo mảnh lên.

Mở lưới đầu tiên thả xong, ông mặt trời cũng vừa hiện ra nơi đường chân trời. Những tia nắng hồng ấm áp chiếu rọi khắp nơi. Thủy thủ gác chèo lên be, mở những gô com đem theo ra ăn sáng. Chủ ghe vẫn đứng cầm lái, chốc chốc lại khua chèo khuấy nước một lần để giữ cho chiếc ghe khỏi trôi xa vị trí thả lưới. Chỉ khi nào có ai đó cầm chèo thay thì ông ta mới nghỉ ngơi để ăn sáng. Nếu cần ông cũng có thể buộc ghe vào cây tre chà.

Chừng hơn một tiếng đồng hồ sau, sáu thủy thủ xúm lại kéo mảnh lên. Giàn lưới từ từ lộ ra dưới làn nước trong xanh. Dù còn cách mặt nước khá xa đã thấy những con cá đang bị tấm lưới dồn ép quây quần lại với nhau thành đàn. Lưới được kéo lên cao chừng nào đàn cá càng túm tụm lại với nhau chừng nấy. Ở rặng san hô có nhiều loại cá khác nhau, đủ các loại màu

sắc đen, vàng, hồng, cam, trắng... bị lừa về phía cuối dẫy mỗi lúc một nhanh. Tôi thấy chúng thật tội nghiệp, nhưng đám thủy thủ thì reo hò vui vẻ. Cá nhiều quá! Chủ ghe sợ cái dẫy chứa không hết, cá sẽ tràn ra ngoài nên sai một anh thủy thủ trẻ tuổi nhảy xuống nước, dùng một khúc tre dài làm phao nắm lấy cái dẫy ở miệng dẫy mà kéo lên để giữ cho cá khỏi tràn ra ngoài. Hai người đàn ông lực lưỡng hè hụi nâng dẫy cá lên khỏi mặt biển và đổ cái ào vào khoang. Mọi người không ngớt nói cười, đánh giá mẻ lưới đầu tiên như thế là quá tốt. Chiếc ghe lúc kéo lưới bị luồng nước và gió trôi đi hơi xa vùng san hô nên ai nấy vội vàng vung cheo vòng lại chỗ cây tre chà. Mẻ lưới thứ hai được tiếp tục thả xuống. Cứ tiếp tục đánh bắt như thế mãi đến lúc không còn thu hoạch được gì chiếc ghe mới rời đi đến vùng rặng khác. Thường thì mỗi chủ ghe sở hữu hai ba khu rặng. Hôm nay có cá nhiều đến xế trưa họ mới trở vào bờ.

Buổi trưa phụ nữ và các cô gái đem cơm ra biển cho chồng con, ngồi đợi trong những cái chòi rom trên đông biển. Sau khi ghe đã được đưa lên bãi, thủy thủ khiêng những sọt cá lên chòi. Cá được đổ ra trên một tấm liếp lớn, và hai anh ngư dân phụ trách đong chia cho mọi người. Trong lúc đàn ông nghỉ ngơi ăn cơm thì đàn bà nhận phần cá của chồng con mình, gánh đến chợ bán hoặc san lại cho những người *chạy rổi* (bạn hàng mua bán cá).

# CHƯƠNG 7

## Chuyện làng tôi



Cũng như những nơi khác trên đất nước Việt Nam, tháng Giêng ở quê tôi có rất nhiều lễ hội và trò vui chơi. Ví như mừng Hai Tết có Lễ xuống nghề, mừng Bốn Tết Lễ đua ghe, mừng Mười Tết Lễ cúng Lăng Ông. Rằm tháng Giêng hát bội, hát bài chòi...

Người dân quê tôi sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, mưu sinh trên đầu sóng, nhiều hiểm nguy mà thu nhập không ổn định nên rất mê tín. Dọc theo bờ biển dài chừng chục cây số nhưng có đến ba bốn lăng thờ Cá Ông. Mỗi năm, sau khi cúng Lăng cầu xin sóng êm biển lặng, tôm cá được mùa,

các chủ thuyền họp nhau góp tiền thuê đoàn hát tuồng Bình Định về hát cho vui về xóm thôn. Làng biển, không giống như thành phố. Các đoàn cải lương thường chê ít khán giả nên không muốn về. Các cụ ông, cụ bà lại ưa thích xem gánh hát tuồng biểu diễn nhiều hơn nên năm nào cũng thuê họ. Mỗi lần như thế thường hát từ ba đến năm đêm. Người từ các xã lân cận đổ về nườm nượp, náo nhiệt hẳn lên.

Sân khấu dựng trên một bãi cát trắng rộng, ngay tại cửa biển Mỹ Á. Quê tôi chưa có điện. Các ngọn đèn măng-xông thấp sáng rực cả một vùng trời. Trai gái trong làng rủ nhau đi xem hát là phụ mà nhân cô hội hẹn hò, tán tỉnh nhau là chính. Có nhiều cặp đôi cưới nhau ngay sau mùa hát bội. Bọn con nít khoái không khí náo nhiệt, ồn ào chứ chẳng tha thiết gì với nội dung tích tuồng.

Tôi còn nhỏ, không hiểu họ hát tuồng gì, chỉ thường nghe những tiếng ừ ừ ừ... phát ra mỗi cuối câu cuối đoạn nên chán ngấy. Đào kép bôi mặt xanh đỏ lòe loẹt trông gớm chết. Nhưng tôi lại mê những bộ áo quần sặc sỡ họ mặc, và những màn múa võ đánh nhau trong các vở tuồng.

Gần cuối đêm hát đầu tiên, sau khi màn ba được kéo lên có hai anh hề bước ra sân khấu đấu khẩu chọc cho khán giả cười. Một anh nói với bạn đồng diễn.

- Tao đổ mày nhé! Một mắt mà mặt ba ão, nhấp nháng nhấp nháng mà xáng cái đùng. Là thứ gì?

Tất nhiên anh chàng được hỏi đã biết đáp án từ trước, nhưng giả vờ im lặng, nhăn mày nhúm mặt dường như suy nghĩ dữ lắm mà không tìm ra đáp án. Dưới sân khấu, khán giả cũng lặng im phăng phắc chờ nghe câu trả lời. Đột nhiên bác cầm chầu gõ vào tang trống “cách cách”. Không biết là thúc giục

anh kia nói mau hay bất mãn, phản đối. Chẳng thèm để ý đến tiếng trống, chàng hề vẫn cứ vò đầu bứt tóc một lúc nữa. Lại “cách cách”. Đến lúc này, anh hề mới cười khàn khạch, đáp:

- Dễ ợt thế mà cũng đó. Nó là hột mít.

- Giải thích nghe thử?

- Này nhé! Một mắt là hột mít chỉ có một chỗ nảy mầm (phôi) trông giống như con mắt của nó. Còn ba áo là lớp com mít, lớp vỏ hột, và lớp vải lụa. Đúng không?

- Thế còn nhấp nháng nhấp nháng mà xáng cái đùng là sao?

- Là người ta đem nướng hột mít trong bếp lửa bập bùng, nó sẽ nổ đùng đoàng, chứ gì!

- Hề hề...

Khán giả cười ồ, vỗ tay hoan hô đôm đốp, nhưng bác cầm châu không hề đánh trống khen ngợi.

Sau đêm đó, tôi không còn thấy bác ấy cầm châu nữa. Nghe người lớn, nói tôi mới biết, phường hát không ưa bác vì bác cầm châu khen chê không thật sự thuyết phục, đồng thời lại quá hà tiện ném thẻ khen thưởng. Thường thì hề ai cầm châu đều phải tự bỏ tiền ra ban thưởng cho đào kép. Số tiền thưởng được tượng trưng bằng những chiếc thẻ tre, có kích thước ngắn dài khác nhau, giá trị chuyển đổi sang tiền mặt cũng khác nhau. Hề đào kép hát ngọt, diễn tốt, nói những câu có ý nghĩa, hay ho thì ngoài việc đánh trống khen ngợi, người cầm châu còn phải quăng thẻ tre lên sân khấu để tán thưởng. Gánh hát có người phụ trách đi nhặt những cái thẻ đó để cuối buổi chuyển đổi thành tiền. Hai anh hề dùng ‘hột mít’ để chọc ngoáy về ngoại hình và cách đánh trống của bác cầm châu cũng vì bọn họ ít được thưởng. Đúng là bác ấy bị chột một mắt, không rành tuồng tích lắm nhưng vì là người tập kết về hưu rất có uy tín. Nhà bác giàu có nên mới được đề cử cầm châu năm ấy. Hai anh hề *lỡm* bác trước bàn dân thiên hạ như thế cũng quá đáng.

Cầm chầu hát bội không phải là chuyện chơi mà ai cũng có thể làm tốt được. Nhưng suy cho cùng nó cũng chỉ là một thú vui nên cũng chớ luận ngu hoặc khôn làm gì.

oOo

Mới nửa buổi sáng, cả xóm bỗng nhiên náo động dị thường. Đang giữa mùa hè lý ra giờ này mọi người ở ngoài đồng làm ruộng, hoặc ở trong bếp lo cơm nước để đến trưa đem ra biển cho chồng, con mới phải. Nhưng hôm nay có chuyện khác lạ, không giống như mọi ngày. Từng tốp người lũ lượt chạy ngang qua trước ngõ nhà tôi lên xóm trên. Hình như trên đó đang xảy ra chuyện gì. Xỏ vội đôi dép vào chân, tôi chạy theo một tốp phụ nữ. Đến gần nơi có con đường rẽ ngang, lối dẫn vào nhà ông Ba Mân, tôi thoáng thấy hai chiếc xe công an đang đậu bên vệ đường. Cảnh đó là mấy người mặc quân phục an ninh đang làm nhiệm vụ. Trông thần thái ai ai cũng rất nghiêm trọng.

Hai bên đường, từng đám phụ nữ bồng bế con nhỏ, và những đứa trẻ loai choai tùm tùm bàn tán rì rầm, Tôi đến gần một nhóm phụ nữ quen biết để nghe ngóng tin tức. Có tiếng người hỏi:

- Chuyện gì đang xảy ra thế?
  - Công an đang lục soát nhà ông Ba Mân.
  - Vì chuyện gì chứ?
  - Nghe đâu ông ta tham nhũng của công!
- Có tiếng một người khác cảnh báo:
- Nói khê thôi! Công an tỉnh đang làm việc!
- Tiếng xì xầm im bật.

Tôi cố gắng len lõi tiến về phía trước xem sao, nhưng bị một anh công an chặn lại. Chỉ còn cách đứng xa xa ngó vào ngôi nhà ông Ba Mân. Ngoài ngõ và trong sân có vài đồng chí công an đứng canh. Trong nhà im ắng, cửa đóng kín bung.

Nhà ông Ba Mân thuộc về gia đình khá giả nhất làng. Trong khi mọi nhà khác đều làm bằng tranh vách đất thì nhà ông tường xây bằng gạch, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch hoa văn bát tràng. Cả xóm chỉ mỗi ông Ba Mân và xã đội trưởng là có cái đài bán dẫn Transistor. Trong nhà bàn ghế đều bằng thứ gỗ tốt, đánh vẹt-ni láng bóng. Đặc biệt nhà có nuôi một con chó beç-giê lông đen, khá to đặt tên là Thiệu. Có lần thằng Mừng con ông dẫn chó đến nhà tôi chơi. Tôi khen con chó cao lớn, oai dũng. Thằng Mừng khoái lắm, gọi Thiệu... Thiệu... và ra lệnh cho nó nằm yên; con chó rậm rấp vâng lời. Tôi hỏi, sao chó của mày đặt cái tên đẹp đẽ, giống tên người vậy. Nó cười ha hả, trả lời tôi rằng, ba nó chúa ghét ông Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nên đặt tên chó như thế chứ đẹp đẽ gì!

Ông Ba Mân làm phó phòng lương thực huyện nên của ăn của để dồi dào. Vợ kế ông là thư ký nơi ông làm việc. Bà vợ này kém ông chồng mười lăm tuổi, còn trẻ măng. Tôi nghe thằng Mừng kể, gia đình nó trước ngày giải phóng sống trên núi cao. Mẹ nó bị bệnh sốt rét không có thuốc chữa nên chết sớm. Một năm sau, cha nó tục huyền với bà mẹ kế bây giờ, nguyên là một cô gái công tác cùng đơn vị hậu cần.

Bà mẹ thằng Mừng chỉ sinh ra mỗi mình nó. Mẹ kế cũng chỉ sinh được một đứa con trai duy nhất đặt tên là Minh. Thằng bé trắng trẻo khác xa cha con ông Mân có màu da bánh mật. Tuy vậy thằng Mừng và cha nó cứng chịu thằng nhỏ hết mực. Đứa trẻ này hoạt náo, thông minh nhưng mạng yếu. Năm trước nó đã qua đời trong một tai nạn thương tâm. Nhà ông Mân ít người, hai vợ chồng đi làm việc trên huyện. Thằng Mừng đi học. Đứa bé ở nhà một mình với bà nội già của nó. Bà cụ mắt kém chân run không quản lý được thằng nhỏ sáu tuổi hoạt đầu. Nó chạy nhảy lục lọi khắp nơi. Không dè vợ được khẩu súng ngắn của ba nó để nơi học tủ đầu giường. Cái tủ không khóa nên nó lấy khẩu súng ra chơi, ngậm vào miệng và

bóp cò... Xảy ra án mạng, công an tỉnh về điều tra. Sự việc tưởng chừng cũng trôi qua với thời gian. Chẳng ngờ nhà ông Ba Mân gặp họa vô đơn chí. Sau khi công an tỉnh kết thúc điều tra, không biết vì buồn mất con hay chuyện gì bà vợ kế của ông bỏ nhà đi biệt. Ông Ba Mân chán đời do mất vợ, mất con sinh ra rượu chè bê tha, bỏ bê công việc...

Mặt trời đã gần đứng bóng. Cái nắng mùa hè ở miền Trung loang loáng đến lóa mắt. Những tia nắng nóng như lửa từ trên cao chiếu gần như vuông góc xuống mặt đường cát, dội ngược lên rát cả mặt. Mọi người đã giải tán bớt, chỉ còn một số ít đang núp vào bóng râm của những bụi tre ven đường. Từ trong ngõ nhà ông Ba Mân, một tốp người bước ra. Đa số là công an mặc đồng phục xanh. Một người đi giữa dáng thấp lùn, bận chiếc áo cộc tay màu đen. Đầu ông ta cúi thấp, mái tóc điểm bạc che khuất khuôn mặt. Hai tay người ấy bị còng phía trước. Mỗi bên tả hữu đều có một anh công an đi kèm. Nhóm người ra khỏi ngõ bước lên mấy chiếc xe, rời xóm. Mọi người đứng nép sát vệ đường để nhường cho đoàn xe chạy qua, rồi mới giải tán.

Từ ngày đó tôi không thấy thằng Mừng đến lớp nữa. Tôi nghe phong thanh rằng ông Ba Mân làm thâm hụt hơn một tấn thóc của huyện và bị tòa kết tội mười năm tù giam.

# CHƯƠNG 8

## Sách và thư tình



**K**hông biết từ lúc nào trong bọn nhóc chúng tôi lan truyền cái câu châm ngôn bá đạo ‘*lấy sách sách không phải là ăn cắp*’ ấy. Từ năm học lớp sáu tôi đã ham mê đọc sách, nhưng không vì thế mà nghe theo lời xúi dục của câu *vọng ngữ* kia để lấy sách của người khác một cách ngang nhiên.

Ngày tôi học xong lớp một, chị tôi từ Sài Gòn đem về nhà cuốn *Bên Dòng Đông Trẹm* của nhà văn Dương Hà. Hằng ngày, tôi cứ thấy chị lén lút chờ mẹ đi đâu vắng là lấy ra đọc. Hễ thấy mẹ về là giấu nhem đi. Tôi nghe chị nói với đám bạn bè rằng chuyện tình trong cuốn sách này hay lắm. Chị cũng hay nhắc tới mấy cái tên Triệu Vỹ, Mỹ Lan... gì gì đó.

Tính tôi vốn tò mò nên chờ chị đi làm việc nhà thì lấy trộm xem. Năm ấy, chỉ mới học lớp một nhưng tôi đọc sách báo khá trơn tru. Đọc thì đọc mặt chữ, chứ về nghĩa chẳng hiểu ắt giáp chi ráo. Một hôm, chị tôi bắt gặp, thế là tôi bị chị phết vào đít mấy phát, và cấm không cho xem cuốn đó nữa. Tôi khóc tru tréo, nước mắt nước mũi dàn giụa làm chị tôi mũi lòng, an ủi tôi, nín đi rồi chị mua cho cuốn khác mà xem.

Thế là mấy hôm sau, từ đâu chị mang về cuốn sách của Tô Hoài, *Đế Mèn Phiêu Lưu Ký*. Mấy ngày hè năm đó, tôi nằm vắt chân chữ ngũ trên tấm phảng gỗ mun đến bóng, mát rượi, nhả nha đọc. Chỉ đọc mà chơi, giết thì giờ trong buổi trưa oi nồng, chứ thật tình cũng không hiểu gì mấy.

Cuốn truyện đầu tiên tôi có hứng thú đó là cuốn Tiểu Ngạo Giang Hồ. Tuy rằng sau năm 1975, sách cũ ở các thành phố, thị xã bị tịch thu và đem đi đốt; nhưng trái lại ở thôn quê một số sách xưa được đem về cất giấu nơi các gia đình giáo viên, học sinh, hiệu trưởng và những người ham đọc sách báo.

Phía sau nhà tôi có một anh lớn tuổi rất mê đọc truyện của Kim Dung và Người Thứ Tám. Tôi biết được, nài nỉ mãi anh ta mới cho mượn bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ. Nhưng chỉ cho mượn mỗi lần một cuốn, đọc xong trả lại mới cho mượn cuốn khác. Anh dặn kỹ tôi là nhất định không được cho ai thấy cuốn sách. Lúc nào rảnh tôi liền phóc lên cây đào lộn hột to tướng trong vườn, vắt vẻo ngồi đọc. Nhờ biết giữ lời hứa trả sách đúng hẹn mà tôi đã đọc hết “*kho*” sách của anh.

Tuy rằng lớn lên trong thời kỳ bao cấp, nhưng vì có một số bạn bè là con của các vị thầy cô hoặc hiệu trưởng thời Việt Nam Cộng Hòa nên tôi có dịp tiếp cận với những cuốn

sách hiếm như Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh - Hoài Chân hoặc Việt Nam Văn Học Sử Yếu của giáo sư Dương Quảng Hàm. Sách ‘cách mạng’ thì tôi ngón ngấu đủ thứ hầm bà lằng. Tất cả đều toàn là sách mượn của bạn bè hoặc người quen, chứ tiền đâu mà mua. Quê tôi chỉ có mỗi một hiệu sách của nhà nước ở thị trấn Đức Phổ, mỗi lần thấy có sách mới bạn bè tôi hỏi mua đều nghe cô hàng bán sách bảo để trưng bày, chứ không bán!

Tuy biết lúc đó đang thịnh hành câu “*lấy sách không phải là ăn cắp*” nhưng tôi tuyệt đối không làm như thế, và trả sách rất đúng hẹn nên được mọi người tin cậy cho mượn. Chỉ có một lần vì tính tào lao mà tôi đã làm mất một cuốn sách của bạn, mất luôn uy tín của mình.

Số là có một nhóm Công an Vũ trang (nay là Bộ đội Biên phòng) tá túc ở nhà ông xóm trưởng làm nhiệm vụ tuần tra bờ biển. Không biết nghe ai nói tôi có nhiều sách truyện Tàu, nên một anh công an đến nhà hỏi mượn.

Lúc đó đang là thời kỳ chống đối Trung quốc kịch liệt. Tôi sợ bị vạ, chối đay đầy nói rằng mình chẳng có cuốn nào. Anh ấy hình như đoán được suy nghĩ của tôi nên tí tê bảo rằng anh ta chỉ mượn đọc thôi, không làm khó dễ gì đâu. Chỉ vì anh nghiện truyện Tàu mà nghe nói tôi là người thích đọc sách nên hỏi thử nếu có thì mượn xem, vậy thôi. Anh ta hứa đọc xong sẽ trả lại đàng hoàng. Tôi thấy gương mặt anh này cũng thật thà. Tôi là người miệng cứng lòng mềm nên nghe anh ỉ ôi, nài nỉ cũng thấy thương tình, liền đem cuốn Tiết Nhơn Quý Chinh Đông mới mượn của bạn, vừa đọc xong, cho anh ta mượn. Thế là cuốn sách từ đó mất tích luôn. Tôi cũng không còn gặp anh ta nữa và cũng không dám tìm để đòi.

Buồn cười nhất là chuyện về cuốn sách có cái nhan đề dài thòng Những Mẫu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch. Ngày ấy vì nghiện sách nên hàng tuần tôi đi bộ bảy cây số từ nhà lên thư viện để mượn về đọc. Thư viện nhỏ, sách có giới hạn nên mỗi người chỉ mượn được ba cuốn. Đa phần là sách chính trị của các ông Trường Chinh, Lê Duẩn... Tiểu thuyết, truyện thiếu nhi đã hiếm, thơ lại càng hiếm.

Ở trường lúc học văn tôi đã biết cuốn trên là của tác giả Trần Dân Tiên rồi. Nhưng Trần Dân Tiên là ai, tôi chưa hề nghe cô giáo nói đến. Tôi rất tò mò liền vào thư viện tìm xem thử ông ta còn viết cuốn nào nữa không. Đọc truyện ông kể khá hấp dẫn. Thư viện vắng hoe. Tôi tìm mãi kệ sách có dòng chữ họ Trần nhưng chỉ thấy mỗi cuốn đã nói là của ông. Tôi đến quầy nhờ chị quản lý thư viện chỉ giúp. Lúc đầu chị ta chỉ tay lại cái tủ sách tôi đã lục tìm. Tôi nói với chị:

- Em tìm rồi, chỉ có mỗi cuốn Những Mẫu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch!

Im lặng. Tôi nói tiếp:

- Thế chị biết Trần Dân Tiên còn cuốn nào nữa không? Klem giữ cho em mượn đi!

Không ngờ chị ta xấn xĩa vào mặt tôi:

- Mày muốn gì? Sao hỏi lảm thế? Muốn gây sự à? ... Tao gọi công an bắt bây giờ!

Tôi hoảng hồn, chẳng hiểu vì sao bỗng nhiên chị ta giận dữ thế. Xem tình hình nếu tôi còn gặng hỏi hay đòi co là chị này gọi công an thật chứ chẳng phải nói chơi! Tôi ba chân bốn cẳng chuồn khỏi thư viện ngay lập tức. Kể từ đó không bao giờ dám bén mảng đến thư viện Đức Phở nữa.

Sau này sống ở hải ngoại tôi mới biết Trần Dân Tiên cũng chính là Hồ Chí Minh, người dùng nhiều bút danh khác nhau để viết sách ca tụng cuộc đời mình.

Nói chuyện về những cuốn sách bồng dung tôi chợt nhớ đến những lá thư tình mà một thời tôi đã từng làm người trung gian chuyển chúng cho những người muốn tỏ tình cùng nhau.

Có lẽ hầu như những ai hiện nay tuổi từ sáu mươi trở lên đều đã từng gửi và nhận những lá thư tình. Cho dù những lá thư ấy được cất giữ cẩn thận hàng ba bốn chục năm hay bị xé bỏ đi ngay tức khắc cũng đều là những kỷ niệm của một thời khó quên. Riêng tôi, lúc nhỏ đã được tiếp cận với những bức thư tình từ rất sớm, mặc dù chỉ là làm nhiệm vụ bỏ câu đưa thư.

Mẹ tôi có nhiều cô con gái. Nhưng khi tôi bảy, tám tuổi thì chị Hai, chị Ba đã đi lấy chồng. Chị Tư mất từ hồi còn bé. Lúc đó chị Năm là lớn nhất trong nhà. Chị có mái tóc dài ngang lưng đen mượt hơi dợn sóng. Sống mũi dọc dừa, và đôi mắt to sáng long lanh. Vóc người thon gọn; nước da trắng mịn. Ở lứa tuổi mười bảy, đang sống ngay tại một làng đánh cá, với nhan sắc như thế có thể nói chị tôi là một mỹ nhân trong vùng. Nhiều chàng trai ngấp nghé tán tỉnh, si mê đến điên rồ.

Có một hôm chị đi gánh nước ở lối xóm, bất thành linh bị một gã si tình đứng ngay giữa đường chặn lối về, hăm dọa bắt cóc nếu chị không chấp nhận tình yêu của hắn. Sợ quá, chị bỏ cả gánh nước chạy vào nhà người quen để trốn.

Thời buổi đó cũng có mấy anh lính quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang đóng quân trong xã cũng theo cua chị tôi. Chị không thích quân nhân nên từ chối. Một đêm, có một anh đến nhà, chị không chịu tiếp chuyện. Anh ta liền móc quả lựu đạn thả lên bàn dọa chơi, làm cả nhà sợ hết vía.

Người chị tôi thích chỉ có mỗi anh rề tôi bây giờ. Anh cũng khá đẹp trai, là con độc nhất của một gia đình tương đối khá giả. Tính tình anh hiền lành, thật thà và có phần nhút nhát nên hề gặp chị tôi là lúng túng mắc cỡ, đỏ cả mặt mũi, vì thế chẳng nói được câu gì. Anh thường viết thư rồi nhờ tôi giúp chuyển hộ. Lần nào cũng vậy, dặn dò y chang: “Nhớ đưa tận tay cho chị Năm em!” Đó là lần đầu tôi chuyển thư tình.

Năm 1972, chiến trận ở Sa Huỳnh trở nên khốc liệt. Biết hai anh chị thương nhau, hai bên gia đình liền tổ chức một buổi lễ kết hôn đơn sơ, rồi cho cả hai lên tàu vào Nha Trang sinh sống.

Lần thứ hai làm nhiệm vụ *postman* thì oái ăm hơn. Cuối năm lớp 9, một hôm ông thầy dạy toán đưa cho tôi một lá thư ‘*nhờ chuyển*’ đến một cô bạn cùng lớp có quan hệ bà con họ hàng xa với tôi. Trước khi đưa thư cho tôi cầm, thầy nghiêm giọng căn dặn: “Không được mở ra xem trộm, nếu không chám dứt tình thầy trò!” Thấy thầy giáo quá nghiêm túc, tôi sợ hãi chẳng dám hỏi gì. Tuy mới học lớp 9 nhưng bọn tôi đều mười sáu, mười bảy tuổi cả. Bởi vì ngày đó tuyển sinh không dựa vào tuổi tác để sắp xếp lớp, mà chỉ cần xin vào lớp nào thì được cho học lớp nấy. Cho nên mới hết cấp hai mà đũa nào đũa nấy đã lớn tồng ngồng. Ở vào cái tuổi bắt đầu trưởng thành nên tự tôi cũng đoán được nội dung lá thư là gì. Khi tôi đưa thư cho cô gái, nàng mở ra, đọc chưa hết lá thư đã tá hỏa tam tinh, mặt mày tái mét, lắp bắp hỏi tôi:

- Cửa... của ai vậy?

- Cửa thầy T.- Tôi đáp

Cô nàng dúm bức thư vào tay tôi.

- Cầm về trả cho thầy giúp tao!

Tôi chưng hửng. Lúc đầu, không đồng ý vì lo sợ không hoàn thành trách nhiệm thầy giao phó, nhưng cô gái năn nỉ quá tôi đành mang thư về. Hôm sau, trả lại thư cho thầy. Thầy hỏi:

- Cô ấy đọc chưa?

- Dạ, có!

Thầy ngồi trầm ngâm hồi lâu.

Chiều hôm đó, thầy đến nhà tôi. Lại đưa cho tôi một lá thư khác nhờ chuyển, và kèm theo một quyển sách. Thầy bảo: “Cho em mượn luyện thi!”

Tôi cầm cuốn sách thầy ghi: *Giả toán hình học lớp 9*. Phía dưới thêm dòng chữ: Sách dành riêng cho giáo viên. Thầy biết tôi kém về môn toán hình. Hihi... thầy đang hối lộ tôi. Nghĩ thế nhưng tôi cũng nói: "Em cảm ơn thầy!"

Lần này, tôi đến nhà đưa thư, cô gái nhất định từ chối không nhận và cũng không đọc, còn buộc tôi sau này đừng nhận thư của thầy chuyển đến cho cô nữa. Tôi cảm thấy thất vọng vì đã phụ tấm lòng tin cậy của thầy đối với mình, và cũng tự nhiên buồn luôn cho thầy.

Ba tháng sau, tôi thi đỗ vào lớp 10, với số điểm văn 8, toán 8, đứng nhì bảng. Cô gái kia thi trượt, nghỉ học luôn. Sau ngày có kết quả thi, thầy đến lấy lại cuốn sách giải toán. Từ đó, tôi cũng không còn gặp lại thầy nữa.

Đó là chuyện “*nói nhip câu duyên*” cho người khác. Riêng tôi, chuyện về những lá thư tình còn dị hóm, xấu hổ hơn nhiều. Trước khi lấy vợ, tôi cũng có dăm ba cuộc tình vắt vai, nhưng thú thật là tôi không biết viết thư tán gái mà chỉ biết viết thư cho vợ. Nếu nói cho cạn tàu táo máng, mặc dù không thật tâm tán tỉnh mà chỉ giỡn chơi cho vui thì tôi cũng đã gửi thư cho vài cô. Lúc đó trẻ người non dạ, háo thắng nên làm càn, chứ thật lòng không trông cậy si với kiều nương nào.

Hồi năm mười ba, mười bốn tuổi tôi tình cờ được đọc cuốn “*Những bức thư tình hay nhất thế giới.*” Cuốn sách tập hợp những lá thư tình của nhiều người nổi tiếng viết gửi cho người yêu hoặc vợ hoặc chồng của họ. Trong đó có cả những lá thư của Đại đế Napoleon gửi cho Hoàng hậu Josephine. Đây là loại sách cấm, in trước năm 1975, rách bìa, sòn gáy, không rõ dịch giả.

Lần đầu tiên được đọc một cuốn sách viết về tình yêu nam nữ ngọt ngào, mùi mẫn như thế nên tôi rất cao hứng. Ở vào lứa tuổi dậy thì, với trái tim non đang khao khát tình cảm, tôi rất muốn viết ra những tâm tình của mình. Thế là tôi lấy cuốn vở học trò, xén bỏ bớt chiều ngang 2cm, làm thành một cuốn sổ ghi chép *thơ văn*. Trang đầu tiên tôi viết in hoa hai chữ *Tiếng Lòng* thật to. Từ đó mỗi lần có cảm xúc gì tôi đều ghi vào đấy. Có khi là một bài thơ ngắn, có khi là một cảm nhận sau khi đọc một tác phẩm hay.

Ở lối xóm, có một cô bé cỡ chừng mười ba, khá xinh đẹp, nhưng tính tình kiêu ngạo. Bố nàng là một y sĩ thời Việt Nam Cộng Hòa, sau năm 1975 được tuyên dụng lại làm trưởng trạm y tế xã. Thuộc ‘*dòng dõi trí thức*’ nên nàng coi khinh bọn học trò nông dân sáng đi học, chiều chăn bò như chúng tôi ra mặt. Bạn bè trêu đùa cặp đôi cô bé với bất cứ đứa nào trong lũ chúng tôi cũng bị cô bĩu môi, nhổ nước bọt. Một thằng bạn khích tôi có dám cưa cô nàng không. Ngựa non háu đá, máu ‘*anh hùng*’ nổi lên, tôi liền viết một bức thư tình ngắn cỡ non một trang giấy học trò đưa cho hắn đem trao cho nàng. Gửi xong tôi hồi hộp đợi hồi âm. Một ngày, hai ngày... biệt vô âm tín. Đến ngày thứ ba, tôi vừa đi học về chưa kịp cất sách vở, bà chị của tôi đã ngoắc tôi lại nói:

- Em gửi thư cho con M.H. làm chi cho nó đem rêu rao khắp cả xóm thế?

Tôi xấu hổ chết điếng cả người, đứng im re chẳng còn biết trả lời bà chị như thế nào. Sau đó tìm hiểu sự việc, mới biết cô em đã đưa thư của tôi cho tất cả bạn bè của cô đọc. Thẹn quá, tôi chỉ ao ước có chỗ đất nẻ nào chui xuống hoặc bỏ xứ mà đi.

Thời gian là liều thuốc tiên, chỉ vài năm sau tôi đã quên hẳn ‘*mối hận lòng khôn tả*’ này. Vậy nên, cái lỗi lầm ngu ngốc lại được lập lại, cho dù tôi đã rất thận trọng.

Có một hôm thằng bạn rất thân thâm thì với tôi:

- Ô xóm tao có con L. rất thích mày. Có muốn làm quen với nó không?

- À, cô này tao biết. Hình như đang học cùng lớp với em trai tao.

- Đúng rồi!

- Làm sao làm quen?

- Mày viết thư đi! Tao chuyển cho.

- Ủ, viết thì viết!

Ngày đó không hiểu sao tôi rất ngờ nghệch; bạn bè nói gì tôi cũng tin và nghe theo, chưa bao giờ biết đặt nghi vấn hay dò xét bất cứ việc gì trước khi làm. Rút kinh nghiệm từ lần trước, lần này tôi ma mãnh, khôn vặt hơn. Thay vì bịa ta những dòng chữ tâm tình để gửi cho nàng, tôi chép bài thơ của bạn tôi. Tôi cũng không ký tên mà để trông phần tác giả và người gửi vì sợ bị bêu rêu như lần trước. Bài thơ tình của bạn tôi rất hay, bạn tôi đã chép nó vào tập *Tiếng Lòng* của tôi.

Tôi gửi thư chỉ là do nghịch ngợm, muốn bông đùa một chút cho vui, không nhằm mục đích tán tỉnh, yêu đương gì. Không ngờ nhận được thư, nàng đòi gặp người gửi. Tôi hí hửng tưởng cá đã mắc câu, hăng hái đến gặp nàng. Cứ tưởng đâu được lọt vào mắt xanh của người đẹp. Ai dè gặp nhau nàng chỉ một mực muốn tôi khai ra tác giả bài thơ là ai. Thì ra trước khi chép vào cuốn tập của tôi anh bạn vàng cũng đã chép tặng nàng với đầy đủ họ tên. Tôi há miệng mắc quai đành nín lặng bỏ về. Thế là cả hai lần gửi thư tán gái của tôi thất bại một cách ê chề. Buồn cười thay những lỗi lầm của thời mới lớn.

Kể từ đó tôi quyết định không dùng thư tín để cưa đào nữa mà chỉ *'đánh võ mồm'* thắng bại không quan trọng, cốt yếu không để lại chứng cứ gây hậu quả bất lợi về sau.

# CHƯƠNG 9

## Ngày bé học văn



**T**ỉnh Quảng Ngãi được “*giải phóng*” tháng ba năm 1975. Đến tháng chín bắt đầu khai giảng các lớp học phổ thông. Trước đó một tháng, nhà trường đã thông báo ghi danh cho năm học mới. Xóm tôi lũ trẻ vui mừng nô nức ghi tên nhập học. Tôi cũng hăng hái điền tên mình vào danh sách học sinh lớp bốn. Tôi đã mười hai tuổi, tự mình biết đi làm lầy, không còn phải nhờ đến mẹ hay các chị.

Tên tôi trong giấy khai sinh cũ là Trần Đình Thư. Khi tôi mới về quê có một bác nói với tôi:

- Cái họ Trần Đình của mày nghe sao nó giống Bắc Kỳ!

Tôi hỏi lại:

- Chớ bác bảo người Trung mình thì lót chữ gì?

- Văn. Trần Văn!

Thế là khi ghi danh đi học người ta hỏi tên gì, tôi không suy nghĩ mà đáp:

- Trần Văn Thư.

Vậy là chữ lót *Văn* từ đó dính liền với tôi. Có phải vì vậy mà lớn lên chút nữa tôi luôn mê thích văn chương và mộng làm “*nhà thơ, nhà văn*” chẳng? Tuy nhiên, tôi cũng tự biết để trở thành thi sĩ, văn sĩ đâu có dễ! Lập thân bằng con đường văn chương chông gai trùng trùng nên khi trưởng thành tôi đã chọn học ngành điện tử để cho dễ kiếm cơm. Dù vậy cái máu mê thơ văn cũng khó mà bỏ được.

Năm đầu tiên dưới mái trường *xã hội chủ nghĩa* tôi vào học lớp bốn. Lúc đó môn văn của tôi dở tệ. Bài văn nào cũng chỉ được điểm ba, điểm bốn. Các chị tôi đã đi lấy chồng cả rồi. Mẹ tôi bận bịu với công việc đồng áng, nương rẫy nên để mặc tôi tự học hành. Môn văn kém là vì cơ bản tôi thiếu vốn từ vựng, và không biết kỹ thuật làm một bài văn. Trước năm 1975, tôi chỉ mới học xong lớp hai, rồi nghỉ vì nhà không đủ tiền đóng học phí cho cả hai anh em. Lúc ghi danh thấy mấy đứa bạn cùng trang lứa xin vào lớp bốn, tôi cũng nhảy cóc theo, bỏ qua lớp ba. Về môn toán cộng trừ nhân chia nên không có vấn đề. Còn môn văn, là đứa trẻ không giàu trí tưởng tượng, lại thiếu nguồn sách báo để đọc nên tôi dốt đặc cán mai. Thầy giáo năm lớp bốn vốn là một thương binh bị cụt mất một cánh tay, do thiếu thầy cô nên được nhà trường cho vào biên chế nhà giáo. Nghe nói thầy chỉ mới học xong lớp năm bỏ túc văn hóa, không có kiến thức sư phạm. Bởi vậy sự truyền đạt bộ môn xã hội, văn chương cho học sinh của thầy còn khá nhiều hạn chế.

Thầy dở làm sao có trò hay?. Mỗi lần phát bài tập làm văn, tôi luôn giấu nhem, không dám cho bạn bè coi, sợ bị chê cười.

Một ngày nọ, đến nhà thằng bạn Lê Thanh Hưng chơi, cái thằng ngày đầu tiên đi học đã cùng tôi bị ông giáo già nhốt trong lớp lúc ở Sa Huỳnh. Thấy nó đang cầm một cuốn sách đọc chăm chú, tôi rất lấy làm kỳ lạ. Thằng này lười đọc sách số một. Chắc cuốn này có gì hấp dẫn lắm đây? Tôi chưa kịp hỏi, nhưng thấy tôi, nó đã chia quyển sách cho xem. Bìa sách màu cam đã bạc thếp, nhiều chỗ trầy tróc nhưng hàng chữ nhan đề vẫn còn nhìn rõ. Tôi đọc lầm nhảm: “150 bài văn mẫu.” Ôi! Đúng là cuốn sách tôi đang cần! Mừng quá, tôi hỏi Hưng mượn luôn! Thằng này từ thời còn ở Sa Huỳnh đã luôn thân thiết với tôi. Lúc nhà tôi chuyển vào Nha Trang thì gia đình nó dời đi Đà Nẵng. Thời cha tôi còn sống mẹ nó thường vay tiền của mẹ tôi. Khi vào Nha Trang mẹ tôi đã phải ra tận Đà Nẵng để đòi nợ. Suốt cả những năm học tiểu học thằng Hưng và tôi luôn ngồi cạnh nhau. Tôi vẫn thường cho nó cộp dê bài tập nên nó xem tôi gần như là anh em. Có gì ăn hoặc chơi nó đều sẵn sàng chia sẻ với tôi. Có lần tôi và đứa cậu ruột của nó đánh nhau, nó không bênh cậu mà lại bênh tôi. Dem sách về nhà, tôi say sưa đọc ngón ngấu. Gặp được *bí kíp* phen này tôi quyết chí luyện cho được công phu tập làm văn. Vốn có trí nhớ khá tốt tôi học thuộc lòng dễ dàng nhiều câu văn, đoạn văn hay trong sách. Đồng thời tôi ngộ ra được cách lập dàn bài, lập ý cũng như trình tự thời gian, không gian khi làm một bài văn miêu tả hoặc tường thuật.

Nhờ đọc cuốn sách đó mà sau này các bài tập làm văn của tôi đã đạt từ sáu đến bảy điểm, đôi lần còn được tám điểm. Cuối lớp năm, tôi được nhà trường cử đi thi học sinh giỏi văn của huyện nhà. Nhưng kết quả cuộc thi tôi đã bị trượt dài. Dù sao cái đà học văn của tôi vẫn tiến bộ kể từ đó. Năm thi lên lớp

mười, làm bài luận về tác phẩm *Cây Tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới, tôi đã hoàn thành khá xuất sắc. Cũng nhờ bài luận này mà suốt cả năm học lớp mười được cô giáo dạy môn văn tỏ ra ưu ái nhiều hơn. Tuổi cô còn rất trẻ. Theo lời cô thì vừa tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Quy Nhơn là cô được phân công về trường Phổ thông Cấp ba Đức Phổ. Cô là người Quảng Trị. Giọng nói *trọ trẹ* nhưng cũng dễ nghe. Tuy không xinh đẹp nhưng giảng bài rất hay nên được đông đảo học trò yêu mến. Nhiều đứa bạn tôi bây giờ mỗi lần họp mặt bạn cũ vẫn thường hỏi thăm và nhắc nhiều kỷ niệm về cô.

Tôi nhớ có một hôm cô giáo đang giảng bài về ‘câu văn có hình ảnh,’ cả lớp tập trung, chú ý lắng nghe. Tôi vừa nghe, vừa cúi mặt xuống gầm bàn. Trong học bàn cuốn *Sông Thami Trong Xanh*, một quyển tiểu thuyết hiếm hoi của văn học cách mạng Mông Cổ mở ra đang đọc dở dang. Đột nhiên tôi nghe tiếng cô gọi:

- Thu!

Tôi giật nảy mình ngẩng lên nhìn cô, thưa:

- Dạ...

- Em hãy cho ví dụ về một câu văn có hình ảnh!

Tôi đứng dậy, lúng túng, dáo dạt nhìn xung quanh nhờ đám bạn trợ giúp. Không đứa nào nhắc hộ. Tôi quay nhìn ra cửa sổ. Một làn gió thổi qua làm rung động nhánh phượng vĩ, một chiếc lá khô nhẹ nhàng lìa cành. Câu văn thoáng qua trong đầu tôi trong tích tắc. Tôi đáp:

- Thưa cô... Mùa thu, lá vàng rơi lá tả.

Cô giáo nghe xong mỉm cười, ra hiệu cho tôi ngồi xuống, rồi nói với cả lớp:

- Đây là một câu văn có hình ảnh và màu sắc. Các em hiểu chưa?

Lúc chia tay mùa hè, tôi đến thăm đề từ biệt cô ở khu tập thể giáo viên. Cô đã khiến tôi rất cảm động. Cô dẫn tôi về căn phòng nhỏ, lấy bài thi văn cuối học kỳ hai đưa cho tôi xem. Bài văn có hai khoanh tròn ghi chữ số màu đỏ. Một khoanh ghi số năm, khoanh kia ghi số bảy. Không chờ tôi hỏi, cô đã giải thích:

- Bài văn của em lúc đầu cô H. chấm năm điểm. Nhưng khi cô đọc lại đã cho bảy điểm. Tôi ngược mắt nhìn cô thay cho câu hỏi tại sao. Cô giải thích:

- Đọc thơ văn mỗi người đều có cảm nhận khác nhau. Giọng văn của em cô thích nên mới cho thêm điểm, còn người khác không hẳn vừa ý, cho nên chấm điểm thấp là chuyện cũng bình thường... Cô vừa là giáo viên dạy bộ môn văn, vừa là chủ nhiệm lớp nên có quyền quyết định số điểm cuối cùng.

Tôi thầm cảm ơn cô và nghĩ rằng cô nói rất chí lý. Bất chợt nhớ lại câu chuyện buồn cười về một bài ca dao tình cờ tôi đọc được ngày còn bé.

*Lấy chồng từ thuở mười lăm,  
Chồng chê tôi bé không nằm cùng tôi.  
Đến khi mười tám đôi mươi,  
Tôi nằm dưới đất, chồng lúi lên giường.  
Một răng thương, hai răng thương,  
Có bốn chân giường gãy một còn ba.  
Ai về nhắn với mẹ cha,  
Chồng tôi nay đã giao hoà cùng tôi.*

Đối diện với nhà tôi là nhà một người bà con trong họ xa. Một buổi chiều, năm tôi học lớp năm, lớp cuối cùng của bậc tiểu học, tôi sang đó ngồi chơi. Cả nhà đi vắng, chỉ có cô con gái út tên M. đang ngồi học bài nơi gian giữa. Cô này lớn hơn tôi một tuổi đang học lớp sáu. Nhưng theo vai vế trong họ tôi phải kêu bằng “bà cô”. Thấy trên tấm phảng có cuốn sách

dày cộp ghi hàng chữ dài ngoằn “Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam,” tôi liền mở ra đọc. Cái bài tôi đọc trúng bữa ấy chính là bài ca dao nói trên.. Đọc xong tôi hỏi ‘bà cô’:

- Cô đọc bài này chưa?

- Bài nào?

Tôi đọc to cả bài một lần. Nghe xong, bà cô liền “xĩ” một tiếng và phán:

- Đọc chi cái bài tào lao đó!

Cho dù chẳng hiểu hết nội dung ý từ bài thơ, nhưng tôi hỏi nhỏ không thích mấy đứa con gái tỏ ra khôn hơn mình cho dù là bà cô cũng vậy, nên cãi:

- Hay mà! ... Nhưng có chỗ tui không hiểu!

- Không hiểu chỗ nào?

Tôi đọc lại cái chỗ không hiểu cho bà cô trẻ nghe:

- Một răng thương, hai răng thương,

Có bốn chân giường gãy một còn ba.

Lạ quá! ... Sao nói thương mà lại gãy cả chân giường?  
... Tui không hiểu!

Bà cô đỏ cả mặt, giật cuốn sách trong tay tôi đang cầm và đuổi tôi về:

- Thôi, về đi cho tao học bài!

Tôi ra về mà bụng còn thắc mắc mãi về cái câu thơ chết tiệt trên! Tôi nghĩ chắc có lẽ là do cái giường ọp ẹp nên không đủ sức chứa trọng lượng của hai người cùng nằm lên chứ gì? Hoặc giả cái chốt tre lâu ngày teo lại, còn cái lỗ mộng rộng thêm ra nên bị lỏng cũng nên? Nghĩ như vậy tôi cho là đúng nên không còn thắc mắc gì nữa.

Năm học lớp chín, mấy đứa bạn của tôi không biết cũng đã đọc được ở đâu bài ca dao trên (vì sách Trích giảng văn học không có dạy), rồi đem ra bàn tán. Lúc này, bọn tôi đều lớn

tổng ngồng rồi, mười sáu mười bảy tuổi cả nên cũng biết đôi chút về chuyện gái trai. Một đứa nói:

- Cái anh chồng này cũng vũ phu lắm!

- Sao lại nói thế?

- Cô vợ nằm dưới đất, chồng không bế lên giường lại “lôi” lên mà không vũ phu à?

- Nhưng nhờ cô vợ béo tốt còn anh chồng ốm yếu thì sao?

- Mà đàn vừa thôi! ... Có bốn chân giường làm cho gãy một còn ba mà ốm yếu à?

Cả bọn cười ồ tán thưởng!

# CHƯƠNG 10

## Sông Thoá



**S**ông Thoá. Với tôi, tên sông luôn luôn gợi lên sự tò mò, thắc mắc, không hiểu cái tên ấy bắt nguồn từ đâu? Có từ bao giờ? Do ai đặt ra? Và cứ sao lại giống như tên của một người con gái như thế? Đến bây giờ tôi vẫn chưa giải đáp được những câu hỏi đó.

Từ thành phố Quảng Ngãi đi theo Quốc lộ số 1A về phía Nam khoảng 40km là đến thị tứ Trà Câu. Tại đây, có một con đường rẽ về phía đông, xuống biển. Chạy xe Honda trên con lộ này khoảng mười lăm phút, ngang qua những ruộng lúa

thay đổi sắc màu theo từng mùa, nằm xen kẽ giữa những khu dân cư là bạn sẽ đến cầu Bến Đò Mốc, bắc ngang dòng sông Thoa.

Xin mở ngoặc nói sơ về cầu Bến Đò Mốc một chút. Trước kia, chỗ này là bến đò. cây cầu chỉ mới được xây vào đầu thập niên 1990. Nó là cầu bê-tông đầu tiên ở xã tôi. Khoảng năm 1989, tỉnh Quảng Ngãi được trả về tên cũ sau khi tách ra từ tỉnh Bình Định (lúc hợp nhất hai tỉnh gọi là tỉnh Nghĩa Bình). Lúc đó, thằng em con ông chú đang làm kỹ sư xây dựng thuộc sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh nhà. Cảm cảnh bà con đi lại bằng đò giang khi lên huyện, tỉnh bất tiện nên góp ý cùng cán bộ địa phương làm đơn kiến nghị xin tỉnh chi phí làm cầu. Đây là một cây cầu thuộc loại ‘cầu tràn’ nên được xây thấp cỡ ngang mặt đường. Mùa đông nước lũ dễ dàng chảy tràn qua. Cầu hẹp chỉ vừa đủ cho một chiếc xe tải lớn chạy, vì thế ở mỗi nhịp được xây thêm “ô né” phình to ra cho xe máy hoặc người đi bộ có thể tránh nếu đột ngột gặp xe lớn trên cầu. Thuở ấy, có được cây cầu như thế cũng đã là quá tốt rồi. Bây giờ thì tỉnh xây thêm cây cầu bê-tông hiện đại rộng rãi bắc qua sông Thoa đoạn gần cửa biển Mỹ Á. Đó là cầu Hải Tân, khánh thành vào năm 2020. Xã tôi bây giờ lên phường, giao thông thuận tiện, đất đai cũng lên giá vùn vụt. Đóng ngoặc.

Làng tôi nằm ngay bên cạnh bờ biển Đông. Phía nam là đầm và cửa biển. Phía tây có dòng sông Thoa êm đềm chảy dọc từ bắc xuống nam, làm ranh giới giữa hai xã Phổ Văn và Phổ Quang, rồi hợp lưu với sông Trà Câu trước khi đổ ra cửa biển Mỹ Á. Dòng sông không rộng lắm, có nơi bề ngang chỉ độ vài chục thước. Mùa hè nước ròng, bọn trẻ con cũng có thể bơi qua bơi lại dễ dàng. Tuy là con sông nhỏ nhưng sông Thoa không kém phần quan trọng. Ngoài việc thoát lũ cho dòng Vệ giang, con sông còn là nguồn nước tưới tiêu cho những cánh đồng lúa màu mỡ Phổ Thuận, Phổ Văn, và phía nam huyện Mộ Đức.

Đồng thời, nó cũng là kho thủy sản dồi dào vô tận. Là thủy lộ quan trọng cho cư dân ven sông đi lại.

Quê tôi có hai mùa mưa nắng. Sông Thoa theo đó mà có mùa nước lũ, mùa nước ròng. Tuy nhiên bốn mùa đều có cá, tôm, ốc, hến... Nhiều người dân nghèo nuôi con cái học hành đỗ đạt đều cậy trông vào nguồn thủy sản của con sông nhỏ này. Từ thuở xa xưa người ta đã biết chặt cây tre, cây chuối, cây chà là... thả xuống những vùng nước sâu, tĩnh lặng để cho cá tôm quy tụ lại sinh sôi nảy nở. Cứ mười bữa, nửa tháng họ lại ra dỡ chà, quây lưới để thu hoạch. Mỗi lần như thế dòng sông lại rộn rã, âm vang tiếng nói cười. Ngoài ra nơi đây cũng có nhiều hộ gia đình làm nghề đóng đày, giăng câu, tung chài, kéo vó, cào ốc... mưu sinh quanh năm.

Người sông Thoa còn sáng tạo ra một cách bắt cá độc đáo, có một không hai trên đời. Đó là cách đánh cá mà không thả lưới xuống nước! Chỉ nghe nói thôi cũng đã thấy hiếu kỳ. Điều lạ lùng này chỉ tưởng tượng tôi cũng không dám nghĩ tới, chứ đừng nói là làm. Thế mà người nẫu sông Thoa vẫn làm được đấy! Cách đánh cá đó gọi là “*dọa cá nhảy vào ghe.*” Hãy nghe nhà báo Trang Thi kể:

*“Họ cột chặt 2 chiếc cọc đứng rồi giăng lưới dọc giữa ghe chứ chẳng cần buông xuống nước. Xong xuôi, nhiều người cùng nhau chèo ghe song song, hò hét vang động cả khúc sông. Những đôi tay rắn chắc đập sào xuống nước khiến cá giật mình nhảy loạn xạ, tìm cách thoát thân khỏi nơi nguy hiểm. Thế là chúng mắc vào lưới hay rơi xuống lòng ghe trước khi bị bắt cho vào giỏ tre.”*

Sông Thoa không những là nguồn cung cấp thủy sản phong phú mà còn là nơi để tôi luyện tinh thần thể thao mạnh

mẽ, kiên trì cho người dân quê tôi. Hằng năm, vào đầu mùa thu, những chàng trai trong thôn xã khỏe mạnh được tuyển chọn thành lập những đội ghe đua. Cứ mỗi sáng sớm hoặc chiều tà, mặt sông lại xao động bởi những mái chèo, những chiếc ghe đua đang nỗ lực tập luyện. Tiếng reo hò cổ vũ của đám trẻ con trên bờ âm vang cả một khúc sông. Để rồi đến dịp đầu năm mới, sau Tết Nguyên Đán, những chiếc ghe rồng, ghe phụng với những chàng thủy thủ trẻ măng ra sức trở tài chèo lái, ganh đua giành chức vô địch. Đây là dịp cửa Mỹ Á cuốn hút du khách từ khắp nơi trong huyện nhà đổ về.

Ngày còn học trung học, mỗi sáng chúng tôi phải dậy thật sớm, từ lúc gà gáy canh năm để có thể đi chuyên dò đầu tiên qua dòng sông Thoa đến trường. Hôm nào có gió mùa đông bắc hoặc mưa áp thấp thì vất vả vô cùng. Thương nhất là các cô nữ sinh, vừa ướt vừa lạnh còn bị những thằng con trai quái quỷ cười trêu. Cha mẹ thương con nên thường gói ghém gạo khoai, cá mắm; hỏi nhà cho con ở trọ gần trường. Lòng người thật thà, tốt bụng. Ai cũng cho ở trọ miễn phí, chỉ tự túc phần ăn. Cuối tuần, có khi trở về nhà gặp lúc lũ đang dâng, con đò bé nhỏ chòng chành cũng thật hiểm nguy. Kiếm cái chữ cũng gian nan, vất vả.

Đi tắm sông, tắm biển ai mà không thích, nhất là những ngày hè có gió Lào nóng như thiêu như đốt. Dòng sông cạn nước, nhiều cồn cát trắng nằm phơi mình giữa lòng sông dưới ánh nắng chói chang, là nơi cho bọn chúng tôi nô đùa. Nước sông Thoa trong xanh, chảy chậm chậm, cạn hều, chỉ còn như một con lạch nhỏ. Chiều chiều, lũ trẻ chăn bò ra cồn cát đá banh, chơi đùa. Khi đã thấm mệt thì lao mình xuống sông mà tắm. Những con bò lông vàng sung sướng rống vang, theo bọn nhóc chúng tôi lội ào xuống nước. Bên mé sông, những chiếc

gàu sòng, gàu giai đang hồi hạ mức những gàu nước cuối cùng trước khi ông mặt trời lặn hẳn sau dãy núi xa.

Cứ đến mùa đông, khi những cơn mưa áp thấp bắt đầu xuất hiện thường xuyên, mực nước sông Thoá cũng duềnh lênh lảng lai. Những cánh đồng hai bên bờ trở thành biển nước mênh mông. Những gò đất cao giờ chỉ còn trơ lại cái chóp chỏm đầu, trông cứ như những hòn đảo nhỏ giữa biển cả. Lũ chim chóc lông cánh ướt mẹp, bị đói nhiều ngày nên sà xuống các nơi còn có thể đậu được để tìm thức ăn.

Bây giờ cũng là lúc chúng tôi nghỉ học vì không có đồ đưa. Ngồi ở nhà nhìn trời mưa mãi thì quá buồn chán. Bọn trẻ chúng tôi làm một nắm cọc tre, mỗi cọc có cột sợi nhợ và lưỡi câu, giống như cái cần câu cá mini vậy để đi câu chim. Chúng tôi lấy tấm ny lông che mưa bọc quanh một chiếc rổ cá làm thành cái phao. Sau đó, ôm phao thả xuôi theo dòng nước chảy bơi ra các mỏm gò còn chưa ngập. Móc chiếc lưỡi câu vào con trùn đặng trong cái lon sữa bò, đã được đào lên từ chiều hôm trước. Xong xuôi, đem cắm những chiếc cần câu dọc theo mép nước. Đầu vào đáy, chúng tôi ngồi trùm tấm tãng che mưa chờ đợi. Chỉ lát sau là một bầy chim sà xuống kiếm mồi. Lúc đầu, chúng còn e ngại, dáo dác nhìn chung quanh. Bọn tôi ngồi im, không dám cựa quậy. Khi đã yên chí rằng không có gì nguy hiểm, mấy chú chim đi dạo quanh, tha thần tìm mồi. Thấy con trùn ngo ngoe, chúng mở nuốt. Thế là lưỡi câu mắc vào cổ họng. Chúng hoảng sợ, khựng lại, đập cánh bay lên. Nhưng đã muộn. Cái cọc cắm sâu vào đất trì chúng lại. Nhìn những chú chim nhỏ lông cánh ướt mèm đang cố sức vùng vẫy tìm cách thoát thân, lòng tôi chợt cảm thấy thương hại cho chúng.

Sau một lần đi câu như thế tôi đã không làm cái việc nhẩn tâm ấy nữa. Các loài chim lớn nhỏ, sống trong vườn ăn

sâu bọ, cào cào, châu chấu... lợi ích cho người nông dân như thế nào tất nhiên không cần phải kể. Ngoài ra tiếng hót của chúng là những điệu đàn thiên nhiên tuyệt mỹ, được nghe làm cho tinh thần con người sáng khoái biết là bao nhiêu.

Quảng Ngãi tuy có nhiều con sông lớn cảnh quang đẹp đẽ, nhưng với tôi sông Thoa vẫn là con sông đẹp nhất, thơ mộng nhất. Bởi lẽ nó gắn liền với những tháng ngày tuổi thơ tôi. Để bày tỏ nỗi niềm tha thiết với dòng sông quê nhà tôi đã sáng tác một bài thơ về Thoa giang khi tình cờ đọc báo biết tin con sông thơ mộng, chất ngất ân tình ấy đã bị ô nhiễm như bao dòng sông khác trên dải đất hình chữ S ngày nay.

### Nhớ Dòng Sông Thoa

Con Sông Thoa không dài, không rộng  
Nước trong xanh soi bóng tre, dừa  
Cũng êm ả ngày hè thơ mộng  
Cũng dữ dằn lũ lụt tháng mưa

Sông chuyên chở phù sa bồi đắp  
Cho quê tôi trù phú, ấm no  
Những nương rẫy sản ngô thẳng tắp  
Ruộng đồng xanh thấp thoáng cánh cò

Lũ chúng tôi chơi đùa tắm mát  
Thương dòng sông bé nhỏ quê nhà  
Có con đò sớm chiều đưa khách  
Nhớ thật nhiều mỗi lúc đi xa

Dân quê tôi cần cù, chịu khó

Đã mưu sinh sông nước bao đời  
Sáng tinh mơ vung chài, đơm đó  
Nửa đêm còn lấp lánh đèn soi

Ai đã đến một lần đều biết  
Sông Thoa là nguồn lợi ốc don  
Những cua xanh, tôm càng, cá diếc  
Những hến kình, dăn dất... tuyệt ngon!

Nay đọc báo giật mình kinh hãi  
Dòng sông Thoa ô nhiễm lâu rồi!  
Kỷ niệm xưa trùng trùng nhớ lại  
Thương sông quê đã lấm bụi đời!  
*Canada, July 21, 2018*

# CHƯƠNG 11

## Ba tháng quân trường



Năm 1983, tôi *trúng tuyển nghĩa vụ quân sự*. Đi lính là niềm mơ ước và cũng là tâm nguyện của tôi, mặc dù trong thời buổi ấy cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam (Cambodia) vẫn còn rất cam go. Nhiều đơn vị bộ đội của Quân khu 9 và Quân khu 7 bị tổn thất nặng nề vì mìn và phục binh của tàn quân Pol Pot. Từ nhỏ tôi đã thích làm chiến sĩ, lý do không phải vì quá yêu nước hay có tinh thần cách mạng gì ráo. Chẳng qua đó là niềm mơ mộng viễn vông, ngây thơ được làm lãng tử phiêu lưu giang hồ mà không tốn tiền cơm nhà! Được sống và trải nghiệm những điều mới mẻ ở những chân trời xa lạ là điều tôi hằng ấp ủ. Đầu óc tôi vẫn thường hay tưởng tượng ra những những điều lý thú sẽ đến với tôi nơi đất khách quê

người. Tôi chán ngán cảnh sống đơn điệu, không có gì mới mẻ ở quê hương. Hơn nữa, một năm nay tôi bị đuổi học, ở nhà không bạn bè, tập tành làm anh thủy thủ ghe mảnh sơn thật quá đơn điệu. Tôi cần một cuộc sống khác!

Đúng lúc ấy, tôi hận được giấy báo gọi nhập ngũ. Tôi hớn hở chào tạm biệt gia đình, bạn bè làng xóm để lên đường. Đó là một buổi sáng đầu tháng tám âm lịch. Hôm ấy, trời nắng thật đẹp. Lót dạ bằng mấy cái củ khoai lang xong, mẹ con tôi xuống xã. Chúng tôi đi tay không, trước khi bước ra khỏi nhà mẹ dúi vào tay tôi mấy đồng tiền lẻ, dặn dò cất giữ để phòng thân khi hữu sự. Đến Ủy ban xã cũng vừa đúng vào lúc chiếc loa phóng thanh bên vệ đường réo gọi thanh niên trúng tuyển vào hội trường làm lễ xuất phát. Lễ xong, đoàn người sụt sùi rờn rợn cuốc bộ lên Gò Hội, nơi Bộ chỉ huy quân sự huyện đang chiêu binh. Lại tập trung, lại xếp hàng nghe đọc diễn văn dài dòng và cuối cùng là đám thanh niên trúng tuyển bọn tôi leo lên những chiếc xe nhà binh. Đúng mười giờ sáng, đoàn xe bắt đầu khởi hành, rời khỏi doanh trại huyện đội Đức Phổ..

Lần đầu tiên trong đời được ngồi trên một chiếc xe lớn, loại xe tải quân sự GMC của Mỹ, rời khỏi huyện nhà, tôi không buồn mà còn phấn khích, vui vẻ nữa là đằng khác. Ước mơ của tôi đã thành sự thật, kể từ hôm nay tôi trở thành chih nhân, dấu chân sẽ in trên khắp mọi miền đất nước. Tôi sẽ được ngắm ánh trăng treo đầu núi nơi biên cương, sẽ nghe tiếng chim lạ hót nơi rừng sâu. Ngắm hoàng hôn trên sông dài để chạnh lòng nhớ cố hương. Khi xe lăn bánh, tôi quay người, đảo mắt tìm mẹ tôi trong đám đông. Bà đưa tay áo quyết nước mắt. Tôi cúi đầu chào tạm biệt mẹ lần cuối trước khi gương mặt và dáng người bà nhòa vào dòng người tiễn đưa.

Đọc đường xe chạy, tôi căng mắt ra cố nhìn cảnh vật quê nhà đang giật lùi về phía sau như muốn ghi vào trong trí cảnh vật quê hương lần cuối. Lúc qua Sa Huỳnh đứng hướng

mặt về phía biển, trời nước một màu xanh biếc, thấp thoáng có những chiếc thuyền buồm của ngư dân. Cảnh vật trông tuyệt đẹp. Trong tâm trí tôi xuất hiện câu ca dao tôi đã từng đọc ở đâu đó: “*Đường vô Bình Định quanh quanh, non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*”

Xe chạy từ Đức Phổ đến quân trường Phù Cát thì dừng lại. Chúng tôi được đưa về các dãy barracks nhà binh. Lúc ấy Quảng Ngãi và Bình Định nhập chung gọi là tỉnh Nghĩa Bình. Quân trường Phù Cát có quy mô khá rộng, doanh trại đầy đủ nên Quân khu ủy chọn làm nơi huấn luyện tân binh cho cả tỉnh. Doanh trại nơi đây trước kia thuộc về Sư đoàn 22 Bộ binh quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Cùng đợt đi lính với tôi có một số đứa ở chung xã và thằng T. bạn học từ năm lớp 6 đến năm lớp 10. Có đồng hương để nói chuyện phiếm lúc rỗi cũng đỡ cô đơn. Chiều đó, khi tôi đang loay hoay sửa soạn chỗ ngủ thì thằng T. chạy tìm tôi tán dóc. Miệng nó cười tươi, khoe:

- Mà xem , bộ đồ tân binh của tao có vừa vặn không?

Tôi ngắm nghĩa một lát rồi đáp:

- Rất vừa vặn và đẹp lắm, nhưng cái nón cối làm mày ngổ quá! Thật tiếc!

Thằng T. mắt húng, bộ mặt iu xiu.

- Mặc quân phục không lẽ để đầu trần sao mày?

Tôi cười phì:

- Giỡn với mày cho vui thôi! Trông mày oai lắm!

Nó lườm tôi. Hai đứa trao đổi địa chỉ đơn vị rồi chuẩn bị đi ăn cơm.

Bữa cơm đầu tiên ở quân ngũ là một trải nghiệm cho đoạn đời mới của tôi. Đúng sáu giờ chiều, tiếng keng vang lên. Cả trung đội sắp ba hàng dọc trước cửa barrack. Mỗi người cầm chén đũa trên tay. Tiểu đội trưởng trực ban dẫn tất cả

xuống nhà ăn. Những thau cơm đã nguội cùng những thau canh rau muống toàn nước được đặt trên hai dãy bàn dài. Lính mới thăng nào cũng đói meo giành nhau xúc cơm vào bát trước. Tôi bung bát cơm màu gạo đã đã sẫm, đưa lên miệng. Mùi vị gạo lâu ngày bị mốc xông lên mũi làm khó chịu. Cố gắng và miếng cơm vào miệng mà cảm giác cứ ớn ớn như thế nào. Thì ra dầu là bộ đội cũng không được ăn bát cơm trắng như tôi quen tưởng tượng. Cơm không ngon nhưng đông con cũng hết. Chỉ thoáng chốc thau cơm đã hết sạch! Đói quá tôi cố gắng nuốt cho xong chén cơm. Dù sao thì cũng phải ở đây suốt ba tháng trời! Bỗng nhiên tôi chợt hiểu ra đời bộ đội không giản đơn và lý thú như bấy lâu nay mình nghĩ. Một chuỗi ngày gian khổ đang chờ đợi tôi. Bắt đầu là bữa cơm khó ăn này. Cả những tiếng keng tập hợp, những lần xếp hàng chờ lệnh cũng phải học làm quen. Mọi thứ phải theo quy định. Cuộc sống của mình không còn muốn làm gì thì làm mà phải theo mệnh lệnh của cấp trên ban xuống. Một cảnh đời khác biệt bắt đầu từ bữa cơm này.

Trong thời gian thụ huấn nghe có thông báo ai muốn tham gia học khóa đào tạo sĩ quan Lục quân với thời hạn là ba năm thì nộp hồ sơ lý lịch. Tôi và thằng T. hăng hái đi ghi danh. Nhưng sau đó được biết, tốt nghiệp xong phải ở lại phục vụ quân đội suốt đời, chúng tôi đã rút lui.

Mỗi ngày tân binh dậy từ sáu giờ sáng. Thu dọn mùng mền, vệ sinh cá nhân rồi xếp hàng đến phòng ăn. Bữa sáng không có cơm. Mỗi người được phát cho hai cái bánh bột mì luộc to như hai cái đĩa. Không biết anh lính nào đặt cho cái tên rất có tinh thần Mác- Xít Lê-nin-nít là *bánh xe lịch sử*. Buổi trưa ăn cơm gạo ằm mốc với món canh rau muống. Thứ canh đặc biệt ít rau nhiều nước, lênh bênh vài miếng thịt mỡ trắng hầu được gọi rất văn vẻ là *canh toàn quốc*. Nghe cũng khá hài

hước, mĩa mai. Ăn sáng xong bữa sáng, cả trung đội xếp hàng nghe lệnh trung đội trưởng dẫn ra thao trường.

Mỗi ngày chúng tôi học đi học lại các bộ môn ngắm tác xạ, lăn, lê, bò, toài... ở một sân bay cũ bỏ hoang gần doanh trại. Buổi tối sinh hoạt trung hoặc tiểu đội. Mỗi tuần đều học luyện tập tháo ráp và lau chùi súng đạn. Thứ bảy các tiểu đội họp đánh giá, phê bình, thảo luận tác phong tư tưởng của mỗi tân binh. Mỗi tháng đều có báo động diễn tập hành quân lúc nửa đêm. Chủ nhật được nghỉ, nhưng mọi người không được phép ra ngoài cổng doanh trại. Tôi và thằng T. bận rộn ít gặp nhau hơn. Nó và tôi ở khác đại đội.

Thỉnh thoảng cả doanh trại được tập trung nơi hội trường của khu huấn luyện để nghe chính ủy tiểu đoàn giảng dạy về chính trị và nghe huấn thị của tiểu đoàn trưởng.

Tôi ghét nhất là ngồi nghe giảng về chính trị. Hồi còn đi học, môn này là kẻ thù của tôi. Có lần thầy giáo giảng về sự mâu thuẫn trong xã hội. Thầy bảo các thể chế xã hội tiến bộ là nhờ *đấu tranh giai cấp*. Nghe thế tôi gơ tay xin hỏi:

- Thưa thầy, như vậy đến thời kỳ xã hội Xã hội chủ nghĩa không còn đấu tranh giai cấp nữa xã hội sẽ hết tiến bộ?

Thầy biến sắc mặt, nhìn xoáy vào tôi, một lát sau thầy mới lên tiếng:

- Lúc đó sẽ có mâu thuẫn giữa con người và thiên nhiên!

Tôi cãi:

- Thưa thầy, con người muốn cho cuộc sống tốt đẹp phải biết sống hòa hợp với thiên nhiên chưa ạ?

Nghe tôi nói vậy, thầy quát:

- Ai bảo với em thế? Con người ta cần phải đấu tranh với mọi kẻ thù, kể cả thiên nhiên! Đấu tranh với thiên nhiên là... chống lại bão lụt, hạn hán... Em hiểu chưa?

Thầy ngưng lại lấy hơi, tôi toan lên tiếng cãi nữa thì thầy khoát tay nói tiếp:

- Thôi, em ngồi xuống đi, để cho cả lớp học bài. Nếu còn cãi bướng tôi sẽ đuổi em ra ngoài. Nghe chưa?

Tôi ngồi xuống bàn nhưng trong lòng không phục.

Từ đó môn chính trị của tôi lúc nào cũng bị điểm kém. Thế nên cho đến bây giờ hễ nghe nói đến môn chính trị là chán hơn ăn cơm nếp nát. Có điều nhờ một buổi học chính trị ở hội trường mà tôi làm quen được với một người bạn mới.

Một bữa, cả tiểu đoàn tập trung về hội trường để nghe giảng về nhiệm vụ của quân đội nhân dân ta đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tôi tình cờ ngồi cạnh hắn. Lúc đó đồng chí chính ủy đang giảng thao thao trên bục. Tôi nghe lơ mơ vừa chẳng hiểu gì, vừa buồn ngủ. Đang quay ngang quay dọc xem có anh vệ binh nào đứng cạnh không để tranh thủ đánh một giấc. Chợt thấy hắn đang cặm cụi, hí hoáy viết gì đấy vào cuốn sổ tay. Trông hắn có vẻ thấp bé không biết sao lại đủ tiêu chuẩn đi bộ đội? Tò mò nên tôi mở miệng làm quen.

- Này, ông quê ở đâu vậy?

- Phổ Thuận, Đức Phổ

- Ô! Đồng hương rồi, tôi Phổ Quang.

Hắn ngưng viết, ngẩng mặt nhìn tôi. Khuôn mặt rám nắng nhưng vuông vức, chữ điền ngon lành.

- Ông viết gì đấy? – Tôi hỏi.

Hắn đưa cuốn sổ cho tôi coi. Một bài thơ đang viết dở dang. Tôi lật ngược mấy trang, trang nào cũng chép thơ. Dưới mỗi bài ghi tên tác giả là Thái Đức.

- Tên ông là Thái Đức à?

- Không! Bút hiệu thôi!

- Sao lại Thái Đức? Bộ muốn làm vua như Nguyễn Nhạc?

Nó cười, bảo tôi:

- Ông nói lái lại thử coi!

Hiểu ra, tôi cũng cười. Thế là chúng tôi làm bạn với nhau.

Hai tháng sau khi tôi vào trại huấn luyện, một hôm B trưởng gọi tôi lên báo ra hội trường có người đến thăm. Tôi mừng quỳnh chạy như bay ra căn nhà dài gần cổng ra vào. Mẹ và em trai tôi đang đứng chờ. Tôi vui quá lao đến ôm chầm cả hai người. Ngày tôi nhập ngũ, em tôi đang đi biển ở Nha Trang nên không về được để tiễn đưa. Tôi đi rồi các chị tôi khuyên mẹ gọi em về để khi tôi lửa tắt đèn có mẹ có con. Em trai tôi cao lớn, khỏe mạnh chứ không mảnh khảnh như tôi. Vì có sức vóc nên sau khi học xong lớp tám, chú ấy quyết định nghỉ học đi biển để phụ giúp gia đình kiếm tiền, cho tôi được tiếp tục theo học cấp ba. Mẹ đem vào một lon cá kho mặn, một gô thịt chà bông cùng một tin tốt đẹp. Mẹ bảo, lúc tôi đi rồi bà có xuống gặp đồn trưởng đồn Biên phòng Mỹ Á để xin cho tôi được chuyển sang lính biên phòng. Họ đã đồng ý và hứa sẽ chuyển lý lịch của tôi lên cấp trên. Em trai tôi thì đưa cuốn sổ ghi thơ *Tiếng Lòng* cho tôi. Lúc lên đường nhập ngũ, tôi đã vội không mang theo. Chú ấy nói:

- Anh cứ yên chí làm ba năm nghĩa vụ rồi về. Ở nhà mọi việc đã có em lo.

Tôi chỉ còn biết nghẹn ngào xúc động nắm chặt tay em thay cho lời cảm ơn. Chiều hôm đó, mẹ và em tôi đón xe về luôn trong ngày.

Đám tân binh trong tiểu đội tôi đưa nào cũng chỉ mười chín, hai mươi tuổi. Đa phần là thanh niên lớn lên ở miền quê nên đưa nào cũng chất phát khờ khạo. Duy nhất thằng Quang là dân thị xã Quy Nhơn đã hai mươi hai tuổi nên già dặn, khôn ngoan. Hắn rất biết cách lấy lòng tiểu đội trưởng (A trưởng). Đặc biệt hay xun xoe nịnh bợ trung đội trưởng (B trưởng). Gia đình hắn ở gần nên vài tuần lại vào thăm, tiếp tế thực phẩm cho hắn một lần. Có thức ngon hắn không để dành thưởng thức một mình mà luôn đem biếu cho B trưởng. Được nhận quà cáp thường xuyên, B trưởng cũng đối xử với Quang tốt hơn nhiều

so với những tân binh khác. Quang hay được B trưởng nêu gương có thành tích tốt trong học tập chính trị và tập luyện kỹ thuật chiến đấu. Hấn còn được cho phép ra vào doanh trại mỗi chủ nhật. Hấn ở tổ ba người của tôi. Mỗi lần tùm tùm lại với nhau hấn hai khuyên cả bọn.:

- Tụi mày muốn ở trong quân đội thì phải phấn đấu vào đảng. Không có đảng sẽ không tiến thân được đâu!

Mỗi lần thảo luận chính trị ở trung đội hấn thường phát biểu rất jawng say. Với tài ăn nói lưu loát, biết cách trình bày và tán rộng nội dung bài học nên Quang đã là một hạt giống tốt trong mắt của B trưởng. Vậy mà có một lần không biết nghe lỏm được tin từ đâu hấn lại nói với cả bọn chúng tôi điều trái ngược hấn:

- Tụi mày cứ ăn chơi đi! Hết ba tháng quân trường là sang Campuchia đánh giặc đó! Liệu mà lo lấy thân! – Rồi hấn ngâm nga – *Sương gió phủ đời trai, tương lai nằm nghĩa địa!*

Không ngờ, tối chủ nhật tuần sau chúng tôi không thấy hấn đâu nữa. Thì ra Quang cố ý lấy lòng cấp trên để họ tin tưởng, cho phép hấn vào ra doanh trại tự do. Lựa cơ hội thuận tiện hấn chuồn về nhà và trốn luôn. Báo hại, cả trung đội ngay đêm hôm đó chín, mười giờ còn phải họp khẩn cấp. B trưởng thông báo đưa nào đào ngũ bắt được sẽ đem nhốt vào cô-nét ba ngày. Cái cô-nét là một thùng sắt hình chữ nhật đen sì đặt ngay ở phía sau barrack của trung đội. Đưa nào đưa nấy nghe nói vật đều im như thóc.

Ba tháng quân trường qua nhanh. Rồi ngày bé mạc khóa huấn luyện cũng đến. Trong khi những đứa khác ở xã vào lính cùng đợt bị di chuyển đi xa thì tôi, thằng T. và thằng Minh (nhà thơ Thái Đức) được đưa về Gành Ráng, tiếp tục thụ huấn khóa học Bộ đội biên phòng.

# CHƯƠNG 12

## Đất Gành Ráng



**C**hiếc xe nhà bình chở chúng tôi từ Phù Cát về thị xã Quy Nhơn. Sau đó, xe chạy dọc theo con đường ven biển xuống xóm Gành Ráng. Cuối cùng nó đỗ xích ở làng chài, trước một khoảng sân rộng, hai bên là hai dãy nhà gạch. Chúng tôi được đưa vào dãy bên trái.

Lính biên phòng là một đơn vị khá đặc biệt của tỉnh, chỉ đóng quân ở các đồn ven biển, được coi là lính kiềng; không bị quản chế nghiêm ngặt như bộ đội chính quy. Cuối tuần tân binh chịu sự huấn luyện ở Gành Ráng được tự do ra vào doanh trại, muốn đi đâu thì đi. Tuy dễ dãi là thế nhưng cũng không mấy ai đào ngũ. Bởi họ thừa biết học tập xong sẽ được đưa về

các cửa biển trong tỉnh để công tác. Mặc sức ăn cá tươi và hạch sách ngư dân. Đời sẽ đẹp như mơ.

Những ngày ở Gành Ráng chúng tôi có một mớ kỷ niệm thú vị. Chuyện đầu tiên là thằng T. và tôi gặp lại cô giáo cũ. Chiều thứ bảy hôm đó, hai đứa đi dạo biển Quy Nhơn để thư giãn, ngắm cảnh đẹp. Trời mùa đông, mặt biển xám ngắt, gió nhẹ nhưng không mưa. Lúc chúng tôi đi ngang qua một băng ghề chợt nhìn thấy một cô gái trẻ có mái tóc cắt ngắn. Trên người mặc chiếc áo len màu đen. Đi vượt qua cô gái vài bước chợt thằng T. khều tôi bảo:

- Mà có thấy ai không?

Ngạc nhiên vì không biết nó phát hiện ra ai quen biết chồn này nên tôi hỏi lại:

- Ai?

- Người ngồi trên băng ghề đó! – Thằng tôi nói tiếp –  
Trông cô ấy giống cô Dung quá!?

- Cô Dung nào?

- Cô Dung dạy môn địa lý năm lớp 9.

- Mà chắc không?

- Sao lại không!

Tôi còn nghi ngờ vì không nhìn rõ gương mặt cô gái lúc này, nhưng cũng nói:

- Minh quay lại hỏi thử. Biết đâu đúng là cô Dung thật.

Chúng tôi quay lại. Cô gái còn ngồi đó, hướng mặt ra biển. Hai đứa đến bên cạnh cúi đầu chào. Cô ấy nghe có tiếng người nói chuyện liền quay sang. Tôi nhìn kỹ, cũng giống cô Dung thật! Thấy hai *chú* bộ đội hình như muốn ngỏ lời làm quen với mình, cô gái nhoèn cười và hỏi rất lịch sự.

- Các *chú* cần giúp đỡ gì?

- Dạ... Cô có phải là cô Dung từng dạy môn địa lý ở trường Phổ Quang, Đức Phổ không ạ? – Thằng T. nói lí nhí.

Cô gái trở mắt nhìn chúng tôi:

- Đứng rồi! ... Sao các em biết?

- Dạ, tụi em học lớp 9A. Huỳnh Tiến T. và Trần Văn Thư đây ạ! Cô đúng là cô Dung rồi!

- Ừ... ừ! – Giọng cò mừng rỡ.

Gặp lại trò cũ trông cô có vẻ rất vui. Năm ấy một số sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm về Trường cấp hai quê tôi dạy thực tập. Cô Dung phụ trách môn địa lý cho khối lớp chín. Nói chuyện hồi lâu, cô cho chúng tôi biết cô không làm giáo viên nữa. Thầy Á, dạy vật lý đã đi vượt biên.

Cô bây giờ cắt tóc ngắn nên trông hơi khác. Thảo nào tôi thoáng nhìn không nhận ra. Ngày trước, để tóc dài nửa lưng trông cô nhu mì hơn. Nhà cô ở Quy Nhơn. Hôm nay cô ra biển vì có hẹn với bạn. Lát sau, một chàng trai cao lớn đi đến. Có lẽ là bạn trai cô. Chúng tôi tế nhị chào hai người rồi tiếp tục dạo biển. Lúc đi đã khá xa thằng T. đặc ý nhếch mép cười, bảo tôi:

- Mà thấy cặp mắt tao có tinh không?

Tôi chọc nó:

- Chớ tấp nhằm ruồi, chứ tinh anh gì!

Tuy ngoài miệng nói thế nhưng trọng bụng tôi cũng thầm khen thằng này tinh mắt. Cũng nhờ tinh mắt mà mai hậu nó đã thăng chức khá nhanh. Mười năm sau gặp lại nó đã là sĩ quan cao cấp dù chưa đánh trận nào. Hôm uống rượu mừng tái ngộ nó hỏi tôi:

- Thư, mà còn nhớ Lê Thừa không?

- Lê Thừa nào?

- Trung tá tiểu đoàn trưởng khu huấn luyện Phù Cát.

- À, nhớ...

- Bây giờ cấp bậc của tao lớn hơn ông ấy rồi!

- Thượng tá?

- Không. Đại tá! – Nó khoe với tôi, vẻ mặt chẳng khác gì mười năm về trước khi nhận diện đúng cô giáo Dung.

- Chúc mừng mày! – Tôi giờ lên một ngón cai và cụng ly cùng nó.

Cuộc gặp gỡ với cô bạn gái học lớp mười vài hôm sau cũng không kém phần thi vị. Lần đó cả hai chúng tôi rủ nhà thơ Thái Đức cùng đi vào Trại phong Quy Hòa để tìm cô bạn gái tên Mai Linh đang sinh sống với mẹ ở trong ấy. Từ chỗ doanh trại chỉ cần vượt qua hai con dốc, một dài một ngắn là đến làng Quy Hòa. Đó là một nơi phong cảnh tuyệt đẹp. Ba bề đều là núi rừng. Phía đông một bờ cát trắng hẹp và cong hình chữ C phía đuôi quyệt một vệt dài vào cụm núi phía nam. Nơi đây như tách biệt hẳn với cuộc sống phố thị nên trầm mặc, yên tĩnh dị thường. Chỉ nghe tiếng thông reo vi vu trong gió, và tiếng sóng biển rì rầm. Đường sá nhỏ hẹp nhưng thẳng tắp có trồng cây hai bên, ít người qua lại. Đang là mùa đông lá vàng rơi rụng khắp nơi. Những ngôi nhà be bé, mái ngói màu đỏ sậm, tường quét vôi vàng nhạt xinh xắn như trong chuyện cổ tích. Qua một hồi thả bộ dạo quanh làng, chúng tôi cuối cùng cũng tìm được căn nhà của Mai Linh ghe tiếng gõ cửa cô nàng ra bước ra, mở to cặp mắt tròn xoay nhìn chúng tôi. Thấy cô cứ đứng lặng yên, tôi cười cho đỡ lúng túng, và cất tiếng trêu:

- Thấy đồng môn đến nhà không mời vào chơi à?

Sau phút ngỡ ngàng, Mai Linh vội vàng mở rộng hai cánh cửa mời bọn tôi vào, và kéo ghế mời ngồi. Gian phòng nhỏ nhưng sạch sẽ, nền lát gạch bát tràng đã cũ. Trên tường treo mấy bức hình Đức chúa Giê Su và Mẹ Maria. Cô bạn vui vẻ lấy ấm tách trên một cái tủ bên cạnh chiếc bàn ra pha trà. Chúng tôi nói đủ chuyện huyên thuyên. Nàng không ngờ bọn tôi đi bộ đội, bọn tôi cũng không ngờ nàng định sống hẳn nơi đây. Lúc còn đi học Mai Linh nổi tiếng là cô gái đẹp của lớp tôi. Đám học sinh con trai tại tôi khi học trường huyện cũng tự hào về cô vì Phổ Quang có một tiểu mỹ nhân. Da cô ấy trắng hồng, cặp mắt to đen, mi dài và cong tự nhiên không cần

chúoc. Thêm đôi môi mọng và dáng người cao ráo nàng đã làm khổ sở lắm anh học lớp trên. Nhưng đừng một cái nàng bỏ học dở dang năm lớp mười. Một số bạn đồn rằng máu phong cùi trong người cô đã phát tác nên cô thôi học, về sống với mẹ ở Quy Hòa. Tôi kín đáo quan sát khi cô rót nước ra tách. Đôi tay vẫn trắng ngần, ngón dài và mềm mại. Đầu có dấu hiệu xuất hiện phong cùi lở loét ở bàn tay như lời đồn?

Mai Linh mời bọn tôi uống nước. Hồi lâu vẫn không thấy ai uống ngụm nào, nàng có vẻ không vui. Thấy vậy, tôi cầm cái tách bằng sành nhỏ như hột mít uống một ngụm đã hết sạch. Hai thằng bạn thấy tôi không e ngại gì cũng cầm chung uống cạn.

Chúng tôi chào từ biệt Mai Linh ra về. Cô tiễn khỏi ngõ, rồi quay vào. Tôi ngoáy đầu lại nhìn dáng người bạn gái nhỏ nhoi bất hạnh lần chót, lòng chột thấy thương thương.

Nói đến Quy Nhơn không những người ta nghĩ ngay đến bãi biển Hoàng Hậu nổi tiếng, hoặc làng Quy Hòa thơ mộng mà còn nhắc đến Đồi Thi Nhân, nơi có ngôi mộ của cố thi sĩ tài hoa Hàn Mặc Tử. Mộ ông ngày đó được xây bằng xi măng không “hoành tráng” như bây giờ. Con đường lên mộ thi sĩ khúc khuỷu, hai bên cây cối rậm rạp, um tùm. Tôi có làm một bài thơ chép vào cuốn Tiếng Lòng, năm 2016, chỉnh sửa lại đôi chút và đăng lên mạng xã hội.

Viếng Mộ Hàn Mặc Tử  
Độc cũ còn ghi nhớ Mộng Cầm  
Nhưng người đã khuất biệt mù âm  
Quy Hòa sóng vỗ trong buồn tủi  
Đất Cảng hồn bay giữa lặng trầm  
Ngửa mặt than trời ai yếu mệnh  
Nghiêng mình tưởng niệm phút thành tâm  
Ngàn sau vẫn tiếc Duyên Kỳ Ngộ

## Mật Đảng cuồng điên mãi miết tâm.

Có những bài thơ khiến người ta lên voi, cũng có những bài thơ đẩy ả người ta vào cảnh tù ngục, tối tăm hoặc mất cả sinh mạng. Không nói đâu xa, những thập niên 1950s của thế kỷ trước ở miền Bắc Việt Nam những bài thơ trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm là một dẫn chứng điển hình.

Cũng vì làm một bài thơ mà sau đó một sự việc xảy ra đã làm cho cách suy nghĩ về cuộc sống, về người cộng sản của tôi đã khác đi hoàn toàn. Ngày còn bé đọc những truyện, ký của những người đi làm *cách mạng* tôi khâm phục họ lắm. Tôi luôn luôn muốn học hỏi, noi gương theo họ tinh thần vì đất nước quê hương, sẵn sàng dám hy sinh, dấn thân vào con đường gian lao, nguy hiểm. Cũng chính vì làm bài thơ hôm ấy mà tôi mới phát hiện ra sự thật đằng sau vẻ đạo đức giả của những người tự cho mình là kẻ yêu chuộng tự do, công bằng xã hội. Tôi đã học được bài học đầu tiên về bản chất của người cộng sản. Họ đã không tôn trọng những nguyên tắc sơ đẳng về tự do tư tưởng, quyền riêng tư của người khác. Họ luôn luôn muốn kiểm soát tư duy của mọi người.

Lúc ấy là vào khoảng cuối tháng 11 âm lịch. Nhằm mừng đảng, mừng xuân mới, khóa học tân binh lính biên phòng có tổ chức cho các trung đội thi đua. Mỗi đơn vị làm một tờ báo tường. Vốn tính hay thích viết lách, tôi cũng tham gia đóng góp một bài thơ với tựa đề “*Những Ngọn Đèn Ve.*” Nội dung chỉ là hồi tưởng lại miền quê đầu yêu đang xa cách. Cũng như nhằm bày tỏ niềm tin yêu vào cuộc sống, nuôi dưỡng niềm hy vọng nhỏ nhoi nhưng cháy bóng vào tình người nơi cố hương.

Bài viết được gửi đi vào buổi sáng thì khoảng 11 giờ trưa tôi có việc ra ngoài. Khi trở về, ba lô của tôi bị lục tung. Quần áo, giấy bút và đồ dung cá nhân như chăn, màn... bị vứt bừa bãi dưới sàn barrack. Ba lô bị mở toang. Tôi vừa ngạc nhiên vừa tức giận chẳng biết kẻ nào thù ghét tôi điều gì mà phá đăm như thế. Tôi hỏi người đồng chí bên cạnh. Được anh ta cho biết, cán bộ trung đội cho người lục soát. Nghe nói thế, tôi bắt đầu lo lắng, không hiểu mình đã làm sai điều gì mà bị cấp trên đối xử như kẻ ăn cắp vặt vậy. Lặng lẽ tôi thu dọn lại đồ đạc. Lúc đó mới biết mất đi cuốn Tiếng Lòng. Dọn dẹp vừa xong cũng là lúc chính trị viên đại đội cho người gọi tôi lên. Tôi bước vào căn phòng làm việc của đại đội trưởng, trông thấy ở đó đã có mặt A trưởng và B trưởng, cùng chính trị viên. Tôi nghĩ bụng: “Sự việc rất nghiêm trọng đây!”

Họ chỉ ghé cho tôi ngồi và bắt đầu hạch hỏi về nội dung bài thơ. Tôi cố gắng giải thích cho mọi người hiểu, bài thơ không có bất cứ một ám thị phản động nào. Tôi hoàn toàn không dính dáng vào bất cứ một tổ chức nào. Nhưng họ cứ day đi day lại những câu mà tôi đã viết như sau:

*“Những ngọn đèn ve không sáng chóa, sang lào  
Như ánh điện ở nơi đây em ạ!  
Những ngọn đèn ve cháy âm thầm, êm ả  
Như ngọn lửa cuộc đời sưởi ấm tuổi thanh xuân!”*

Họ hỏi tôi có âm mưu gì mà viết như thế?! Có phải “những ngọn đèn ve” là tín hiệu, là ngọn lửa âm i chống đối lại chính quyền cách mạng không? Tôi đã khẳng định nhiều lần tuyệt đối là không. Nhưng họ vẫn không tin!

Tôi chẳng còn nhớ trọn vẹn bài thơ nên không chép hết ra đây được. Thế nhưng, theo như cảm nhận của tôi thì họ chỉ bắt bẻ mỗi khổ thơ trên. Đã trải qua gần bốn mươi năm rồi, tôi vẫn nhớ như in và chép lại được, vì bị hỏi cung suốt 2 giờ đồng

hồ liền. Họ cứ nhắc đi nhắc lại đoạn thơ ấy. Cuối cùng chắc là họ tạm tin tôi không tham gia vào nhóm phản động nào nên đã trả lại cuốn nhật ký Tiếng Lòng. Nhưng bài thơ thì bị tiêu hủy. Tôi phải viết bản kiểm điểm giải trình về tư tưởng rồi mới được ra về. Cũng may là trong tập Tiếng Lòng toàn là những bài ca ngợi cảnh đẹp quê hương, hoặc cuộc sống nông thôn mới hợp tác xã, hoặc những bài thơ tình rất ngô nghê thời mới lớn. Chỉ có một ít bài than nghèo, than đói là đáng e ngại mà thôi. May mà lúc đó tôi chẳng ghi chép điều gì về chính trị.

Trước ngày sự việc xảy ra tôi chưa hề nghĩ sự kiểm soát tư tưởng con người của chế độ cộng sản là hết sức gắt gao, cay nghiệt như thế. Tôi cũng chưa hề có được khái niệm tự do trong sáng tác là gì. Tôi chỉ biết mình nghĩ mình cảm thế nào thì viết ra như thế. Kể từ sau hôm xảy ra câu chuyện, trong lòng tôi cứ suy nghĩ rằng có một cái gì đó sai sai, không đúng ở những người chỉ huy của tôi. Tôi không nói ra điều đó với bất cứ ai, nhưng từ đấy không còn hứng thú để viết gì nữa. Tập nhật ký cũng bị tôi xé bỏ. Tôi sợ sẽ gây họa vào thân.

Sau đó một tuần, nửa đêm bỗng có tiếng còi báo động. Mọi người nhanh chóng thức dậy, thu xếp mũnng mền rồi ra sân tập hợp. Tôi cứ tưởng báo động diễn tập hành quân như mọi lần. Nhưng không! Lần này khác!

Lúc mọi người đã có mặt đầy đủ, đại đội trưởng cầm bảng danh sách đọc một số cái tên. Hễ ai bị đọc tên thì bước ra ngoài hàng. Tôi nghe đọc cả hai cái tên Nguyễn Minh và Trần Văn Thư, không có tên thằng T. Chúng tôi bước ra khỏi hàng. Tất cả chùng đầu mười mấy người. Đại đội trưởng cho nhóm người ngoài danh sách về lại trại. Nhóm bị gọi tên bắt đầu lo lắng, có tiếng xì xầm bàn tán. Có người đoán sắp có chuyển quân. Tôi nghĩ bụng, khóa học chưa kết thúc sao lại chuyển

quân lúc này. Không biết thằng Minh nghe tin đồn ở đâu, ghé vào tai tôi thì thầm:

- Bọn mình bị điều chuyển sang bộ đội chính quy.

Tôi bình thân, lính gì cũng là lính thôi mà. Tuy nghĩ thế nhưng không nói ra. Đúng lúc này, tôi trông thấy một chiếc xe nhà binh, không biết đã đậu ngoài cổng từ khi nào, bắt đầu nổ máy. Hai cái đèn pha bật sáng choang. Đại đội trưởng ra lệnh cho tất cả lên xe cùng với hai trung đội phó vai mang súng AK47, và cả chính trị viên đại đội. Chiếc xe nhắm hướng thị xã Quy Nhơn lẩn bánh. Hai vệt đèn pha sáng quắc soi rõ con đường trong màn đêm tối đen.

Xe chạy vào một cái cổng doanh trại. Trong sân, đèn điện bật sáng. Vài tốp bộ đội vai mang ba lô như chúng tôi đi qua đi lại. Đồng chí chính trị viên dẫn cả bọn đến bàn giao cho một cán bộ khác. Chúng tôi xếp hai hàng dọc. Anh thượng sĩ kia điểm danh từng người một rồi đưa cả bọn vào một căn phòng. Tôi ngó quanh chỉ có vài nhóm lính đang ngồi hoặc đứng to nhỏ chuyện trò với nhau. Lúc anh thượng sĩ vừa ra khỏi phòng, tôi hỏi thằng Minh, thằng này tuy thấp bé nhưng khôn ngoan và lọc lõi cuộc đời hơn tôi nhiều.

- Mày biết bọn họ sẽ đưa mình đi đâu không?

- Chắc là Cam-pu-chia!

- Tin từ đâu thế?

- Tao đoán vậy!

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu tôi. Chẳng lẽ mình làm bài thơ ấy, họ đọc và cho là mình có tư tưởng phản động thật chẳng? Thế thì oan tôi ông địa! Từ trước đến nay tôi luôn luôn ghi nhớ điều Bác dạy thiếu niên và nhi đồng, *yêu tổ quốc, yêu đồng bào*. Chẳng thế mà có lần một chiếc tàu vượt biển tấp vào xã Phổ An, lũ trẻ chúng tôi đã kéo nhau đi xem. Hôm đó, thằng Thanh, bạn thân nhất của tôi hỏi, nếu có dịp đi vượt biển tôi có đi không. Không cần suy nghĩ tôi cũng trả lời nó một

cách nghiêm túc, “đi làm gì!” Tôi cứ ngây thơ tin tưởng như những lời tuyên truyền rằng hễ ai bỏ nước ra đi đều là người tham sang phụ khó cả. Tôi hỏi thằng Minh.

- Mà có gửi thơ tham gia báo tường không?

- Có!

- Chủ đề gì?

- Tao đọc mà nghe. – Nó nói rồi không cần giờ cuốn sổ ra, đọc một đoạn cho tôi nghe:

“Đêm mùa đông rét mướt  
Thao trường mưa lâm thâm  
Mình ta bỗng súng gác  
Nhớ mẹ già xa xăm

Đứng canh trời xú lạ  
Không vì sao bạn cùng  
Gió rung cành, rơi lá  
Lòng chột buồn mông lung  
.....”

Đọc xong bài thơ, nó ghé vào tai tôi, hỏi:

- Mà có muốn trốn không?

Tôi trầm ngâm không trả lời. Nó nói tiếp:

- Mà ở đây coi ba lô, tao ra ngoài xem thử!

Thằng Minh đi một lát rồi quay lại. Nó nói nhỏ:

- Không có cách nào ra ngoài được. Lính gác cổng chỉ cho bộ đội vào không cho ra.

Đêm ấy mọi người ngủ nghỉ tại căn phòng đó. Tờ mờ sáng hôm sau, tất cả không được cho ăn sáng, đều tập trung tại hội trường nghe những lời huấn thị của cấp trên rồi lên xe. Đoàn xe tân binh gồm tám chiếc chở đầy nhóc lính mới, chạy ra ngã ba Phú Tài rồi rẽ sang Quốc lộ 19 chạy về hướng đèo An Khê.

# CHƯƠNG 13

## Đào ngũ



Suốt đêm hôm qua tôi không thể nào chợp mắt. Đầu óc vẫn vờ những ý nghĩ lung tung. Không phải tôi sợ bị đưa ra chiến trường mà là thắc mắc về cách hành xử của cán bộ khung khu huấn luyện bộ đội biên phòng Gành Ráng. Quả thật, tôi cảm thấy bị xúc phạm nghiêm trọng khi tư trang của mình bị lục tung mà mình không có mặt ở đó. Tôi xâu chuỗi mọi chuyện lại với nhau và định ninh rằng mình bị đưa sang chiến trường K là do bài thơ gửi đăng báo tường kia. Thằng T. có lý lịch giống tôi, trình độ học vấn cũng như tôi nhưng không hề bị tổng đi. Chỉ có tôi và *nhà thơ* Thái Đức, hai kẻ học đòi văn

chương ba trọn mới bị cho *đi đày* không thương tiếc. Tôi nghĩ chắc có lẽ mười mấy đồng đội kia cũng đã vi phạm vào tội gì đấy. Chợt nhớ lời cô giáo dạy văn năm lớp mười thường nói, văn chương là một thứ hung khí nguy hiểm, nó có thể sát hại kẻ thù, nhưng cũng có khi làm thương tổn chính mình. Nhưng biết làm sao vứt bỏ khi lòng đã trót đắm mê? Và lại đối với tôi việc học văn làm thơ là một nỗ lực của bản thân mà có lúc tôi đã từng tự hào vì đã không ngừng cố gắng.

Đoàn xe chở toán tân binh rời khỏi doanh trại vừa lên đến đỉnh đèo An Khê thì dừng lại, nép vào một bên lè, nhường đường cho một đoàn xe nhà binh khác đang chạy ngược chiều, về hướng Quy Nhơn. Chúng tôi thấy trên mỗi chiếc xe ấy là những anh bộ đội mặt mày hốc hác, phờ phạc. Người nào cũng quần bông băng trên đầu hoặc ở tay chân. Họ nằm ngồi la liệt trên sàn xe. Đây chính là những thương binh được chuyển về từ chiến trường K. Tuy mình mẩy đầy thương tích nhưng họ may mắn còn sống sót để quay trở lại quê hương. Lúc xe chạy ngang qua, chúng tôi đưa tay vẫy chào và họ cũng vẫy chào lại. Những gương mặt trẻ măng buồn xo.

Đang là nửa buổi trưa, nhưng bầu trời miền núi thật âm u, âm đạm. Từng cơn gió bắc thổi se se lạnh. Tôi gài lại cổ áo kaki. Vùng đèo An Khê đồi núi chập chùng, cây cối xanh rậm rì. Khi chiếc xe ngược chiều đầu tiên vừa đi qua, thằng Minh nháy mắt ra hiệu, và giả vờ nói to:

- Thưa, mày muốn đi tiểu không?

Tôi hiểu ý nó đang muốn rủ tôi bỏ trốn như đêm qua nó đã từng nói. Tôi nhìn rừng núi điệp trùng, lòng hơi e ngại. Hơn nữa không biết đoàn xe dừng lại nơi đây trong bao lâu? Chúng tôi có kịp thoát thân không? Nghĩ ngợi một chốc, tôi lắc đầu. Thằng Minh tiu nghỉu.

Mười phút sau, đoàn xe thương binh qua hết, tôi nghe có tiếng người tri hô ở phía sau, hình như ai đó đã bỏ trốn, và đã bị bắt lại. Sau một hồi lộn xộn, chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Từ đó đoàn xe không dừng lại ở đâu nữa. Đến xế chiều thì về tới căn cứ của Trung đoàn Ba Gia (E1), thuộc Sư đoàn 2 Bộ binh, đang đóng doanh trại chờ bổ sung quân số dưới chân đèo Mang Giang, tỉnh Gia Lai-Kontum.

Khi tôi và thằng Minh được biên chế về một Trung đội pháo cối 82 ly trời đã chạng vạng. Đúng lúc đó một cơn mưa đổ xuống. Tiết trời cao nguyên thượng tuần tháng Chạp lạnh buốt về ban đêm.

Ngày hôm sau, hai đứa được tham gia học tập cùng một tổ súng cối. Biên chế vận hành súng cối 82 ly chỉ cần ba người, nhưng để tăng quân số, ở đơn vị tôi, mỗi tổ lại có bốn người. Một đồng chí chỉ huy, một đồng chí khác nạp đạn vào khẩu pháo, và thằng Minh phụ trách chuyên đạn. Tôi làm nhiệm vụ *quan sát mục tiêu* và theo dõi tọa độ nơi đầu đạn nổ để báo cho chỉ huy điều chỉnh gương ngắm. Tiếng là làm “*con mắt*” cho tổ súng nhưng thật ra tôi chẳng làm gì cả. Mỗi lần tập, tôi tìm một gò đất cao, hoặc trèo lên một cái cây nào đó, đưa ống nhòm ngắm một mục tiêu, rồi báo cho chỉ huy tổ súng biết, để anh này day nòng khẩu pháo theo hướng đó hoặc nâng lên hoặc hạ xuống theo tầm đạn xa gần. Chỉ thế thôi là đã xong việc! Bởi có bắn đạn thật đâu mà biết đạn có trúng mục tiêu hay không để điều chỉnh!. Phần thằng Minh cứ vác mấy cái đầu đạn hết chạy xuôi lại chạy ngược. Khổ nhất là lúc thực tập hành quân. Mỗi lần diễn tập nó vừa mang ba lô, vừa phải mang chân pháo ba càng, mệt bỏ cả hơi tai. Tôi ngoài ba lô chỉ khoác khẩu AK47 trên vai, và đeo thêm cái ống nhòm toòng teng trước ngực. Những lần báo động hành quân ban đêm, thằng Minh càng vất vả. Trời tối lờ mờ, đường đi gập ghềnh mang nặng mà phải lội suối, băng rừng, leo dốc vài tiếng đồng hồ khiến nó

mệt ná thở. Trên đường về nó luôn nhờ tôi vác phụ cày chân sừng cối.

Tuy là ở nơi “đèo heo gió hút” nhưng cuối tuần bọn tôi cũng có được thú vui nho nhỏ. Đó là đi ra thị tứ Hà Tam đạo *phố*. Chiều chủ nhật đầu tiên, lúc mới đến, hai đứa theo các đồng chí *lính cũ* đi khám phá *phố núi*. Thị tứ Hà Tam (ngày nay là thị xã) nằm ngay trên trục đường Quốc lộ 19, dưới chân đèo Mang Giang là một khu thị tứ nhỏ, nghèo nàn như mọi thị tứ khác thời bấy giờ. Chúng tôi ra đây để uống rượu đế, uống cà phê đen và gheo các cô gái *miền sơn cước*. Nhưng rồi cái thú vui nhỏ nhoi tôi thiếu ấy cũng không còn. Trung tuần tháng Chạp, toàn Trung đoàn có lệnh cắm trại. Trong các đơn vị đã có lời đồn râm ran rằng sau Tết, Sư 2 sẽ mở chiến dịch mùa khô tiêu diệt tàn quân Pol Pot ở các cứ điểm dọc vùng biên giới Cambodia - Thailand. Một vài đại đội đã có người đào ngũ. Tôi nghe loáng thoáng có A trưởng đã dẫn cả một tiểu đội đào thoát. Hoang mang vô cùng!

Một buổi chiều thứ bảy, tôi và thằng Minh vừa rằm xong, từ con suối gần lán trại trở về. Lúc ngang qua nơi làm việc của Trung đội trưởng, thấy có mấy đồng chí đang đứng thập thò trước cửa lán đóng kín mít. Tò mò chúng tôi đứng lại xem cho biết có chuyện gì xảy ra. Chợt nghe tiếng huỳnh huych... huỳnh huych... như có người đang đấm đá vào bao cát. Rồi có tiếng rống to lên, sau đó là tiếng khóc hụ hụ... Tôi hỏi khẽ một đồng chí đứng gần chuyện gì. Anh ta cho biết, thằng Phong sáng nay đào ngũ. Chiều nay trung đội bắt về được nên bây giờ bị ‘màn thịt’. Ai chứ thằng Phong thì tôi biết. Nó người Phú-Khánh, vừa mới đến đơn vị cùng lúc với tôi và Minh. Dáng người béo núc, lăm lăm và ít nói. Không ngờ nó gan thế, một mình dám trốn trại băng rừng từ đây về Nha Trang. Tôi và thằng Minh không hỏi gì thêm, lẳng lặng đi về lán của mình.

Chiều hôm sau, thằng Minh rủ tôi lên căng tin mua quà ăn vặt. Mỗi đứa mua một miếng kẹo đậu phộng. Lúc về nửa đường, Minh bảo tôi dừng lại ngồi nghỉ trên một phiến đá bên vệ đường. Ngó trước, ngó sau không thấy ai, nó nói nhỏ chỉ vừa đủ cho tôi nghe:

- Tôi nay tao bỏ trốn, mày có đi không?

Tôi suy nghĩ một chút rồi đáp:

- Tao hết tiền rồi!

Quả thật, túi tôi không còn một đồng teng, chứ không phải tôi viện cớ để từ chối khéo. Lúc tôi đi tòng quân mẹ có cho tôi một ít tiền. Số tiền đó ngày còn ở quân trường Phù Cát tôi dùng chỉnh sửa lại hai bộ quân phục mà mỗi tân binh được lãnh, để mặc cho vừa vặn. Còn lại tôi tiêu từ đó đến nay đã hết sạch. Thằng Minh vỗ vỗ vào túi áo bên ngực nói chắc nịch:

- Tao còn!

- Bao nhiêu?

- 75 đồng!

- Đủ để về tới Đức Phổ không?

- Minh về Đập Đá. Nhà chị Hai tao ở đó.

Tôi gạt đầu đồng ý. Thằng Minh nói tiếp:

- Tôi nay tới phiên tao gác từ 10 đến 12 giờ. Mày chuẩn bị mọi thứ, ngủ sớm, chừng nào tao kêu thì dậy đi!

Đêm đó, sau khi họp tiểu đội xong, tôi mắc mùng đi ngủ sớm. Tôi cởi đôi giày để bên mép phẳng thay vì để ở cuối đuôi phẳng như mọi hôm. Tôi tỉnh khi thức dậy để tìm hơn vì để dậy khỏi mang nhằm giày đồng chí ngủ cạnh bên. Tôi nằm vất tay lên trán suy nghĩ mông lung. Trong lòng tôi nửa muốn đào ngũ, nửa muốn ở lại. Ba tiếng 'lính đào ngũ' mới nghĩ đến thôi đã cảm thấy ê ẩm cả mặt. Tôi là người luôn luôn biết tự trọng, không muốn ai khinh bỉ là kẻ hèn nhát trốn tránh trách nhiệm. Nhưng ở lại bị đưa sang Cambodia đánh giặc cũng

khiến tôi lo lắng, không an tâm. Hình ảnh mấy anh thương binh tay chân mặt mũi băng bó trắng toát trên đoàn xe ngược chiều ở đèo An Khê lại hiện ra trong đầu tôi. Nỗi sợ hãi bỏ xác nơi đất khách quê người làm tôi muốn bỏ trốn cùng Minh Tôi nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi.

Mở ngoặc. Bây giờ sau một khoảng thời gian khá dài quay nhìn lại việc mình đã làm cách đây ba mươi chín năm, tôi không còn cảm thấy xấu hổ nữa. Không phải là tôi thanh minh để chữa thẹn cho mình. Nhưng nhìn vào thực tế những gì bây giờ chúng ta thấy, hiển nhiên nó là vậy. Tôi không dám nói là chúng tôi đúng hoàn toàn, nhưng việc đào ngũ đã không còn khiến chính tôi cảm thấy xấu hổ và áy náy như lúc đó nữa. Chính quyền Cambodia do cộng sản Việt Nam dựng lên là một chính quyền ăn cháo đá bát. Hàng vạn xương máu của trai tráng Việt Nam đã đổ xuống oan uổng trên một đất nước xa lạ cũng bởi cái  *tinh thần quốc tế vô sản*  chết tiệt. Nếu như ngày đó biên giới nước ta bị giặc ngoại xâm tấn công mà chúng tôi lại bỏ chạy mới là việc làm đáng xấu hổ. Còn như vì cái ảo tưởng  *bách chiến bách thắng*  của một đảng cai trị mà không tiếc sinh mạng của hàng vạn thanh niên thì đó lại là chuyện khác. Chỉ nói riêng trong chiến dịch mùa khô 1983-1984, Sư đoàn 2 đã bị hao tổn nguyên khí nghiêm trọng. Đại tá Tư lệnh sư đoàn Trương Hồng Anh (người Bình Sơn, Quảng Ngãi) tử trận trong một lần thị sát cao điểm 579. Trung đoàn Ba Gia thương vong nặng nề, sau chiến dịch phải rút về Việt Nam để bổ sung quân số. Đóng ngoặc.

Tôi đang mơ mơ màng màng thì nghe có tiếng người gọi khe khẽ:

- Thư! ... Thư! ...

Tôi mở bừng mắt. Gương mặt thằng Minh ghé sát mặt tôi. Tay nó lay lay vai tôi.

- Dậy! ... Dậy! ...

Tôi ngồi bật dậy. Tỉnh hẳn người, nhớ ngay ra là đêm nay hai đứa định bỏ trốn. Tôi nhào người về phía cuối chỗ nằm theo thói quen, nơi vẫn thường để sẵn đôi giày. Không thấy giày đâu! Tôi quên khuấy trước khi đi ngủ đã di chuyển chúng sang phía bên tấm phăng! Thành Minh đang bước ra cửa lán. Tôi lật đật nhảy xuống đất bước theo nó. Đi qua cửa ra vào, dưới ánh trăng lờ mờ, tôi chợt nhìn thấy thành Minh khoác trên vai khẩu AK47. Hơi lạnh ngoài trời làm tôi tỉnh táo hẳn. Tôi liền bảo nó:

- Để súng lại!

Nó lưỡng lự. Tôi gắt khề:

- Mang theo súng sẽ bị truy đuổi vì tội ăn cắp vũ khí!

Thành Minh nghe nói thế lập tức đem súng để ngay vào giá. Chúng tôi đi qua lán của Trung đội trưởng về hướng bờ suối. Một ánh đèn pin từ dãy lán đầu kia quét ngược lên. Hai đứa đứng lại. Có tiếng của Đại đội phó:

- Các đồng chí đang gác đây à? Tỉnh táo nhé!

Chúng tôi đồng thanh đáp lại:

- Dạ vâng!... Thưa thủ trưởng!

Chờ cho C phó đi khuất, chúng tôi tiếp tục tiến ra bờ suối. Con suối này bề ngang rộng khoảng mười mét. Chỗ lội, mức nước chỉ cao chừng nửa ống quyển. Dưới đáy đầy đá cuội. Hai đầu trên và dưới con suối nước sâu hơn, trong veo. Chiều chiều khi đi tập về chúng tôi thường ra đây để tắm giặt. Qua khỏi suối là một khoảng đất có những bụi lùm thấp, rồi đến một khu rừng. Chúng tôi chưa bao giờ đi qua khỏi khu rừng đó nên không biết con đường mòn băng qua suối dẫn đến đâu. Tôi và Minh vừa mới đến, vả lại mỗi lần hành quân diễn tập thường xảy ra vào lúc đêm khuya nên không rành rẽ đường sá vùng này.

Tiếng bước chân lội bì bõm trong nước của hai đứa khiến bọn tôi đâm ra lo lắng. Càng bước nhanh tiếng kêu càng to. Chỉ có quãng đường mười mét mà như dài cả cây số. Bụng dạ tôi phập phồng. Lội vừa hết con suối hai đứa liền cầm cổ chạy thục mạng về phía khu rừng. Lúc này tôi mới biết không mang giày là một điều tai hại. Đôi vớ tôi mang khi đi ngủ vẫn còn ở trong chân, ướt sũng nước, chảy xệ khiến bước đi khó khăn vô cùng. Tôi cởi ra, quăng phứt vào bụi cây bên đường. Đi dọc theo lối mòn một đoạn, tôi bảo thằng Minh rẽ phải vào khu rừng. Vì lo sợ cứ đi trên lối mòn, có người đuổi theo sau ắt sẽ bắt gặp. Dường như nó cũng toan tính như tôi, nên vừa nghe nói đã làm ngay. Hai đứa tôi mệt thì đi, khỏe thì chạy trong khu rừng đêm suốt mấy tiếng đồng hồ. Lá khô củi mục kêu lạo xạo dưới chân. Vàng trắng hạ tuần bị những đám mây che lúc tỏ lúc mờ. Cây cối lùm bụi đen ngòm chập chờn, đầy vẻ ma quái, âm u. Bọn tôi lo đào tẩu nên không còn tâm trí đâu để mà lo sợ yêu ma hay thú dữ rình rập. Ra khỏi khu rừng một quãng chúng tôi phát hiện ngay con đường nhỏ bên bờ vực sâu. Đi theo lối này hai đứa lần mò đến một cái bản của người thượng. Bản chỉ có năm bảy căn nhà sàn cất cách xa nhau, dọc theo bờ vực. Nhà nào cũng cắm một hàng chông tre nhọn hoắc ngăn cách con đường mòn với vườn rau trước nhà. Chúng tôi cố gắng bước đi thật nhanh và không gây tiếng động để tránh làm thức giấc đồng bào trong bản. Rất may là cả bản không nuôi chó.

Đi khỏi bản thượng lại đến một khu rừng cây, lá thưa thớt. Cuối khoảng rừng hiện ra một vùng đất trống mênh mông, không nhìn thấy đường lớn, cũng chẳng có lối mòn. Tôi hỏi thằng Minh:

- Đi hướng nào bây giờ?

Nó cũng chẳng biết trả lời sao. Bất chợt tôi cảm thấy đôi bàn chân đau nhói. Thì ra lúc chạy qua cánh rừng, đôi chân tôi đã dẫm đạp lên nhiều cành cây khô nên bị trầy xước chảy

máu. Do hồi hải môn đảo nên nãy giờ tôi không có cảm giác đau đơn. Bây giờ bình tâm trở lại cái đau mới xuất hiện. Tôi cố nhin đau bước cho kịp thằng Minh. Dưới ánh trăng thấy bóng mình ngả dài về phía trước. Một ý nghĩ lóe sáng trong đầu tôi, tôi nói với thằng Minh.

- Cứ đi theo hướng cái bóng của mình là sẽ về tới đồng bằng!

Thằng Minh dường như cũng vừa ngộ ra, nó gật đầu tán thành. Tôi chỉ nói đại thôi chứ cũng không dám chắc, vì chẳng biết chị Hằng có lặn đúng về hướng chánh tây hay không. Nhưng đó là hướng đi duy nhất để chọn lựa trong lúc này. Tuy nghĩ vậy nhưng tôi không dám nói ra vì sợ làm thằng Minh nhụt chí.

Đi gần hết quãng đồng không mông quạnh thì trời cũng đã gần sáng. Nhìn xa xa, dường như có một xóm nhà. Đi một lát nữa, chúng tôi thấy có ánh đèn hay bếp lửa gì đó lập lòe ở một ngôi nhà đầu xóm. Lúc này, cả hai đều mặc quân phục, nếu vào xóm chẳng khác gì để cho người ta biết mình là lính đảo ngũ. Chúng tôi bàn nhau tìm đến cái nhà có ánh đèn kia để đổi quần áo.

Vừa bước đến cái cổng làm bằng tre của ngôi nhà, người đàn ông đang đứng trong sân tập thể dục đã bước ra mở ngay cho chúng tôi vào. Hình như ông ta đã quá quen thuộc với cảnh *bộ đội cụ Hồ* xuất hiện đột ngột như thế này. Không đợi chúng tôi mở miệng ông ta đã cất lời hỏi:

- Các anh muốn đổi quần áo?

Chúng tôi gật đầu. Ông trở vào nhà. lát sau mang ra hai bộ quần áo cũ đưa cho Minh và tôi. Hai đưa đi lại cái đồng rom cạnh chuồng bò để thay. Thằng Minh được một bộ đồ còn khá tốt. Chiếc áo ca-rô màu đỏ sẫm dài tay. Cái quần tây màu xanh đen. Chiếc áo của tôi thì cộc tay, màu trắng nhưng đã ố vàng. Cái quần màu tiết đồng cũ rách. Khi chúng tôi đưa hai bộ

đồ ka-ki gần như còn mới toanh, ông chủ nhà cầm lấy nhìn thẳng Minh và hỏi nó có muốn đổi đôi giày không. Thăng Minh đồng ý. Ông ta lại đi vào nhà đem ra một đôi dép râu. Thăng Minh cởi giày đưa cho ông ấy, còn đôi vớ thì đưa cho tôi mang. Tôi hỏi ông kia xin một đôi dép cũ, nhưng ông ta lắc đầu. Tôi chỉ cái nón cối màu xanh có ngôi sao vàng trong vòng tròn đỏ trên đầu thẳng Minh. Nó hiểu ý cởi nón đưa cho ông ta. Ông cầm lấy đem vào nhà, rồi đem ra một cái nón cời đưa cho thẳng Minh. Chúng tôi cảm thấy khát nước nên xin một ca nước lạnh để uống. Thăng Minh đội cái nón cời lên đầu. Hai đứa bước ra khỏi sân nhà. Lúc đi qua cánh cổng, không biết nghĩ sao thẳng Minh cởi cái nón quăng lên hàng rào.

Đã đổi hình thay dạng, hai đứa tản nhiên theo con đường chính đi ra khỏi xóm nhà. Lúc đi đến giữa xóm thì trời đã sáng rõ. Bên đường bắt gặp một nhà đang có hi sự. Cái cổng được uốn cong bằng một tàu lá dừa chẻ đôi. Trên cổng có hàng chữ “Vu quy” được cắt bằng giấy màu đỏ. Tôi nói với *nhà thơ* Thái Đức:

- Mày làm bài thơ chúc phúc, rồi tao với mày vào đây chúc mừng cô dâu để xin ăn chực một bữa đi!

Thăng Minh bật cười khà khà.

# CHƯƠNG 14

## Trên đèo An Khê



C húng tôi theo trục đường chính đi hết cái xóm nhỏ, lại băng qua một vùng đất trống nữa thì gặp ngay con đường trái nhựa. Chẳng biết có phải là đường Quốc lộ 19 hay không, nhưng thấy nó chạy theo chiều mặt trời mọc và mặt trời lặn nên nhắm theo hướng mặt trời đang lên mà đi. Đi một đoạn cũng chẳng gặp chiếc xe nào để về xuôi. Trong lòng bọn tôi bỗng dung có dự cảm không ổn. Nếu lỡ đơn vị phát hiện có người đào ngũ cho xe đuổi theo thì nguy to. Nghĩ thế, hai đứa vội đi băng qua đường, tiến xa một đoạn nữa về hướng nam. Cũng may là đi thêm chừng vài kilomet thì bắt gặp một lối mòn chạy song song với con lộ. Lúc bấy giờ mặt trời đã lên

cao. Suốt nửa đêm và nửa ngày chạy trốn, bụng dạ tôi lên cơn cồn cào dữ dội. Tôi có tật xấu chứng đói, nhịn ăn lâu là tay chân run rẩy. Đúng lúc đó nhìn thấy một trái bắp khô bị bánh xe bò cán bẹp dí trên nền đường đất đỏ. Tôi cúi xuống nhặt lên, phủi bụi đất, lấy vải hột ra cho vào miệng nhai ngon lành. Đưa phần còn lại cho thằng Minh, nhưng nó không lấy. Tôi từ từ ăn hết cả miếng bắp vỡ.

Con đường mòn hướng về phía đông, nhưng lại chạy lên khu đồi tranh. Lúc đến chân đồi chúng tôi gặp được chị người thượng đang gánh một gánh tranh nặng trĩu đi ngược chiều. Chúng tôi dừng lại hỏi thăm đường về xuôi. Nhưng chị lắc đầu tỏ vẻ không biết. Không ngờ chị lại ngó thấy đôi chân tôi rướm máu, bước đi khập khùng, liền cởi đôi dép cao su đang mang, đưa cho tôi. Tôi không nhận, nhưng chị quyết cho nên không lấy lại mà gánh gánh tranh đi nhanh xuống đồi. Chị ấy đội nón lá, chiếc khăn màu trắng che kín cả mặt chỉ chừa lại đôi mắt nên tôi cũng không biết ân nhân của mình mặt mũi ra sao. Tôi chỉ còn biết rít rít nói tiếng cảm ơn phía sau lưng chị.

Minh và tôi đi lên đồi tranh. Khắp chung quanh, rừng tranh ngút ngàn. Một màu vàng úa của lá tranh lan xa tưởng chừng vô tận. Cỏ tranh có chỗ cao lên tới ngực. Con đường đến đây cũng hết. Thì ra lối mòn là do người ta đi lên đồi cắt tranh, lâu ngày tạo ra chứ không phải đường đi thông thương tới nơi khác. Trời đang giữa trưa, hôm nay lại nắng chang chang, không một chút gió. Nóng bức khó chịu. Cổ họng khô cháy. Bụng dạ tôi lép kẹp. Ánh mặt trời làm hoa cả mắt. Chúng tôi mất phương hướng trong rừng tranh mênh mông.

Sau một hồi đi lung tung cũng không cách nào thoát ra khỏi ma trận của ngọn đồi; chúng tôi tuyệt vọng, tìm một khoảng đất trống ngồi nghỉ mệt. Chẳng ai nói với ai điều gì. Chúng tôi không muốn làm phiền nhau. Lúc này cả hai đang cần sự im lặng để nghĩ cách thoát ra khỏi nơi quỷ quái

này. Ngồi nghỉ một lát, người đã dễ chịu, một ý nghĩ bỗng lóe sáng trong đầu, tôi bảo thằng Minh:

- Mày cùng tao nhìn xung quanh xem ở gần đây có cái cây cao nào không.

Nó đứng dậy đảo mắt khắp nơi, rồi chỉ cho tôi thấy, không xa lắm có một cái cây dường như đã chết khô, chia hai nhánh hình chữ V chọc thẳng lên trời. Tôi bảo nó tiến nhanh về phía đó. Cả hai vạch cỏ tranh, đi băng băng về chỗ đó, Đến nơi thì ra cái cây rụng lá chứ không phải chết. Tôi trèo lên cây và phóng tầm mắt ra khắp mọi nơi. Thoáng thấy phía xa, gần một khu rừng, dường như con đường đất đỏ. Một chiếc xe ben chở gỗ từ trong rừng chạy ra, bụi hồng bốc lên cuộn cuộn đằng sau. Tôi mừng quá reo to lên, kêu thằng Minh trèo lên chỉ cho nó thấy. Hai đứa rẽ tranh, lao về hướng đó. May mà tôi đang mang đôi dép của chị người thượng cho. Nếu không, băng qua đồi tranh ấy cũng là một điều gian nan.

Con đường đất đỏ rất rộng, dấu vết xe chẳng chịt. Có lẽ là lối chuyển gỗ về xuôi của một lâm trường nào đó. Nghĩ vậy, hai đứa cứ lặng lẽ bước đi. Trời phật phù hộ làm sao, cuối cùng lại ra Quốc lộ 19. Lần này thì chúng tôi quyết bám sát con lộ, không đi quá xa nữa.

Trời đã xế chiều, đi ngang qua một khu ruộng trồng khoai lang, hai đứa liền đào trộm mấy củ, đem xuống bờ mương rửa sạch và ăn ngấu nghiến. Ăn xong lấy hai bàn tay làm gáo bụm nước mà uống.

Tiếp tục đi. Đến chạng vạng, chúng tôi lại gặp một thôn trang. Hai đứa đi vào làng đó để tìm cái gì ăn cho đỡ đói. Chẳng bao lâu đã trông thấy trước sân một căn nhà có mấy cái vĩ tre thường dùng để phơi bánh tráng. Đúng là buồn ngủ gặp chiếu manh, hai đứa xô cái cổng khép hờ bước vào. Chó sủa. Một chị phụ nữ xuất hiện bên cánh cửa chái bếp. Thằng Minh hỏi có bán bánh tráng không. Người đàn bà gật đầu. Chúng tôi

ngỏ ý muốn mua ăn tại chỗ. Chị cho chúng tôi vào nhà. Thằng Minh kêu bốn cái bánh trắng và xin một chén nước mắm. Tuy bữa ăn quá đơn giản nhưng hôm ấy chúng tôi cảm thấy sao mà ngon lạ lùng.

Uống xong bát nước chè, Minh hỏi đường đến đèo An Khê. Chị chủ nhà cho biết nơi đây cách không xa trạm gác Song An là mấy. Nghe nói vậy bọn tôi mừng muốn reo lên, nhưng cố kìm lại. Thời đó để áp dụng chính sách ‘tự cung tự cấp’ mỗi cửa ngõ giao thông của các tỉnh đều có trạm gác của công an kinh tế, chuyên bắt những người vận chuyển hàng hóa bất hợp pháp. Trạm Song An thuộc địa phận tỉnh Gia Lai–Kon Tum ngay sát chân đèo An Khê. Qua khỏi đèo thuộc tỉnh Nghĩa-Bình có trạm Phú Phong.

Chúng tôi rời lò bán bánh trắng thì trời đã tối. Gió thổi lồng lộng, Một lát sau, cơn mưa nhỏ ập tới khiến hai đứa quần áo ướt mềm. Men theo rìa phía Nam đường Quốc lộ 19, đi đến khoảng mười giờ đêm thì tới trước trạm Song An. Còn sớm, qua trạm rất dễ bị phát hiện. Hai đứa vào khu rừng thông cách con lộ vài trăm thước để trú mưa và cũng để chợp mắt nghỉ ngơi lấy sức, chờ nửa đêm mới vượt trạm. Cả hai chui vào một gốc cây thông rậm, ngồi cúi đầu bó gối chờ thời gian trôi qua chớ không sao ngủ được. Đêm càng về khuya trời càng lạnh. Cơn mưa nhỏ nhưng vẫn không dứt. Cả hai ngồi co ro, run cầm cập. Không có cách gì để chống lại cái lạnh mùa đông của núi rừng ban đêm. Hai đứa tôi cứ thay phiên nhau ngồi ôm sau lưng mỗi đứa một lát cho đỡ rét. Tôi nghĩ bụng cũng may là có bạn đồng hành, nếu đào tẩu một mình gặp trường hợp như thế này thì thê thảm biết là bao nhiêu. Nhưng màn đêm và giá buốt vẫn chưa nguy hại gì mấy, sự hiểm nguy lớn hơn còn đang chực chờ chúng tôi ở phía trước. Nhìn xéo qua bên kia mé lộ, ngọn đèn của trạm gác vẫn chong sáng trung. Lâu lâu có một

chiếc xe bị dừng lại để kiểm tra hàng hóa. Không biết phải chờ đợi bao lâu, thằng Minh nóng ruột bảo tôi:

- Minh đi thôi! Trời mưa thế này họ không nhìn thấy chúng ta đâu.

Tôi nghe nó nói cũng có lý. Hai đứa lò dò, khom lưng, cúi đầu thật thấp men theo các lùm bụi tiến về chân đèo An Khê. Con lộ ở trên cao, chỗ chúng tôi đi là vùng đất thấp, lùm bụi hoang dại mọc rất nhiều. Hai đứa cứ bám sát ngay rìa con lộ để lợi dụng bìa đường cao che khuất bóng mình khỏi tầm mắt người trong trạm. Lên đến nửa dốc thì cả hai đuối sức, bèn tìm một góc thông cành lá um tùm để núp vào bàn tính. Chỉ có hai đứa mà vượt đèo vào lúc nửa đêm thì không dám. Không phải sợ ma, chỉ sợ thú dữ và thổ phi. Mấy hôm trước còn nghe lời xì xào của đồng đội rằng quanh khu vực đèo có nhóm Fulro ản nấu. Lâu lâu đơn vị phải đi tảo thanh. Tin đồn là thật hay giả cũng chẳng biết. Nhưng để cho an toàn chúng tôi không qua đèo trong đêm. Còn ngồi đợi đến sáng mới đi cũng dễ gặp cảnh binh tuần tra đón lỏng bắt về. Cách nào cũng không được! Suy đi tính lại chỉ còn chờ trời sáng đón xe đò từ Kon Tum về Quy Nhơn là khả thi. Nếu có người tò mò nhìn thấy hai thanh niên áo quần xơ xác, ngồi xe từ miền núi về chắc cũng không nghi ngờ như lừng thừng cuộc bộ. Nghĩ vậy, chúng tôi quyết định ngồi đợi trời sáng.

Nửa đêm canh khuya hai thằng ngồi dựa vai nhau ở một dốc đèo hoang vắng, âm u nóng lòng đợi trời sáng. Bốn bề tối thui, không một ánh đèn, không một tiếng dế kêu sương. Con mưa vẫn còn lâm râm khiến đứa nào cũng cảm thấy buồn đến nảo ruột. Chưa bao giờ tôi bức rức, thiếu kiên nhẫn như lúc này. Trong lòng cứ thấp thỏm trông mong cho mau sáng. Chốc chốc cả hai lại đứng lên nhìn về phía cuối đèo ngóng chờ một ánh đèn xe. Chưa bao giờ bụng tôi bất an như lúc này.

Khoảng ba bốn giờ sáng, đột nhiên phía dưới chân đèn có hai luồng đèn pha quét sáng rực. Thăng Minh reo lên:

- Có xe rồi! Ra đón mau!

Tôi đi trước ra bìa lộ, lòng mừng khắp khởi. Minh đi sau. Tôi giơ tay vẫy vẫy ra hiệu dừng xe. Chiếc xe thắng lại, ngọn đèn pha chiếu thẳng vào mặt tôi sáng lòa khiến tôi không nhìn thấy gì. Tôi bước né sang một chút. Chiếc xe đen sì, dừng cách tôi khoảng mười mét. Một người mở cánh cửa xe bên phía tài xế đi vòng ra sau xe rồi giơ nòng khẩu súng trường về phía chúng tôi, cất tiếng quát:

- Ai? Tại sao lại chặn xe?

Tôi nói lớn:

- Bọn em đón xe về Quy Nhơn.

Người kia hỏi tiếp:

- Ở đơn vị nào?

Đầu óc tôi lúc đó tự dưng nhạy bén hẳn lên, những suy nghĩ thoáng qua nhanh như chớp. Không thể nói là lính Sư 2. Tôi vụt nhớ mỗi lần đi tắm ở con suối cạnh doanh trại, nghe có người nhắc đến cái tên Nông trường Hà Tam. Tôi vội trả lời:

- Công nhân nông trường Hà Tam.

Chợt trong xe có giọng nói nhỏ nhưng già dặn, rắn rỏi, từng tiếng một vọng ra rõ ràng:

- Lính Sư 2 đào ngũ chứ công nhân gì! - Nói rồi ông ta bảo người kia lên xe.

Chiếc xe chồm lên, lao vào màn đêm. Đến lúc này thì tôi mới nhận ra đó là một chiếc xe jeep quân đội! Tôi và Thăng Minh giật bắn người, sợ điếng hồn. Hai đứa vội chạy lại gốc cây thông núp vào đấy. Trống ngực đập nhanh hơn là lúc chạy qua khu rừng đêm hôm trước. Mọi chuyện tưởng đâu là đã êm xuôi, trong bụng khắp khởi mừng thầm. Chẳng ngờ, chừng mười lăm phút sau, bỗng dưng tôi nghe có tiếng quát:

- Giơ tay lên!

Như bị điện giật, tôi nhòe người, đảo mắt nhìn quanh, cứ tưởng mình đang nghe nhầm. Trời lúc này đã tạnh mưa, nhưng vẫn còn tối đen. Người kia lại quát lên, lần này to và gần hơn:

- Giơ tay lên! Không tao bắn!

Sợ quá, tôi vội vàng giơ hai tay lên trời. Người kia lại ra lệnh:

- Đứng dậy bước ra ngoài!

Tôi ngoan ngoãn làm theo.

- Còn thằng nữa đâu?

- Không ngoáy đầu lại, tôi nói giọng run run:

- Nó mới ở đây mà!

Giọng người kia đanh thép:

- Không bước ra là tao bắn!

Tôi sợ người kia sẽ nổ súng thật nên thẳng thốt gọi:

- Minh! Minh!

Đến bây giờ thằng Minh mới từ trong gốc thông chịu bước ra, hai tay giơ cao. Thấy hai đứa tôi răm rắp làm theo, và trong tay không có vũ khí nên người kia cũng dịu giọng:

- Đi ra đứng cạnh lề đường!

Chúng tôi riu riu làm ngay. Người kia hỏi:

- Bọn mày làm gì ở đây?

Thấy thằng Minh im re không nói lời nào, tôi vội lên tiếng:

- Bọn em là công nhân Nông trường Hà Tam. Bọn em về quê ăn Tết ít hôm rồi lên.

Không biết người kia có tin lời dối trá của tôi bịa ra hay không, nhưng chẳng nghe anh ta hỏi gì thêm, Cũng may là chúng tôi đã mặc bộ đồ thường dân. Chỉ còn cái đầu hớt ba phân có làm lộ tẩy không? Bây giờ trời đã tờ mờ sáng. Tôi đưa mắt quan sát. Thì ra có hai người chứ không phải một. Một người bên tả, một người bên hữu. Họ từ dốc đèo đi xuống. Hai khẩu súng trường chia nòng về phía chúng tôi. Trên bắp tay trái mỗi người cột một miếng vải đỏ. Đúng là cảnh binh của sư

đoàn! Không hiểu sao hôm ấy tôi rất nhanh nhẩu mồm miệng. Thấy họ im lặng tôi van vãn:

- Các anh tha cho bọn em đi!

Tưởng đâu anh cảnh binh phớt lờ câu van nài của tôi, không ngờ anh ta lại hỏi:

- Quê ở đâu?

- Bọn em quê Quảng Ngãi.

Im lặng một lát, anh ta cho biết:

- Bọn bây không thoát được đâu. Bên kia đèo cảnh binh đang tuần tra. – Anh ta chỉ một phiến đá bên cạnh, bảo chúng tôi tới ngồi yên chỗ đấy.

Lúc này, tôi mới bắt đầu hoảng loạn. Nghĩ tới bị đưa về cho Tring đội trưởng làm *bao cát* tập võ tự do, lòng tôi ngán ngẩm. Thằng Minh thì từ lúc nào đã trở nên câm như hến. Tôi chỉ còn biết im lặng, kê tay gục mặt trên phiến đá.

# CHƯƠNG 15

## Về đồng bằng



Vừa mệt mỏi, vừa nản chí, tôi mơ màng hình như đã ngủ một giấc dài. Trong mơ tôi đã gặp một ông già râu tóc bạc phơ đang ngồi trên một phiến đá. Ông già đang mỉm cười nhìn tôi:

- Cậu trẻ, cậu đã đánh một giấc năm trăm năm rồi đấy!

Nghe nói thế, tôi không hề ngạc nhiên mà còn vui mừng nữa. Tôi muốn ngủ một giấc ngủ xuyên thời gian để xóa bỏ cái hiện tại không hứa hẹn điều gì tốt lành. Trong mơ tôi cũng chợt nhớ hình như lúc nhỏ đã từng đọc ở đâu đó một câu chuyện kể rằng, có một anh kia đang gặp cảnh khốn cùng, nợ như chúa chổm. Một hôm say rượu dựa lưng vào một gốc cây

trong vườn ngủ mê man như chết. Khi tỉnh dậy mọi vật quanh anh đã hoàn toàn thay đổi. Khắp xóm giềng không còn ai quen biết. Thì ra anh vừa say một giấc dài cả năm trăm năm.

Trong cơn mơ của tôi, ông già kia nói xong, vụt biến mất. Tôi giật mình mở mắt nhìn quanh, ngỡ ngác. Thăng Minh mặt mày hớn hờ, cà khịa:

- Đào ngũ bị bắt mà làm một giấc ngon dữ!

Lúc này, đã hoàn toàn quay trở về thực tại, không nhìn thấy hai anh cảnh vệ kia đâu, tôi vừa mừng vừa lo hỏi Minh:

- Họ đâu rồi?

- Đi cả rồi!

- Ô! Thật vậy sao!?

Thăng Minh gục gặc cái đầu húi cua. Tôi thì quá vui mừng. Không thể cắt nghĩa được giấc mộng là sự thật hay sự thật là giấc mộng. Chỉ biết rằng sự việc chuyển biến thật bất ngờ. Cho đến giờ này, tôi vẫn không hiểu được nguyên nhân vì đâu hai anh cảnh binh kia không bắt chúng tôi giải về Trung đoàn bộ. Tôi đoán già đoán non là có thể họ tin lời tôi nói dối rằng chúng tôi là công nhân Nông trường Hà Tam. Nhưng nghĩ kỹ lại, người ngồi trên chiếc xe Jeep (chắc là sĩ quan cao cấp) đã nghi ngờ, nên mới sai hai anh cảnh binh đến khống chế bọn tôi. Nhưng vì sao cuối cùng lại *tha bổng*? Quả tình, thật khó hiểu! Dù sao hai đứa cũng thoát một nạn kiếp đã là may phúc lắm rồi. Chúng tôi không cần nghĩ ngợi chi nhiều và chỉ cầu mong đừng xảy ra chuyện gì nữa.. Trong lòng thầm cảm ơn các anh vệ binh!

Được tự do quả thật đáng quý làm sao!. Tôi đứng dậy vươn vai, hít thở không khí trong lành buổi sớm của miền núi cao. Mặt trời đã lên khỏi đỉnh đèo An Khê từ lúc nào. Những tia nắng ấm áp làm cho cả người khoan khoái, dễ chịu hẳn. Bỗng thăng Minh reo lên, tay chỉ về phía chân đèo:

- Có xe kia!

Tôi bảo nó:

- Nhìn kỹ xem xe gì!

Đã đón nhầm xe của xếp lớn một lần, tôi quá tởn, không dám vội vàng xông ra như trước.

- Xe bốn bánh! – Thăng Minh nói và đi ra vệ đường.

Bấy giờ, tôi cũng nhận ra đó là chiếc xe bốn bánh màu nước com, đang chạy ì ạch lên dốc. Bọn tôi đưa tay ra vẫy. Chiếc xe dừng lại, lơ xe giục tôi leo lên. Minh trả tiền rồi lên sau. Trên xe quang gánh đầy sắn. Hai băng ghé toàn đàn bà. Họ bảo tôi và thăng Minh ngồi vào trong. Tôi cứ ngỡ ngỡ không biết họ có nhận ra mình là lính đào ngũ không? Tôi nhả nhận từ chối từ chối, nói rằng qua hết đèo sẽ xuống. Một chị xích vào trong nhường chỗ. Tôi ghé đít ngồi vào khoảng băng ghé trống. Minh đu ngay cửa xe. Chiếc xe chạy chậm rề rề, nhưng cuối cùng cũng qua hết cái đèo khúc khuỷu. Khi còn cách trạm kiểm soát Phú Phong chừng 200m thăng Minh đập vào thùng xe bảo tài xế dừng lại. Chúng tôi xuống xe. Lòng mừng khắp khởi vì không gặp cảnh binh. Chắc họ đã rút hết từ lâu. Không ngờ bọn tôi đã vượt được đoạn đường hiểm trở trên đường đào tẩu về xuôi.

Xuống xe, tôi mới để ý, thăng Minh hoạt bát, nhanh nhẹn hẳn lên. Nó không ngừng cười nói luôn miệng. Có lẽ nó khá quen thuộc vùng này. Nó dẫn tôi đi ngược lên phía bắc, qua một cánh đồng ruộng, một xóm nhà. Lại thêm một quãng đồng nữa thì nhìn thấy dòng sông Côn. Từ đó hai đứa cứ nương theo bờ sông mà đi, băng ngang nhiều cánh đồng và nhiều bãi đất hoang. Thăng Minh quả thô thông thạo vùng đất này. Nó luôn luôn đi trước dẫn đường cho tôi.. Nó chỉ con sông Côn cuộn cuộn nước, bảo tôi, bơi qua sông là về đến nhà chị nó. Có dám bơi không? Tôi nhìn dòng sông, dù là đoạn trung du vẫn rộng và sâu gấp mấy lần con sông Thoá quê tôi. Nước sông đầy ăm ắp, chảy xiết. Tôi lắc đầu. Nó cười. Nụ cười rất

đều. Chắc nó chê tôi nhất gan. Tôi giả vờ không trông thấy hỏi nó:

- Ở gần đây không có cây cầu nào à?

Nó tỏ vẻ bí mật:

- Có cầu đã không rủ mày bơi qua sông!

- Thế còn đò?

- Cũng không có! – Nó nói xong cười vang.

Xế chiều, chúng tôi đến một cây cầu bê tông khá rộng, lâu lâu mới thấy người qua lại. Tôi đập tay vào vai nó reo lên:

- Có cầu kia kia! Mày xạo ke!

Hai đũa thoang thả, bình tĩnh bước lên cầu giả vờ như những khách bộ hành bình thường. THình thoảng gặp một vài người đi ngược chiều nhưng chẳng ai để ý gì. Giữa chốn thanh thiên bạch nhật ai cũng như ai, chúng tôi chỉ có tật giặt mình.

Đến lúc này thì cả hai muốn reo to lên:

*"Chúng tôi đã về tới đồng bằng!"*

Thằng Minh tạm coi như đã đào tẩu thành công; còn tôi chỉ mới được nửa đường thiên lý. Nhưng dù là vậy niềm vui trong lòng tôi cũng đầy ắp như con sông Côn!

Minh dẫn tôi vào một khu chợ lòng. Tới một cái sạp cháo vịt, nó kêu hai tô. Cả hai ngồi húp xì xụp. Tiếng là tô cháo vịt nhưng kỳ thực lòng chông chỉ có nước và gạo, chẳng thấy miếng thịt nào. Chỉ có ít da và khúc xương cổ. Ăn xong thằng Minh còn ngồi tán chuyện với bà chủ bán cháo một lát. Tôi giục vài lần, nó mới trả tiền và đứng lên. Lúc ra tới đường cái nó bảo tôi, tới nhà rồi, nhưng cứ chờ đến tối hãy về, không việc gì phải hấp tấp. Nó nói có lý. Không ai trong xóm đó nhìn thấy chúng tôi mới là thượng sách.

Đến chín giờ đêm, hai đũa tôi về đến nhà chị nó, một căn nhà tranh trong cái xóm làm chiếu gần thị trấn Đập Đá. Nó gõ cửa, chị nó cầm cái đèn ra xem là ai. Vừa trông thấy nó mừng rỡ xuýt làm rớt cái đèn hột vịt. Chúng tôi vào nhà, nghỉ

ngoi một lát rồi ra cái giếng bên hông nhà tắm rửa. Bôn ba suốt hai đêm hai ngày, bữa nay mới thật sự được thoải mái. Thằng Minh hỏi chị nó kiếm cho tôi một bộ đồ khác để thay. Cái áo của tôi đã rách bươm. Cái quần toạc ống, hông dây phéc-mơ-tuya.

Tắm xong, hai chúng tôi mệt mỏi, nằm dài trên tấm phẳng gỗ nghỉ ngơi một lúc lâu. Tôi mới vừa thiu thiu ngủ đã bị đánh thức dậy. Tưởng là có chuyện gì không ổn, hoa ra bà chị thằng Minh đã lục tục dọn một nồi cháo gà bốc hơi nghi ngút, mên kêu dậy ăn. Hú hồn! Đúng là chim bị nã sợ cảnh cong! Anh chồng chị chủ nhà đi ngủ từ sớm. Thằng Minh đớp ngon lành. Còn tôi hơi lo vì không biết làm cách nào để về Đức Phổ khi trong túi không có tiền, không còn bạn đồng hành nên ăn cũng chả thấy ngon.

Sáng hôm sau, Minh bảo tôi ở lại Đập đá chơi ít ngày để nó dẫn đi tán gái Bình Định! Tôi cười như mếu. Cái thằng! Buồn thú vị ruột, nó còn nghĩ đến chuyện gái gú! Tôi tỏ ý muốn ngày mai đi về nhưng không có tiền. Chị nó bảo vài hôm nữa chị có chuyến hàng đi Đà Nẵng, lúc đó hãy đi với chị một thể.

Hai đêm liền, thằng Minh dẫn tôi đến nhà những cô gái mà nó quen biết. Mặc cho nó tán hươu tán vượn với các cô, tôi chỉ quan tâm đến công việc họ làm. Đó là lần đầu tiên tôi thấy người ta làm ra một chiếc chiếu hoa nó như thế nào. Dù ở Tư Nghĩa, Quảng Ngãi cũng có nghề dệt chiếu nhưng tôi chưa hề được nhìn thấy lúc thợ đan. Muốn làm ra một chiếc chiếu lát tiêu tốn thời gian công sức không phải ít. Ngoài giai đoạn làm sợi cối, nhuộm màu; khâu quan trọng nhất là đan kết chúng lại từng sợi từng sợi dựa theo mẫu mã để tạo thành tấm chiếu có hoa văn. Khi dệt cần phải có hai người phối hợp nhịp nhàng, ăn ý với nhau. Hễ một người đưa cái khung lược ra xa để cho những sợi dọc tạo thành hai hàng trên dưới, thì người kia phải nhanh tay phóng sợi ngang qua khoảng giữa bằng một cái que

dài và nhỏ, rồi thu que về ngay. Lúc này người thợ chính mới kéo cái lược về phía họ, ép cho sợi cỏi ngang sát vào nhau. Cứ thế hết sợi này đến sợi khác tạo thành tấm chiếu hoa xinh đẹp. Tôi thấy các cô gái ở đây tay làm thoăn thoắt mà miệng vẫn đối đáp với thằng Minh trôi chảy. Nhưng chiếc chiếu không bị lỗi, thật đáng khâm phục tài nghệ thủ công của các cô vô cùng.

Ở lại Đập Đá đến sáng ngày thứ ba, thì tôi chào từ biệt thằng Minh, theo chị nó xuống ga Diêu Trì. Kể từ đó tôi và Minh không còn gặp lại nhau lần nào nữa. Đúng là bèo dạt mây trôi. Bây giờ mày ở đâu hở Minh?

Đến ga Diêu Trì, chị Minh và tôi ngồi đợi hơn một tiếng đồng hồ, chuyến tàu chợ Sài Gòn – Đà Nẵng mới tới nơi. Chị Hai thằng Minh bảo tôi khuôn một đồng bao tải lớn chất vào toa tàu. Tôi không tiện hỏi nên chẳng biết trong bao chứa những thứ gì. Cứ im lặng làm theo lời bà chị. Xong việc, hai chị em mới bước lên toa sau. Trong toa hàng hóa chất ngổn ngang, chỉ có dăm ba người ngồi trên sàn, không có ghế. Toa này dùng để chở hàng. Những người ngồi đây là chủ số hàng hoa chất đầy khắp nơi trong toa. Tàu hú còi rời ga. Chạy được một lát, có anh nhân viên soát vé từ đầu tàu đi lại. Tay anh ta cầm cuốn sổ nhỏ và cây viết. Vừa đến bên tôi, anh chưa kịp mở miệng hỏi vé, chị thằng Minh đã nói nhỏ:

- Em họ tôi đấy, xếp!

- Đi đâu?

- Nó về Đức Phổ. – Vừa nói chị vừa nhét vào tay anh này một tờ giấy bạc. Anh ta mỉm cười chột nhả:

- Tưởng ai chứ em của người đẹp thì vô tu! - Anh ta nói, rồi bước đi đến chỗ người khác.

Tàu dừng lại ở ga Tam Quan hơi lâu để tránh một đoàn tàu Thống Nhất chạy ngược chiều. Vài cô bé bán trà đá, bánh trắng (bột) mì trộn nước dừa, đặc sản địa phương, chào khách í

ói. Có một bà sồn sồn quảy gánh com lên toa bán cho mọi người. Một bên quang gánh là nồi com trắng còn đương bốc khói, bên kia là xoong thịt kho trứng sặc nâu, điểm thêm mấy trái ớt màu đỏ thơm lừng. Đã quá trưa, chị Hai thẳng Minh mua một tô com. Chị cho tôi mười đồng, bảo có đói bụng thì mua ăn. Tôi cũng đã đói bụng lắm, nhưng nghĩ để tiền đó phòng thân, và thấy cũng gần về đến nhà nên rán nhịn.

Tàu vào ga Đức Phổ khoảng ba giờ chiều. Tôi cảm ơn và chào tạm biệt bà chị tốt bụng, rồi lật đật bước xuống sân ga. Đức Phổ là một nhà ga nhỏ nên không mấy người lên xuống. Chỉ có vài người đàn bà chở những can nước mắm từ Nha Trang về lục tục gánh gồng vào nhà ga. Tôi vì không có vé nên chẳng dám theo chân họ. Tôi đi dọc theo đường rầy, qua khỏi nhà ga có một lối đi nhỏ, rẽ phải về thị trấn. Xuống đến thị trấn, xem như đã an toàn về đến nhà. Bây giờ tôi mới cảm thấy bụng đói cồn cào. Ghé vào một quán phở tôi gọi một tô phở bò và vài điều thuốc lá. Cái thói hư hút thuốc là do mấy thằng ‘đàn anh’ hỏi học cấp hai tập tành cho tôi. Lúc ở nhà tôi vẫn thường lấy thuốc bồi của mẹ tôi dùng để chà răng mỗi lúc ăn trầu, vẫn hút. Vào quân đội không có tiền nên tôi đã bỏ. Không hiểu sao hôm nay tôi lại cảm thấy thèm thuốc nên mua để phì phà.

Trả tiền xong, tôi theo con đường tắc băng ngang Gò Hội đi về Phổ Minh. Lúc đi qua cánh đồng Tân Tự tôi gặp anh bạn thơ Mai Hoàng Dũng (tức nhà thơ Vũ Thụy Nhung, tác giả bài thơ *Em Có Về Quảng Ngãi Với Anh Không* được phổ nhạc, có nhiều ca sĩ hát.) Thấy tôi đang bước lang thang, Dũng ngạc nhiên hỏi:

- Uả, nghe nói anh đi bộ đội rồi mà?

Không muốn cho Dũng biết rõ sự tình, tôi đáp:

- Đơn vị cho về ăn Tết!

Nói xong, tôi vội vàng từ biệt Dũng để về cho kịp chuyến đò cuối ngày. Đến bến đò Du Quang cũng vừa đúng lúc hoàng hôn. Con đò đang cắm sào phía bên này sông, để đợi những người khách muôn. Sông Thoá tiết cuối tháng Chạp nước duênh lên lái lảng. Những con sóng nhỏ lăn tăn vỗ nhẹ vào bờ. Anh lái đò đang ngồi phía sau lái, ngắm trời mây. Có lẽ đã chờ khách khá lâu, cũng đang muốn về nhà, nên thấy tôi bước lên liền nhổ sào, đẩy thuyền lướt băng băng trên sông. Sang đến bờ bên kia, còn một ít tiền lẻ, tôi đưa cả cho anh lái rồi bước lên bờ.

Nhà chị Hai tôi ở sát bến đò Du Quang. Anh rể tôi là đảng viên, có chân trong Hội đồng nhân dân xã, vì thế tôi không muốn ghé vào. Nhà chị Ba ở giữa thôn Du Quang, tôi cũng không ghé đến. Dù trời đã tối, và phải đi ngang qua một cái trảng lớn có rất nhiều mồ mả, tôi vẫn quyết định đi thẳng về nhà để gặp mẹ tôi.

Tôi bước vào trong ngõ nhà mình. Bên góc sân trước hè một ngọn đèn hột vẹt chong leo lắt. Mẹ tôi đang ngồi chăm chú xất khoai. Rất nhiều cảm xúc dâng trào trong tôi. Dù mẹ vẫn còn khỏe mạnh nhưng mái tóc của Người đã bạc rất sớm. Có lẽ vì nỗi đau mất chồng lúc tuổi còn trẻ, và quãng đời cơ cực từ thời tám bé đến giờ. Mái tóc bạc của mẹ như trắng xóa hơn dưới ánh đèn. Tôi đứng lặng yên không lên tiếng một hồi lâu để cho cảm xúc lắng dịu xuống mà mẹ vẫn không hề hay biết là có người vào trong sân. Tôi rón rén đi lại gần. Khi còn cách mấy bước tôi khẽ gọi:

- Mẹ...!

Mẹ tôi nghe tiếng gọi giật mình, ngược lên, quay sang nhìn tôi. Ngập ngừng một chút mẹ mới nhận ra tôi. Hai mẹ con ôm nhau cùng khóc. Vào nhà, tôi nói sơ lược tình hình cho mẹ biết. Em trai tôi hôm ấy đi biển ở Đà Nẵng gần Tết mà cũng

chưa về. Mẹ quyết định tức khắc dẫn tôi xuống nhà chị Ba tá túc qua một đêm, rồi sáng mai cho tôi vào Nha Trang. Tôi liền thay bộ đồ khác. Còn cơm nguội, mẹ dọn ra cho tôi ăn. Vừa xong bữa cơm là hai mẹ con đi ngay.

Nhà chị Ba tuy ở giữa thôn nhưng khu vườn rất rộng, cách xa nhà hàng xóm xung quanh. Thấy mẹ dẫn tôi đến anh chị tôi đều có vẻ vô cùng sửng sốt. Mẹ nói chuyện với hai anh chị một lúc, dặn dò tôi ở lại, rồi ra về. Chị Ba dọn giường mắc màn cho tôi ngủ qua đêm.

# CHƯƠNG 16

## Trở lại Nha Trang



Sáng hôm sau, trời còn chưa tỏ rõ, mẹ đã quảy trên vai đôi quang gánh, đầu đội nón lá, mình choàng tấm áo ny lông xuất hiện trước hiên nhà chị Ba. Giữa làn mưa phùn, gió bắc của thời tiết mùa đông lạnh lẽo trông mẹ liêu phiêu, gầy guộc. Mẹ đặt đôi quang gánh lên thêm, cởi nón và áo mưa ra, rồi bung vào một nồi cháo gà vẫn còn âm ấm. Nồi cháo được ủ trong một ổ rom dày dưới lớp ny lông đi mưa. Chị tôi dọn bát đĩa ra mời cả nhà cùng ăn sáng. Ngay sáng hôm ấy, mẹ vội vã cùng tôi lên thị trấn Đức Phổ đón xe, cho tôi vào Nha Trang. Lúc xe chạy xa rồi tôi vẫn còn trông thấy mẹ đứng bên vệ đường nhìn theo trong màn mưa bụi mịn mờ.

Vào đến Nha Trang, tôi đi tìm nhà chị Sáu. Hôm ấy đúng vào ngày 25 Tết âm lịch năm 1983. Nhà chị tôi đã trang hoàng để đón xuân. Giữa nha chung một cây mai to nhiều búp xanh mơn mớn. Thấy tôi, chị quá đỗi vui mừng, dẫn tôi ra sau nhà chỗ chái bếp bên mé sông, hỏi đầu đuôi sự tình. Chị đã biết tôi đi bộ đội nhưng không ngờ hôm nay đột ngột vào đây. Khi biết tôi đang đào ngũ, chị trầm ngâm một lát rồi nói:

- Nhà chị dạo này bị công an phường, công an khu phố theo dõi hơi gắt gao lắm, em ở lâu e không tiện. Nhưng cứ ở lại đây vài ngày. Ăn Tết xong qua Núi Sạn hỏi cô Tư Lệ chỗ làm, nếu không được hãy liệu tiếp.

Thế là tôi an tâm ở Nha Trang ăn cái Tết xa nhà đầu tiên. Ngay chỗ nhà chị nhìn xéo qua bên kia đường là ngôi trường Đức Hòa ngày bé tôi đã học. Trường đang đóng cửa cho học sinh nghỉ Tết. Tôi đi ngang qua nhìn thấy tấm biển của trường không đề chữ *tu thực* nữa. Ngôi trường đã được xung công. Tôi men theo con hẻm đi ra chỗ bến đò ông La. Con hẻm giờ đây nhà cửa hai bên chi chít. Lối đi chỉ còn rộng chừng hơn một mét. Hẻm chỉ dành cho cư dân ở đây sử dụng. Con đò đã không hoạt động nữa, lối qua cồn cỏ giờ không còn. Tôi đi men theo bờ sông đến chỗ ngôi nhà xưa của gia đình. Cái trụ điện cao thế vẫn còn, nhưng bờ sông đã khoét sâu vào chân trụ gần một nửa. Cây cột điện giờ trông chênh vênh như muốn đổ xuống sông không biết lúc nào! Dãy nhà của tôi và thằng Xê không còn nữa mà đã biến thành lối đi. Bờ sông Cái sát cạnh bên. Cái đầm cạn đã được đổ đất làm nhà kín mít. Cảnh Và người hoàn toàn khác xưa. Bâng khuâng tôi đứng lặng im ngắm nhìn dòng sông hồi lâu rồi quay về nhà chị.

Mấy bữa sau, anh rể tôi chạy tàu từ miền trong về. Đến tối anh dẫn tôi lên một quán nhậu trên đường Phan Bội Châu. Anh em ngồi lai rai. Đó là lần đầu tiên tôi được ném thử bia

hỏi. Bia đựng trong một cái ấm thiếc. Mới rót ra ly tôi cứ tưởng là nước trà đá giao vì cái màu vàng vàng nhợt nhạt. Hai anh em nâng ly xong, anh Sau hỏi:

- Cậu thấy thứ nước uống này thế nào?

Tôi trước giờ chỉ uống nước lạnh, nước trà, hoặc rượu để chừa hễ uống món nào đắng đắng, lờ lợ như thế này. Bị anh hỏi bất ngờ, tôi không dám trả lời ngay bèn bung ly uống lại một ngụm nữa. Lần này tôi uống thật chậm để cảm nhận được mùi vị rõ ràng hơn. Đặt ly xuống tôi đáp:

- Nước gì em không biết, nhưng không ngon lắm, chỉ đỡ hơn nước lạnh một chút thôi. Anh rể nghe tôi nói vậy chỉ cười xòa.

Qua Tết, tàu anh tôi chạy biển. Tôi sang nhà cô Tư Lệ bên Núi Sạn để hỏi chỗ làm thuê. Đạo đó ở Nha Trang phong trào dệt mùng đang rầm rộ. Nhiều nhà sắm khung cửi, mướn thợ về dệt gia công cho các hợp tác xã vải sợi. Nhà cô Tư Lệ có hai khung cửi. Một khung khăn lông và một khung mùng. Cô mướn một người thợ dệt khăn lông quê Bình Định tên Chí. Chồng cô Tư Lệ thì dệt mùng. Thịnh thoảng, Hồng, em gái ruột cô Tư cũng vào đứng máy. Nhà hai khung dệt thiếu người làm sợi nên tôi mới hỏi cô đã đồng ý ngay.

Tôi ở đó mấy tháng trời, chỉ quay sợi và đập hồ, không được đứng máy. Lúc rảnh rỗi tôi hay tò mò xem người ta dệt như thế nào. Nghề dệt mùng cũng không có gì khó lắm. Điều cần thiết phải nhanh tay, lẹ mắt, chú ý xem sợi dọc, sợi ngang. Hễ chúng bị đứt chỉ hoặc con suốt trong cái thoi hết sợi thì dừng máy lại, nối chỉ, thay suốt rồi khởi động cho chạy tiếp. Máy dệt sử dụng mô-tơ điện nên thợ làm việc cũng nhàn nhả. Cái quan trọng nhất cần đến thợ là khâu sửa chữa khung cửi. Bởi vậy người càng có nhiều kinh nghiệm, tay nghề kỹ thuật về khung cửi càng giỏi thì được hưởng lương càng cao.

Cô Tư Lệ đối với tôi khá tốt, nhưng anh chồng trái lại không ưa tôi gì mấy. Mỗi lần tôi đạp hồ nếu có anh ta thế nào cũng bị cản nhắc. Tôi đạp nhẹ, y bảo hồ sẽ không thấm sợt vải. Tôi đạp mạnh y lại bảo đạp như thế nát hết sợt! Cô Tư tinh ý sợ tôi buồn nên lúc chỉ có mình tôi thường động viên, bảo tôi cố gắng làm việc.

Nhà cô Tư Lệ có một cái xe Honda 67. Nghe người lồi xóm đồn rằng cái xe ấy có được là do chồng cô đi hôi của lúc Nha Trang hỗn loạn tháng Tư năm 1975. Lờn ong tiếng ve còn nói lúc đó anh ta vớ được cả mấy bao thuốc tây bên thị xã nên nên sau này đem bán đi mới có tiền mua căn nhà đang ở. Ngôi nhà ba gian tường gạch mái ngói trước kia là của một ông liên gia trưởng. Cộng sản vào, ông bán rẻ căn nhà lấy tiền về quê sinh sống. Chuyện hôi của thực hư thế nào không biết, nhưng gốc gác căn nhà đúng là như thế.

Một hôm vào ngày cúp điện định kỳ, tay Chí thợ dẹt mượn chiếc Honda chở tôi qua đường Trần Phú dạo mát, uống cà phê sáng. Lúc quay về tôi nổi hứng bảo đưa xe cho tôi chạy thử. Tay Chí liền chỉ sơ sơ cho biết cách sử dụng chiếc xe như thế nào. Tôi cầm lấy tay lái, Chí ngồi sau, tay giữ yên xe. Tôi vào số và lên ga phóng đi. Ngồi đằng sau chí la oai oái bên tai:

- Ui... ui... mày chạy như thế hư hết xe!

- Làm sao mà hư?

- Nhớ bóp côn, rồi mới dzô số chứ!

Tôi gục gặc cái đầu, cho Chí yên tâm:

- Được mà! Đừng lo!

Tôi sang số, tăng ga lên dốc cầu Xóm Bóng. Chí phát vào đùi tôi:

- Lại nữa! ... Nhớ bóp côn!

Bị nói nheo nhéo bên tai mãi, tôi hơi bực mình nên cho xe chạy nhanh hơn, không giảm tốc, đổ dốc cầu vù vù! Thấy vậy Chí hét lên:

- Dừng lại!... Dừng lại! ...
- Sao vậy?
- Mà chạy ầu quá! Thôi, đưa đây tao lái!

Tôi thắng xe. Tay chí vội trườn lên phía trước cầm tay lái. Đoạn đường từ đó về nhà hẳn không nói gì nữa với tôi. Chẳng biết Chí ton hót thế nào với chồng cô Tư Lệ mà mấy hôm sau anh ta mỗi lần đối diện với tôi về mặt đều cau có.

Giọt nước làm tràn ly. Một buổi tối, vợ chồng Tư Lệ chở nhau lên Thành ăn tiết canh vịt. Tôi và Chí cùng ba đứa con ở nhà. Hai đứa tôi ngồi nói chuyện chỗ bộ sa lông gỗ chân song. Mấy đứa nhỏ cùng nhau chơi đùa ngay gian giữa, nơi có đặt kệ thờ và bộ bàn ghế chữ U. Chí lấy từ chiếc ba lô bộ đội ra một mớ sợi giống như sợi thuốc lá vắn hút. Thấy tôi tò mò ngồi nhìn, anh ta quay sang hỏi:

- Mà có muốn hút thử không?
- Lá gì đấy?
- Bò đà!
- Cho tôi thử một điếu xem sao!

Chí vắn một điếu nhỏ hơn điếu của y rồi đưa cho tôi. Tôi Châm lửa, rít một hơi. Khói thuốc nồng nồng và hôi hôi chứ không thơm như thuốc lá. Chí nhìn tôi, hỏi:

- Mà thấy sao?
- Chẳng thấy gì khác lạ!
- Hút tiếp đi!

Tôi lại rít một hơi nữa. Đầu óc bắt đầu lâng lâng. Có cảm giác vui vui, khác thường. Chí nhìn tôi cười cười:

- Thấm rồi! ... Thấm rồi! ...

Tôi cũng cười theo, rít luôn hai hơi liền. Đầu óc có vẻ mơ hồ, cảm giác như bèo trôi trên mây. Nhưng tâm trạng lại rất vui vẻ. Thấy tôi như vậy, tay Chí vội nói:

- Thôi! Thôi! ... Mày say rồi! Đừng hút nữa. – Vừa nói hẳn vừa giật nửa điếu thuốc còn lại trên tay tôi, dụi tắt, và mang ba lô đi nơi khác. Tôi cảm thấy mắt mình dần dần trĩu nặng nên nằm luôn trên chiếc ghế sofa đánh một giấc.

Nghe tiếng ồn ào, tôi giật mình thức dậy. Cả nhà đang quây quần bên thằng con út của cô Tư Lệ Bên trán trái của nó có một vết xước, rướm rướm máu. Có tiếng của dưỡng Tư Lệ

- Giả đò, chớ ngủ gì mà ngủ! Đê tội nhỏ chơi giỡn đổ máu như dzây mà ngủ được à?

Tôi biết dưỡng ấy đang nói ai, nhưng nghĩ thân phận mình đang làm thuê ở mướn nên đành im lặng, chẳng đời co làm gì. Và lại nói ra càng thêm nhiều sự.

Trưa hôm sau, cô Tư Lệ gọi tôi ra chỗ vắng bảo:

- Anh xuống nhà vợ chồng Ba Tâm ở vài tháng giúp nó. Hiện chúng đang thiếu người làm.

Ngay chiều hôm đó tôi cuốn gói rời đi. Ở nhà Ba Tâm tôi cũng chỉ phụ làm sợi được mấy tháng thì gia chủ than vãn sợi vải đang trong thời kỳ khan hiếm, công việc không nhiều, nên bảo tôi tạm nghỉ. Cũng may, ngay lúc đó một anh bạn giới thiệu cho tôi chỗ làm mới trên con dốc Núi Sạn. Thế là ít hôm sau tôi lại có công ăn việc làm. Ở nhà cô Tư Lệ và thím Ba Tâm trên danh nghĩa tôi là người học việc nên họ không trả tiền công cho tôi.

## CHƯƠNG 17

### Mối tình đầu



**G**ia đình người chủ mới của tôi gồm có hai vợ chồng già, một thằng con trai và một đứa con gái. Cả hai đứa con còn đang học trung học. Buổi sáng chúng nó đi học, không ai đứng máy nên phải mượn thêm người làm thuê. Buổi chiều, hai anh em thay phiên dệt, tôi làm sợi. Khi còn ở hai nơi cũ tuy không được đứng khung cửi nhưng nhìn thấy người ta dệt, tôi cũng học lỏm được đôi chút. Việc dệt mùng không có gì khó khăn, tôi tự tin mình có thể làm được. Tuy nhiên gặp lúc máy hư phải mò mẫm sửa chữa cũng là vấn đề khá phiền toái. Nhiều lúc tôi chữa lợn lành thành lợn què. Dù vậy tôi cũng làm ở nơi mới được ba bốn tháng.

Một đêm, đang ngủ bỗng nghe có tiếng gõ lộp độp, tôi chòang dậy, mở cửa. Bà chủ nhà đang đứng ngay trước mặt, thì thầm, giọng đầy vẻ lo sợ:

- Công an đang xét nhà! Con hãy trốn mau.

Tôi chạy ra ngoài, mở cửa lớn, bước xuống hè, không quên xỏ chân mang đôi dép, vì nhớ tới cái lần đào ngũ chạy chân không khốn khổ. Tôi chạy ra cổng. Ngó dáo dác, tôi nhìn thấy ánh đèn pin loang loáng phía dưới dốc. Lập tức, tôi chạy thực mạng về phía ngược lại. Chạy được chừng 200 mét, tôi rẽ phải. Đến một nghĩa địa hoang vu, tôi nhảy phăng qua hàng rào kẽm gai giăng cao ngang lưng quần. Vào trong nghĩa địa, tôi tìm một cái mộ đá, ngồi nấp vào nghe ngóng xung quanh. Bốn bề yên tĩnh, màn đêm sáng nhờ nhờ. Mặt trăng hạ tuần như con mắt lão liên xoi mói. Mồ mả, lùm bụi lộ nhô đầy vẻ ma quái, rình rập. Để trấn an cho bớt sợ hãi, tôi ngồi lặng thinh, bắt ấn kim cương quyền. Thời gian trôi đi quá chậm! Mãi rất lâu sau mới thấy bầu trời bắt đầu hừng sáng. Tôi đứng dậy, đi ra khỏi nghĩa địa, tìm lối đi xuống đường Quốc lộ 1A. Nhà nhà còn đóng cửa im ỉm. Tôi thông thả đi dọc theo con lộ giả vờ như người tập thể dục buổi sáng. Chờ cho đến lúc mặt trời lên hẳn, tôi mới quay trở lại chỗ nhà làm thuê. Tôi vừa đi vừa nghe ngóng tình hình. Mọi thứ vẫn bình thường không có gì khác lạ. Trông thấy tôi về, bà chủ nhà lú lo:

- Cô xin lỗi con! Đêm qua, xóm dưới họ rút lưới cảng về nên ồn ào, huyên náo, làm cô cứ tưởng công an phường xét nhà. Báo hại khiến con phải đi trốn suốt đêm.

Tôi chẳng biết nói gì hơn đành cười đáp:

- Không sao đâu cô! Như diễn tập thôi mà!

Trưa hôm đó, cơm nước xong, cô gọi tôi ra ngồi ở hè nhà nói chuyện:

- Nói thật tình, cô cũng muốn con ở lại đây làm phụ với cô, nhưng con không có giấy tờ tùy thân nên là một trở ngại

lớn. Tính cô hay lo sợ, và không muốn có phiền phức với công an vậy mong con thông cảm đi kiếm việc nơi khác.

Tôi hiểu ý bà chủ nhà sợ bị liên lụy nên đáp:

- Dạ! ... Con cảm ơn cô! Chiều nay con sẽ sang bên nhà chị con để đi tìm việc.

Bà chủ nhà thanh toán tiền nong cho tôi.

Ngay buổi chiều hôm ấy, tôi trở lại nhà chị gái ở xóm Cồn Giữa. Bắt đầu một chuỗi ngày thất nghiệp, lang thang. Sáng, chiều hai buổi, tôi rời nhà chị Sáu giả vờ như đi kiếm việc làm nhưng thật ra tôi chẳng biết đi đâu xin việc. Vì các chỗ quen biết đều có thợ Bình Định vào làm. Đạo ấy sợi vải lại đang trong thời kỳ khan hiếm thật, hoặc nhà máy sợi phao tin khan hiếm để ép các chủ gia công hạ giá cũng nên. Hậu quả là thợ dệt bị giảm lương và mất việc khá nhiều. Có hôm tôi lang thang trên xóm cầu Hà Ra. Có hôm tôi lại lang thang xuống Cầu Đá như những kẻ vô gia cư để giết thời giờ.

Cũng thật may phúc cho tôi là khoảng thời gian ấy chỉ kéo dài chừng non tuần lễ. Một chủ khung dệt gần nhà chị tôi có cô con gái là thợ chính bị ốm nặng nên tìm người làm. Tôi nghe tin mượn người liền đến thử tay nghề. Thế là lại có công ăn việc làm.

Chuyện đời biến chuyển thật khôn lường. Tôi làm ở đó được một thời gian thì gia chủ có tang sự. Chồng bà chủ bệnh nặng qua đời. Cô nhi quả phụ họ không muốn tiếp tục làm nghề dệt nữa nên kêu người bán khung cửi. Tôi lại bị mất việc. Lần này chẳng biết bao lâu!

Giữa lúc tôi vô cùng tuyệt vọng vì không có việc làm, không nơi tạm trú vì nhà chị gái tôi bị công an theo dõi quá ngặt. Tôi không thể ở được. Đúng lúc ấy, chị Sáu tôi nói có chuyện cần bàn. Chị tôi cho tôi biết một cái tin vui mà tôi không thể nào ngờ tới.

- Anh Sáu em nhắn tin về, bảo em vào *đi biển*. Em muốn đi không?

Tôi nghe nói vậy mừng rơn, nhưng nghĩ cũng nên nói trước cái dở của mình ra:

- Em bị say sóng!
- Vài hôm sẽ quen thôi mà!
- Tàu anh Sáu đậu ở đâu?
- Cảng cá Chánh Hưng, Quận 8, Sài Gòn.

Được chị tôi động viên tôi nhận lời. Chị dặn tôi sáng mai sang Núi Sạn tạm biệt cô Tư Lệ *cho có đầu có đuôi*, rồi ngày mốt vào Sài Gòn. Nhớ đừng nói với ai khác. Lúc tôi thông báo sẽ vào Sài Gòn để đi biển, cô Tư Lệ có vẻ ngờ vực, không tin rằng tôi sẽ đi biển thật. Cô em họ này của tôi tinh ranh hơn cáo già, biết ngay là tôi có chuyện gì đang giấu, nên cười cười, hỏi vặn.

- Anh đi biển thật à?
- Có gì mà không thật?

Vẫn giữ nụ cười như chúng tỏ mình đã biết tất cả sự tình, cô ấy nói:

- Đừng giấu tui! Tui không tin anh vào đi biển đâu! Nhưng thôi... qua tới đó nhớ đừng quên tui!

Nghe cô Tư Lệ nói vậy, tôi cũng đâm ra ngờ ngợ. Hình như có điều gì đó không đúng khi anh rủ tôi nhắn vào đi biển. Tôi là một thằng *thư sinh* nhát gió dại sóng để gì có cửa xuống tàu làm thủy thủ, cho dù con tàu đó anh tôi hùn vốn nửa chiếc? Chắc là có việc mờ ám chi đây mà chị tôi chưa nói rõ cho tôi biết đấy thôi. Tôi nghi ngờ là anh chị đã sắp xếp cho tôi vượt biên. Nghĩ vậy tôi vội đến nhà L. bạn gái tôi để chào tạm biệt. Nàng là mối tình đầu tiên của tôi. Câu chuyện hai đứa tôi quen nhau cũng rất ư là lãng mạn, cứ như là chuyện trong phim ngôn tình của Hàn quốc ngày nay vậy.

Bữa đó là ngày lễ 30-4, khu vực Núi Sạn lại rơi đúng vào lịch cúp điện định kỳ. Bọn thợ dệt chúng tôi rủ nhau đi lên Thành Diên Khánh vui chơi. L. không phải là thợ dệt, nhưng có cô bạn thân làm chung với bọn tôi, nên được rủ đi cùng. Cả bọn đạp xe đạp đi từ sáng sớm, chơi cho đến xế trưa. Lúc sắp ra về rủ nhau vào một quán nước để giải khát. Khi những ly nước mía ướp đá lạnh thơm phức mùi đường được đem ra đặt trên cái bàn nhỏ, tôi lấy ngón tay xoa xoa vào thành ly thủy tinh, rồi vẽ nguệch ngoạc xuống mặt bàn. L. bỗng tinh nghịch đặt ra một câu hỏi khá hóc búa cho bọn tôi:

- Đố các bạn tại sao nước có thể “*thấm*” qua được thành cốc bằng thủy tinh?

Cả bọn suy nghĩ hồi lâu, chẳng có ai trả lời. Tôi cũng ngồi im re, nhưng đầu óc chuyển động không ngừng, cố lục lọi mớ kiến thức vật lý đã học để vận dụng tìm ra đáp án. Thấy mấy đứa bạn trai đều im lặng không lên tiếng, tôi sợ cả bọn bị mất điểm với đám con gái nên vội vã trả lời.

- Là thế này... trong không khí có sẵn hơi nước. Thành ly thủy tinh bị đá lạnh làm giảm nhiệt độ, khiến hơi nước ngưng tụ lại và bám vào. Đúng không nhỉ?

Mấy đứa bạn tôi đều reo lên:

- Đúng! ... Đúng!

L. chỉ ngồi cười, không nói gì.

Tối hôm sau, dưới phường có đoàn cải lương về hát. Tôi và thằng em con ông chú rủ nhau đi xem. Chúng tôi đến hơi sớm, còn đang đứng trước cổng ra vào nhìn người đi coi hát đông như hội thì H. bạn thân của L. đến nói với tôi.

- Con L. Nó muốn gặp anh.

- Cô ấy ở đâu? Sao không đến đây?

H. nháy mắt với tôi:

- Anh khờ quá! Nó muốn gặp riêng anh!

Tôi hỏi địa điểm, và đến nơi đó. Cô nàng đang đứng chờ ở ngoài đầu đường, dưới tàn lá một cây xoài. Thấy tôi đến nàng bẽn lễn hỏi:

- Anh đi xem hát à?
- Ừ, ... L. cũng vậy?

Chúng tôi nói chuyện một hồi, rồi cả hai đôi ý không đi xem cải lương nữa mà dắt nhau đi uống cà phê. Bây giờ nghĩ lại thấy thời trai trẻ vui thật, gái trai cứ thích thì tìm đến nhau chẳng lo nghĩ, tính toán gì ráo. L. không đẹp nhưng có nước da trắng. Đêm ấy nàng mặc bộ đồ màu tối, nên càng gợi cảm hơn dưới ánh đèn. Đặc biệt nhất là hàm răng có một chiếc răng khểnh, khi cười lộ ra trắng muốt, trông thật duyên dáng. Quê ngoài Bắc, gia đình nàng di cư vào Nam năm 1954, là người Công giáo chính hiệu. L. sinh ra ở đây nên nói tiếng Nha Trang pha giọng Bắc rất dễ thương.

Buổi trưa hôm đó tôi tìm gặp L. nói cho nàng biết tôi sẽ vào Sài Gòn để đi biển. Nàng hỏi vặn:

- Tại sao phải đi?
- Anh đang thất nghiệp. Sợ vải đang khan hiếm.
- Vài tháng sau sẽ có lại mà.

Tôi ngần ngừ một chút rồi nói:

- Có thể anh sẽ đi vượt biển!

Nghe vậy nàng tỏ ý không vui, nói ngay:

- Đừng đi! Vượt biển ở đảo cực lắm!
- Sao em biết?
- Em có hai người anh ở đảo mấy năm nay, viết thư về nói.
- Nếu anh nhất quyết phải đi, em có đi cùng anh không?
- Không!

Hai đứa cùng im lặng hồi lâu. Rồi chúng tôi chuyển sang nói chuyện khác. Kể từ lần đó cho đến tận bây giờ tôi không gặp lại L. nữa. Từ cái đêm đi xem hát cải lương đến hôm chúng tôi từ biệt nhau chỉ vện vện có hơn ba tháng.

Năm 1993 sau khi học xong College tôi về Việt Nam một lần. Tôi có đến nhà tìm L. nhưng không gặp. Ở cổng nhà nàng, tôi thấy một người đàn ông khoảng tuổi như tôi đang bồng một cậu con trai ba tuổi. Cô H. bạn L. nói với tôi, nó chờ anh suốt năm năm trời không có tin tức gì nên mới lấy chồng. Tôi buồn buồn tiếc nuối như vừa đánh mất một cái gì rất quý giá. Ngày qua tới đảo Galang, tôi có gửi về mấy lá thư cho L. nhưng không nhận được hồi âm. Sau đó thì tôi không còn tiền để gửi thư nữa. Tôi làm mất địa chỉ của L. trước khi đến Canada nên không cách nào liên lạc được sau định cư.

# CHƯƠNG 18

## Đêm trên sông Sài Gòn



**T**ôi nghĩ, chưa có ai đi vượt biên mà làm cái việc nghịch lẽ thường, trái khoáy như tôi. Người thành phố muốn đi vượt biển hay về các miền duyên hải như Nha Trang, Vũng Tàu, Kiên Giang... để đi. Riêng tôi, từ nhỏ đến lớn sinh sống bên bờ thùy dương khi đi vượt biển lại vào Sài Gòn!

Chiếc xe đò chạy than vào đến Xa cảng miền Đông lúc bốn giờ chiều. Mới đầu tôi định xuống ngay Cảng cá Chánh Hưng để tìm tàu anh rể tôi. Suy đi nghĩ lại thấy trời sắp tối ngộ nhỡ tìm không gặp thì biết làm thế nào. Vậy là tôi thay đổi ý

định, không xuống cảng cá nữa mà kêu xe về nhà bà chị con cô Ba tôi ở gần cầu Phạm Đình Hồ quận 6.

Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi đặt chân đến một thành phố lớn. Ngày còn bé ở Sa Huỳnh tôi đã từng nghe các chị tôi nhắc đến địa danh Sài Gòn nhiều lần. Sau năm 1975 tôi lại may mắn được đọc trong một cuốn sách giáo khoa cũ (không biết lớp mấy) bài học thuộc lòng viết về Sài Gòn như sau:

*Sài Gòn*

*Sài Gòn có bến Chương Dương,  
Có Dinh Độc Lập, có đường Tự Do  
Có Chợ Quán, có Cầu Kho,  
Bến xe Lục Tỉnh, con đò Thủ Thiêm  
Có ô-tô-buýt khắp miền,  
Vườn chơi có Thảo Cầm Viên, Tao Đàn  
Bến Thành đã tiếng tăm vang  
Chợ Cầu Ông Lãnh lại càng nên đi  
Xe đò, xe máy, taxi  
Bình Tây, Khánh Hội ngại gì xa xôi  
Chánh Hưng, Phú Nhuận đây rồi  
Thị Nghè, Tân Định nhiều nơi còn chờ  
Trái bao thay đổi đến giờ  
Khắp nơi đã rợp bóng cờ vinh quang  
Sài Gòn - thủ phủ Việt Nam  
Mai này kiến thiết mở mang còn nhiều.*

Bởi vậy cái tên Sài Gòn trong tôi không hề xa lạ như Hà Nội. Dù không biết Thành phố lớn như thế nào nhưng tôi luôn nghĩ nơi đây là chốn phồn hoa, đô hội.

Chiếc xe xích lô đạp chở tôi qua các ngã đường. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi không nhìn thấy chiếc ô-tô hoặc ta-xi nào, cũng không nhìn thấy chiếc xe buýt đâu. Đường xá thì rộng thênh thang nhưng chỉ toàn là những chiếc xe đạp, xe xích lô,

và bộ hành. Thỉnh thoảng mới có một chiếc xe Honda chạy xuôi, ngược. Nhà hai bên đường đóng chặt cửa như nêm. Phố xá vắng lặng, trông thật ảm đạm. Lạ thật! *Thành phố Hồ Chí Minh biết mấy tự hào* mà tôi vẫn thường nghe ca tụng trên đài phát thanh, hôm nay lại tiêu điều hơn thị xã Nha Trang mười năm về trước.

Chiếc xe xích lô dừng tại một con hẻm. Tôi trả tiền rồi đi vào hẻm tìm nhà bà chị họ. Cầm mẫu giấy trong tay, tới đúng số nhà đã ghi, tôi kêu cửa. Đợi một lát, cánh cửa sắt kêu lên ken két, rồi một người đàn bà trạc bốn mươi tuổi, dáng người hơi béo xuất hiện, hỏi tôi:

- Cậu tìm ai?

- Dạ, đây có phải là nhà chị Dân, con cô Ba Thiện không ạ?

- Đúng rồi! Cậu là...?

- Dạ... Em là Thư, con bà Thạnh ở Quảng Ngãi.

- Ô,... con cậu Bốn!

Chị bảo tôi vào nhà. Hỏi tôi ăn gì chưa. Vào đây làm gì. Tôi thật thà kể mình ở Nha Trang thất nghiệp, nên anh rể bảo vào đi biển. Chị nói:

- Em vào đi biển với thằng Sáu hả? Mỗi lần tàu về Sài Gòn, hẳn đều mang cá lên biếu chị. Em cứ việc ở đây, mấy ngày cũng được.

Được lời như cởi tấm lòng, tôi dạ vâng rồi rít. Bà chị họ này của tôi vốn mau mồm mau miệng, tính tình rất vui vẻ.

Sáng hôm sau, chị bảo anh chồng dẫn tôi ra đầu con hẻm ăn sáng, Ăn xong tôi gọi xích lô để xuống Cảng cá. Phải mất một lúc lâu đi dọc những con tàu đậu san sát nhau tôi mới tìm ra chiếc tàu của anh rể tôi. Thấy tôi anh hỏi:

- Em vào với ai?

- Dạ, một mình.

Anh rề cười cười hỏi tôi:

- Em có muốn đi biển không?

- Em chẳng có việc chi làm nên được đi biển là vui lắm rồi đó anh!

Tôi ở lại trên tàu mấy ngày. Sáng nào cũng vậy, tôi đến một cái quán bên bờ sông làm tô-ly-điều (tô phở, ly cà phê, và điều thuốc lá) rồi về ngồi trong cabin ngắm sông nước, hoặc xem nhóm thủy thủ trên tàu binh xập xám ăn tiền. Một hôm anh rề chơi bài thắng lớn, liền dẫn tôi và vài người bạn đến nhà hàng Maxim uống la-de, nghe nhạc sống. Đó là lần đầu tiên tôi được nếm mùi vị bia Sài Gòn.

Những ngày sống ở trên tàu cá đã xảy ra một chuyện hi hữu, buồn cười với cá nhân tôi. Tàu neo ở bến, thủy thủ luôn thức rất khuya, hoặc đi chơi phố, hoặc đánh bài bạc. Từ chín giờ đêm đến gần sáng trên sông thường xuất hiện những chiếc xuồng con con rao bán thuốc lá hoặc hột vịt lộn của các cô gái phục vụ món ăn khuya cho họ. Tiếng rao lãnh lớt, “*ai... vịt lộn... hông...?*” tối tối lại vang lên làm xáo động cả màn đêm. Tiếng mái chèo khua bì nồm trong đêm tối. Ánh đèn hột vịt leo lắt trên con thuyền bé tí xíu. Thấp thoáng bóng người lúc mờ lúc tỏ. Cùng với tiếng rao của những cô gái còn trẻ măng làm cho cảnh sông nước đêm thâu càng thêm hữu tình.

Lần đó, anh rề tôi kêu một cô còn trẻ mang lên một rổ trứng lộn. Anh nói thì thầm gì đó với cô gái rồi mua luôn cả rổ hột vịt. Anh nháy mắt với tôi:

- Cô ấy thích cậu đấy! Dẫn vào khoang máy mà tâm tình!

Tôi chẳng biết đầu cua tai nheo thế nào, nhưng nghe lời anh rề, dắt cô ta chui vào khoang máy. Trong khoang chật chội, mùi dầu nhớt bốc lên làm khó chịu. Cô gái bịt mũi nói:

- Em ngộp thở, ra ngoài thôi!

Thấy vậy tôi mắc cười quá, bảo:

- Úa! ... Ngộp thở sao còn bịt mũi?

Cô gái nguyệt tôi một cái thật dài. Tuy nói thế nhưng tôi cũng đi ra ngoài với cô ta.

Hai đứa vừa bước ra, anh rề tôi đã kéo tay kẻ tai hỏi nhỏ:

- Sao nhanh thế?

- Cô ta than ở trong ấy khó thở.

Anh rề đưa cho tôi một cái mền, bảo dẫn tới trước mũi tàu.

Mới đầu hai đứa tôi ngồi bên nhau, lấy mền quấn đến tận vai, lưng dựa vào đồng lưới căng phủ bạt. Chúng tôi chỉ nói chuyện lông bông và ngắm sao trời. Nói chuyện tào lao được một chập, cô ta chợt hỏi:

- Anh có tiền không?

- Có!

- Bao nhiêu?

- 50 đồng.

Cô gái đề nghị:

- Em buồn ngủ rồi!

Hai đứa tôi nằm và trùm mền kín đầu, quần áo vẫn mặc trên người. Mùi da thịt con gái có làm cho tôi rạo rục. Tôi quàng tay ôm ngang người cô. Cô nàng nằm im mặt chạm vào mặt tôi. Tôi cũng lặng im, nghe hơi thở mình nóng hổi và nhịp tim đập loạn xạ. Hồi lâu, không thấy tôi có thêm động tĩnh gì tiếp theo, cô gái hỏi:

- Anh ngủ rồi à?

- Chưa!

- Sao im lặng thế?

- Chứ làm gì bây giờ!

Tôi nói tình thật. Cô gái bỗng chép miệng, và tung mền ra:

- Khuya rồi! Em phải đi bán!

- Ủ!

Cô gái leo xuống chiếc xuống đang cột bên hông tàu. Tiếng mái chèo đập vào nước vội vã. Chiếc xuống nhẹ nhàng lướt đi trên mặt sông tối đen. Con thuyền xa dần chỉ còn nghe

tiếng rao: “*Ai... vịt lộn... hông...?*” vang lên lạnh lạnh, ngân nga trên sông nước, trong trong màn đêm Sài Gòn.

Tôi sờ vào bốn cái túi quần jean. Bỗng phát hiện tờ bạc 50 đồng không cánh mà bay!

Sáng hôm sau đi ăn phở về tôi thấy dưỡng Tư Lệ ở trên tàu, trong cabin buồng lái, đang nói chuyện to nhỏ với anh rể tôi và Năm Tấn, người chung phần hùn với anh tôi. Sau đó, Tư Lệ ra về với vẻ mặt không vui. Anh tôi và Năm Tấn còn bàn luận thêm một lát nữa. Đến trưa, ăn cơm xong, anh rể bảo tôi về lại nhà chị Dân ở tạm vài ngày. Ngày mốt hãy xuống để đi biển. Chiều nay tàu đi lấy nước đá cây (dùng để ướp cá).

Tôi về nhà chị Dân gặp Hồng, cũng là con gái chú tôi, em út của cô Tư Lệ. Tôi cảm thấy hình như có chuyện hơi lạ không biết Hồng vào Sài Gòn làm chi nên hỏi:

- Em vào đây làm gì?

- Đi theo anh! – Hồng trả lời nửa đùa nửa thật. Tôi cứ nghĩ con bé nói chơi nên không hỏi gì thêm.

Ở nhà chị Dân rảnh rỗi quá, không biết làm gì cho hết thì giờ, tôi rủ Hồng đi chơi, “khám phá” Sài Gòn. Hai anh em cùng là nhà quê lên tỉnh lơ ngơ như nhau nên chị Dân sai đứa con gái trạc tuổi của Hồng dẫn chúng tôi đi.

Mấy anh em đón hai chiếc xích lô đến khu vui chơi giải trí Hồ Kỳ Hòa. Ngày đó, công viên này còn đang trong thời kỳ kiến tạo nên không có nhiều du khách. Lèo tèo chỉ có hồ đập vịt, đu quay... và một cửa hàng bán thức ăn, giải khát. Chúng tôi ở đây chơi một buổi, chụp hình chung làm kỷ niệm rồi ra về. Những tấm hình chụp hôm đó tôi không hề được nhìn thấy, vì thợ ảnh bảo ba ngày sau hãy đến lấy.

Sáng hôm sau là đúng hẹn ngày mốt, tôi trở xuống Cảng cá Chánh Hưng. Không thấy tàu anh tôi đâu cả! Tôi

tưởng mình nhìn không kỹ, bỏ sót nên đi đọc từng số hiệu của mỗi con tàu. Vẫn không tìm thấy! Tôi bước lên một chiếc tàu có ký hiệu PK (Phú Khánh) hỏi một anh thủy thủ:

- Anh có biết tàu anh Năm Tấn số hiệu PK... đậu đâu không?
- Chạy biển hai hôm rồi!

Nghe câu trả lời như thế tôi hơi ôi! Thất vọng tột cùng! Miệng tôi đắng chát! Chán nản quá, tôi chỉ biết đứng im như trời trồng hồi lâu. Lúc sau bình tĩnh lại tôi lui thủi quay về nhà chị Dân. Định bụng hôm sau sẽ khăn gói quả mướp về lại Nha Trang. Thấy tôi quay về, mặt mày buồn bã chị Dân hỏi:

- Sao buồn thế em?
- Tàu của anh Sáu chạy biển rồi!

Thấy tâm trạng tôi không vui nên chị cũng không nói gì thêm.

Cuộc đời đúng là thiên biến vạn hóa, không ai có thể lường trước được. Nhiều việc của chính ta nhưng cũng không vì thế mà do ta hoàn toàn quyết định. Giữa lúc tôi không còn hy vọng gì nữa, bỗng nhiên anh Năm Tấn đột ngột xuất hiện tại nhà chị Dân. Gặp tôi, anh chỉ nói gọn lỏn:

- Lấy đồ, rời theo tao!
- Đi đâu?
- Đưa mày về quê!
- Minh tôi đi cũng được, đâu cần anh đưa!
- Anh Sáu mày nhờ tao. Đi ngay, đừng cãi!

Nghe nói anh rể tôi nhờ cậy, tôi không thắc mắc gì nữa, chào tạm biệt chị Dân, rồi xách gói quần áo theo Năm Tấn. Lúc này tôi không còn chủ kiến gì, để mặc anh ta đưa đi đâu thì đi. Tôi nghĩ bụng về lại Nha Trang, đi một mình hay đi cùng Năm Tấn thì cũng vậy thôi. Thế là tôi lặng lẽ nghe lời.

Anh ta dẫn tôi lên Tân Phú, tìm đến một ngôi nhà tranh nhỏ, ở nơi hoang vắng thưa thớt nhà cửa, xung quanh cỏ mọc

và sinh lây. Lúc đi trên con đường nước đọng thành vũng ổ voi, ổ trâu, anh này mặt mày cau có, hầm hè với tôi:

- Mày đã nói với những ai tao chở khách vượt biên?
- Em có nói gì với ai đâu?
- Còn chối! Tao giết mày bây giờ!

Bị xúc phạm khi chưa biết rõ nguyên nhân, tôi cũng nổi cáu cãi hăng hơn:

- Sao tự nhiên anh đòi giết tôi? Anh làm gì làm sao tôi biết mà nói?

- Mày có nói với ai mày dzô đây làm gì không?
- Tôi chỉ nói vào đi biển.

Anh ta hơi nguôi giận. Sau đó không nói gì thêm.

Gần tới thì chúng tôi đến nơi cần đến, Năm Tấn dường như rất thân quen với chủ nhà. Anh bảo tôi ở đó đợi, không được đi đâu, rồi bỏ đi.

Chủ nhà là một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, mình trần, chỉ mặc độc nhất một chiếc quần xà lỏn. Trong nhà không thấy có ai khác. Sau khi tiễn Năm Tấn ra khỏi sân, anh ta quay vào dọn lên bộ phảng gỗ kê sát vách, một chai rượu đế, hai cái ly nhỏ, và một đĩa ôi xá lị đã chế làm tám. Chủ nhà mời tôi nhậu. Tôi lịch sự từ chối, nói là chẳng biết uống rượu. Một mình anh ta ngồi uống tì tì, vừa uống vừa nghêu ngao hát vọng cổ, tay cầm chiếc đĩa tre gõ nhịp vào chai rượu trong vắt. Mặc dù không thích nghe ca cải lương nhưng vì lịch sự nên không thể bỏ ra ngoài ngay, đành ngồi chịu trận.

Tôi ở bên châu rìa một lát cảm thấy mỗi lưng bèn đứng dậy bước ra sân đi bộ và thở hít không khí trong lành. Tiết trời cuối tháng bảy dương lịch oi bức, không một làn gió. Tiếng ếch nhái, ễnh ương không ngừng kêu òm ộp càng khiến cho cảnh vật thêm hoang vu. Đây là vùng ‘ven đô’ không đèn điện, cách

vài thửa ruộng mới có một căn nhà chong đèn dầu đỏ quạch, hiu hắt. Nghĩ lại lời của anh Năm Tấn đòi giết tôi lúc này, tôi giận muốn sôi gan. Không hiểu vì sao anh ta đổ oan cho tôi để lộ thông tin chở khách vượt biên, chuyện mà thực ra tôi cũng chẳng biết tí gì.

Sau này gặp nhau bên Mỹ, anh kể tôi mới kể cho tôi nghe. Hôm ấy dựng Tư Lệ gặp anh và Năm Tấn xin cho Hồng, cô em vợ anh ta đi cùng tôi. Thì ra, cô Tư Lệ đoán được tôi vào Sài Gòn sẽ đi vượt biên nên phải anh chồng vào làm thuyết khách, gửi cô em quá giang! Anh kể tôi và Năm Tấn từ chối. Bởi lẽ, ai cũng xin cho thân thuộc đi “*quá giang*” thì lấy của đâu mà trả tiền lương cho thủy thủ. Chở người vượt biên là làm chuyện bất hợp pháp, một tù hai tội chở đâu phải chuyện chơi. Chính tôi là em của chủ tàu, anh tôi cũng phải xuất ra ba cây vàng để được đi chuyến đó. Sau khi không nhận lời Tư Lệ sợ sự việc bại lộ, anh tôi thay đổi kế hoạch, chạy tàu xuống đậu ở Sa Đéc, vờ nói là chạy biển. Năm Tấn ở lại thông báo cho số khách Sài Gòn địa điểm tập kết mới.

# CHƯƠNG 19

## Vượt biên



**Đ**ến khoảng chín mươi giờ đêm, Năm Tấn trở lại, dẫn tôi đến một căn nhà khác ở quận Tân Bình. Anh ta gõ vào cánh cửa năm tiếng. Cửa mở, chúng tôi bước vào. Trong nhà có một người đàn ông lớn tuổi và một cô gái chừng mười bảy mười tám. Năm Tấn ngồi nói chuyện với ông già, còn cô gái bung đèn dẫn tôi lên căn gác xếp. Trên ấy có cái giường rộng chừng một mét hai, chỉ có chiếu và gối nhưng không có mền. Đặt cái đèn hột vịt đã vặn nhỏ lên sàn gác rồi cô ta bước xuống. Tôi nhìn quanh. Ngoài cái giường, căn gác không có vật gì khác, mái tôn thấp lè tè. Tôi nằm vật xuống giường, toàn thân rã rời mỗi mết. Bụng tôi kêu lên ột ột, Bây giờ tôi mới

chợt nhớ suốt buổi chiều nay tôi chưa ăn gì. Năm Tấn lên, dặn tôi ở đây một đêm, sáng mai có người đến đón thì đi theo họ. Tôi nói với anh ta suốt buổi chiều tôi chưa ăn gì. Nghe xong Năm Tấn không nói gì, bỏ đi xuống cầu thang. Một lát sau, cô gái lúc nãy lại lên gác. Lần này cô ta bung lên cho tôi một tô cháo còn âm ỉm. Cô dặn tôi ăn xong để cái tô cạnh cầu thang chứ không cần mang xuống nhà.

oOo

Bây giờ sáng, có hai thanh niên người Sài Gòn đến tìm tôi. Họ dẫn tôi đi loanh quanh trong khu phố một hồi rồi mới gọi xích lô đến Bến xe miền Tây. Tại đây, chúng tôi gặp một nhóm người khác gồm ba cha con. Hai thanh niên đi cùng tôi và người cha trong nhóm kia nhận biết nhau. Họ trao đổi với nhau gì đó rồi tất bật lên xe.

Tôi là người đi xe đò không bao giờ ngủ gật vì rất thích ngắm phong cảnh dọc đường. Miền Tây trong tâm trí tôi là mảnh đất trù phú, màu mỡ, với những cánh đồng lúa vàng cò bay thẳng cánh. Những vườn cây ăn trái xum xuê, trĩu quả qua từng trang sách mà tôi đã đọc, hoặc qua lời ca tiếng hát trên đài phát thanh mà tôi đã từng nghe. Nhưng hôm ấy, mắt tôi cứ nhúu lại không làm sao mở ra ra được.

Đêm hôm trước tôi bị mất ngủ vì mãi mê suy tính tình huống của mình đang vấp phải. Tôi nằm trên cái gác xếp tối tăm, mồ hôi rịn ướt cả áo, trần trọc. Hai mắt mở thao láo. Đầu óc suy nghĩ lung tung. Hết đặt ra giả thuyết này lại đoán mò chuyện kia. Tôi không hoàn toàn tin vào Năm Tấn, cũng không biết anh ta định đưa tôi đi đâu. Năm Tấn hoàn toàn không lộ ra một thông tin gì. Nhiều lúc tôi giật mình lo sợ, cảm thấy mình đã quá sức liều lĩnh đi theo một người xa lạ đến nơi đây. Thử đoán nếu Năm Tấn lừa gạt tôi để làm chuyện nguy hiểm đến

tính mạng mình thì tôi phải xử trí ra sao? Sao tàu anh tôi chạy biển mà anh rẻ không cho tôi biết trước? Nếu ngày mai không có ai tới tôi sẽ đi đâu? Có nên về lại Nha Trang sống những ngày không có hộ khẩu, không một mảnh giấy tùy thân để nửa đêm giật mình sợ hãi khi có người gõ cửa? Hàng loạt câu hỏi không giải đáp được xuất hiện trong trí tôi.

Đường về miền Tây phẳng phiu, không đèo dốc như ra miền Trung nên tôi đã ngủ một giấc rất ngon. Khi một trong hai thanh niên kêu tôi dậy, xuống xe để lên phà thì trời cũng đã đứng bóng. Chúng tôi chia ra hai tốp riêng biệt bước lên một cái phà lớn. Đứng dựa trên lan can nhìn dòng nước sông Tiền đỏ quạch phù sa, cuốn theo những đám lục bình xanh biếc có điểm những bông hoa tím khiến tôi bất chợt nhớ đến bài thơ *Tràng Giang* của Huy Cận.

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.*

*Lòng quê dọn dọn vời con nước,  
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà."*

Vâng! *Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả, củi một cành khô lạc mấy dòng.* Nhánh củi trôi sông chính là tôi lúc này.

Qua khỏi phà chúng tôi ghé vào một quán cơm. Từ sáng đến giờ chưa có gì bỏ vào bụng nên tôi cảm thấy đói, liền gọi một đĩa cơm tôm, sườn nướng. Không biết vì quá đói hay cơm miền Tây ngon mà tôi ăn hết một đĩa đầy vẫn thấy chưa no và còn thèm! Ăn xong lại tiếp tục hành trình. Không bao lâu sau, chiếc xe đò về đến thị xã Sa Đéc. Tại đây lần đầu tiên tôi được trông thấy những chiếc xe lôi, một loại xe đặc biệt của miền Tây. Khách ngồi đằng sau, gong xe gắn vào chiếc xe đạp của người phu phía trước để họ kéo đi. Mới bước ra khỏi xe đò, phu xe đã ùa đến đon đả chào mời. Mỗi người trong chúng tôi thuê một chiếc để về chợ Sa Đéc.

Ngôi chợ lòng nằm bên bờ một con kênh. Chúng tôi giả dạng thành khách đi chợ mua hàng, dùng đỉnh tiến vào chợ. Giữa chợ có một lối đi, hai bên hai dãy sạp bán đủ các thứ hàng hóa nông sản. Tôi rảo bước theo hai thanh niên, ba cha con nhà kia biển đầu mát. Đi được chừng một đoạn khá dài trong lòng chợ, chúng tôi rẽ vào một lối khác có bậc tam cấp bước xuống dòng kênh. Dưới kênh một thủy thủ đang ngồi trong một cái thùng chai chờ sẵn. Anh hỏi hỏi giục mọi người leo vào thùng, và vội vàng mở dây cột, chèo ra chiếc tàu đang đậu ngoài con sông Tiền.

Tất cả mọi hành khách lên tàu đều phải chui ngay xuống hầm cá ở khoang trước. Riêng tôi, vì là em vợ tài công nên được cho ở trên boong. Tàu nhỏ neo, xuôi theo một nhánh của dòng Tiền Giang chạy ra cửa Cổ Chiên. Tôi ngồi trên mũi thuyền, phóng tầm mắt về phía trước. Năng chiều loang loáng

trên sông. Một chiếc ghe nhỏ dài, chạt đầy rau quả chạy băng băng trước mũi tàu. Mặt nước sau đuôi thuyền rẽ ra như đuôi quạt. Bỗng dưng lòng tôi cũng bị rẽ đôi như mặt nước sông kia. Nửa muốn ra đi, nửa muốn quay trở về. Cái cảm xúc trước khi rời bỏ quê hương đất nước thật là khó tả. Rồi đây, phiêu bạt nơi xứ người chắc chắn chỉ có mình tôi, giống như con thuyền độc mộc đang chạy nhanh ở phía trước không biết đâu là bến bờ. Ngay lúc đó, tôi muốn làm thơ lắm nhưng không có giấy bút. Sau này hồi tưởng lại, tôi viết bài “*Hành Tha Hương*” bày tỏ tâm trạng của mỗi thành viên trong một gia đình lúc biệt xứ.

### Hành Tha Hương

Những cuộc chia ly đầy ngán lệ  
Những hồn thấp thỏm nỗi âu lo  
Tâm can quặn thắt, lòng đau xé  
Họ đã ra đi lúc gầy còi!

Cha đứng nghiêm trang chào lần cuối  
Quân kỳ vấy máu bạn hùng binh  
Nghe trong gió thoảng lời trăng trời  
Vì nước sá gì chuyện tử sinh!

Mẹ đã bao lần luôn gượng dậy  
Cổ nhìn vút mắt cuối trời xa  
Tận cùng biển lớn mênh mông ấy  
Là chôn thương yêu – một mái nhà!

Em bỏ trường xưa rời sách vở  
Làm chim mất tổ sống quê người  
Tha hương mấy kẻ là không nhớ  
Áo trắng, một thời mộng thắm tươi!

Chiều nay đọc lại dòng di cáo  
Thấm nổi hờn đau của núi sông  
Nghĩ thẹn vì miếng cơm mảnh áo  
Mà ta đánh mất chí tang bồng!

oOo

Chẳng biết danh từ Thuyền nhân (boat people) do ai đặt ra? Nhưng thập niên 1980s của thế kỷ 20, hai từ này đã làm cho cả thế giới sững sốt. Làn sóng vượt biển của những người dân Việt Nam trong những năm đó rất rầm rộ, càng về sau càng tăng. Các quan chức chính quyền cộng sản Việt nam ngoài miệng thì oang oang cấm cản nhưng trong bóng tối đã âm thầm bán bãi, bán thuyền cho những ai chung chí hậu hĩnh. Hàng triệu người đã bỏ nước ra đi. Hàng trăm ngàn đã làm mồi cho hải tặc hoặc cho cá mập biển khơi. Đó là chưa kể cả hàng chục ngàn người phải bị tù công, xiềng xích. Nhiều cuốn sách, nhiều bài báo đã thuật lại cảnh đoạn trường, bi ai của thuyền nhân Việt Nam. Với sự hiểu biết ít ỏi của mình, tôi cũng đã từng chứng kiến hoàn cảnh thê lương của nhiều người vượt biển bị mất tất cả người thân khi đến được bến bờ tự do. Ví như có một anh đi trên một chiếc tàu tổng cộng 269 người, bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp, bắn giết rồi quăng xác xuống biển. May mà anh nhảy xuống nước kịp lúc và đu vào một tấm ván, trôi nổi trên mặt biển ba bốn ngày, rồi được tàu chở hàng vớt. Lúc vào đến trại tị nạn Galang cứ dờ điên dờ dại. Tại đảo Kuku một chiếc tàu chở trên 300 người tị nạn sắp cập đảo va phải đá ngầm vỡ tan tành. Hơn 300 con người tử nạn cùng một lúc. Hoặc một nhóm bảy tám cô gái bị hải tặc làm nhục lên tới đảo phải nhập viện. Tuy vượt biển nguy hiểm là thế, nhiều người vẫn chấp nhận trả giá đắt để ra đi. Có người phải tán gia bại sản, tù tội năm bảy lần mới vượt thoát.

Cuộc viễn hành của tôi may mắn hơn rất nhiều người. Hôm đó, ngồi trên boong đến gần tối thì tôi cũng phải chui xuống hầm để tàu qua trạm biên phòng. Tôi đu hai tay trên miệng hầm, và thả người rơi xuống sàn. Trong hầm tối om om, nóng hầm hập. Vài chục đầu người ló nhỏ. Mùi mồ hôi, mùi hơi thở trong một căn hầm kín bung càng làm cho không khí ngột ngạt, khó thở. Cả hầm hoàn toàn im lặng.

Đến nửa đêm, tàu dừng lại. Có tiếng ai đó đối đáp với anh rể tôi. lát sau, tiếng nhiều gót giày bước lộp cộp trên sàn tàu. Cả hầm tàu nín thở, lắng tai nghe động tĩnh trên boong. Ai cũng cố gắng thở thật nhẹ. Dường như ai cũng sợ tiếng thở của mình sẽ làm lộ nơi trú ẩn của cả nhóm.

Tính đến chuyến này tàu anh rể tôi đã chở khách vượt biển khá nhiều lần. Mọi sự chung chi đều rất hào phóng nên không hề gặp sự cố kiểm soát gay gắt nào. Các cán bộ trạm biên phòng cửa biển chỉ làm cho có hình thức và để kiểm thêm tuýp thuốc lá ba số 555.

Mười lăm phút sau, mọi việc trở về trạng thái yên tĩnh như trước. Con tàu tiếp tục cuộc hành trình ra khơi. Chúng tôi ở dưới hầm, chẳng biết đã qua bao nhiêu ngày đêm. Một buổi sáng nắp hầm được mở ra và người thủy thủ thông báo tàu đã ra đến hải phận quốc tế. Hôm đó trời thanh gió mát. Mọi người được cho lên boong nhưng không được tự do đi lại nên nằm ngòai la liệt. Nhóm đi vượt biển gồm cả thầy 23 người. Có một số phụ nữ, và hai trẻ em trên mười tuổi. Com nước dọn ra tinh tươm, nhưng tôi không ăn được vì say sóng. Trái lại, hai anh thanh niên cùng đi với tôi là dân Sài Gòn, lần đầu tiên đi tàu, lại ăn ngon lành.

# CHƯƠNG 20

## Bến bờ tự do



**Đ**ể tránh gặp bọn hải tặc Mã Lai, anh tôi đặt hải bàn cho tàu chạy 180 độ về hướng đông, sau khi vào vùng biển quốc tế mới quay quắc 90 độ về hướng nam. Do hải trình vòng vèo như thế nên phải mất gần cả tuần lễ, con tàu mới tiếp cận một hòn đảo của Indonesia.

Một buổi trưa gió yên biển lặng, mặt nước phẳng phiu như mặt hồ. Tàu đang thả neo nghỉ ngơi. Tôi bỗng dung nổi hứng muốn tắm biển. Anh rề lấy một chiếc dây thừng buộc vào cái trụ phía sau lái, đầu dây kia thả xuống nước. Tôi đu theo sợi

dây buông mình vào trong lòng đại dương mênh mông, mát lạnh mà bơi lội vùng vẫy. Mặc dù tôi không dám bơi xa con tàu vì sợ cá mập và dòng thủy lưu cuốn đi, nhưng anh rể tôi vẫn ngồi trên be tàu canh chừng.

Chuyến hải hành này ấn tượng nhất đối với tôi là được ngắm đàn cá ông he (cá heo) đông cả chục con thi nhau chạy đua trước mũi tàu một buổi rạng đông. Những chú cá heo thân mình tròn trịa, bóng lưỡng, háo thắng, luôn luôn phóng mình vượt lên trước mũi tàu. Tàu chạy nhanh, chúng chạy nhanh; tàu chạy chậm, chúng chạy chậm. Đàn cá luôn giữ khoảng cách đều với con tàu. Mấy thủy thủ cùng đứng xem với tôi vỗ tay reo hò cổ vũ. Dường như bọn cá heo hiểu được tiếng người nên thỉnh thoảng chúng lại phóng mình nhảy vọt khỏi mặt nước. Những chiếc mõm dài đen trũi rít lên hàng loạt tiếng kêu kỳ quái. Dưới ánh nắng hồng ban mai, những chú cá heo lưng đen nhem, bụng trắng phau phau phóng vọt lên từ mặt biển xanh rồi lại lao xuống làm mặt nước bắn tung tóe trông thật ngoạn mục. Cảnh tượng này ai đã thấy một lần cũng khó mà quên. Cuối cùng thì đàn cá bỏ xa tàu chúng tôi.

Nửa đêm ngày thứ bảy, con tàu tiếp cận một hòn đảo nhỏ. Tài công cài số đứng, vặn để máy nổ. Hai cái thúng chai được thả xuống, đưa hành khách vào đảo rồi trở ra. Tôi cùng mấy người đàn ông xuống chiếc thúng sau chót. Trước khi đi anh rể tôi bảo còn bao nhiêu tiền đưa hết cho anh. Anh cởi ba chiếc nhẫn trên tay trao cho tôi, dặn để phòng thân. Tôi nhanh nhẹn cúi chào tạm biệt anh, rồi trèo ngay xuống thúng. Mọi việc diễn ra hết sức thâm lặng và vội vàng.

Chiếc thúng cập vào ghềnh đá của đảo. Bọn tôi hồi hải leo ra. Ngay lập tức, anh thủy thủ liền đảo mái chèo quay trở lại con tàu. Chúng tôi lần lượt leo lên những hòn đá to đen đúa. Tôi bám theo mọi người, tiến sâu vào hòn đảo lạ. Đứng trên một

mỏm đá nhìn về chỗ con tàu lúc này, một màn đen dày đặc bao quanh, chẳng thấy gì cả.

Một người bật cái máy lửa ga, dưới ánh sáng chập chờn, yếu ớt cả đoàn lần mò tìm thấy một cửa hang động. Tất cả không ai bảo ai lặng lẽ đi vào trong ngòi đọi trời sáng. Cả đoàn lớn nhỏ gồm 23 người nhưng tuyệt nhiên không có một tiếng động, không tiếng xì xầm. Thời gian như đặc quánh lại.

Trời sáng. Có mấy người vừa đàn ông vừa đàn bà trong nhóm ra đứng ở một mỏm đá cao, giơ tay không hoặc cầm một chiếc áo trắng vẫy vẫy những chiếc xuồng của ngư dân trên biển. Nhưng con thuyền ở đây nhỏ mà thon dài. Chỉ có một người ngồi phía sau bơi chèo mà lao nhanh vun vút. Biển rất êm không thấy ngã bọt vào ghềnh. Khoảng chừng nửa giờ sau một chiếc ca-nô chở một toán lính tiến về phía chúng tôi. Khi còn cách bờ đá chừng hai mươi mét, chiếc ca-nô dừng lại. Trước mũi thuyền cắm lá cờ nửa trắng nửa đỏ. Bên cạnh một anh lính cao to, có bộ râu quay nón, nước da đen thui đứng kê chân lên be thuyền, hướng về chúng tôi, cầm cái loa phóng thanh nói xì xồ một tràng dài bằng thứ tiếng lạ hoắc.

Mọi người nổi lên tiếng bàn tán. Ai đó nói to:

- Có ai biết anh ta nói gì không?

- Tôi! – Một người đàn ông đeo kiếng trắng giơ cao tay. Trông dáng dấp ông này ra vẻ là một trí thức.

- Anh ra nói chuyện với hắn đi!

Người đàn ông đeo kiếng nhảy lên một hòn đá và trảm xí lô xí là một hồi. Bên kia anh lính cầm loa lại trảm một tràng nữa. Mọi người hỏi người đàn ông, nó nói gì vậy. Người kia ú ớ không nói rõ. Thấy vậy, một chị ăn mặc lòe loẹt, môi tô son, mắt vẽ chì xanh đứng ra nói:

- Tôi biết! Hắn bảo anh ấy nói gì hán chẳng hiểu!

- Vậy... chị nói đi! – Mọi người lao nhao.

Chị kia với người lính trên thuyền nói chuyện qua lại hồi lâu, rồi chiếc ca-nô chạy đi. Người đàn bà phiên dịch lại:

- Đại khái... Ông ta nói, ông tên là Jasma, trung úy đội trưởng đội cảnh sát biển của quốc gia Indonesia. Ông hỏi chúng ta là ai. Từ đâu tới. Tôi nói với ông chúng tôi là người Việt Nam tị nạn cộng sản. Ông ta bảo cứ ở yên đây, đợi một lát sẽ có thuyền đến đón về chỗ tạm dung.

Mọi người nghe nói thế hớn hờ ra mặt. Tôi liếc nhìn chị kia, chợt nhận ra đã gặp chị vài lần trên tàu lúc còn ở cảng Chánh Hưng. Khi đó chị hay cặp xà neo với anh Năm Tấn trong cabin buồng lái. Tôi cứ ngỡ chị là vợ bé anh. Những người đàn ông quê tôi vào đi biển ở miền trong cả năm mới về nhà một lần nên thường có “*phòng nhì*” trong Nam. Các bà vợ ở nhà đâu có biết cũng không làm gì được. Phần vì xa xôi, phần vì cách nghĩ rất phong kiến, cổ hủ rằng đàn ông đi làm ăn xa cần có người chăm sóc.

Tôi đến gần, chào chị. Chị cũng nhận ra tôi, nháy mắt cười: Tôi chưa kịp mở miệng chị đã nói trước:

- Lúc ở cảng chị đã biết *chú* không phải là thủy thủ.

- Em thì cứ ngỡ chị là “*bà hai*” của anh Tấn.

Chị cười ha hả:

- Chú khéo nghĩ tầm bậy! Chỉ là bạn bè thôi!

- Sao chị biết nói thứ tiếng ngoại quốc đó?

- Ý chú là tiếng Anh đấy hả?

- Dạ!

- Trước năm 1975 chị làm ở sở Mỹ mà. Thằng cha In-đô nói tiếng Anh khó nghe bỏ mẹ!

- Chị đi một mình à?

- Ừ, còn chú?

- Em cũng vậy!

Hơn một tiếng đồng hồ sau, chiếc ca-nô chở vị sĩ quan cảnh sát kia quay trở lại. Theo sau còn có một chiếc thuyền khác lớn hơn. Anh trung úy nói một tràng tiếng Anh. Chị kia nghe xong quay sang bảo chúng tôi, họ cho phép lên thuyền. Mọi người hồi hả nhảy qua ghềnh đá, lội xuống nước, và leo lên chiếc thuyền đang cập sát bờ.

Con thuyền chạy vòng quanh hòn đảo một quãng rồi cập vào cầu tàu. Chúng tôi được dẫn đến một căn nhà dài, trông giống như lớp học, nhưng không có bàn ghế. Từng nhóm người tụ tập riêng rẽ lại với nhau. Tôi để ý thấy ba cha con hôm gặp ở bến xe miền Tây cũng có mặt trong phòng. Tôi, thằng Hiệp (cũng đi một mình) cùng hai thanh niên ở Sài Gòn tụ thành một nhóm. Buổi trưa hôm đó mọi người sắp hàng nhận phần cơm hộp cấp phát từ căn phòng lân cận. Hai giờ chiều, Trung úy Jasma gọi tất cả mọi người lên lên văn phòng ông ta để kiểm tra hành lý tư trang. Lần lượt, mỗi cá nhân vào phòng móc hết tất cả các thứ vật dụng, giấy tờ trong túi và xách tay ra. Đồng thời cởi bỏ hết quần áo kể cả đồ lót trên người để kiểm tra. Họ chỉ quan sát bằng mắt, hoàn toàn không đụng chạm đến cơ thể bất cứ ai. Trẻ em được miễn.

Hòn đảo chúng tôi *đổ bộ* vào là đảo Terempa thuộc đất nước Indonesia (Nam Dương). Ở đây có người bản địa sinh sống, không có cơ quan Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc. Họ tạm thời cho thuyền nhân cư trú vài ngày chờ tàu Cao ủy tị nạn đến chuyển đi nơi khác.

Terempa là một hòn đảo nhỏ nhưng khá phồn thịnh. Nhà cửa tuy không đồ sộ và chẳng có lầu, nhưng được dựng xây ngay hàng thẳng lối. Đường xá tráng nhựa láng mịn. Trên đảo có trường tiểu học, khu thể thao, chợ, và đồn hải quân. Chúng tôi ở lại đây ba ngày, bữa trưa và bữa tối được phát cơm hộp. Buổi sáng mọi người tụ túc. Tôi và hai thanh niên người

Sài Gòn cùng thằng Hiệp thường ra chợ ăn sáng và uống cà phê. Sau đó cả bốn dạo chợ giết thời giờ. Chợ Terempa là một gian nhà lồng lớn, rộng rãi và sạch sẽ. Cũng giống như các khu chợ lồng ở Việt Nam, chính giữa là lối đi, hai bên là những sạp hàng hóa. Nơi đây có bán nhiều loại sản phẩm, rau trái, đồ hộp... Vải vóc, áo quần may sẵn nhiều vô kể. Có cả tiệm vàng. Đặc biệt những người dân bản địa rất thích mua vàng vòng nữ trang của người tị nạn Việt Nam. Người dân nơi đây trông cũng hiền hòa và hiếu khách chứ không có vẻ gì là hung dữ. Có một số người biết nói tiếng Hoa. Thằng Hiệp là người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn nên trao đổi với họ bằng thứ tiếng Tàu của nó rất dễ dàng. Đa phần thanh niên trên đảo đều nói được tiếng Anh. Buổi chiều chúng tôi ra khu thể thao xem các em gái đảo mặc mini jupe chơi quần vợt. Ban tối, ai thích thì đi sang một căn phòng khác xem chiếu phim Honkong miễn phí.

Ba ngày sau, đoàn chúng tôi rời Terempa lên ca-no chuyển sang đảo Kuku. Kuku là một trại chuyển tiếp, có rất đông đồng bào tị nạn. Khi chúng tôi đến, con số thuyền nhân ở nơi đây đã vượt lên trên vài trăm người. Các barracks không còn chỗ trống. Nhóm người chúng tôi phải dựng những căn lều bạt tạm thời để ở. Chiều hôm sau, Văn phòng Cao Ủy tị nạn cho nhân viên xuống kê khai hồ sơ lý lịch từng người. Đối với rất nhiều thuyền nhân tị nạn Việt Nam, Kuku là một địa danh khó quên. Bởi lẽ, đây là vùng đất tự do, an toàn họ được đặt chân lên sau những ngày dài lênh đênh trên biển với muôn vàn hiểm nguy. Nơi mà họ đã tìm thấy được một niềm hy vọng. Nó cũng là nơi chôn đã khiến cho hàng vạn trái tim con người thấm thía nỗi buồn ly hương.

Bờ biển Kuku hẹp, màu cát không trắng mà có sắc vàng như cát biển Sa Huỳnh. Đêm đêm cả nhóm 23 người chúng tôi

ngồi quay vòng tròn trên bờ biển đốt lửa ca hát để động viên nhau và cũng để vui bớt nỗi buồn.

Đoàn chúng tôi chỉ lưu lại KuKu hai tuần lễ. Sau đó được đưa lên một chiếc phà lớn, do một con tàu kéo chạy vòng quanh các hòn đảo nhỏ khác gom người di tản đưa về đảo Galang. Pulau Galang mới thật sự là *vwong quốcc* của người tị nạn trong những năm tháng ấy.

# CHƯƠNG 21

## Galang I



**G**alang gồm có hai trại: Galang I và Galang II. Những người mới đến, tạm thời cư ngụ ở Galang I. Sau đó nếu được nước thứ ba chấp nhận cho *tái định cư* thì chuyển vào Galang II. Hoặc những ai ở lâu trên sáu tháng mà vẫn chưa được quốc gia nào phỏng vấn cũng phải chuyển vào Galang II. Giữa hai trại là một con đường trải nhựa phẳng phiu xuyên qua những khu rừng cây, khe suối và những quả đồi. Lúc tôi tới mỗi trại đều đông nghịt người. Trại nào cũng có đầy đủ các cơ sở vật chất để phục vụ cho nhu cầu dân sinh như nhà thờ, nhà chùa, thánh thất, trường học, bệnh xá, chợ và bưu điện. Galang II còn có Trung tâm Thanh niên để cho thanh thiếu niên sinh

hoạt văn nghệ. Quán cà phê và rạp chiếu phim video thì nhiều vô số. Để đi và về giữa Galang I & II làm việc, luôn có xe của Cao ủy đưa đón cho nhân viên làm công tác thiện nguyện. Thật ra còn có một Galang III nữa. Đó là cách gọi của mọi người ở đây về khu nghỉ trang nằm giữa Galang I & II, nơi để chôn cất những người xấu số qua đời trên đảo.

Nghe nói trước kia, Ban quản lý của hai trại là cảnh sát Nam Dương. Nhưng bọn chúng đối xử hà khắc và ngược đãi với thuyền nhân nên đồng bào tị nạn đã đấu tranh giành quyền quản lý trại, dưới sự giám sát của Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc. Lúc tôi đến, mỗi trại Galang đều do Ban đại diện của người Việt mình quản lý. Vì thế đã giúp cho những người đồng hương tránh được rất nhiều điều bất công, tàn tệ từ cảnh sát In-đô.

Nhóm tôi được bố trí về một barrack phía dưới chân dốc đi lên quả đồi có ngôi nhà thờ Thiên chúa giáo tọa lạc. Mỗi gia đình đều được cấp phát mùng mền và chiếu. Khẩu phần lương thực thì nhận hàng tuần. Gia đình nào đông con, lớn bù nhỏ cũng dư ăn. Những kẻ độc thân như tôi dĩ nhiên sẽ không đủ để sống qua ngày. Vì thế mới lên đảo, tôi đã phải lo đi tìm việc làm thiện nguyện với hy vọng có thêm nguồn thực phẩm cải thiện bữa ăn. Thật ra cũng không giúp ích gì được bao nhiêu, vì mỗi tuần chỉ nhận thêm có một hộp thịt. Tuy vậy nếu nhịn ăn, đem bán lấy tiền mua rau cũng được vài bữa. Tôi không biết tiếng Anh, nên lên trường tiểu học xin vào dạy các em nhỏ. Tiếp kiến tôi hôm ấy là thầy hiệu trưởng, nhạc sĩ Trần Đình Quân. Thầy chỉ hỏi sơ lược về tên tuổi, trình độ học vấn của tôi. Hỏi tôi đã từng dạy học chưa. Tôi thưa thật chưa bao giờ dạy ai cả. Thầy cười, hỏi:

- Vậy, anh dạy được môn gì?
- Dạ... môn lịch sử.
- Lớp mấy?

- Thưa thầy... lớp ba.
- Sáng mai anh đến dạy thử.

Tôi cảm ơn và ra về. Thế là, hôm sau tôi trở thành giáo viên tiểu học!

Mới ổn định xong chỗ ở, Phòng trật tự đã kêu lên làm việc. Khi tôi chuẩn bị đi thì gặp chú Quận, (người đàn ông đi cùng hai con, tôi thấy ở bến xe miền Tây) vừa về, nói với tôi:

- Yên tâm đi đi! Chỉ làm theo thủ tục cho có lệ.

Tôi cười cảm ơn chú. Trong bụng cũng cảm thấy đỡ lo.

Tôi rụt rè bước vào căn phòng có ghi tấm biển “Phòng trật tự”. Một người đàn ông ngồi sau chiếc bàn làm việc kê đối diện với cửa ra vào, chỉ cái ghế đầu bảo tôi ngồi. Vừa yên vị, ông ta liền hỏi:

- Anh tên gì?
- Dạ... Trần Văn Thu
- Năm sinh?
- Ngày 20, tháng 9, năm 19....
- Ở Việt Nam làm gì?

- Dạ, thợ dệt.

- Thời học sinh có vào đoàn, đội gì không?

- Dạ, không! – Cái này tôi nói thật hoàn toàn. Tôi chưa bao giờ vào đội thiếu niên Tiền phong hoặc đoàn thanh niên Cộng sản. Năm học lớp 10, một bạn học cùng lớp ngỏ ý muốn mời tôi tham gia lớp cảm tình Đoàn. Tôi hỏi nó “*đòn gì?*” Nó nổi cáu đòi đánh tôi. Từ đó không ai bảo tôi vào đoàn đội gì nữa. Còn về đội thiếu niên tôi ghét đeo cái khăn quàng đỏ nên không xin vào.

- Anh nói dối! Lúc đi học sao không vào đoàn, vào đội được? – Ông ta vắn vẹo.

- Vì thế nên em bị đuổi học!
- Ngày sinh của anh rất đặc biệt!
- Có gì đặc biệt ạ?

- Ngày 20 nếu bỏ đi số không thì là ngày gì?

- Dạ, Em chưa từng nghĩ đến!

Im lặng. Ông nhìn tôi một cách soi mói. Bàn tay phải đảo đảo cây viết bic. Hình như ông ta hơi bực mình.

- Có phải tàu anh đi, anh rể anh là chủ tàu không?

- Dạ, đúng!

- Anh có phải trả tiền không?

- Có ạ?

- Bao nhiêu?

- Anh em trả, em không biết!

- Anh rể anh cho anh bao nhiêu vàng?

- Dạ, không có ạ!

Ông lại nhìn tôi chăm chăm. Có lẽ ông không tin vào lời tôi nói, nhưng cũng không có cơ gì bắt bẻ tôi.

- Số tàu anh đi là gì?

- Em không để ý!

Đoàn người chúng tôi đã thống nhất từ trước là không khai số tàu. Tôi nghĩ những người ông ta hỏi cung trước cũng đều trả lời như vậy nên ông không hỏi gì thêm.

Đến đây cuộc chất vấn kết thúc. Tôi bước ra về mà trong bụng cứ mãi nghĩ tại sao chú ấy lại để ý đến ngày sinh của tôi kỹ như vậy? Bảo tôi bỏ số không đi? Nếu bỏ số không tức là ngày 2... tháng 9. A! Thì ra chú kia nghĩ ngày sinh của tôi là biến tấu của ngày lễ Quốc khánh nước Việt Nam cộng sản. Ôi, những người bỏ nước ra đi vì yêu chuộng tự do và quyền riêng tư lại có ý nghĩ lắt léo, kiêu chup mũ như vậy! Tình cảnh bắt nạt nhau vì những thứ vớ vẩn như thế tưởng đâu chỉ có một lần. Thật không ngờ tôi còn được trải nghiệm lần thứ hai lúc ở Galang I.

Tôi có quen biết một người bạn vì cùng dạy các em nhỏ Việt Nam ở khối tiểu học, nên thỉnh thoảng đến barrack của anh ấy chơi. Tình cờ nhìn thấy anh có cuốn tiểu thuyết *Đừng*

*Trước Biển* của Nguyễn Mạnh Tuấn nên mượn đọc ngay tại chỗ. Tôi vừa đọc được chừng ba mươi phút thì có một người đàn ông cỡ trung niên đến bên tôi hỏi:

- Anh đang đọc sách gì vậy?

Bị hỏi đột ngột, tôi không nhớ được tựa đề nên gập cuốn sách lại, chìa cái bìa cho anh ta xem. Liếc mắt qua cái tựa, anh nghiêm giọng:

- Anh không được đọc cuốn này. Tôi phải tịch thu!

- Vì Sao?

- Đây là cuốn sách của người cộng sản, anh không được đọc nó.

- Chúng ta đang ở xứ tự do mà? Tôi thấy có nhiều bác cựu sĩ quan Cộng hòa vẫn đọc sách sau 1975 đó thôi!

- Anh không được cãi bướng! Những người lớn tuổi từng tham gia chống cộng như chúng tôi đọc để biết rõ kẻ thù. Còn trẻ như anh thì không được. Một là anh để tôi tịch thu, hai là anh theo tôi lên Phòng Trật Tự làm việc.

Nghe nói đến ba tiếng *Phòng Trật Tự* thì tôi *rét* thật sự. Ai cũng biết đó là nơi điều tra, hỏi cung, có cả thi triển võ thuật nữa! Nhưng không thể để người khác cướp cuốn sách trên tay mình đang cầm một cách dễ dàng như thế nên tôi tìm lời chống chế:

- Sách này không phải của tôi. Anh muốn tịch thu cũng được nhưng phải hỏi chủ nhân của nó.

Tôi chỉ về cuối dãy barrack nơi bạn tôi đang lăm lét theo dõi câu chuyện. Trên gương mặt anh ta hiện đầy vẻ lo sợ. Anh ta chỉ mới nghe tôi nói thế đã vội vã nhìn người đàn ông trung niên gật đầu đồng ý. Tôi đưa sách cho người đàn ông lạ, không hiểu sao trong lòng cảm thấy buồn rười rượi. Sau này tôi biết được thì ra ông nọ là barrack trưởng của bạn tôi. Không biết việc tôi đọc *sách cấm* là do tự ông ta phát hiện hay có người mách lẻo cho ông ấy. Ôi, những cuốn sách và những bài

thơ luôn luôn là vật cấm kỵ của bên này hoặc bên kia nếu như chúng vượt tuyến.

Cũng nhờ mẩu đối thoại giữa tôi và ông barrack trưởng mà tôi làm quen thêm một người bạn khác. Nàng tên Ngọc Anh, đi cùng tàu với người bạn thầy giáo của tôi. Sau khi ông nọ cầm cuốn sách đi khỏi, nàng chủ động đến bắt chuyện cùng tôi. Và chúng tôi đã trở thành bạn từ đó. Sau này tôi chuyển vào Galang II thì không còn gặp nàng ấy nữa. Nghe nói nàng được đi định cư tại Úc.

Giấc mộng của tôi ngày mới lên đảo là được đi định cư ở Úc. Ngày còn đi học, tôi chỉ biết nước Mỹ và Canada. Nước Mỹ thì ai cũng biết rồi, kể cả đứa bé học lớp Một. Bởi vì sách báo, loa phóng thanh, bài học ở trường... bên Việt Nam luôn chửi Mỹ ra rả. Lại còn kể nhiều thứ tội ác ghê rợn của quân đội Mỹ như uống máu, ăn gan người. Riêng Canada tôi chỉ biết qua những câu chuyện cổ tích, với hình ảnh không thể quên là những cây sồi. Còn nước Úc thì chưa hề nghe đến. Chỉ biết châu Úc mà thôi! Lúc lên Galang nghe người ta bàn tán Mỹ rất khó khăn trong việc nhận người. Những ai có thân nhân đang ở Mỹ, hoặc có quan hệ với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mới được cho đi định cư Hoa Kỳ. Canada và Úc đều nhận diện nhân đạo. Nhưng Canada lạnh lắm.

Lên đảo Galang chừng được một tháng, tôi bỗng nghe tin có chiếc tàu cá Phú Khánh chở người vượt biên bị bắt lại. Tôi hỏi thăm và tìm đến xem thử có gặp người quen nào không. Trong nhóm thủy thủ bị bắt, có một bác lớn tuổi, mái tóc bạc phơ. Tôi nhận ra đó là bác Trần Ngô một người bà con xa của tôi. Bác này gặp được tôi rất mừng. Bác nhờ tôi viết thư báo tin cho hai anh con trai đang định cư ở bên Úc. Nhân dịp đó, tôi liền đề nghị bác nhận tôi làm cháu ruột để nhờ hai anh

kia bảo lãnh đi Úc luôn. Tôi nghe phong thanh rằng, chỉ cần có ai ở Úc làm *sponsor* là sẽ được phái đoàn Úc chấp nhận cho định cư. Bác ta vui vẻ gật đầu. Kể từ hôm ấy, mọi thư từ liên lạc với hai người con trai đều do tôi đảm nhận. Hồ sơ của tôi cũng được bổ sung thêm vào là có thân nhân tại Úc và đảo Galang. Theo quy định của Cao ủy, nếu ai có thân nhân ở nước nào, phải xin đi nước đó. Chỉ trừ khi đã bị phái đoàn nước kia từ chối mới nộp đơn xin đi nước khác được. Thế là tôi tự trói chân mình với một ý nghĩ viển vông, và với một cái gật đầu thiếu bảo chứng. Ít lâu sau, tôi nhận được lá thư từ người con bác Trần Ngô thông báo rằng anh ta đã làm giấy tờ bảo lãnh cho tôi. Tôi liền nộp đơn xin đi Úc.

Tôi đợi suốt sáu tháng trời không thấy tăm hơi gì, nhưng cũng yên chí vì phái đoàn Úc cũng chưa gọi bác Trần Ngô lên phỏng vấn. Những bạn bè cũng đi với tôi, dù không có thân nhân ở bất cứ nước thứ ba nào nhưng chúng chịu khó học hành tiếng Anh và làm thiện nguyện nên đến lúc này đều được Canada nhận cả.

Trại tị nạn Galang đầu năm 1986, con số tăng vọt lên hơn mười ngàn người. Những ai ở Galang I trên sáu tháng như chúng tôi đều phải di chuyển vào Galang II, để có chỗ cho thuyền nhân mới đến. Nhóm người đi cùng tàu không còn được ở chung. Tôi bị đưa vào một phòng ở Zone A, barrack số... cùng những thanh niên độc thân khác.

# CHƯƠNG 22

## Galang II



**M**ột hôm tôi nghe loa phóng thanh kêu tên bác Trần Ngô và tôi lên gặp phái đoàn Úc. Hai bác cháu đến văn phòng Cao ủy đợi từ sớm. Lúc ngồi chờ, tôi dặn dò bác nhớ nói tôi là cháu bác. Bác gật gật, nhưng không nói gì. Hôm ấy, người được phỏng vấn khá đông nên mãi tới mười giờ sáng, nhân viên mới gọi bác Trần Ngô vào tiếp kiến. Tôi ngồi hồi hộp ở bên ngoài, nôn nóng chờ đợi đến lượt mình. Thời gian trôi rất chậm! Mười lăm phút... hai mươi phút... rồi ba mươi phút... Không ai đã động đến tên tôi. Tôi sốt ruột, ngong ngóng nhìn vào cánh cửa văn phòng Cao ủy. Cửa mở, bác Trần Ngô

ung dung bước ra, gương mặt tươi rói. Tôi chạy tới. Bác cười, khoe không giấu diếm:

- Nhận rồi, bác được nhận rồi!

- Sao chẳng ai gọi con? Bác có nói với phái đoàn con là cháu bác không? – Tôi hỏi dồn dập.

Gương mặt bác bỗng dung khác lạ, bác nói:

- Phái đoàn họ không tin cháu là cháu ruột của bác! – Nói xong, bác ấy bỏ đi về, không thèm gọi tôi theo.

Tôi bỗng cảm thấy choáng váng, vội ngồi xuống băng ghế một lát, cố gắng hết sức giữ cho mình thật bình tĩnh. Sau đó, tôi liền đến gặp anh nhân viên phòng Cao ủy hỏi cho biết rõ sự tình. Anh này nói, ông nhân viên phái đoàn có hỏi nhưng bác Trần Ngô bảo Trần Văn Thu không phải là cháu ông. Phái đoàn nghĩ anh mạo nhận nên gạt hồ sơ của anh rồi.

Tôi nghe anh kia nói mà chết lặng. Tôi cứ đinh đing bác Trần Ngô là người thật thà, một lòng muốn giúp đỡ tôi trong hoàn cảnh khó khăn. Thật không ngờ bác cũng chỉ là người qua cầu rút ván. Bây giờ tôi mới biết lòng người tráo trở còn nhanh hơn cái chớp mắt. Ai cũng nói rằng “*Kuku tình hờ, Galang tình xù!*” Tôi cứ tưởng câu ấy chỉ áp dụng cho tình cảm gái trai, không dè cũng đúng ngay chốc với tình đời, tình người. Tôi thuật lại câu chuyện trên như một trong những kỷ niệm buồn của tháng ngày sống ở trại tị nạn. Cũng như nhắc nhở mình bài học chớ nên cả tin về bất cứ điều gì, chứ không hề có ý thù oán ai.

Galang II gồm có bốn Zone. Các Zone A, B, C, dành cho người tị nạn đã ở trên đảo hơn một năm, hoặc người được nước thứ ba chấp nhận chờ ngày đi định cư. Riêng Zone D thuộc về phái đoàn Mỹ dành cho những công dân tương lai của họ học Anh văn, hoặc đời sống văn hóa Mỹ. Những năm 1985–1986 có nhiều đợt đồng bào tị nạn từ các trại khác như Pulau Bidong, Malaysia hoặc Bataan, Philippines chuyển qua học

‘khóa Mỹ’ tại đây. Vì thế lúc bấy giờ Galang rất đông vui, nhộn nhịp. Đường như cứ ít ngày là có đợt người mới đến. Lần nào cũng từ vài trăm người trở lên. Chợ búa, quán cà phê, rạp chiếu phim... tha hồ hết bạc. Nơi nào cũng đông nghịt người. Các siêu thị tạp hóa của người In-đô thi đua bán hàng cạnh tranh với người Việt. Có thể nói Galang thuở đó đông vui, nhộn nhịp hơn những thị trấn mà tôi đã từng đi qua ở Việt Nam.

Sau khi bị phái đoàn Úc “đá đèn” tôi không cam tâm. Vốn liếng tiếng Anh của tôi lúc này cũng đã kha khá nên quyết định viết một lá đơn khiếu nại gửi lên đại diện Cao ủy ở Galang. Trong đơn, tôi trình bày mong muốn tìm hiểu vì sao tôi bị từ chối mà không có lý do. Một tuần sau, tôi được mời lên. Tiếp tôi là ông George chánh văn phòng Cao ủy tị nạn Galang lúc bấy giờ. Sau thủ tục chào hỏi, ông ấy bảo tôi không có giấy tờ bảo lãnh từ Úc. Và tai hại hơn người tôi khải là bác ruột đã không công nhận tôi. Thế nên tôi bị phái đoàn Úc bác đơn không cho gặp. Ông ta khuyên tôi nên nộp đơn xin định cư với một nước khác, đừng đại dột chờ đợi trong vô vọng. Tôi cảm ơn ông rồi ra về với một tinh thần phấn chấn và hy vọng mới.

Chiều hôm đó, tôi đem bán nốt chiếc đồng hồ đeo tay lấy tiền mua bia về nhậu. Đây là những đồng bạc cuối cùng của tôi. Trước khi xuống tàu, anh rể cho ba chỉ vàng, dặn trao một chỉ cho thằng cháu ảnh đã đến Galang trên hai năm mà chưa đi định cư. Hai chỉ còn lại, tôi tiêu xài tiết kiệm từ đó đến nay. Bữa nhậu này là tiệc tự chúc mừng tôi vì đã tỉnh ngộ và từ nay quyết tâm bắt đầu lại từ đầu.

Khoảng hai tháng sau phái đoàn Canada sang. May mắn đến với tôi khi lần đầu tôi nộp đơn đã được gọi lên phỏng vấn. Hôm ấy, tôi ăn mặc thật gọn gàng tinh tươm, và đến nơi phỏng

vấn rất sớm. Bà trưởng phái đoàn Canada tiếp kiến tôi là một người nhã nhặn, vui vẻ. Sau lời chào buổi sáng, bà bảo tôi an vị. Câu đầu tiên bà hỏi là:

- Why did you leave Vietnam?

Câu này tôi đã học tử nên không cần thông dịch, trả lời ngay:

- I left Vietnam because there was no freedom in Vietnam.

- What do you know about freedom?

- I think freedom means we can go everywhere or do anything accordingly to the laws of our country.

- What did you do in Vietnam?

- I was a weaver.

Bà nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi tiếp:

- Did you go to the Vietnamese People Army?

- Yes! But I escaped when we've moved into Cambodia.

- What's year?

- It's 1983

- How long were you in the army?

- It's six months.

- What would you like to do when you come to Canada?

- I'd go looking for a job.

- What kind of job?

- It can be any general labour job.

Đến đây, bà dừng lại, ghi chép cái gì đó vào tập hồ sơ của tôi. lát sau, bà ngược lên tươi cười, nói:

- Congratulations! You passed.

- Thank you very much!

Bà đứng lên và đưa tay bắt tay tôi. Tôi mừng quá, vội vàng đứng dậy đưa cả hai tay đỡ lấy tay bà. Tôi cúi chào và bước ra khỏi văn phòng Cao ủy. Chưa bao giờ tôi thấy bầu trời Galang đẹp như hôm nay. Trên đường trở về barrack tôi không bước nữa mà nhảy như chim sáo.

Sau khi được phái đoàn Canada nhận, tôi xin chuyển về Galang II dạy để khỏi đi xa, đỡ vất vả và ít tốn thời gian. Ở Galang II, barracks là những dãy nhà sàn được ngăn chia thành mười phòng giống hệt nhau. Tầng trên dùng làm phòng ngủ và cất đồ đạc. Tầng dưới là bếp, bàn ăn, và sàn rửa chén bát. Phòng tôi ở gồm có bốn người. Tôi, Lê Thanh Kim, Nguyễn Văn Huệ, và thằng Hiệp. Nhưng thằng Hiệp có người quen ở Zone khác nên dọn về sống với họ. Kế phòng tôi bên phải là cặp vợ chồng người Bắc. Bên trái là gia đình hai chị em người miền Tây. Cô chị bụng mang dạ chứa, có chồng làm barrack trưởng. Cô em tuổi mười chín đôi mươi, có đôi mắt lá răm sắc lêm. Phía đối diện là bốn anh em thủy thủ người Vũng Tàu, suốt mùa hè chỉ mặc trên người mỗi cái quần đùi không mặc áo. Anh nào anh nấy bắp thịt nổi lên cuộn cuộn. Người em út tên là Nguyễn Văn Lý, thường hay sang phòng chúng tôi chơi. Anh ta và cô em miền Tây coi bộ rất tình thương mến thương. Họ luôn nói cười vui vẻ. Lâu ngày hình như hai anh chị phải lòng nhau. Ba người anh trai thấy vậy ngăn cản, vì Lý đã có vợ và một đứa con ở Việt Nam. Nhưng khi ngọn lửa tình yêu đã cháy bùng thì những lời khuyên can chỉ như là nước xao đầu vịt. Anh em bất hòa, Lý chuyển sang ở cùng với chúng tôi. Không lâu sau, vợ chồng anh người Bắc đi định cư Canada, Lý và cô gái kia chuyển vào căn phòng đó chung sống như vợ chồng.

Ở Galang đời sống tinh thần cũng không kém phần phong phú. Ngoài nhà thờ, chùa chiền, và thánh thất còn có Trung tâm thanh niên (Youth Centre) mỗi dịp xuân về Tết đến đều tổ chức văn nghệ mừng xuân. Trên đảo có tờ nguyệt san Tự Do ấn hành song ngữ. Tôi may mắn được tham gia góp bài và đọc bản thảo phần tiếng Việt một ấn bản trước khi rời đảo. Tập san lúc đó do anh Bùi Văn Phú làm chủ bút. Thầy Nguyễn Ngọc Bích chuyên ngữ. Họa sĩ Vị Ý vẽ minh họa. Lê Thanh

Kim viết nhan đề. Khi rời đảo tôi có mang số báo này đi.  
Nhưng sau nhiều lần dọn nhà tờ báo đã thất lạc. Chỉ còn nhớ  
được bài thơ của tôi.

Quê tôi

Quê tôi đó một làng duyên hải  
Bờ cát dài nối tiếp bãi dương xanh  
Ngoài khơi xa là biển rộng mênh mông  
Từng đoàn thuyền sớm chiều lướt sóng

Dân quê tôi vốn yêu đời lao động  
Cánh tay trần vật lộn với phong ba  
Vòng ngực căng như một mảnh buồm già  
Lộng gió lớn từ ngàn xa thổi lại

Đã từ lâu sống nhờ vào bờ bãi  
Nên dân làng tha thiết mến quê hương  
Nhưng giặc về gây tang tóc, đau thương  
Sống thồn thức đưa người thân biệt xứ

Giải khăn xô quấn quanh đầu thiếu phụ  
Trẻ nhà ai thơ thẩn trước mộ cha  
Tắm thân gầy vàng vọt, tuyết sương pha  
Đời đã mất những tháng ngày vui cũ

Hàng dương biếc như gọi buồn, ủ rũ  
Nhân nghĩa chừ vất vưởng xó rừng xa  
Đau đớn sao mắt nhòa lệ mẹ già  
Mòn mỗi đợi đứa con ngoài ngàn dặm

Quê tôi đó ai nghe chẳng tiếng sấm  
Trong đêm dài tăm tối gọi bình minh  
Hỡi những người cùng đau khổ, điều linh!

Thế Suong – Nguyệt san Tự Do 9/1986

Bài này được gửi đăng lại trên Đặc san Liên Hội Người Việt Canada năm 1989 với bút hiệu Vũ Thế Suong. Đến năm 2017, tôi viết lại sáu câu thơ cuối cho cập nhật với tình hình quê tôi, rồi đăng lên mạng với bút hiệu Trần Đức Phổ.

Galang thuở ấy là nơi đông đảo đồng bào Việt Nam tứ xứ chạy nạn cộng sản quy tụ về. Hòn đảo này giống như một làng xã thu nhỏ của người Việt, gồm đủ các thành phần xã hội sinh sống nên không tránh được sự phức tạp. Có rất nhiều người lương thiện, nhưng cũng có lắm kẻ bất lương. Có thể có cả những tay cộng sản nằm vùng, trá hình là thuyền nhân. Thành phần trộm cắp, đĩ điếm cũng không hề thiếu. Và dĩ nhiên đầy rẫy các tay anh chị đầy máu mặt.

Lúc tôi ở đảo đã từng nghe thấy mẩu chuyện ly kỳ, nhiều kịch tính như phim Hongkong về một vị hảo hán chuyên hành nghề phi pháp. Hùng Thọ là một ông trùm tổ chức đánh bạc, cá độ và buôn bán rượu lậu trên đảo. Một lần bị bọn cảnh sát Nam Dương bắt vì hành vi phạm pháp. Bọn chúng vòi tiền anh không được nên cho anh ăn no đòn. Sau khi được tha về, vừa bình phục anh này đã tìm cách trả thù. Anh cho đàn em theo dõi và tìm hiểu sinh hoạt của tụi cảnh sát trên đảo. Biết được một tên hạ sĩ quan cặp bồ với một cô gái Việt. Tội nào hấn cũng từ đòn một mình lái mô-tô vào Galang II. Sau khi theo dõi nhiều ngày, anh liền cho đàn em mai phục trong một cánh rừng ở đoạn đường vắng. Xảo tới hôm đó như thường lệ, anh chàng hạ sĩ lái xe vào gặp người tình. Lúc qua đoạn đường rừng, bỗng thấy xuất hiện hai cô gái chặn xe xin sửa giùm chiếc xe đạp bị tuột xích. Anh kia dừng xe, loay hoay gắn sợi xích giúp hai cô. Bỗng đâu một cái bao tải vung lên trùm kín đầu anh ta. Chưa kịp phản ứng, hấn đã bị ba bốn anh thanh

niên từ đâu ủa tới lồi vào trong rừng. Bọn chúng đập cho hấn một trận toi bời, sau đó trốn biệt. Anh nọ bấy giờ mới hoàn hồn, lóp ngóp bò ra đường, quay trở về đồn. Suốt đêm đó và cả ngày hôm sau tụi cảnh sát Nam Dương lùng sục tất cả các Zone để tìm bắt cho được bọn Hùng Thọ. Nhóm này lẫn trốn vào trong rừng ven bờ biển. Đàn em giả dạng đi đánh ca tiếp tế lương thực cho ăn. Về sau không rõ như thế nào.

# CHƯƠNG 23

## Lên đường định cư



C uộc sống ở trại tị nạn rất nghiệt ngã, nhất là đối với những người trẻ tuổi độc thân không có thân nhân ở nước ngoài để hỗ trợ về mặt tinh thần cũng như vật chất. Do đó không ít người tuyệt vọng, nghĩ quẩn làm những điều dại dột.

Ngay tại ngã rẽ con đường đi vào Zone D, chỗ cây cỏ thụ, có một cái miếu nhỏ thờ Hai cô gái xấu số. Theo lời người trên đảo kể lại, ngôi miếu này có khá lâu. Câu chuyện của Hai chị em thật bi thảm. Lúc vượt biên bị hải tặc cưỡng bức; lên đảo không có thân nhân ở nước ngoài, lại bị phái đoàn từ chối cho tái định cư nên cả hai phần uất tị vẫn tại nơi cảnh cây cỏ

thụ ấy. Đồng bào trên đảo rĩ tai nhau là ngôi miếu rất linh thiêng. Nhiều người đi ngang qua đây ban đêm đều tỏ ra kiêng dè, sợ hãi. Tuy hai cô không có thân nhân, nhưng đồng bào bị nạn trên đảo vì thương xót cảnh ngộ, và muốn cầu xin các cô phù hộ sớm được đi định cư nên đến thấp nhang cúng bái thường xuyên. Tôi theo đạo thờ cúng ông bà. Nhưng lên đảo, bạn bè rủ đi chùa, đi nhà thờ, hoặc đi thánh thất tôi đều không từ chối. Tôi cũng đã cùng bạn bè đến thấp hương ở Miếu Hai Cô cầu mong được sớm rời đảo.

Một câu chuyện khác cũng có nhiều người biết đến. Đó là chuyện hai anh em thủy thủ nhà kia nửa đêm đột nhập bến tàu. Họ tìm đúng chiếc tàu cá của họ, nổ máy chạy ra biển tìm đường hồi hương. Họ chở người vượt biển. Lúc cho đổ người vào đảo vắng thì bị hải quân Nam Dương bắt. Cả đoàn thủy thủ được đưa về đảo Galang cho bị nạn. Hai anh em chủ tàu không muốn ở lại vì nhớ vợ, nhớ con. Trình độ văn hóa thấp, học tiếng anh không vào, lại thêm không có thân nhân nước ngoài, nên họ nản chí quyết làm liều một phen. Hai anh em tẩu thoát được vài tiếng đồng hồ thì bị hải quân rượt theo bắt lại. Cả hai bị giam cầm trên đảo. Chiếc tàu bị tháo máy làm sắt vụn.

Chuyện không như ý ở đảo chắc còn rất nhiều người gặp phải. Riêng tôi vì chơi bạn không chọn lựa nên cũng vướng vào cảnh lao tù. Phòng tôi ở có ba người. Kim và tôi không có thân nhân nước ngoài nên chịu khó học Anh văn và làm thiện nguyện để mong sớm được tái định cư. Huệ có một người anh trai ở Mỹ bảo lãnh, nhưng giấy tờ trục trặc sao đó mà hơn hai năm vẫn chưa được đi. Thịnh thoảng anh trai nó gửi sang một ít tiền để nó tiêu xài.

Một buổi chiều, nấu cơm xong không có gì ăn, thấy vậy, thằng Huệ mới rủ thằng Kim và thằng Lý ra siêu thị của

bọn Nam Dương nua thịt hộp. Tôi ở nhà ngồi không một mình cũng buồn nên đứng dậy cùng đi với bọn chúng. Thăng Huệ khuyên tôi:

- Anh Thư ở nhà đi, đi làm chi cho đông!

Thăng Kim nói xen vào:

- Đông vui mà!

Thế là tôi cùng đi với bọn chúng ra một siêu thị cạnh con đường trục của đảo. Tại cửa siêu thị, thăng Huệ bảo tôi:

- Anh Thư cứ đứng ngoài này, để bọn tui vào trong.

Nghe lời hấn, tôi đứng lại ngoài cửa. Siêu thị này ở trên một quả đồi thấp, ngay tại một khúc cua của con đường lớn trên đảo. Đứng ở vị trí này mà ngắm nhìn cảnh quang một góc của Galang II thì quá tuyệt. Con đường đường rải nhựa nhựa đen tuyền uốn khúc, nằm vắt ngang qua sườn đồi đất đỏ. Xéo về phía trái, bên kia đường là dãy chợ của người Việt Nam. Đối diện với dãy lều chợ là quán cà phê. Tiếng nhạc bolero từ đó vọng sang réo rắt. Người ra vào đông đúc. Phóng tầm mắt xa hơn bắt gặp những mái tôn xỉn màu của dãy barracks Zone A. Xa hơn chút nữa là rừng cây xanh rì, ngập trong ánh nắng chiều tà. Hai tay thọc túi quần, tôi đưa mắt thưởng ngoạn phong cảnh nên thơ trước mặt lúc sắp hoàng hôn. Cảm giác thật là thư thái. Chừng mười lăm phút sau, ba đứa trở ra, tay thăng Huệ xách một cái túi ny lông, bên trong có hai hộp thịt. Ba đứa nói cười vui vẻ. Cả bọn kéo nhau ra về.

Tối hôm đó đang ngủ, nửa đêm bỗng có tiếng gõ cửa. Thăng Kim ngồi dậy mở cánh cửa gỗ. Tôi vẫn nằm trong mùng nhưng đã thức. Một vệt đèn pin quét vào mặt tôi. Có tiếng quát to:

- Tất cả ngồi dậy, và đi ra khỏi phòng!

- Các anh là...? – Thăng Kim lí nhí hỏi giọng ngái ngủ.

- Nhân viên phòng trật tự.

Tôi và thằng Kim bước xuống cầu thang gỗ. Tối nay không thấy có thằng Huệ ngủ ở nhà. Hai người trên phòng cũng bước xuống theo. Sau đó họ lên gõ cửa phòng thằng Lý. Lát sau thằng Lý cũng theo bọn họ xuống cầu thang đứng cạnh bên hai đứa tôi. Trời đêm, sương giá, ánh đèn nơi đầu dãy barraxks vàng vọt. Tôi xoa xoa hai tay vào mặt, xuýt xoa.

Bốn gã nhân viên dẫn ba chúng tôi về phòng trật tự. Mỗi đứa tôi bị đưa vào một căn phòng tối om. Sau khi tôi bước vào phòng, một anh nhân viên liền đứng chặn ngay cửa. Chập sau có thêm hai nhân viên khác đến. Họ mang theo cây đèn hột vịt, cái bàn con, mấy tờ giấy và cây bút máy. Đặt cái bàn xuống cạnh cửa ra vào, để giấy bút và cái đèn trên mặt bàn. Xong, một tên bước ra ngoài còn một tên ở lại. Anh nhân viên mới tới xách đến cho tôi chiếc ghế đầu và ra lệnh:

- Ngồi xuống đó viết bản tự khai đi!

Tôi thật sự chẳng hiểu điều gì đã xảy ra nên nhìn anh ta ngập ngừng hỏi dò :

- Tôi... phải khai... chuyện gì bây giờ?

- Chiều nay mày đã làm gì thì khai nấy!

Tôi không biết anh ta nói về vấn đề gì, nên không cầm bút lên. Chợt tôi nghe phòng bên cạnh tiếng thằng Lý bật khóc hu hu. Tôi giật mình, nghĩ bụng chắc là thằng Lý bị đánh hội đồng rồi! Cơ thể nó khỏe và rắn chắc thế mà chịu đòn không nổi huống hồ là tôi! Cái cảnh bị đánh hội đồng tôi đã từng chứng kiến một lần lúc còn ở doanh trại bộ đội. Tiếng khóc đầy đau đớn của thằng Lý đầy đau đớn chẳng khác gì tiếng khóc của thằng Phong thuở đó. Tôi cầm lấy cây bút rồi viết in hoa ba chữ “Bản tự Khai”. Phía dưới ghi đầy đủ họ tên, và ngày tháng năm sinh, cùng địa chỉ barrack. Viết xong những thứ đó, tôi không biết viết gì thêm nữa. Anh kia nhìn tôi không kìm được tức giận hét:

- Mày có chịu viết không?

Tôi đáp:

- Tôi không biết viết... – Tôi chưa nói hết câu, thằng kia đã xấn tới ra đòn đâm tới tấp vào người tôi. Tôi xiểng niêng, bật ngửa người ra sau suýt té, miệng la lên oai oái. Tên nhân viên trật tự chỉ muốn đánh cảnh cáo tôi nên đâm mấy cái rồi ngừng lại, trừng mắt hăm he:

- Khôn hồn thì khai ra!

Lúc đó đầu óc tôi nghĩ: Ước gì mình có công phu như Lý Tiểu Long hoặc Jackie Chan để đập cho thằng này một trận. Buồn thay, đó chỉ là ao ước! Biết mình thân yếu thể cô, tôi nói với nó như van xin:

- Thật tình em không biết gì cả. Anh cứ nói đại khái chuyện gì đã xảy ra để em theo đó mà viết.

Thằng kia còn đang lưỡng lự thì hai thằng khác đến. Tôi nghe chúng nói nhỏ với nhau đại khái là thằng Lý đã khai rồi. Một thằng đến gần, nhìn vào tờ giấy của tôi, rồi nói:

- Chiều qua, mấy đũa mỳ đến siêu thị ăn cắp đồ như thế nào thằng Huệ đã khai hết rồi. Mỳ đứng canh ở cửa còn mấy thằng kia vào lấy phải không?

Thì ra là thế! Thật tình tôi không phải được thằng Huệ phân công gác cửa, cũng không biết bọn nó đi ăn cắp ở siêu thị. Tôi sắp được đi định cư Canada đâu có ngu gì làm chuyện xấu xa đại dột như thế? Ngộ nhờ bị báo cáo lên Cao ủy thì sao? Nhưng cãi lại thì chỉ ăn no đòn. Đến nước này tôi đành tìm cách dựa theo lời nói của thằng kia và thêm mắm thêm muối vào cho xong bản “*khẩu cung*”. Tôi viết một mạch nội dung y chang lời mớm cung. Xong xuôi, đề ngày tháng và ký tên. Bọn chúng cầm xem có vẻ vừa ý. Sau đó, hai tên nhân viên dẫn tôi tới một dãy phòng có chấn song sắt và tống tôi vào căn ngoài cùng. Chúng khóa cửa lại rồi bỏ đi. Từ phòng bên cạnh thằng Lý đứng bên cửa song sắt hỏi tôi:

- Anh khai sao?

Tôi gất:

- Tôi có biết gì đâu mà khai!
- Rồi nó có đánh anh không?
- Có!

Thằng Lý cười hì hì, khuyên tôi:

- Lần sau, chúng kêu anh lên bảo làm gì thì cứ làm theo cho khỏi bị đòn!

Một giờ chiều hôm sau, nhân viên trật tự xuống mở cửa nhà tù dẫn tôi lên văn phòng làm việc của Ban Trật tự Galang II. Căn phòng không có ai cả. Anh ta chỉ cho tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu đặt trước một cái bàn làm việc bỏ trống. Trên bàn có mấy cuốn sách được xếp chồng lên nhau ngay ngắn. Tôi ngồi một lát thì có một người đàn ông từ cửa bước vào, đi vòng qua tôi, đến ngồi phía bên kia chiếc bàn. Tôi lén lén nhìn xem thử ông ta là người như thế nào. Trông đáng vẻ bề ngoài ông này hơi thấp, gầy. Tuổi tác đâu khoảng chừng ngũ tuần. Trên người mặc chiếc áo sơ mi màu đen, cộc tay. Nước da ngăm ngăm. Khuôn mặt xương, lộ rõ cặp lông mày quyền cao. Trông ông ta khỏe mạnh rắn rỏi, và nghiêm nghị. Đôi mắt sáng quắc dễ làm người khác run sợ khi nhìn thẳng vào. Chưa ngồi xuống cái ghế dựa, ông đã nói to:

- Bây giờ không còn là cái thời cho nhà văn, nhà thơ vào sống trong tù để lấy tài liệu sáng tác như Duyên Anh đâu nhé! Đừng nên bắt chước làm chuyện sai đột!

Nghe ông ta nói, tôi muốn phì cười vì ý nghĩ ngộ nghĩnh của ông cho rằng bọn chúng tôi vào tù để tìm cảm hứng về du đảng như tác giả *Điều Ru Nước Mắt*. Nhưng nhìn vẻ mặt chẳng có chút gì là pha trò của ông, tôi không dám cười! Ông ta ngồi xuống ghế rồi nói tiếp:

- Nghe họa sĩ Vị Ý nói anh cũng biết làm thơ, sao lại đi làm cái việc đáng xấu hổ kia?

Tôi bị xỉ nhục, hơi nóng mặt, đáp rành mạch:

- Thừa chú, tôi bị oan!

Ông ta hừ một tiếng, nhìn xoáy vào tôi:

- Anh viết bản khai cung rành rành còn oan nỗi gì?

- Thừa chú... cháu viết theo lời các anh nhân viên trật tự nói lại; chứ cháu không biết gì về chuyện thằng Huệ ăn cắp mấy hộp thịt.

Người đàn ông dường như bực mình vỗ vỗ lên mặt bàn, giọng ông ta sắc lạnh:

- Anh bảo anh bị ép cung à?

- Dạ! Cháu sợ bị đánh!

- Vậy anh có muốn xé tờ khẩu cung của mình không?

Mấy ý nghĩ lướt nhanh qua đầu tôi. Có phải ông này lừa mình xé tờ khai để buộc thêm tội không? Nhưng nếu mình xé nó đi sẽ chẳng còn chứng cứ buộc tội? Lưỡng lự một chút tôi đáp đầy vẻ thận trọng:

- Cháu đâu dám xé khẩu cung trước mặt chú!

- A! ... Anh này ngộ nhờ! Bảo anh nhận tội, anh nói bị ép cung. Bảo anh xé tờ khai anh không xé. Tôi phải xử anh như thế nào đây?

Chộp ngay cơ hội để minh oan, tôi nói liền:

- Cháu không dám xé tờ khai. Nhưng nếu chú cho cháu đối chất với thằng Huệ và những đứa khác thì rõ mọi việc!

Người đàn ông ngửa lưng ra chiếc ghế dựa, nhìn tôi chăm chú một lát rồi nói.

- Tôi là trưởng phòng trật tự Galang II, đã từng làm thiếu tá cảnh sát Đô thành nên ai oan ai không tôi nhìn qua đã biết. Vụ này tôi xử, nếu đưa các anh cho tụi Nam Dương, chắc chắn các anh bị no đòn.

- Dạ... mọi chuyện nhờ chú giúp cho.

- Thôi! Khỏi đối chất đối chiết gì hết! Anh cứ về nhà.

Có gì tôi sẽ gọi lên nói chuyện sau.

- Cháu cảm ơn chú!

Tôi bước ra khỏi căn phòng ngột ngạt kia. Ánh nắng chiều vàng ươm lấp lánh trên con đường trải nhựa. Tôi ngửi bụng phải cảm ơn họa sĩ Vị Ý. Chắc có lẽ chú ấy đã đến nói chuyện với ông trưởng phòng nên tôi mới được ra tù sớm thế. Một ngày tù nghìn thu ở ngoài. Cái cảm giác tự do lâng lâng trong tôi.

Về đến barrack, tôi gặp một người đàn ông hàng xóm. Ông ta hỏi tôi:

- Anh ở Phòng trật tự về à?

- Sao chú biết?

- Sáng nay loa phóng thanh réo tên mấy đứa bậy om sòm! Cả Galang II ai mà không biết!

- Họ nói gì?

- Ăn cắp vặt ở siêu thị.

Tôi xấu hổ muốn độn thổ.

- Có bị đánh không?

Tôi gật gật đầu.

- Anh nên làm đơn khiếu nại lên Cao ủy. Cho dù bọn anh có sai thì họ cũng không được quyền đánh đập các anh.

- Thôi chú ơi, được vạ thì má đã sung! Thêm một chuyện chi bằng bớt một chuyện. Hơn nữa tôi cũng sắp đi định cư rồi! Không muốn thêm phiền toái!

Nghe tôi nói vậy, ông ta không nói gì, khoát tay, bỏ đi.

Gần tối thì thằng Kim và thằng Lý cũng về đến. Còn thằng Huệ hai hôm sau mới được thả ra. Gặp tôi, nó cười cười xin lỗi. Tôi nói nửa đùa nửa thật:

- Nhờ Huệ tôi mới ném được mùi vị ở tù!

oOo

Một tháng sau, tôi có tên trong danh sách rời đảo đi định cư Canada. Bọn tôi không có tiền để mở party. Nhưng ngày tôi lên đường, Kim, Huệ, Lý và cô bạn gái của y cái bụng giờ đã nhô lên khá cao cũng ra cầu tàu đưa tiễn. Lúc tàu rời bến, tôi còn nghe tiếng chúng nó hét to:

- Đừng quên Galang!

- Đừng quên bọn mình!

Tôi không đáp lời, nhưng trong bụng thầm nghĩ: Làm sao quên được vùng đất đã cho mình chôn dung thân đầu tiên khi rời xa tổ quốc? Làm sao quên được cái cầu tàu đã đón đưa bao nhiêu bước chân người Việt Nam tị nạn? Hoặ những dãy barracks vách gỗ mái tôn là tổ ấm cho bao nhiêu lớp người mất quê hương? Rồi còn những chiếc dù đen, vật bất ly thân che nắng che mưa trên tay khách bộ hành ở đảo nữa chứ?

Làm sao quên được những người bạn chỉ sống chung một thời gian ngắn nhưng đã cùng chia ngọt, xẻ bùi, hoạn nạn có nhau? Làm sao quên được phút giây thất vọng, nản lòng khi bị phái đoàn từ chối? Hoặ niềm vui vỡ òa lúc nghe có tên gọi định cư trên loa phóng thanh?

Tôi sẽ mãi mãi nhớ về Galang!

Tôi sẽ luôn luôn nghĩ về các bạn!

Chiếc ca-nô rẽ nước chạy phẳng phẳng. Cách đây mười lăm tháng, tôi được đưa đến Galang. Khi đó bị nhốt trong căn hầm một chiếc xà lan đông đúc. Vài trăm người mặt mũi phờ phạc, ủ ê, dưới ánh sáng mờ mờ từ những ngọn đèn vàng vọt. Hôm nay tôi rời đảo trên một chiếc ca-nô xinh xắn cùng với hơn chục con người mặt mày hớn hỡ, tươi cười, trong một buổi sớm mai tràn ngập nắng hồng. Tôi quay lại nhìn Galang lần cuối. Chỉ còn thấy những dãy núi xanh uốn lượn như trường thành trên mặt biển bao la.

Phía trước mũi tàu tít tận chân trời là một vùng đất xa lạ đang đón chờ tôi. Quá khứ như những con sóng lượn nhấp nhô tiếp nối ùa về trong lòng. Niềm vui cùng với nỗi lo sợ đan xen vào nhau giống hệt cái ngày đầu tiên tôi cắp sách đến trường. Cũng nôn nao chờ đợi những điều mới lạ, cũng bơ vơ lạc lõng một thân một mình. Tâm trạng của chàng trai hai mươi ba tuổi đứng trước chân trời mới chẳng khác gì cậu bé đứng trước ông giáo già thuở nào. Biển rộng mênh mông, một màu xanh thăm thẳm. Thấp thoáng phía đường chân trời là đảo quốc Singapore, nơi chiếc tàu chúng tôi đang hướng tới.

**HẾT**



# THAY LỜI BẠT

Tôi được sinh ra vào mùa thu năm 1963. Gần cuối năm đó anh em ngài Tổng thống Ngô Đình Diệm Bị sát hại, miền Nam Việt Nam bước vào thời kỳ hỗn loạn. Tháng 11 năm 1965. những đơn vị thủy quân lục chiến của Hải quân Mỹ đổ bộ lên Mũi Ba Làng An (Cape Batangan) nay thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, cách cửa Mỹ Á quê hương tôi khoảng chừng 50 km đường thẳng, về hướng bắc. Chiến tranh bắt đầu leo thang. Theo lời người lớn tuổi ở quê kể lại thì vào những năm cuối cùng của thập niên 1960s làng quê tôi bị tàn phá nặng nề. Toàn xã không còn một mái nhà hoặc một bóng cây xanh nào. Hố bom nhan nhản. Đứng từ đầu xã có thể nhìn thấu đến tận cuối xã, không bị vướng tầm mắt. Dân làng bỏ chạy tứ tán. Người ra Đà Nẵng, kẻ vào Nha Trang, Sài Gòn... Gia đình tôi di tản vào Sa Huỳnh. Dù rằng ở đây cũng thuộc huyện Đức Phổ nhưng là “vùng quốc gia” nên không bị những trận càn quét như quê tôi. Nhưng rồi mùa hè năm 1972 khắp mọi nơi ở miền Nam thành bãi chiến trường. Cha tôi mất. Để bảo vệ mạng sống cho các con, mẹ tôi nuốt lệ di tản một lần nữa. Lần này đi xa hơn về phía nam, vào Nha Trang. Trong khi người lớn đau lòng phải lia xa xứ sở, trái lại tôi vui sướng vì được đi đến những miền đất mới. Với cái lứa tuổi lên chín lên mười của tôi lúc ấy thì càng đi xa đi nhiều nơi tôi lại càng thích thú. Cho mãi đến lúc vượt biên, phải sống ở nước người, điền

vào mẫu hồ sơ cá nhân chữ *stateless* tôi mới thấm thía được nỗi niềm của những kẻ mất quê hương.

Sau năm 1975, quê nhà không còn đạn bom nhưng lại lâm vào cảnh sống đói nghèo. Ngady đó cơm không có ăn, áo quần không đủ mặc. Một lần đi học, buổi tối ở trọ nhà người quen, tôi để quên đôi dép ngoài hè, sáng ra đã bị mất cắp. Thế là cả mấy tuần lễ liền tôi phải đi chân không đến trường. Bây giờ nghĩ lại tôi còn thấy ngượng.

Thời bao cấp, mỗi ngày làm hợp tác xã chỉ được chấm 10 công điểm. Ba, bốn tháng sau đến mùa thu hoạch, mười công điểm quy ra tương đương 7 lạng thóc! Vụ nào mất mùa thì chỉ còn 5 lạng. Vì nghèo khổ nên ngày ấy tôi rất chán đời, thích những bài thơ yếm thế, bi quan của Vũ Hoàng Chương, của Chế Lan Viên như:

*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ  
Một đôi người u uất nổi chơ vơ.  
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị,  
Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ.*  
(Phương Xa – Vũ Hoàng Chương)

Hay:  
*Tôi có chờ đâu có đợi đâu  
Dem chi xuân lại gọi thêm sầu?  
- Với tôi, tất cả như vô nghĩa  
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!*  
(Xuân – Chế Lan Viên)

Bởi thế mới mười sáu, mười bảy tuổi đầu tôi đã viết những vần thơ đầy chua chát, giễu cợt như sau:

## Cảnh Nghèo

Gạo hết tiền không cảm cảnh nghèo

Bếp tro lạnh ngắt chiếc niêu treo

Cầm bầu nước lã tu ừng ực

Ngậm điều thuốc lào rít xẻo xẻo

Quá bữa đem cờ toan nghĩ nước

Hết ngày cấp chiếu đắp nằm queo

Con gì meo meo trêu ta đó

Ngơ ngẩn nghĩ ra đây chú mèo!

1980

Chiến tranh, bom đạn, chết chóc... không ai bỏ nước ra đi, nhưng hòa bình người người rời bỏ quê cha đất tổ. Kẻ thắng cuộc mĩa mai họ ra đi vì cơm thừa sữa cận của ngoại bang. Tôi thì nghĩ có thực mới vực được đạo. Để bụng đói mà cứ hô hào tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì có ma cũng chẳng dám theo. Trong khi cuộc sống quá khốn khổ mà còn bị tước đi nhiều thứ quyền lợi căn bản thì không ai muốn sống ở nơi đó là điều dễ hiểu. Tôi thật thà thú nhận rằng tôi ra đi vì kế sinh nhai. Và tôi cũng ra đi vì đã mất quyền công dân trên quê hương mình. Ở đâu cũng phải làm việc cật lực, vất vả mới có thể thoát nghèo được. Không có nơi nào cho mình miễn phí thứ mình cần. Muốn có Tự do cũng vậy, thuyền nhân đã phải đánh đổi bằng thứ quý giá nhất của mình là sinh mạng và luôn cả gia đình.

Tôi trải lòng mình qua tập tự truyện này không ngoài mục đích nhằm để cảm ơn bậc sinh thành đã dưỡng nuôi tôi; những người thân thuộc, bà con, bạn bè, và cả những người xa lạ gặp nhau phút chốc trên đường cũng đã cuu mang, giúp đỡ tôi. Cảm ơn những vùng đất yêu thương đã cho tôi nguồn sống, chôn dung thân trong kiếp này.

Đã là con người dĩ nhiên phải có những thăng trầm biến động. Tôi không hề tự hào, hoặc ly kỳ, hoặc bi kịch hóa về những biến động trong *quãng đời sau lưng* tôi. Cuốn sách này chỉ là những ghi chép vụn vặt nhưng trung thực những gì tôi đã nếm trải, những gì đã thấy, đã nghe. Hẳn nhiên, với một kẻ không ở một vị trí quan trọng và cũng chẳng có vốn kiến thức sâu rộng như tôi thì những điều được kể chỉ là góc nhỏ trong một bức tranh vĩ đại. Dù sao đi nữa đó cũng là cái góc tôi đã sống, cảm nhận và yêu thương.

Năm hai mươi tuổi tôi đi lính. Đại đội trưởng huấn luyện tại quân trường Phù Cát là một người có phong thái rất nghệ sĩ. Trong một lần cùng nhậu với đám tân binh, có người hỏi ông, cuộc đời là gì. Ông không cần suy nghĩ mà trả lời ngay:

- Cuộc đời là những chuỗi hít thở. Chúng mày muốn sống tốt thì phải biết hít thở cho sâu vào!

Chẳng biết đám tân binh có hiểu ý thủ trưởng nói gì không, nhưng đứa nào cũng cười xòa vui vẻ.

Năm nay tôi đã sáu chục tuổi đời, nghiệm ra rằng lời ông ấy nói cũng có phần chí lý. Sống mà cứ thở gấp như người chạy điền kinh là một tai họa. Thở sâu thư giãn, điềm tĩnh trước mọi biến cố mới cho ta một cuộc đời tự tại.

Những trang hồi ký này ra đời không nhằm mục đích gì khác ngoài việc giúp cho chính tác giả thực hành thói quen thở sâu để vui hưởng đời người.

*London, August 12, 2022*

Trần Đức Phở



Nhà xuất bản:  
**Tranducpho 2022**



Liên lạc:  
Email [ducphot946@gmail.com](mailto:ducphot946@gmail.com)

“MỖI CON NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI NÀY ĐỀU KHÔNG THỂ TỰ CHỌN CHO MÌNH MỘT NƠI SINH RA. NHƯNG BẤT CỨ AI CŨNG CÓ THỂ CHỌN CHO MÌNH MỘT NƠI ĐỂ SỐNG VÀ ĐỂ MƯƠU CẦU HẠNH PHÚC. QUÊ HƯƠNG KHÔNG NHẤT THIẾT PHẢI LÀ NƠI CHÔN NHAU CẮT RỐN. QUÊ HƯƠNG CÒN LÀ NƠI SẴN LÒNG BAO DUNG CHO CHÚNG TA AN CỨ LẠC NGHIỆP. KHÔNG PHẢI NGẪU NHIÊN MÀ CÁI THỜI ĐI VƯỢT BIÊN NGƯỜI TA THƯỜNG DÙNG MẬT NGỮ “VỀ QUÊ” ĐỂ ÁM CHỈ NHỮNG CHUYẾN VƯỢT BIÊN. TỪ QUÊ Ở ĐÂY DĨ NHIÊN ĐỂ ÁM THỊ CHO MỘT QUÊ HƯƠNG MỚI. CHO DÙ LÀ VẬY, NHƯNG VỚI TẤT CẢ NHỮNG AI VÌ BẤT CỨ LÝ DO GÌ PHẢI RỜI BỎ CỐ HƯƠNG CŨNG ĐỀU ĐAU ĐÁU MUỐN VỀ THĂM. DƯỠNG NHƯ CÓ MỘT SỢI DÂY VÔ HÌNH THIÊN LIÊNG CỘT CHẶT LÒNG NGƯỜI RA ĐI VÀ MẢNH ĐẤT QUÊ NHÀ. CON NGƯỜI LÀ LOÀI ĐỘNG VẬT ƯA THÍCH QUẦN CƯ, ĐỊNH CƯ. CHÚNG TA DI CƯ CŨNG CHỈ VÌ MỘT NGUYÊN NHÂN CHÍNH, ĐÓ LÀ NHẪM MỤC ĐÍCH ĐỂ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN Nòi GIỐNG. NƠI NÀO ĐẤT LÀNH NƠI ĐÓ CHIM ĐẬU, ĐIỀU NÀY KHÔNG CẦN BÀN CẢI, DĨ NHIÊN CÂY CÓ CỘI, NƯỚC CÓ NGUỒN. CON NGƯỜI MỘT KHI ĐÃ ĐƯỢC SỐNG YÊN ỔN RỒI SẼ KHÔNG BAO GIỜ QUÊN NGUỒN GỐC, QUÊ HƯƠNG XỨ SỞ CỦA MÌNH. CÀNG LỚN TUỔI THÌ NỖI NIỀM NHỚ CỐ HƯƠNG, NỖI THƯƠNG ỚN Càng Mạnh Hơn.”

ANH NAM, NGỰA HỒ HÍ GIÓ BẮC.S.”

